

NGÔ VĂN PHỦ

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

TRUYỆN LỊCH SỬ

Thời Lê - Tây Sơn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

TRUYỆN LỊCH SỬ

Thời Lê - Tây Sơn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

TRUYỀN
Danh nhân
Việt Nam

NGÔ VĂN PHÚ

TRUYỀN
Danh nhân
Việt Nam

* Thời Lê - Tây Sơn

(Truyện lịch sử)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

THỜI
Lê

Thành hoàng họ Phạm

Phạm Khiêm Ích bước vào nhà đang thấy cha nuôi là Phạm Công Thiện tiếp Chánh tổng và lý trưởng các xã. Chánh tổng thưa với quan Nghè Phạm Công Thiện:

- Bẩm quan, dân tổng ta có người đồ Giải nguyên là một vinh dự lớn. Làng Bảo Thiện đây một nhà hai người giạt bằng vàng, không thể sơ suất được. Cho nên xin quan lớn cho phép chúng con cắm đất để hàng tổng dựng nhà cho quan tân khoa ạ!

Ông Nghè Phạm Công Thiện, là cha nuôi của Phạm Khiêm Ích nói:

- Tôi vừa là cha nuôi vừa là dượng⁽¹⁾ của ông Giải nguyên. Ông cử nhà tôi tính tình trầm tĩnh, nhà cửa được hàng tổng làm cho, quy mô kích thước thế nào, phải tùy Khiêm Ích thôi.

Lý trưởng Bảo Thiện hằng hái nói:

- Làng nào được phụ tử vinh quy như làng ta đây! Mà ông cử còn thi Hội, thi Đình nay mai nữa. Nhà cứ phải dựng cho ra nhẽ. Cột lim, xà, kẻ, các thứ, phải đàng hoàng... Phải đúng nhà năm gian, tràng, khoát cứ phải như công đường của quan, phủ quan huyện. Tổng ta phải làm nhà vinh quy cho quan Giải nguyên cho ra hồn để thiên hạ còn nhìn vào chứ?

Thấy Khiêm Ích, mọi người đều đứng dậy vái chào. Ích chào lại rồi từ tốn nói:

⁽¹⁾ Phạm Khiêm Ích vốn họ Nguyễn, sau được Tiến sĩ Phạm Công Thiện, làng Bảo Thiện vốn là dượng, chồng cô ruột, nuôi làm con nuôi nên đổi sang họ Phạm.

- Hàng tổng lo nhà vinh quy cho tôi, khiến tôi thật cảm động. Nhưng, tôi xin đa tạ. Trước hết, vườn tược, nhà cửa cha tôi đây cũng rộng đẹp, lấy thêm của hàng tổng một nếp nhà làm gì nữa. Ông Chánh tổng ông lý trưởng lại muốn cho thiên hạ biết sự trọng nhân tài của tổng mình, xã mình, tôi xin cảm tạ. Song nghĩ vừa đổ đạt đã để mọi người phải xây nhà cao cửa rộng cho mình, đó là một điều không nên. Huyện ta vừa xảy ra hạn hán, đồng điền thất thu, dân đang bạc mặt về lo tháng ba ngày tám, mà tôi lại làm nhà cao, cửa rộng, đó là hai điều không nên. Điều thứ ba, hàng tổng lại định làm nhà to ngang công đường quan phủ, quan huyện, khiến các vị sở tại mà biết, phật ý cho tôi là kẻ huênh hoang, coi thường họ, lại càng không nên.

Chánh tổng hỏi:

- Vậy quan Giải nguyên muốn dựng một thảo lưu chưởng, thế thì bề mặt chúng tôi quá!

Phạm Khiêm Ích nói:

- Lệ vua, lệ hàng tổng, lệ làng đáng lý Ích này phải vâng. Nhưng nguyện vọng của Ích là tấm lòng thành, mong các vị chiếu cố.

Chánh tổng và các ông lý cứ muốn xin dựng nhà vinh quy cho Giải nguyên Phạm Khiêm Ích, nhưng ông quyết chối từ cho bằng được, khiến họ phải buồn bã ra về...

Dân trong vùng nghe được chuyện này, cảm phục lắm. Có người còn nói:

- Mấy cái lão lý trưởng các làng và lão Chánh tổng nịnh cũng không xong. Thế mới biết ông cử Khiêm Ích quả là người chí lí. Người này mà ra làm quan thì dân chúng mới được nhờ!

Một lão nông nghe dân bàn chỉ tùm tùm cười khiến một thầy nho cau mày hỏi:

- Ông cười gì vậy?

- Các thầy biết một mà không biết hai. Các ông Chánh tổng lý trưởng hăng hái thế, là vì có làm nhà vinh quy thì họ mới có cái mà chăm chút chứ, nhà càng to thì túi họ càng đầy đấy!

Ông lão cười rất to, rồi vác cuốc đi xuống ruộng thăm lúa...

*

Phạm Khiêm Ích đỗ Thám hoa đình nguyên khoa Canh Dần năm Vĩnh Thịnh thứ sáu đời Vua Lê Dụ Tông, ông được Chúa Trịnh Giang rất tin dùng. Năm Canh Tý (1720), ông làm Tả thị lang bộ hình rồi thăng Hữu thị lang bộ Lại, tước Thuật Phương Hầu, vào phủ Chúa làm Bồi tụng. Năm Quý Mão, ông dẫn sứ bộ Đại Việt sang nhà Thanh mừng Vua Thế Tông lên ngôi (tức Ung Chính Hoàng đế). Sứ bộ tới Yên Kinh, được Vua ban yến. Khi vào ra mắt, dâng thư mừng của Đại Việt xong, ông dâng lên bài thơ mừng Hoàng đế nhà Thanh, lấy tên là "Nhật nguyệt hợp bích, ngũ tinh liên châu". Hoàng đế thấy lạ, ban lời hỏi quan Thám hoa Phạm Khiêm Ích:

- Khanh lấy đầu đề bài thơ đã hay rồi! Hãy thử bình lên ta nghe xem nào?

Phạm Khiêm Ích, bước lên một bước thưa rằng:

- Tâu Bệ hạ, nhật nguyệt hợp bích, ngũ tinh liên châu há chẳng là việc hiếm có ư? Khiêm Ích này cùng sứ bộ từ Đại Việt sang, mừng lễ lên ngôi của Hoàng đế Đại Thanh, vào dịp tết Thượng nguyên. Sách *Hán thư* chẳng từng nói: "Mồng một giáp tý, giữa đêm đông chí, đó là lúc nhật nguyệt hợp bích, nghĩa là vũ trụ đang khi vận hội, mặt trăng mặt trời như hai ngọc bích hợp làm một, cũng là lúc ngũ tinh liên châu nghĩa là lúc năm sao: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cùng mọc một phương nối liền nhau. Bài thơ mừng Hoàng đế của thần chính từ ý nghĩa đó.

Các đại thần nhà Thanh ngạc nhiên, trầm trở về sự uyên bác của sứ Việt.

Vua Thanh rất vui nói:

- Sứ thần nước Việt có tài văn chương, thật không hổ lãnh trách nhiệm hoàng hoa (đi sứ). Khanh đọc bài thơ lên cho các quan và Trẫm cùng nghe.

Phạm Khiêm Ích ngửa mặt nhìn lên, cất tiếng rất vang, đọc:

**Nhật nguyệt hợp bích,
Ngũ tinh liên châu⁽¹⁾**

*Vũ trụ vẫn xoay âm gọi dương
Khí hoà xuân hạ, nối thu đông
Ngũ tinh một giải liền năm vẻ,
Nhật nguyệt hai vầng hợp một vòng.
Văn thái rõ ràng đời Thuấn trị,
Võ công hiển hách thuở Nghiêu phong.
Thần châu một cõi no hoà, đạo,
Bốn biển âu ca khúc đại đồng.*

Vua Thanh khen lắm, lấy bút son phê vào bên cạnh bài thơ: "Tâm sáng, lòng thanh, thiên tư đáng quý!". Mấy hôm sau lại được Hoàng đế mời vào cung Càn Thanh chuyện trò, thăm hỏi ân cần, lúc về lại ban cho một tấm lụa quý.

Khi sứ bộ về nước, ông chỉ tâu việc, không nói gì về chuyện dâng thơ cả.

Song Chúa Trịnh Giang cũng là người thích văn chương, các viên phó sứ có thưa lại chuyện Phạm Khiêm Ích đã khiến các khanh tướng và Hoàng đế nhà Thanh mến phục, tiếng tăm chẳng kém gì Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan đi sứ bữa trước. Chúa Trịnh Giang sau buổi làm việc ở Phủ Bồi tụng liền hỏi:

- Khanh có chuyện dâng thơ lên Hoàng đế Ung Chính sao không nói?

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán.

- Khải Chúa, nếu thần nói thì hoá ra khoe công với Chúa hay sao? Dâng lời mừng của Hoàng đế và của Chúa lên Vua Thanh Thế Tông là việc chính, nên thần chỉ nói về việc ấy thôi.

Trịnh Giang nói:

- Ta đã đọc bài thơ của khanh rồi! Sao, khanh chỉ khen trời đất vua nước người mà không mừng trời đất, vua chúa nước ta...

Phạm Khiêm Ích nghe toát mồ hôi, song nhanh ý, trả lời được ngay, mỉm cười khoan thai nói:

- Khải Chúa, ca ngợi đất trời vua chúa Đại Việt thần đã nói trước cả bài *Nhật nguyệt hợp bích, Ngũ tinh liên châu* rồi!

- Đó là bài nào vậy, ta chưa nghe bao giờ!

- Khải Chúa, đó chính là bài ca "Năm được mùa to" thần đã làm ở khoa thi Đông Các mà Chúa thân ra đầu đề đó ạ!

Trịnh Giang nghĩ ra, gật gật đầu rồi nói:

- Phải, phải! Nhưng khanh thử đọc lại một đoạn ta nghe xem nào?

Phạm Khiêm Ích hắng giọng rồi đọc:

"... Kính nghĩ, đức vua, nhà chúa ta:

Tư chất bẩm sinh trung chính và mạnh như quẻ Kiển, vào lúc vận hội thanh bình như quẻ Thái. Điểm lành ứng vào năm được mùa! Trẻ hát vang ngõ, già vịnh ngâm đầy đường...

(Bạc bề trên) lại thể theo ý tốt, kính sợ mệnh trời mới sai làm bài ca về các công việc vừa làm. Lời ca rằng:

Khó mà làm cho Trời tin mà Trời vẫn soi xét.

Vua chúa có đức tốt, mới hợp với lòng Trời

Nên nhân chính ban ra khác nào:

Vua Thuấn hoà dân

Vua Thang mở lối.

Đức tốt tiếng hay khắp nơi, như mưa tuôn, như mây chạy.

Nhân chính như trời che khắp,

Đức ban ra người nào cũng hiểu, nhà nào cũng nhuần".

Chúa Trịnh Giang nghe xong, không nói gì cả, mấy hôm sau Phạm Khiêm Ích được thăng Bồi Tụng, Tả thị lang, tước Thuật Quận công...

*

Khi Trịnh Giang cho Lê Anh Tuấn, Thượng thư bộ Hộ, Tham tụng Điện Quận công ra làm Đốc trấn hai trấn Lạng Sơn và Thái Nguyên, sau đó lại giáng Thái bảo, Tham tụng, Sóc Quận công Nguyễn Công Hãng làm Thừa chính sứ Tuyên Quang; trong khi đó, Chúa quá tin dùng Hiệp Quận công Hoàng Công Phụ, thì triều đình bắt đầu nghi ngại. Các bậc Tham tụng (Tể tướng) như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, hoặc Nông Quận công Nguyễn Hiệu, Phấn Quận công Trịnh Nhưng, đều là những đại thần có công, hoặc từng thờ Chúa Trịnh Cương, cha của Trịnh Giang. Khi Trịnh Giang lên làm chúa vẫn tin dùng họ. Nhưng từ khi Hiệp Quận công Hoàng Công Phụ khéo hâu hạ Chúa, thì Trịnh Giang thường chỉ nghe Phụ và nghi kỵ các đại thần vốn nổi tiếng về văn trị, võ công trước Hoàng Công Phụ. Phụ rất xảo quyệt, biết chiều chuộng, lựa ý, Chúa thích thứ gì làm gấp đôi gấp ba để được lòng. Có lúc ghét người, vẫn nói vun vào khi Chúa hỏi ý, nhưng khi họ có lỗi, Phụ lập tức mượn cơ hội, để đẩy họ ra ngoài biên ải, rồi sau đó tìm cách hãm hại. Tháng 11 năm Nhâm Tý (1732) Chúa bắt Sóc Quận công phải chết. Hãng có tài, giúp rập Trịnh Vương, rất được tin dùng, đảm đương việc nước, đem hết tài sức để cống hiến. Hoàng Công Phụ cùng vây cánh, khi luận tội Hãng, vu cho là táng mộ cha vào đất chín rồng, lập sơn trang, chiêu mộ binh sĩ để làm loạn. Đến năm Giáp Dần (1734), nhân việc Chúa tu bổ chùa Quỳnh Lâm khá tốn kém, Tham tụng (Tể tướng) Nguyễn Hiệu, dâng lời can, Chúa bực mình bèn miễn chức Tham tụng,

giáng làm Thượng thư bộ Hình, giao việc làm chùa cho Hoàng Công Phụ. Cũng năm ấy, Phụ ỏn thót, Chúa lại giết Đốc trấn Lạng Sơn là Lê Anh Tuấn. Tuấn nổi tiếng văn chương, tính trầm lặng kín đáo, trước cùng làm tướng với Nguyễn Công Hãng. Phụ tâu với Chúa là Tuấn âm mưu cùng Trịnh Nhung, Đỗ Bá Phẩm mưu thay đổi ngôi Chúa, do đó Trịnh Giang ghét, giết bỏ. Có người nói với Phạm Khiêm Ích, lúc đó thay Lê Anh Tuấn làm Tham tụng:

- Tham tụng trong phủ Chúa, rút cục chỉ còn Hiệp Quận công Hoàng Công Phụ thôi.

Ích trầm tĩnh nói:

- Người chính trực bao giờ cũng là người chính trực. Tôi chỉ biết hết lòng vì nước, lo tròn chức trách, ngoài ra không có ham muốn gì!

Mấy hôm sau Ích dâng lên Chúa sách *Thẩm trị nhất lãm*, bàn về cách trị nước. Được Chúa Trịnh Giang khen thưởng bạc và gấm...

Khi Hoàng Công Phụ, ra vào phủ Chúa lấy Trịnh Tuệ đồ đầu khoa thi Đình, thì Phạm Khiêm Ích biết Phụ đang tạo thêm vây cánh, do đó đến năm Mậu Ngọ (1738) Phạm Khiêm Ích dâng thư lên xin từ chức Tham tụng, Chúa chấp nhận. Ích biết trước sau Phụ sẽ thao túng triều đình, nên rút trước, chỉ làm Lại bộ thượng thư.

Phụ vẫn chưa yên lòng nên tâu Chúa đưa Thượng thư bộ Lại Thiệu bảo Phạm Khiêm Ích ra làm Đốc phủ Thanh Hoa; Bồi tụng thượng thư bộ Hộ Lâm Quận công Cao Hy Trạc ra làm Đốc đồng. Triều đình ai cũng ngạc nhiên, biết là Phụ không để cho người tài giỏi hơn mình ở bên Chúa.

Có người đến chia tay, ngậm ngùi chia xẻ với Phạm Khiêm Ích, ông vẫn thản nhiên nói:

- Người hết lòng vì công việc thì ở đâu chẳng vui. Cảm ơn tấm lòng vì bạn của ông... Chắc là tôi và Lâm Quận công không phụ lòng uỷ thác của Chúa thượng.

Rồi vui vẻ đi nhậm chức. Được hai vị quan vốn là Tể tướng chúa phủ ra trấn thị, tỉnh Thanh Hoa liền mấy năm được mùa, dân cư yên ổn, giặc cướp đều chạy dạt đến các nơi khác. Khi Trịnh Giang bị phế, Hoàng Công Phụ bị diệt, Chúa Trịnh Doanh lên thay, chưa kịp triệu Phạm Khiêm Ích về kinh đô thì ông đã mất. Chúa nghỉ châu ba ngày, luôn than thở, thương tiếc...

Linh cữu Phạm Khiêm Ích đưa xuống thuyền, dân cả tỉnh Thanh Hoa đưa tiễn đầy đường, nhiều người được cứu oan, cư mang, khóc như cha mẹ chết. Khi linh cữu cập bến sông Hồng để đưa về làng thì bờ đê đã chật cứng người, khóc vang lên, đám tang dài đến mấy dặm... Cả hàng tổng nhớ ơn ông không bắt làm nhà vinh qui, đều đến đưa tiễn. Làng ông bàn nhau dâng sớ lên phủ Chúa xin thờ làm Thành hoàng làng. Chúa chấp thuận ngay, lại cho tiền để xây đình cho xứng với công lao.

Tám bia nhấn gửi

Khoa thi Hội năm Canh Tuất đời Vua Lê Huyền Tông (Trịnh Tạc làm Chúa), có hai ông Nho cùng vào thi. Bởi cùng tên nên họ kết giao với nhau rất thân tình, lúc nào cũng ở bên nhau. Khi vào điện thí xong trở ra, ông Nho người huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc hỏi ông Nho người xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương rằng:

- Thơ Tịch Nam trong Kinh Thi huynh có nhớ trọn không. Đệ không nhớ nổi, nên chỉ dám nhắc đến tên bài thơ mà không dẫn.

Nguyễn Danh Nho, người Nghĩa Phú trả lời:

- Câu ấy nguyên văn thế này: "Tịch bĩ Nam Sơn, duy thạch nham nham, hách hách sư doãn, dân cụ nhĩ chiêm⁽¹⁾".

Ông Nho, Đông Ngàn vái một cái bảo:

- Thế mà lúc ấy, đệ mù đi, không sao nhớ nổi. Tệ thật.

Rồi hai ông Nho đều được bổ nhiệm cùng vào kinh thành Thăng Long nhận chức.

Năm Canh Ngọ (1960), Nguyễn Danh Nho, người Đông Ngàn, được cử sang sứ nhà Thanh theo lễ nộp thuế cống.

Ông Nho người làng Nghĩa Phú, Cẩm Giàng, đến tiễn bạn nói:

- Huynh sang sứ Trung Hoa, chắc thế nào cũng ghé qua Giang Nam, có thể giúp đệ chút việc được chăng?

⁽¹⁾ Nghĩa là: Cao ngất núi Nam kia, chon von những đá là đá, lấy lừng thay quan sư doãn, dân chúng các nơi đều ngóng về.

- Việc gì, xin huynh cứ nói, đệ nguyện hết lòng.

- Chắc huynh có nghe tiếng thân y Tuệ Tĩnh ở Cẩm Giàng chứ?

- Có phải nhà sư đậu Hoàng giáp, không chịu ra làm quan, về trụ trì ở chùa, chủ trương dùng thuốc Nam chữa bệnh, sau phải đem tiến cống sang nhà Minh không?

- Đúng như thế!

- Tên chữ của danh y là Bá Tĩnh... Dân vùng tôi nhớ ơn trị bệnh cứu người của ông, đã thờ làm phúc thần. Kỳ vừa qua, về thăm quê, tôi được dân làng uỷ thác một việc khó khăn, đó là nếu có sang sứ hoặc quen ai đi công cán ở Trung Hoa, thì cố lần tìm phân mộ của danh y Tuệ Tĩnh giúp. Huynh sang đó, thế nào cũng qua Kim Lăng, đất Giang Nam, cố truy tìm giúp cho.

Ông Nho Đông Ngàn hứa với bạn, và cũng cho đó là một việc nghĩa cử.

Sứ thần đi theo đường Động Đình tới Bắc Kinh. Khi mọi việc đã xong xuôi, Nguyễn Danh Nho, xin với Vua Khang Hy nhà Thanh, được theo đường Giang Nam, để đến Quảng Tây rồi về nước, nhân đó để tìm mộ danh y Tuệ Tĩnh. Vua Thanh chuẩn tấu.

Về đến Giang Nam, những người khác đi thăm thú cung điện, kinh thành nhà Minh cũ, riêng ông Nghè Nguyễn Danh Nho, thì vẫn để tâm trí đi lùng tìm mộ của danh y Tuệ Tĩnh.

Một hôm, ông ra ngoài ô kinh thành, vào một tửu quán, lân la hỏi chuyện, được chủ quán chỉ cho một cụ già cao tuổi, chiều nào cũng đến quán thưởng thức món chả cá lăng. Ông cụ da đỏ như lựu, tửu lượng còn rất khá. Quan Chánh sứ, mặc áo nho sinh đến vái cụ, rồi hỏi:

- Thưa lão trượng, chẳng hay cụ có biết tiếng danh y trước từng làm thầy thuốc ở triều Minh trước không!

Cụ nói:

- Ông cụ thân sinh ra tôi có kể lại, xưa Vua Minh có bắt nước An Nam cống người. Năm ấy được một danh y giỏi lắm. Ông ấy lại là người thông kim, bác cổ. Vua Minh biết tài, dùng danh y. Đến khi ông ấy chữa khỏi bệnh nan y cho một quý phi mà các ngự y không chữa nổi, Vua càng tin dùng. Bởi ông ấy là nhà sư nên Vua Minh phong cho ông làm Đại thiên sư...

- Thưa cụ, vậy tung tích vị sư ấy ở đâu ạ?

- Cụ tôi nói, ông ấy thích gần dân nên xin Vua ra trụ trì ở ngôi chùa ngoại ô thành Kim Lăng và thường trồng thuốc cứu nhân độ thế. Dân trong vùng quý lắm. Ít lâu sau, thì ngài hoá. Mộ ngài chôn ngay cạnh ngôi chùa, ngay giữa những vườn thuốc. Dân chúng ốm đau đến bên mộ, thắp hương hái thuốc về dùng, đều khỏi cả. Có lẽ ông ra đó, có thể hỏi thăm được.

Nguyễn Danh Nho mừng lắm. Ngay mờ đất hôm sau, đã lần tìm đến chỗ ông cụ chỉ. Chùa cũ trải qua bao niên đại đã thành phế tích, vườn tược, cây hoang, cỏ dại thâm u. Quan Chánh sứ rạch cỏ, rẽ cây mà tìm vào. Trước khi vào, ông đến thắp hương trước tam bảo, thăm khấn các vị bồ tát, sư tổ phù hộ độ trì cho tìm được mộ danh y...

Phải phát cây, lật cỏ đầy một buổi, mới thấy được một chiếc bia mộ có đề: "An Nam quốc, Cẩm Giàng nhân, Đại y thiên sư Tuệ Tĩnh". Nguyễn Danh Nho mừng quá. Khi lấy nước rửa sạch bia đá, lại thấy giữa lòng bia còn đề một dòng: "Nhiên hậu hữu Nam nhân áo, nguyện chuyển ngã di cốt hoàn hương. Danh y Tuệ Tĩnh di chúc", nghĩa là: "Mai sau có người phương Nam đến, xin chuyển nắm xương tàn của tôi trở lại quê nhà... Di chúc của danh y Tuệ Tĩnh". Câu này cũng do những người thân cận với ông, khi ông sắp mất dặn lại, nên đã khắc luôn vào bia để nhấn nhủ hộ... Nguyễn Danh Nho nước mắt nhòa đi. Một con người xả thân cho đời, chẳng nghĩ gì đến mình, mà kết cục lại thế này ư? Quan Chánh sứ nước mắt chảy ròng ròng, khóc lên

thành tiếng, ghen ngào mãi không thôi. Người xung quanh cũng chan hoà nước mắt.

Nguyễn Danh Nho, mừng rỡ đã làm trọn được việc của bạn nhờ. Việc di chuyển mộ của danh sư, chắc bạn ông và địa phương sẽ lo liệu. Vốn lanh lợi, Nguyễn Danh Nho cho rằng, phải giữ nguyên hình trạng ngôi mộ như cũ để những người sau này đến di dời dễ tìm, nên ông đem kích cỡ bia, chữ ghi trên mộ, thuê làm một tấm bia khác y hệt tấm bia chính để đem về làm chứng cứ cho bạn, rồi xuôi thuyền đi Quảng Tây về nước.

Khi thuyền đoàn sứ thần An Nam về đến cửa Nam Quan, đêm ngủ ở trạm dịch biên giới, Nguyễn Danh Nho nằm mơ thấy một cụ già, râu trắng như cước, người thơm mùi thảo dược, chống gậy còng cua, đến ra mắt, Nguyễn Danh Nho dẫn đo hỏi:

- Người là ai, xin cho văn sinh biết cao danh quý tính!

- Ta đến cảm ơn thịnh tình của quan Chánh sứ, đã đến thăm phần mộ của ta. Cũng mong nguyện vọng nhỏ bé của già này, được đem nắm xương tàn về nước được toại nguyện.

Nói rồi sa nước mắt quay đi, Nguyễn Danh Nho biết linh hồn của Tuệ Tĩnh nhẩn nhe thêm một lần nữa. Tỉnh dậy, lòng còn bồi hồi khôn xiết.

Về nước, ông Nho Đông Ngàn trao tấm bia mộ của Tuệ Tĩnh cho ông Nho Cẩm Giàng, và kể lại mọi chuyện đã qua. Ông Nho Cẩm Giàng đầm đìa nước mắt, bọc bia đá trong gấm đỏ, đưa về quê hương, coi như linh vị của Người. Tin đưa về, dân làng và gần nửa huyện, đem kiệu, đem cờ phướn đi đón bia danh sư... Họ chuẩn bị quang gánh, gáo dừa hom dâu⁽¹⁾, đắp mộ tượng trưng rồi đặt bia lên...

Khi bia đặt xuống thì sấm chớp nổi ran, một trận mưa rào ngấn tưới cả một vùng, không khí như nhẹ nhàng thanh khiết,

⁽¹⁾ Tượng trưng xương cốt người đã khuất.

hoa cỏ xung quanh tươi tốt hẳn lên... Dân chúng càng tin hồn vía của danh sư đã về nhập mộ.

Từ đó, chùa Cẩm Giàng, các sư ni lại theo sách của danh sư truyền lại, làm thuốc chữa trị cho dân chúng, dân đến chữa rất đông, nhiều bệnh được chữa khỏi...

Lại nói, ông Nho Đông Ngàn được ban thưởng rất hậu. Chúa tin cậy, ông càng nỗ lực công cán để báo đền ơn Chúa. Năm ấy, ông được Chúa sai đi đo ruộng ở mấy vùng lân cận kinh thành, để từ đó ban hành thuế má và định tạp dịch. Ông thấy dân nghèo rất khổ, do đó thức suốt đêm viết tấu dâng lên Chúa, trong đó có đoạn:

"Thần Nguyễn Danh Nho, quê ở Đông Ngàn thiết nghĩ: Chúa thương dân nên thi hành chính sự nhân đức. Chính sự nhân đức phải thể hiện ở các thứ thuế và tạp dịch. Triều trước vốn ngại sự phiền nhiễu và duyệt tuyền, nên đặt ra phép bình lệ, tức là định ra số trung bình để tính thuế và tạp dịch cho từng làng, do đó, số đinh tăng thêm dù đã vào sổ đinh của làng cũng không tính, người chết đã xóa tên trong sổ cũng không trừ. Lệ này nay vẫn thi hành. Trong khoảng mấy chục năm nay, hộ khẩu các làng tăng giảm thất thường, khác nhau giữa làng này với làng khác mà thuế và tạp dịch vẫn như cũ. Vì thế, dân thường phải gánh vác nặng nề dẫn đến nhiều nhà nghèo khó dần phải li tán. Kính nghĩ triều đình nên tìm cách cứu chữa. Kính xin Chúa thể theo nguyện vọng của mọi người, đem ruộng đất trong nước không kể công hay tư, đều được nhất loạt khám xét đo đạc rồi từ đó, hơng tính phân bổ thuế ngạch, tham duyệt so sánh với định suất, định thành lệ luật mới, khiến cho giàu nghèo tương trợ lẫn nhau, gánh vác đúng với phần phải gánh vác, để thành điển lệ lâu dài".

Bản tấu gửi đi, ông Nho Đông Ngàn hồi hộp chờ ý Chúa phán xét. Vừa lúc ấy, ông Nho Cẩm Giàng tươi cười bước vào nhà:

- Chào đại huynh, đệ đem tin tốt lành đến cho huynh đây.

Ông Nho Đông Ngàn nói:

- Tin gì vậy?

- Đêm qua đệ lại nằm mơ thấy danh sư Tuệ Tĩnh chống gậy cang cưa đến cảm ơn. Ngài lại còn nhờ đệ cảm ơn huynh một lần nữa và tùm tùm cười bảo hãy sang uống rượu chia vui với huynh!

Ông Nho Đông Ngàn hỏi:

- Phần thưởng đi sứ của Chúa đệ đã nhận rồi, niềm vui mà huynh định chia sẻ là gì đây? Nhưng thôi, dù niềm vui có hay không có, sẵn rượu nếp cái hoa vàng của người làng vừa mới cho đây, ta uống với nhau. Đệ mới gửi lên phủ Chúa một bản tấu, huynh đọc qua xem thế nào!

Vừa dứt lời thì quan Thái giám ở phủ Chúa đến truyền dụ. Ông Nho Đông Ngàn quỳ lạy đón dụ. Thì ra Chúa Trịnh đã đưa ông Nho Đông Ngàn giữ chức Hữu thị lang bộ Lại.

Ông Nho Cẩm Giàng, sau khi trở lại cuộc rượu nói:

- Danh y Tuệ Tĩnh thiêng thật. Ngài báo mộng quả không sai.

Ông Nho Đông Ngàn vội sai người nhà sắm lễ vật, đặt mâm ngoài trời, thân ra vái lễ, cảm tạ tấm lòng của thần y Tuệ Tĩnh.

Duyên văn

Xế cửa phường Hà Khẩu là nhà ông giám sinh Đoàn Luân. Một ngôi nhà tranh ở giữa nơi buôn bán đông hội, ban ngày cửa đóng im ỉm. Từ ngày cụ cử họ Đoàn chán cảnh phồn hoa, lui về vui với cảnh vườn tược, quê cụ ở Văn Giang, bà cụ ở lại phố phường chạy chợ xì xằng để kiếm thêm tiền.

Khi cụ cử mở trường nhận mười lăm anh khoá ham học từ quê và các làng lân cận ở phủ Vĩnh Thuận, phía huyện Thanh Trì đến học, cô Điểm vẫn theo học chung với anh trai và lớp học trò đang rập rành giắt bâng rông, bâng hồ. Ở chốn đầu ô, cửa khẩu này, chỉ cần một cuộc đánh ghen, tin tức đã truyền xuôi, truyền ngược ngang dọc đồn đại đi đủ nơi, đủ chỗ. Những giai thoại về cô con gái cụ cử hay chữ, chẳng mấy chốc loang xa khắp giới nho sĩ ở Long Thành.

Ông giám sinh Đoàn Luân đã là một người tài hoa, cô Điểm lại càng tài hoa hơn. Ông Luân là tay sành sỏi trong các cuộc chơi thả thơ, đề vịnh, lại giỏi ứng đối. Mạch sách hỏi đến, ông nói vanh vách. Điển cố thuộc lâu lâu, các bậc túc nho đều phải buột lời khen, còn các bạn bè nức tiếng như ông Đặng Trần Côn ở làng Mọc hay người lớp sau như ông Phan Huy Ích ở Quốc Oai đều phải vị nể. Vậy mà, ở nhà, ông vẫn bị cô em "bắt nạt". Thỉnh thoảng, cụ Cử từ quê ra, sau khi vui vẻ kể chuyện mùa màng, thường hay gọi con gái đến hầu trà. Cô Điểm nhóm than hoá lò, dọn bộ đồ trà để trên án gian, chỉ khi nào cụ Cử về mới hạ xuống. Chĩnh nước mưa trong suốt, để ở nơi đại nắng đầu hiên, có nắp men chàm xanh dày kín, lúc đó mới được mở ra. Cô Điểm dùng chiếc bát nội phủ to, múc nước cho vào ấm đồng,

nấu nước pha trà cho cụ. Cụ Cử thương con gái hơn con trai. Cụ cũng là người đa tình và hào phóng. Hồi còn là học trò, cụ bà hiện nay, vốn là con gái cùng họ Vũ, một họ có máu mặt ở trong phường, đã chết một và đòi lấy bằng được thấy khoá nghèo Đoàn Doãn Nghi. Sau này, bà thành vợ ông tân khoa đầu tiên, theo chồng qua sông Hồng, vinh qui bái tổ. Cô Điểm có nét phong nhã của con nhà nho gót, lại có sự thanh lịch của họ ngoại. Người khó tính nhất trong phường cũng phải khen nét đoan trang của cô. Khi cần thiết, cô lại cũng đáo để, ghê gớm đối với bọn con trai phường phố, nghịch ngợm buông tuồng. Một bận, anh chàng Cống Quỳnh bẻm mép, từ xứ Thanh mò ra, cậy ta là "trạng", dắt vài anh bạn lén đến chơi nhà. Cô Điểm tiếp đãi ân cần, nụ cười tươi trên môi thắm. Mấy cậu hay chót nhả, chịu không buông nổi lời ngổ nghịch nào. Mấy lần Cống Quỳnh tai quái, định nghĩ ra một mẹo đùa chi đó, đều bị cô Điểm biết trước, lấy chữ nghĩa khích tài hiểu biết hoặc dịu dàng thăm hỏi ân cần về cha mẹ, quê hương, khiến chàng thầy đồ tếu đành phải trả lời theo lối xã giao lịch thiệp. Ngồi một lúc, bà Cử đi chợ về, thấy con gái ngồi với đám trai nghịch ngợm, bà đưa mắt cho cô Điểm, lạnh lùng chào hỏi cho phải phép, bà liền vào ngay nhà trong. Ngồi mãi chưa bắt chuyện được, Cống Quỳnh ngáp vặt rồi cáo lui. Cô Điểm ân cần tiễn khách. Trước khi mấy thầy khoá ra về, cô hỏi:

- Đạo này mấy thầy trọ ở đâu?

Cống Quỳnh, quen thói bốc trời, liền chơi chữ:

- Quê tôi ở Hoàng Long nên chọn phường Hoàng Long để trọ. Hôm nào rảnh rồi mời cô quá bộ đến chơi.

- Cảm ơn thầy có lời mời, song nhà em bận rộn, mà mẹ em nghiêm lắm!

Quỳnh vẫn cố đùa cợt:

- Tôi được bạn bè cho là kẻ có duyên, ai ngờ cuộc đi chơi hôm nay lại quá vô duyên. Định đến xin chữ của nữ sĩ, hoá ra chỉ được uống trà sông.

Cậu bạn đi cùng nài nẫm:

- Không thơ thì câu đối. Cô Điểm cho Quỳnh một vế xem thử.

Cô Điểm hơi đỏ mặt vì câu đùa không được nhã, nhưng cô vẫn tươi cười như không. Nhân có bờ rào, xương rồng trước cửa, thấy Quỳnh khêu khích, kết giao cùng bọn rong chơi lấy khẩu khí để khoe, thực tài đâu chưa biết, liền dúi dằm nói:

- Thầy Quỳnh hay chữ có thừa! Lo gì phải em ra đối.

- Tôi là "trạng" giả, còn cô mới là "trạng" thật đó!

- Vâng, nếu thầy đã cố mời thì em xin ra: "Cây xương rồng, giống đất rắn, long lại hoàn long".

Quỳnh nghe rồi hơi bối rối, nghĩ mãi chưa đối được, tai Quỳnh đỏ tía. May sao có tiếng bà Cử gọi ở trong nhà. Cô Điểm cười to lên một tiếng, nhã nhặn cáo từ:

- Thôi chào "con rồng đất rắn", em phải vào kéo mẹ đang mong đây!

Cô khép cửa, bỏ mặc mấy thầy khoá "thua trận" bên lễn, quay ra trêu chọc lẫn nhau. Quỳnh hậm hực:

- Thôi đi về, lúc khác trả hận vậy. Trận văn, trận bút, như trận mạc vậy, nay thua mai thắng là lẽ thường.

- Thua ai chứ thua "cô trạng" Đoàn Thị Điểm thì càng nổi tiếng!

Mấy thầy kéo nhau ra quán rượu ven đê. Bụng đói rồi, phải đánh chén một chút gì đó! Cống Quỳnh bị phạt trả tiền cơm rượu vì hôm nay "thua đàn bà"! Vừa ghé vào ghế thấy bà hàng bày mấy quả dưa chuột đầu mùa, bên mấy nải chuối, mấy quả nem chua. Quỳnh vỗ đùi đánh đét một cái tiếc ngơ tiếc ngẩn:

- Chết tôi rồi! Bây giờ mới nghĩ ra vế đối!

- Chỉ được cái bẻm mép sau lưng! Đối đi!

- Thì đây! Vế ra là: "Cây xương rồng, giống đất rắn, long lại hoàn long", tớ đối là: "Quả dưa chuột, chuột trắng gang, thử chơi thì thử!".

Quỳnh dặm chân xuống đất:

- Vố thua này nhớ đời!

Rượu đã rót. Mùi thơm ngon của rượu Hoàng Mai đựng trong bong bóng trâu khô, vùi thúng trâu của các cô hàng làm các thầy đều nhanh nhẹn đặt tay vào chén. Nhấc một ly, cắn một miếng nem chua, anh bạn cùng đi với Quỳnh, bình luận:

- Vế đối người ta ra tuy là hàm ý châm biếm nhưng vẫn rất trang trọng. Rỗng đất rắn, rỗng nào vẫn là rỗng ấy. Khá đấy chứ... hà hà... đồn hiêm mới ngấm lâu.

Quỳnh hỏi:

- Vế của tớ cũng có phải xoàng đâu.

- Vế đối của anh, xét kĩ, cũng là loại đối bí, đối liều.

Quỳnh không giận, lại cười khanh khách:

- Đối kiểu thế, mới gọi là trạng Quỳnh!

*

Thầy khoá Đặng Trần Côn vốn con nhà nền nếp. Ở ngay cửa ngõ thành Thăng Long mà thầy chẳng biết phường phố có chuyện gì xảy ra. Thầy cúi đầu, chúm mũi vào học. Thầy kết bạn vong niên với ông giám sinh Đoàn Luân. Côn tính điềm đạm, ít nói, rụt rè, chỉ dốc sức vào học. Đạo ấy, ở kinh thành, nhà chúa mãi chơi, trộm cướp ngoại thành nổi lên khắp chốn. Nhiều tay du đãng, nghênh ngang cướp giật giữa chợ. Có đám cướp đóng giả nhà đại - quan - nhân khiêng vồng điều đến mua hàng, rồi để bà "phu nhân" ở lại, toán được sai đi lấy bạc nén đem trả mất hút luôn, lừa hàng tơ lụa mất hàng chục tấm vóc, lụa, đoạn Tô Châu, Hàng Châu. Chủ hàng chờ mỗi ngày một mất, đến xem mặt bà phu nhân vẫn nằm ở vồng, té ra một mụ ăn mày.

Lại có một bà lão ăn mày khác, sáng sáng đi lang thang xin tiền khắp chợ Mọc, chợ Láng, chợ Cầu Giấy, chợ Bưởi, tối về ngủ ở quán dệt đầu làng Dịch Vọng, chẳng may trúng cảm chết đột ngột.

Tuần phiên đến chôn, mộ chết nằm cùng queo trong ổ rơm. Giật chiếc lều nát của mẹ, định đốt luôn thì từ trong các hốc tre, ọc ra toàn tiền kẽm lẫn những lạng bạc nhét đầy trong ấy, chưa kịp cho ai. Mấy tên tuần bị bọn lính hào lý ăn chặn, kiện tụng nhau lên tận phủ huyện. Nhân tình thế thái đảo điên, không có giặc ngoài, nhưng giặc trong lại tệ hại hơn nhiều. Lệnh từ phủ Chúa truyền ra, ban đêm từ giờ Tuất trở đi, đèn đóm tắt cả, nhưng cậu Đặng vẫn thức để học. Người làng Mọc tin rằng đất họ Đặng phát, sẽ ứng vào người học trò giỏi này. Đặng càng nuôi chí học hành. Để tránh bọn tuần phiên, hào lý hạch sách, cậu bèn đào hầm chui xuống đất thấp đèn mà học đêm. Bên Tả Thanh Oai mấy cha con họ Ngô Thời đang lừng danh cả nước. Họ không những nổi tiếng về cử nghiệp, còn nổi cả về văn chương. Không nói với ai, Đặng muốn hướng theo gương Ngô gia văn phái.

Tiếng tăm nữ sĩ họ Đoàn truyền tụng khá nhiều. Người ta cho rằng, cô hay chữ vào bậc nhất ở Hà Thành này, lại giỏi chước tác. Thời Lê có bà Ngô Chi Lan vợ ông Phù Thúc Hoành ở Phù Xá đã nổi tiếng một thời. Nhưng Đoàn Thị Điểm không những thơ hay, câu đối giỏi mà văn cũng vào loại điêu luyện. Đặng rất trọng phục, chưa biết tìm cách nào đến thăm được. Gặp Đoàn Luân ở Quốc Tử Giám, Đặng Trần Côn liền làm quen. Đặng học giỏi, nhớ nhiều. Kỳ bình văn đầu năm nay, sau lễ tế xuân, các quan thầy chọn bài văn của Đặng bình ở Văn Miếu. Đó là một vinh dự lớn, báo hiệu con đường tiến thân bằng văn chương khoa cử của Đặng. Sau buổi bình văn, Đoàn Luân mời Đặng về chơi nhà. Trên đường ông Luân đã nhắc:

- Em gái tôi ân cần dìu dắt trong khi tiếp đãi bạn bè văn chương đến chơi nhà, song bàn đến học thuật, thi ca, cô ta không chịu nhường ai đâu. Nếu cô ấy có nói vài ba điều quá lời, anh cũng đừng để ý. Em tôi, nhờ phúc ấm, cũng có tài lạ. Nhiều lần, cha tôi dạy học ra chung cho tôi và cô ấy một đề. Văn sách, kinh nghĩa, mình làm có quy củ hơn, nhưng cô ấy lại có những câu những đoạn hay xuất chúng. Đến thơ văn thì cô ấy vượt hẳn mình, cha tôi

thường hay khoe con gái với bạn bè, nhiều bạn, tuy mình cũng thấy hãnh diện cho gia đình, song đôi lúc cũng tủi thân, tức khí mà học hỏi thêm nữa!

- Tôi nghe, có lần Cố Quỳnh đã bị cô Điểm nhà ta làm cho hết khoe mẽ.

- Có đấy. Tài ứng đối của Điểm cũng nhanh lắm! Hồi tôi còn tập văn ở tỉnh, bài nào cô ta cũng lục ra xem, anh em bình phẩm cùng nhau, tâm đắc lắm. Sách qua mắt là thuộc, tài thế! Mình đắm đuối học, mới hiểu ra nghĩa sách, cô ta vừa học vừa chơi. Đang học, lại ngồi tô lông mày. Đang tô dở, thấy ý hay chợt đến, lại cầm bút viết. Bữa ấy, tức cảnh, mình đọc trên cô ấy một câu: "Đối kinh hoạ mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm"⁽¹⁾. Cô ta đọc liền, như thể vẽ đối sau đã có sẵn: "Lâm trì ngoạn nguyệt, cô luân chuyển tác song luân"⁽²⁾ miễn tiếp đến thế, kể cũng ít ai bì kịp.

Nghe Đoàn Luân chân thật nói về em mình, Đặng Trần Côn lảng lạng không nói gì. Ông biết, ngoài tài học, cô Điểm cũng đẹp lắm. Một kiểu đẹp cổ học, nhuần nhị, kín đáo, mực thước. Đặng tự thấy lòng mình có chút khao khát, mơ mộng thâm lặng chợt dấy lên. Đặng cố gìm giữ không lộ cho Đoàn Luân biết. Lòng ông đã thực sự ngưỡng mộ, chuộng mến. Cuộc tiếp xúc này liệu có "ăn nhằm" gì chăng? Biết đâu, duyên kỳ ngộ, hội tào phùng, chắc sẽ có nhiều điều tâm đắc, nhiều kỷ niệm. Đặng rụt rè hỏi:

- Anh Luân à, hồi lệnh muội mười năm, mười sáu có phải quan Thượng thư Lê Anh Tuấn định xin với cụ Cử cho cô Điểm sang bên đó làm con nuôi, để sau này ông sẽ dâng vào làm phi trong Phủ Chúa?

- Có đấy, nhưng thầy tôi đâu chịu. Cụ tế nhị, cho gọi cô Điểm lên để quan Thượng Lê bảo chuyện. Anh biết cô ấy trả lời thế nào không?

⁽¹⁾ Soi gương vẽ mày, 1 điểm nhân thành 2 điểm. Chơi ao ngắm trăng 1 vầng chuyển thành 2 vầng.

⁽²⁾ Cả hai câu này đều lấy việc tên hai anh em (Điểm, Luân) để ứng đối.

- Xin anh cho nghe.

- Cô ấy dịu dàng thưa: Bác muốn con vinh hiển, nhưng con nghĩ, đời con không hợp với cung cấm. Con chỉ yêu vầng trăng đầu thu, thềm sông sóng đỏ trước nhà. Con muốn tự tay mình dệt vải, nuôi tằm, mặc những tấm áo lụa, áo sồi như bè bạn. Con thèm được sánh ngang với đám con trai, đêm đêm trước đèn đọc sách, thưởng thức thơ thần của Lý Bạch, thơ đời của Đỗ Phủ, lắng đọc bài *Quát tụng* của Khuất Nguyên, đọc không chán thơ của Nguyễn Trãi, của Trương Trừng hơn là phải giam mình giữa vàng son, lo lễ nghi, ra vào thưa gửi mà mòn mỏi cả cuộc đời!

- Quan Thượng nói sao?

- Quan thờ dài mà thanh minh ý nghĩ rất chân tình của mình.

Đặng bước vào nhà, cô Điểm ra tiếp. Hai bên trao đổi chuyện văn chương, rồi bàn sang chuyện khoa cử. Đặng hồn nhiên, say chuyện, khoe với cô Điểm chuyện học hành ở Giám. Anh không giữ ý bình phẩm đám bạn bè chuộng từ chương, ham lợi danh, không đắm vào thực học. Có lúc, anh cũng nói về mình để cho người ngồi nghe thấy những điều sở đắc của anh... Vốn được nhiều người khen ngợi, nhiều lúc Đặng bàn luận quên cả khiêm nhường.

Cô Điểm không ngắt lời Đặng. Đoàn Luân cũng hơi lạ, mọi ngày Đặng thường giữ gìn, sao hôm nay chàng "say" nói thế. Sau khi nghe Đặng luận về tài năng của đám học thức trẻ ở Long Thanh. Cô Điểm nói:

- Xin anh Đặng thứ lỗi cho. Chẳng ai dám tin chắc vào tài mình được đâu?

- Nói thế. Có bột tất gột nên hồ!

Nhón miếng trâu quế, hai tay lịch sự mời Đặng, cô Điểm nói tiếp:

- Về đời Lý, Trần, đời Hồng Đức, có thực tài thì chắc chân đấy! Khoa cử bây giờ đâu còn được công minh như xưa, chắc anh

Đặng còn nhớ bài Chế sách của Thánh Tông nhà Lê, ban ra sau dịp lấy Trạng ở một khoa thi Đình. Từ đời xưa, mình vương, Thánh chúa trị đời đều phải cất trong, bỏ đục, chuộng tài bỏ tham! Bởi thế, đời Thánh Tông chọn được nhiều người tài giỏi, còn đời trung hưng ta bây giờ ư? Tài bằng Ngô Phong Ngô Thì Sĩ ở Tả Thanh Oai, bọn quan lại đương thời ganh ghét, dìm dập mãi. Vào thi Hội, khảo quan bảo nhau nhăm nhe dò xét, thấy bài văn nào ngang tàng, khí phách đều bảo: "Quyển này hẳn là khẩu khí Ngô Thì Sĩ". Họ xúm nhau vào soi mói từng chữ, bóc móc bắt bẻ từng câu để đánh hỏng. Học trò bây giờ ai dám nhận mình tài ngang Ngô Ngô Phong?

Đoàn Luân vui miệng kể thêm:

- Khoa Bính Tuất, họ Ngô Tả Thanh Oai vào thi Hội đến kỳ đệ tứ, chẳng may cảm lạnh, đau bụng đi tả, đành cố làm qua loa cho xong mà nộp quyển. Khảo quan chấm lại bảo: "Quyển này, kim văn luyện đạt lắm, đáng hội nguyên, nhưng văn khí hơi yếu, hẳn không phải của Ngô Thì Sĩ". Thế là năm ấy Ngô Phong chỉ đỗ Hoàng giáp.

Ông Đoàn nói xong cười âm lên. Đặng Trần Còn hơi bẽn lẽn, lại ngồi im uống trà... Đến lúc gần về, Đặng mới rút từ trong tay áo một tờ hoa tiên thảo sẵn, đặt trên án sách, khiêm tốn nói:

- Nghe tài thơ nữ sĩ đã lâu. Gần đây nhân lúc thư thả, cũng cảm khái một vài vần, xin nữ sĩ phủ chính cho.

Nói đoạn, Đặng chào anh em họ Đoàn xin cáo lui. Đoàn Luân và em gái tiễn khách. Trở vào, cô Điểm giở giấy hoa tiên ra đọc. Thơ Đặng vịnh cảnh Tiêu Tương, tất cả có tám bài. Cô đọc một lượt rồi tùm tùm cười. Cô hầu nhỏ được cô Điểm rất yêu, bạo dạn hỏi:

- Thơ cậu Đặng thế nào hở cô?

- Mượt mà chải chuốt, song vịnh cảnh bên Tàu chẳng qua cũng mượn những điều đọc trong sách mà viết ra. Bên ta thiếu gì cảnh đẹp, tự mắt mình nhìn thấy, lòng mình cảm thực, sao chẳng viết!

- Con nghe đồn cậu Đặng học giỏi lắm!

- Đó là cậu học trò học được vài ba pho sách dã cuồng chữ. Có gì mà đáng sợ!

Tin ấy đến tai Đặng Trần Côn. Đặng uất lắm. Đêm ấy dưới hầm đào để học trong nhà, trước ngọn đèn, Đặng cúi kính bẻ đôi chiếc bút lông đang cầm, thề rằng:

- Ta không làm nên sự nghiệp văn chương, thì không xuất đầu lộ diện ở thành Thăng Long này làm gì nữa!

Và Đặng lại vui dầu vào đọc sách. Cuộc tao loạn ở cuối đời nhà Lê đã làm cho bao nhiêu gia đình phải ly tán. Chưa gặp hội phong vân, ông Đoàn Luân chẳng may mắc bệnh mất sớm ngay sau khi cụ Cử mất một vài năm, khiến cho gia đình lâm vào cảnh lao đao, túng quẫn. Bàn bạc mãi, gia đình cô Điểm đành theo bà chị dâu về ở làng Đường Hào. Đang thời xuân sắc, tài năng nở rộ, biết bao nơi cầu cạnh. Một vị quan lương tuổi cũng đến cầu hôn. Làm sao cô Điểm ưng thuận lấy một ông chồng, dù làm quan to, lại là tay vô biên chạy như thế được. Một vài danh sĩ cũng đua nhau đến, song toàn những kẻ ăn chơi phóng túng, hám danh, hợm mình, cô Điểm càng coi chẳng ra gì. Có lúc nào đó, cô hơi tiếc mình đã quá lời với Đặng Trần Côn, và thấy rằng, cậu ta vẫn là người đáng trọng giữa cái đám sĩ phu chuộng hư vinh nhan nhản đang ba hoa khoác lác giữa thành Thăng Long này. Bà Cử thấy con gái sắp đến tuổi ba mươi rồi thì đâm hoảng. Có bạn, bà chua chất:

- Trời ban cho con tài sắc, mà con lại quá coi thường. Bao nhiêu sĩ tử Bắc Hà này không ai xứng với duyên con hay sao? Tao sợ mày chết già thôi!

Cô Điểm nhuần nhĩ, thưa lại với bà mẹ già, gần đây do hoàn cảnh gia đình, vấp hết việc tang lại làm ăn khó khăn nên **trái** tính:

- Mẹ đừng lo, kén thì lâu, lấy chồng mấy chốc.

Nhà đã túng, về đất mới càng khó bề xoay xở. Cô Điểm phải giúp rập thêm chị dâu một tay, chèo chống để nuôi mẹ, nuôi cháu. Cô mở trường dạy học. Trường rất đông. Tỉnh Đông vốn là đất hiếu

học. Học trò học trường "cô trạng" tấn tới, nhờ đó cũng đủ chi dùng cho mấy miệng ăn. Bà chị dâu trông nom vào mảnh vườn và mấy nong tằm. Con cái của Đoàn Luân nhờ bà cô giỏi giang tháo vát cũng được nhờ. Chúng lại được theo học, không phải cấy cày lam lũ. Riêng Đoàn Lệnh Khương con gái cả của Đoàn Luân, thụ học cô ruột cũng nổi tiếng thông minh. Cô Điểm mừng lắm càng ra công bồi đắp tài năng trẻ đầy hứa hẹn. Nhiều đêm buồn ngồi một mình trước đèn, cô Điểm có nhiều ý lạ. Gom lại những nung nấu bao năm, cô bắt tay vào viết những truyện truyền kỳ mới, muốn góp một cách nghĩ trong thể văn này. Khi truyện viết xong, bè bạn, học trò truyền tay nhau đọc, ai cũng phục tài. Truyện lưu hành đi rất xa, truyền về tận kinh đô. Lại một lần nữa tiếng tăm của Hồng Hà nữ sĩ làm cho giới sĩ phu Bắc Hà phải vì nề?

Có người bạn tha thiết mời bà về Long Thành mở trường dạy học, cũng là một việc chán hưng thực học. Bà đang lưỡng lự, thì một sớm đầu năm, người nhà đưa thiệp báo, có gia nhân ông Nghè Hạo Hiên Nguyễn Kiều bên Phú Thượng vốn là bạn cũ của anh bà, xin được vào gặp. Bà có quen ông Kiều, đã một vài lần tiếp chuyện ông, hồi ông chưa đỗ đạt, chưa đi làm quan. Giở thư quan Nghè ra đọc, bà Điểm hơi bất ngờ. Bức thư mộc mạc chân tình, hơi lúng túng trong cách diễn giải. Ông Kiều sắp vâng mệnh chúa lên đường đi sứ. Bà Điểm mới biết ông goá vợ đã mấy năm nay. Tuy là nhà quan nhưng hiện nay cảnh con nhỏ mẹ già, không có ai nương tựa. Ông khẩn thiết cầu hôn với bà. Ông có nhắc lại cái tình ý chớm nảy sinh thời đến chơi nhà, sau tự biết mình đức tài không xứng, nên đành tìm chốn khác.

Ông còn làm một bài thơ gửi kèm theo. Bà Điểm đọc đi đọc lại mấy lần:

Nghìn trùng sứ bộ, núi mây giảng,

Rong ruổi ai hay chuyện dĩ lành

Con đại bơ vợ tìm bóng mẹ

*Buồng tâm bận rộn, ngóng dâu xanh
Thèm hoang cỏ mọc, đau người nhật,
Phân mộ quê nhà biếng khói nhang
Rằng tình là thế, ơn là thế,
Đỏ mắt chờ trông, cánh nhạn sang.*

Suy nghĩ mấy hôm, bà nhận lời lấy Nguyễn Kiều. Nửa tháng sau, thu xếp việc nhà trọn vẹn, bà từ biệt chị dâu và các cháu, theo đoàn đón dâu về quê chồng bên Xù Gà. Học trò họ hàng tiễn đưa hàng dặm đường, bồi hồi lưu luyến mãi. Nữ sĩ khóc khi thấy mình phải rời xa vùng đất chôn chứa tình người.

Thêm một năm nữa, sứ bộ do ông Nguyễn cầm đầu vẫn chưa về. Tin tức vẫn biến biệt. Nể lời chí tình chí lý của bạn bè, bà Điểm mở trường dạy học tại phường Chương Dương. Học trò nghe danh, mến tiếng, theo học rất đông. Vừa lo bảo học, bà vẫn hằng lo trọn chức phận làm vợ của người chồng đi xa đằng đẳng. Gia đình trong ngoài êm thấm. Thỉnh thoảng người ta thấy chiếc võng điều, theo sau vài người hầu, y lệ cứ rầm, mông mọt, từ kinh đô về quê chồng ở Xù Gà. Trong mấy ngày khản trương đó, bà đi thăm phân mộ tổ tiên họ Nguyễn, đôn đốc kẻ ăn, người ở, việc nào xong việc ấy. Con chồng bà mang theo dạy dỗ ở trường mình ngồi bảo học. Đối với mẹ già, bà ân cần chăm sóc, dành thuốc thang, những thứ cần cung phụng, giao phó hẳn cho người cháu dâu trưởng hàng ngày phải chăm lo việc ăn uống. Người làng Xù Gà ai cũng cho ông Nghè Hạo Hiền tốt phúc có người vợ đảm, nhân hậu, ai cũng mến.

Một hôm, buổi học vừa tan, có một người đội tráp xin vào gặp. Hỏi ra mới biết người nhà ông Hương cống làng Nhân Mục, Đặng Trần Côn, hiện ngồi chức Tri huyện ở Thanh Oai. Biết nữ sĩ mới trở lại Long Thành, liền sai người đem quà biếu và tặng bà một tập sách. Bà Điểm ân cần viết thư đáp lễ. Bà còn gửi biếu quan huyện họ Đặng, từng bị mình làm cho tức khí, một cân cốm đầu mùa và một cân chè Long Tỉnh.

Bà chưa kịp đọc tập sách Đặng đem tặng. Lo gửi áo ấm và thư sang cho chồng, nhân có sứ bộ Trung Hoa trở về nước, bà quen một người ở Phủ Chúa, nhờ chuyển giúp cho ông Nguyễn. Khuya lắm, bà mới đốt nến mới, cầm đèn quẩy sách của Đặng. Bà bóc thư kèm theo ra đọc.

"Nhờ Hồng Hà nữ sĩ doái tình đọc giúp.

Tôi từ lúc tuổi trẻ, chưa tự biết mình, đem trống đánh trước cửa nhà sấm. Đến giờ, nghĩ lại vẫn còn e thẹn. Nghĩ đến buổi gặp xưa, nghe câu nói khích, may mà chỉ lự hầy còn, nên phần chỉ trau dồi thêm bút lực. Những năm gần đây, vật đổi sao dời, thi Hương may được trúng cách, nhưng vào thi Hội, không ngờ lại hỏng. Ngẫm lại lời luận về tài năng của nữ sĩ mới thấy sâu sắc. Mới hay, lời đường mật dễ làm hỏng người mà câu chát đắng mới thật chân tình, thấu lý. Bởi thế tôi chán khoa cử, ra tâm thực học. Lúc đầu chỉ nhận chức học quan, gõ đầu trẻ, vui với vài giá sách, học đôi bầu rượu túi thơ. Gần đây, giặc giã liên miên, tướng sĩ xa gần vất vả. Canh năm Tể tướng lên đường đi kinh lý. Nửa đêm, Quận công thức voi lên ải quan. Xúc cảm sinh tình, thức trắng nhiều đêm, viết được **khúc ngâm Chinh phụ**. Mong được mắt xanh doái tới, chỉ giáo đôi điều. Hối hộp chờ thư, lòng thành mong phúc đáp".

Bà Điểm mỉm cười, đặt thư, nhớ lại một thời xuân sắc. Bà khê khàng vượt tờ thư cho phẳng, nhìn kỹ nét bút xưa. Những hàng chữ già dặn, lời lẽ khiêm nhường, chứng tỏ người viết thư, đã được tháng năm đào luyện. Bà thầm tiếc nuối cho cái buổi gặp gỡ độ nào. Con gái đang thì ai chẳng kiêu căng một chút! Vượt mấy sợi tóc loà xoà ngang trán, với cảm tình đặc biệt, bà lần giở tập thơ Đặng để tặng ra đọc. Bà đọc liền một mạch.

Thiên địa phong trần

Hồng nhan đa truân

Du du bỉ thưng hể thủy tạo nhân

Cổ bể thanh động Tràng Thành nguyệt

Phong hoả ảnh chiếu Cam Toàn Vân

Cửu trùng án kiếm khởi đương tịch

Bán dạ phi hịch truyền Tương quân

Hàng nối hàng, những câu thơ của Đặng làm Hồng Hà nữ sĩ kinh ngạc. Xúc động thật sự, bà mừng cho bạn. Bà phục Đặng là người có chí. Bà thờ dài. Ai biết bà nghĩ gì lúc ấy. Tình xưa đã quên đi, bỗng dung lại thức tỉnh. Âu cũng là duyên số! Bà say đọc và nhận được chân tài phía sau những câu thơ hàm súc, tình ý sâu kín, thâm trầm. Bạch lạp lại hết, bà chọn hân cặp nến hồng to thấp cho sáng. Bà khoác áo ngồi đọc giữa đêm khuya lạnh. Mấy lần đưa cháu gái nhắc nhở:

- Thưa cô, trống hoàng thành đã thay canh, mời cô đi nghỉ. Mai đã đến buổi bình văn cho mấy anh học trò lớn tuổi.

- Con cứ ngủ đi. Cô còn bận đọc thêm chút nữa.

Khúc ngâm còn ám ảnh trí não bà nhiều đêm sau. Sau buổi bình văn dạy học, bà chẳng đọc gì ngoài nó. Bà thuộc lòng từng đoạn, bởi nhiều đoạn thơ thật hợp với tình cảnh của bà hiện tại. Vợ người đi sứ, khác gì vợ kẻ chinh phu! Bà buột miệng khen những câu thơ giàu nhạc điệu, tả cảnh, tả tình đến mức khó thể hơn. Cầm bút son, bà khuyên từng chùm lên những câu thơ ý nhị.

Bà quyết định dành thời giờ, bắt tay vào dịch Khúc ngâm. Bà thức với đèn với nến, đêm này qua đêm khác. Người bà dộc đi, gầy nhom, mắt quầng lại. Nhưng đôi lúc bà hào hứng lạ thường, đứng dậy, tay cầm tờ giấy vừa dịch nháp, khe khẽ ngâm nga. Kỳ lạ thay, bà dịch không khó khăn lắm. Mỗi đồng cảm đã thấp lên những sáng tạo thần tình. Nhiều lúc dịch xong, bà tưởng mình vừa sáng tác chứ không phải tuân thủ theo những câu thơ có sẵn:

Đề chữ gấm phong thôi lại mở

Gieo bói tiền tin dở còn ngờ

Trời hôm tựa bóng ngấn ngơ

Trắng khuya nương gối bờ phờ tóc mai

Há như ai hồn say bóng lẩn

Bỗng thơ thơ thẩn thẩn như không

Trâm cài xiêm giắt thẹn thùng

Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo

Khúc ngâm dịch xong, tự tay bà chép một bản thật đẹp, cho học trò đem đến tặng Đặng Trần Côn.

Quan huyện ân cần đón nhận. Đêm ấy, ông tắm rửa sạch sẽ, đặt lên án một bình hoa sen, chuyên một ấm trà ngon, giờ tập thơ dịch *Chinh phụ ngâm* ra đọc. Bấy giờ đến lượt ông kinh ngạc. Ông đọc liền một mạch, xao xuyến, bồi hồi hơn cả lúc mình đang vất vả, suy ngẫm để viết ra từng đoạn nguyên tác. Ông thầm phục tài Hồng Hà nữ sĩ: nhiều đoạn dịch quả thật hay và truyền cảm hơn cả nguyên tác. Và khi đọc xong, ông có cảm giác khúc ngâm này sẽ thuộc về bà, chính ông lại nhờ tài bà mà thơm lây. Ông buột miệng thốt lên:

- Người mắng ta thuở nào: "Học hành mới được vài ba pho sách, đã đâu ra đâu!" đến nay lại làm thầy cho ta một lần nữa.

Ngoại ô Hà Nội, tháng 11-1985

Thần đồng đất Diên Hà

Xã Diên Hà tỉnh Sơn Nam nổi thần đồng. Tiếng đồn không chỉ ở trong trấn mà lên đến tận kinh sư. Thần đồng đó là con quan Hình bộ thượng thư Lê Phú Thứ.

Quý Đôn khi sinh trong bàn tay phải có vân tay chữ Văn. Quan Hình bộ đã lấy làm lạ, chỉ cầu Trời khấn Phật cho đứa trẻ mau lớn. Khi mới lên hai, một hôm đọc sách, thấy sự đời không ngoài hai chữ Hữu và Vô, Tiến sĩ Lê Phú Thứ cao hứng viết lên hai mảnh giấy lớn, cầm theo tay, gặp cậu con trai hai tuổi, Lê Quý Đôn đang ở trong vườn ngâm thơ hỏi:

- Bố ơi, cho con giấy đi!
- Để làm gì?
- Con làm quyển sách như của bố ấy.

Lê Phú Thứ thấy con trai bé đã nghĩ đến sách, lòng rất ưng ý, liền choàng tay bồng con, thơm vào má và nói:

- Bố sẽ cho con tờ khác, hai tờ này bố viết để treo lên chỗ ngồi làm việc.

Lê Quý Đôn nũng nịu, gật đầu. Đang lúc vui, Lê Phú Thứ dạy con:

- Đây là chữ Hữu. Hữu là có!
- Đây là chữ Hữu. Hữu là có - Lê Quý Đôn nhắc lại.
- Đây là chữ Vô. Vô là không!
- Đây là chữ Vô. Vô là không!

Con nhớ chưa?

- Con nhớ rồi!

Vui miệng, Lê Phú Thứ giảng thêm cho con, cũng là nhắc lại điều tâm đắc của mình:

- Hữu là có! Vô là không! Trong có có không! Trong không có có!

Lê Quý Đôn nhắc lại.

Lê Phú Thứ ngạc nhiên thấy con nhắc lại rành rọt. Ông vui sướng hôn lên má con trai, rồi hào hứng về thư phòng treo hai tờ giấy đó lên...

Đến giờ cơm, bà Phú Thứ sai con lên mời bố, Lê Quý Đôn lon ton bước vào:

- Bố ơi, mẹ bảo bố đi ăn cơm!

- Ủ, bố sẽ đi!

Lê Quý Đôn ngược mắt nhìn lên hai tờ giấy, quan Thượng thư vừa treo lên sau ghế ngồi, rồi thuận miệng đọc:

- Hữu là có! Vô là không! Trong có có không! Trong không có có!

Lê Phú Thứ tròn mắt kinh ngạc về sự thông minh của con trai. Ông ôm con lên và khen:

- Con trai của cha giỏi lắm!

Tuy vậy, ông vẫn chưa tin rằng Quý Đôn đã nhận được mặt chữ về hai chữ Hữu Vô, khoảng mười ngày sau, ông lại viết hai chữ lên mặt đất vườn hỏi con trai. Quý Đôn đọc rất rành mạch.

Lê Phú Thứ mừng lắm!

Từ đó, quan Thượng thư bận việc đến mấy cũng giành thì giờ dạy con. Lê Quý Đôn rất sáng dạ, học đâu biết đấy, năm tuổi đã học hết sách *Dương Tiết* và *Minh Đạo* của Trình Di. Lê Phú Thứ đem *Kinh Thi* thử dạy con, Lê Quý Đôn học được rất nhiều bài,

nhất là những bài hay, có tích có vần điệu. Lê Quý Đôn rất thích trúc, do đó, thuộc lòng bài *Trúc can* trong Kinh Thi nhất là ba đoạn dưới đây:

Địch dịch trúc can

Dĩ diếu vi kỳ

Khởi bất nhĩ tư

Viễn mạc chi chi

Tuyên nguyên lại tả

Kỳ thủy lại hữu

Nữ tử hữu hành

Viễn phụ mẫu huynh đệ

Kỳ thủy du du

Côi tiếp từng chu

Giá ngôn xuất du

Dĩ tả ngã ưu...

Cha hỏi con:

- Ba đoạn ấy nghĩa là gì?

Lê Quý Đôn trả lời vanh vách:

- Vót vót cần câu tre, để câu ở sông Kỳ. Há phải ta không nhớ mày! Chỉ vì ở xa không đến được. Sông Tuyên Nguyên ở bên trái. Sông Kỳ ở bên phải. Người con gái có ngày phải đi (lấy chồng). Đó là lúc phải xa cha mẹ, anh em! Nước sông Kỳ dâng dặc chảy, bơi chèo bằng gỗ nghiêng. Thuyền đóng bằng gỗ thông! Cưỡi thuyền đi dạo chơi, để khuây khoả nỗi sầu!

Cha khen:

- Được! Bài *Trúc can* ngụ điều gì?

- Thừa cha. *Trúc can* ghi lại lời người con gái nước Vệ đi lấy chồng ở một nước khác, nhớ quê mà không thể về thăm được, nhìn tre mà động tâm nhớ đến sông Kỳ và sông Tuyền Nguyên là hai con sông ở quê hương. Con cũng thích câu này nữa: "Người đẹp cuốn rèm châu. Lặng ngời chau mày nghĩ. Chỉ thấy ngấn lệ ướt. Chẳng biết lòng giận ai!".

Lê Phú Thứ không thể vận hỏi con được câu nào nữa. Năm Lê Quý Đôn mười một tuổi, học sử ngày đến một vài chục trang thuộc như chơi. Lê Phú Thứ đem Kinh Dịch dạy con. Quý Đôn học chậm hơn nhưng cũng tiếp nhận được. Một hôm, cha hỏi con:

- Thế nào là quẻ "Tuỳ"?

Lê Quý Đôn nghĩ một lát, trả lời:

- Thừa cha, Trình Di nói: Quẻ này sở dĩ gọi là "Tuỳ" là vì kẻ cứng (thuộc dương) lại đến ở dưới kẻ mềm (thuộc âm) cho nên động mà đẹp lòng. Nghĩa là hào thượng cửu của quẻ Càn (trên) đến ở dưới quẻ Khôn (dưới) thành quẻ Chấn, còn hào sơ lục quẻ Khôn (dưới) lại lên ở trên quẻ Càn (trên) thành quẻ Đoài!

Lê Phú Thứ gật đầu, hỏi tiếp:

- Con thử giải thích cha nghe xem nào?

- Đó là kẻ bề trên (dương) cao quý lại biết nhún mình ngồi dưới kẻ dưới (âm) thì thiên hạ sẽ vui lòng mà thuận theo. Còn ở dưới động mà trên cũng đẹp lòng, nghĩa là động mà có sự ứng thuận, cho nên dễ "hanh" dễ "thông", từ đó mà "đắc" thành "chánh", không mắc lỗi lầm. Phải có "hanh" có "chánh" thì thiên hạ mới theo mình được. Thừa cha, nghĩa của quẻ "Tuỳ" có phải thế không ạ?

Cha chưa kịp khen con thì có tiếng chó sủa. Cụ Cử nổi tiếng trường Kim Hoa chống gậy dò sang. Cụ đã nán lại bên kia nghe hai cha con họ Lê dạy nhau về Kinh Dịch. Cụ rất vui và nói:

- Thăng Đôn học giỏi nhưng thơ có giỏi không?

Lê Phú Thứ vội ân cần ra đón khách:

- Kìa huynh, huynh đến tự bao giờ mà đệ không biết!

- Quan Thượng thư còn mải chữ nghĩa thánh hiền mà, học trò già này cũng vừa đến thôi! Nay Đôn, ta ra bài cho con nhé, mà ta thích thơ Nôm chứ không thích thơ chữ Hán đâu!

Đôn hơi lo, nói:

- Bác...

- Bác, bác cái gì? Làm được hay không làm được thì bảo!

Lê Quý Đôn cúi mặt, vê vê cúc áo:

- Bác hay hỏi những điều khó hơn cha con! Con sợ lắm!

Lê Phú Thứ mắng yêu con:

- Láo nào! Bác thương thì mới dạy bảo cho đấy. Phải cố mà học. Thuở cha cùng tập văn ở trường tỉnh với bác, bác lúc nào cũng ngồi trên đầu cha đó.

- Sao bác không ra làm quan như cha cháu?

- Ô, cái thằng này, thấy bác chiều lại quá đà rồi!

- Cháu xin bác thứ lỗi!

- Thôi thôi, bây giờ hãy lo làm thơ đi... Thơ vịnh cậu học trò lười, rần đầu, biếng học!

- Con có lười đâu ạ!

Cụ Cử cười vang:

- Không lười làm thơ hay về học trò lười mới giỏi. Nhưng rần đầu thì có rần đấy! Đã thế mỗi câu thơ phải có một con rần! Làm được không! Để ra rồi! Giấy mực kia, hạn cho tàn nửa nén hương phải xong!

Lê Phú Thứ đưa hương cho cụ Cử. Cụ Cử thấp lên. Lê Quý Đôn ra án học viết.

Chén trà uống chưa tàn, hương mới cháy hết một đốt tay, đã thấy Lê Quý Đôn dừng bút, chạy đến:

- Thừa bác, con làm xong rồi ạ!

Lê Phú Thứ nhắc:

- Làm được hãy nộp. Hay lại làm quấy quá cho xong để đi chơi đấy!

Cụ Cử Kim Hoa liếc mắt đọc, nét mặt ngạc nhiên hẳn lên vỗ tay lên đùi bạn:

- Nay cha nghe thơ của con đây. Quấy quá hay không thì biết:

Rắn đầu, biếng học

Chẳng phải Liu diu cũng giống nhà!

Rắn đầu biếng học lẽ không tha.

Thẹn đèn, Hồ lửa, đau lòng mẹ,

Nay thét, Mai găm, rât cổ cha

Ráo mép, dám buông lời lếu láo

Lần lưng, chẳng khỏi vết năm ba

Từ nay Trâu, Lỗ xin siêng học

Kẻo Hồ Mang danh tiếng thế gia!

Lê Phú Thứ cũng không khỏi ngạc nhiên thêm về sự miễn tiện của con trai. Cụ Cử Kim Hoa nhón trên bàn ăn một trái cam và nói:

- Đây, thầy thưởng cho học trò...! Như thế là được!

- Cháu xin bác ạ. Lạy bác, cháu ra vườn chơi ạ!

Lê Phú Thứ cười sung sướng, khẽ bảo:

-Ừ, thôi, con ra vườn mà xem mẹ chăm hoa!

*

Lê Quý Đôn đã trải qua ba kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình. Ông đã ở vào tuổi hai mươi bảy. Hơn hai mươi năm đèn sách. Bảng nhãn họ Lê tin ở tài học của mình. Ban đầu ông được bổ nhiệm làm

chức Thụ thư ở Viện Hàn Lâm, mùa xuân năm sau, được sung làm Toàn tu (soạn sách) ở Quốc Sử Quán.

Chúa Trịnh Sâm đang cần dùng người tài lược. Bây giờ, Quý Đôn mới là một chức quan thất phẩm, do đồ cao, được bổ nhiệm sớm, mới từ Quốc Sử Quán về tri phiên, vào châu, đứng ở mãi tận hàng cuối. Lê Quý Đôn, dự nhiều buổi châu, thường chỉ nghe đến các chuyện lo thuế má, cử binh đánh dẹp bọn giặc giã vừa khởi loạn, mà chưa thấy ai đề đạt về quốc sách. Trịnh Sâm lại vừa nghe lời Đặng Tuyên phi muốn dùng Hoàng Đình Bảo, triều đình ai cũng xôn xao. Đôn liền thức mấy đêm viết một tờ sớ điều trần về pháp chế và chính sự đương thời. Trịnh Sâm đọc, hết sức lưu ý, hôm sau cho vào châu mà hỏi:

- Bữa qua, ta có đọc sớ của khanh! Đó là những điều quả là phải lưu ý! Khanh thử nói cho ta nghe cái điều mà khanh cho là ứng phó với hoãn cấp là gì?

Lê Quý Đôn thưa:

- Khái bẩm Chúa, tôi nghe trị nước không nên cứ để tình thế có hoãn cấp mới tìm cách chặn không cho nó xảy ra. Điều cần là thực lực của quốc gia để chủ động ứng phó với hoãn cấp. Cách đối phó cũng có nhiều phương lược. Hoặc là thu thập quân binh trong nước, tập trung lại ở kinh đô! Đó là một cách! Hoặc là gom góp của cải tích tụ trong kho tàng? Đó cũng là một cách. Song hai cách đó đều là phải huy động, thu vét nhân lực, vật lực trong dân chúng! Quốc sách một, tham quan, lại những làm gấp lên năm, ba lần... Dân không nói ra nhưng oán ngấm! Bỏ mất lòng dân, không phải là đạo để dẹp loạn, mà cái chỗ dựa để dẹp yên mới nhiều nhưng trong thiên hạ cũng không hợp với lòng người, mà chỉ là nói suông thôi. Người ta sinh ra, thiên chất không đều, người này hiền, kẻ kia ác; người hung hăng hiếu động, người chí thú làm ăn, lại có một bọn đắm đuối chơi bời, du thủ, du thực... Và chẳng, cứu tế cho mọi người là điều mà Nghiêu, Thuấn không làm nổi, thì làm sao để mọi

người sống được theo sở thích của mình! Vì thế người làm Vua giỏi phải đặt ra pháp chế để nắm vững quốc gia. Đó là thực thi lời dạy của thánh hiền: "Hãy lấy đức mà dẫn lối cho dân, lấy văn hoá để làm cho dân một lòng noi theo vậy"⁽¹⁾.

Trịnh Sâm hỏi vặn:

- Làm như thế có lợi gì?

- Làm như vậy có thể sửa chữa nhân tâm một nước, tạo ra phong tục trăm đời. Người dân vì biết tôn trọng pháp luật mà có hướng đi nhất định. Dù có biến động từ bên ngoài, có pháp luật, trong nước cũng không thể chia rẽ và gây rối!

Chúa Trịnh lại hỏi:

- Mục đích thì hay. Biện pháp phải thế nào?

- Đó là cách phân định quan chức rõ ràng, chọn tài nào vào việc nấy, phân định văn võ, lập pháp thi lệnh nghiêm cẩn, qui định học pháp, giáo pháp, sao cho chủ trương từ trong triều ra đến bờ cõi quan hệ gắn bó như một thân thể, một hệ thống như máu trong cơ thể. Máu đã đỏ tươi, mạch lạc lưu thông thì lo gì không trị quốc, dân an!

Chúa rất hài lòng, lưu ý đến Lê Quý Đôn từ đó. Kịp đến năm vua Lê mất, triều đình cần báo tang, cử Lê Quý Đôn sang sứ nhà Thanh. Khi sứ bộ đến, nghe tiếng sứ thần An Nam, học giỏi, Nhà vua thiết triều tiếp sứ, nhân đó hỏi đến chính sự của Vua Lê và Chúa Trịnh. Vua Thanh hỏi đùa một câu:

- Nước các người xa xôi, giáo hoá ra sao? Vua và Chúa có hoà thuận không?

Lê Quý Đôn dập đầu tâu:

- Thần đi sứ đến tận giáp biên giới, hỏi một đứa bé: điều trị nước là gì? Cậu bé nói: Chẳng phải là vua ra vua, chúa ra chúa,

⁽¹⁾ Nguyên văn lời của Khổng Tử: "đạo chi dĩ đức, tế chi dĩ lễ".

quan ra quan, dân ra dân, thầy ra thầy, trò ra trò, cha ra cha, con ra con ư! Một đứa bé ở tí ngoài cũi còn biết trả lời thần như thế, đủ biết nước An Nam chúng thần lo giáo hoá đạo thánh hiền đến như thế nào!

Vua Thanh khen:

- Một câu nói đủ thấy tài sức của sứ thần Nam Việt.

Liền ban thưởng rất hậu. Ngay buổi chiều đó, các quan đại thần của nhà Thanh như Binh bộ Thượng thư Lương Thi Chính, Công bộ Thượng thư Qui Hữu Quang các đại phu ở Viện Hàn Lâm, Viện Đô Sát đều đến quán dịch thăm hỏi trao đổi về thơ văn, thư pháp, văn tự cổ đại... Ai cũng chịu Lê Quý Đôn là người uyên thâm, quảng bác.

Lễ bộ thượng thư mời Lê Quý Đôn diễn giải về lễ ở Hồng lô tự. Các quan ở Lễ bộ nhà Thanh, các sứ thần Cao Ly, Lưu Cầu đều đến nghe rất đông, trao đổi rất lý thú. Lê Quý Đôn còn đưa hai cuốn sách *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục* cho họ xem, họ rất thán phục. Riêng sứ thần Cao Ly là Hồng Khải Hy rất thích thơ. Lê Quý Đôn đưa cho Hy xem tập *Tiêu tương bát vịnh*. Hy rất phục liền đề tựa luôn cho tập ấy, lời rất trang nhã, thán phục...

*

Lê Quý Đôn trở về nước. Ông ghé qua Hàng Châu, Tô Châu, lên Hoàng Hạc, qua hồ Động Đình, thắng cảnh Trung Hoa, con người Trung Hoa khiến ông khâm phục bao nhiêu thì những văn thư ở các quan lại đầu tỉnh sắc cho các địa phận có sứ bộ đi qua, đều làm ông bức bối... Họ đều gọi sứ bộ của nước Đại Việt là "Di quan, Di mục" nghĩa là quan lại của một xứ sở mọi rợ. Lê Quý Đôn tự trách mình. Khi đi, mãi lo việc đối đáp với Vua quan nhà Thanh, lo ứng phó với các sứ bộ các nước, qua một người, hiểu một nước, qua một nhân cách hiểu một văn minh, văn hoá của một quốc gia, mà không chú ý sự khinh nhờn của thượng quốc! Ông buồn lắm. Sứ bộ

về đến tỉnh Quảng Tây, Lê Quý Đôn viết thư cho quan đầu tỉnh lời lẽ rất gay gắt:

"Sứ bộ Đại Việt đi qua tỉnh lớn Quảng Tây, cảm kích về sự đón tiếp nồng hậu. Rượu rót tràn bát, lời trao đổi trân trọng giữa đôi bên, Đôn này lòng đầy cảm phục. Kịp đến kinh đô, Hoàng đế nhà Thanh cho vào bệ kiến, rất mực trọng tài. Lúc đối đáp trước chín bệ rồng, lúc cho thưởng hoa ở vườn ngự uyển. Các quan Thượng thư bộ Binh, bộ Lễ, bộ Công đều đến thăm hỏi, trao đổi tác phẩm, ngâm vịnh thơ văn, quý trọng, mến tài, yêu nét, tưởng chẳng có gì phân biệt Hoa và Di cả!

Vậy mà, khi qua các tỉnh, công văn nào cũng thấy đề chữ "quan sát mọi, kẻ chặn dân đất dã man"... Đành rằng chữ nghĩa không công khai, nhưng nội tâm chứa đầy sự khinh bỉ, phân biệt.

Văn hoá đầu của riêng một ai. Chữ thánh hiền kẻ ở bên cạnh Vua Trung Hoa không học cũng không biết, nhưng người cõi xa chịu học, chịu nghiêm ngặt, đến chỗ cao đàm, khoát luận, đã chắc ai hơn ai?

Tôi, sứ thần Đại Việt, xin phản kháng các quan chức đại phượng dùng chữ không đúng lòng quý trọng sứ thần của triều đình nhà Thanh. Xin từ nay phải dùng đúng tên của nước tôi, tuyệt đối không được dùng các từ Di, Man trong công văn nói về sứ bộ...

Vì lẽ nghĩa tình hoà hữu hai nước, thư chẳng hết lời.

Đồng Chánh sứ Đại Việt, Lê Quý Đôn

Cẩn bái!"

Quan Bố chánh Quảng Tây là Diệp Tồn Nhân xem thư giạt mình. Ông cũng biết Lê Quý Đôn lên kinh đô được Hoàng đế nhà Thanh rất coi trọng, ưu ái. Tồn Nhân vội vàng thương nghị với quan Tổng đốc rồi đến các quán dịch gặp Lê Quý Đôn xin lỗi...

Ông thảo luôn công văn tấu bẩm lên Thanh triều, nói rõ ý phản bác của sứ thần An Nam, và ít lâu sau được chiếu Nhà vua sắc cho các tỉnh có các sứ bộ, không riêng gì Đại Việt, đều phải gọi

đích danh tên nước của họ kèm theo tên của sứ bộ. Từ Di quan, Di mục, Man quan, Man mục, đều được thay đổi trên các công văn chính thức hồi đó...

Lê Quý Đôn chào Diệp Tôn Nhân, cảm ơn về sự nhiệt tâm, rồi tìm đến quan Đốc học Quảng Tây và Châu Bội Liên, vốn là một bậc học giả để ra mắt.

Châu Bội Liên sai gia nhân bày yến tiệc thật lớn, lấy lễ của quan địa phương đón đại thần để tiếp đón. Tiêu thiếu nhã nhạc vang lừng. Sứ bộ Đại Việt bước vào dinh phủ. Châu Bội Liên cùng các danh gia ở Quảng Tây đều có mặt.

Các bạn của Châu Bội Liên muốn thử tài thêm Lê Quý Đôn, nhân uống hết một đấu rượu đầu liền hỏi:

- Quan Chánh sứ Đại Việt học thông kim cổ, có biết bài thơ này của ai không?

Lê Quý Đôn trong cơn ngà ngà say, ngồi bên Châu Bội Liên cũng nói:

- Xin ngài cứ nói. Nếu Đôn này không biết thì trong tiệc rượu hẳn có người biết...

Châu Bội Liên gật đầu liền hỏi về câu trả lời sắc sảo.

Vị học giả Quảng Tây cao giọng hỏi:

- Xin quan Chánh sứ An Nam cho biết bài *Ấm trung bát tiên ca* của ai vậy.

Lê Quý Đôn không đáp, vẫy tay ra hiệu cho nhạc tấu im, rồi cầm chén đưa cho người rót đầy, uống một hơi đứng dậy đọc:

Ấm trung bát tiên ca

Tri Chương kỳ mã tự thừa thuyền

Nhân hoa lạc tỉnh thủy để miên

Nhữ dương tam đấu thủy triều thiên

Đạo phùng cúc xa khẩu lưu diên

Hận bát di phong đáo Tiểu tuyền

Tả tướng nhật húng phú vạn tiền,
Ẩm như trường kinh hấp bách xuyên
Hàm bôi Lạc Thánh, xưng tị hiền
Tông Chi túc lệ mỹ thiếu niên,
Cử tràng, bạch nhân vông thanh thiên,
Hạo như ngọc thụ lâm phong tiền
Tô Tấn trường trai, xúc phát tiền
Tuý trung vãng vãng ai diêu thiên
Lý Bạch nhất đầu thi bách thiên
Trường an thị thượng tửu gia miên
Thiên tử hô lai bất thượng thuyền
Tự xưng thân thị tửu trung tiên
Trương Húc tam bôi thảo thánh truyền
Thoát mạo lộ đỉnh vương công tiền
Huy hào lạc chỉ vân như yên
Tiếu Toại ngũ đầu phương trác nhiên
Cao đàm hùng biện kinh tứ diện

Bài ca này há chẳng phải của thi hào Đỗ Phủ đời Đường ca ngợi những bậc tài danh nhất ở Tràng An Thịnh Đường ư?

Cả bàn tiệc vỗ tay rào rào khen ngợi. Tiệc rượu hoà đồng không phân biệt ai là Hoa ai là Việt, mà chỉ là một đêm đêm văn hoá, văn chương để đàm đạo.

Sáng hôm sau, sứ bộ lên đường ung dung về nước.

Ông nghề làng Tó

Ở làng Tó, trong một ngõ nhỏ đầy tre là nhà ông Ngô Thì Úc. Ông nổi tiếng hay chữ, hình như có lều chõng đi thi một vài lần, sau gặp buổi loạn lạc nên ngồi ở làng dạy học.

Ngô Thì Sĩ là con ông, học rất thông minh đặc biệt mê văn *Sử ký Tư Mã Thiên* và các bài phú của những danh gia như *Mạc Đĩnh Chi*, *Trương Hán Siêu* của tiền triều.

Thì Sĩ hồi còn học ở trường, văn đã hay lắm. Nhà nghèo, Sĩ rất ham học, có bữa nhịn đói mà học. Được cuốn sách hay giảng về các thể văn sách, kinh nghĩa, tứ lục, đốt củi đọc thâu đêm suốt sáng. Hồi còn chưa ai biết tiếng học hành, một bữa, đọc sách xong, bụng đói, tìm khắp không có gì ăn, phải lấy một củ khoai lang, rửa sạch mà cắn đớp chất trong khuya cho đỡ đói, dọ đó, nảy ra tứ một bài văn trách ma nghèo, viết xong gục đầu lên chõng mà ngủ. Cụ Ngô Thì Úc dậy sớm uống trà, liền cầm lên đọc:

"Thanh Đình tử trong khi cùng túng, giữ một chức quan nhỏ, thanh bạch, một bữa gọi ma nghèo mà trách rằng: mày với tao quen biết nhau, không phải là người thân cố gì. Tao trước kia gia sản bậc trung, vì xa xỉ mà hao tổn, ruộng vườn bán hết, mới gọi mày đến nhà tao... Vì mày mà phải đi vay, mày lại đóng cửa nhà người ta lại... Nhà lợp tranh không kín, mày bảo không nên chữa... mày bắt tao vì năm đấu gạo mà còng lưng, đồng tiền vào tay là hết ngay. Năm được mùa vẫn đói, năm ấm áp vẫn chịu rét. Có sao mày lại đến đây làm gì? Bầu trời man mác, gò lạch hợp với mày, bình bát là thứ thích hợp với mày, sao mày không lên

núi cao, ra biển lớn, chơi nghỉ ở những nơi trống rỗng mà cứ đuổi trên ta mãi thế.

Ma nghèo nói:

- Tôi tuy là ma nghèo, nhưng đời đời nhà tôi có tiếng là thanh liêm. Từ thời Tam Đại về sau, các danh thần, hiền tướng đứng được ở trong thiên hạ đều qua tay tôi điểm hoá rồi sau mới thành tựu được đức tính, thêm nhiều trí lực nên công danh sự nghiệp phi thường. Kìa như Y Doãn từng tay nhẹ vì xanh thốt, Lã Vọng từng làm đồ tể, Ninh Thích từng chặn trâu thuê, Tô Tần lúc nào cũng chỉ có chiếc áo cừu rách đó sao!

Tôi nghe: có đông thì có xuân, có coắt có đuổi, có hạnh lại có truân, việc đời lặp lại nào có hiếm gì! Nhà ông ba đời đọc sách, có công mà chưa được hưởng, ông còn phải cố gắng nữa, như vàng phải đắm thêm trong lửa, trúc đẹp phải chịu uốn để mùi đời trải hơn, trí lực từ đó mà thêm, công danh mới dài lâu to tát.

Nay làm việc gì cũng gặp ngăn trở, thì lòng kiêu sẽ mất, nghĩ đến việc gì cũng chu đáo thì sự buông thả đẹp xuống. Không kiêu, không buông thả thì thành Đức. Đức nghiệp đã tiến, công danh tất thành chắc là ma nghèo tôi phải cuốn xéo mà thôi!"

Ông Ngô Thì Úc đọc xong mừng lắm, tin rằng Ngô Thì Sĩ sẽ mở đường thành người danh vọng cho dòng họ Ngô.

Ngô Thì Sĩ đỗ Hương cống, được tiến triều làm cấp sự trung Công Khoa. Nghị Tổ Trịnh Doanh rất yêu và chú ý. Những năm ấy, sĩ tử rất hay đua tài trận bút. Ở kinh thành nổi tiếng hay chữ là Ngô Thì Sĩ. Chúa lại khen ông trước mặt nhiều người, tính Thì Sĩ lại khảng khái, thẳng thắn, văn từ phóng khoáng, không chịu bó vào luật lệ qui tắc, do đó đám quan đương thời rất ganh ghét, tìm cách dìm dập. Do đó Ngô Thì Sĩ đi thi Hội nhiều lần, đều bị bới móc rồi đánh hỏng. Chúa Trịnh Doanh năm ấy, không thấy tên Sĩ trong bảng Tiến sĩ, liền đem quyển hỏng của ông xem, đem duyệt lại, rồi gọi bọn chánh phó chủ khảo, đề điệu khoa thi năm ấy mà bảo:

- Văn Ngô Thì Sĩ, ta xem có nhiều đoạn lý thú.

Bọn quan chấm thi, nói quanh nói quẩn, Chúa thấy mọi việc đã xong, không thể khác được, quở trách thêm rồi cũng bỏ qua. Bọn quan chấm thi càng ghét thêm Ngô Thì Sĩ...

Khoa Bính Tuất (1766), Ngô Thì Sĩ lều chõng vào thi Hội. Dẫu đã làm quan, nhưng vẫn nghèo và lận đận, kỳ thi này không hào hứng như những lần trước. Trước hôm thi, lục traps văn lại thấy bài ma nghèo cũ của mình, đọc lại một lần rồi tùm tùm cười, không nói gì thêm.

Lần này đi thi, giữa chừng, ông bị cảm lạnh, ruột đau như cắt, mấy lần phải xin phép quan coi thi đi cầu. Kỳ này là kỳ đệ tứ, nghĩ lại các lần bị quan trường đánh hỏng trước, Thì Sĩ làm không kỳ khu, bỏ công nắn từng chữ, luyện từng câu như những lần trước.

Quan chủ khảo vốn không ưa Thì Sĩ, nên vẫn cứ lưu ý đến giọng văn hào phóng, uẩn súc mà vẫn bay bướm của ông, nếu kịp mà đọc qua thì sẽ đánh hỏng. Bữa ấy, đọc đúng văn của Ngô Thì Sĩ, quan chủ khảo lại không thấy giọng cũ, bởi bài thi đã rọc phách, nên quan đưa cho quan phó chủ khảo đọc.

Ông này đọc xong, quan chủ khảo hỏi:

- Ông thấy thế nào?

Quan phó chủ khảo nói:

- Quyền này văn bản đến thời nay luyện đạt lắm, đáng đỗ hội nguyên, nhưng văn khí hơi yếu nên không phải là văn Ngô Thì Sĩ!

Họ lại đọc đến bài của Nguyễn Bá Dương cũng là một người hay chữ chẳng kém Ngô Thì Sĩ là bao nhiêu. Quan chủ khảo đọc xong bảo với quan phó chủ khảo:

- Quyền này văn khí mạnh mẽ khác thường, giống giọng văn Ngô Thì Sĩ, nhưng kim văn lại kém, Thì Sĩ tất không làm thế!

Thế là cả Ngô Thì Sĩ và Nguyễn Bá Dương đều đậu. Thì Sĩ từ Tam trường đến Đình đối, trước mặt Chúa đều đỗ thứ nhất. Ngày

vinh quy ông được ban quân, voi tiến về. Nghị Tổ Trịnh Doanh lại ban thơ cho ông.

Ông đến chào lạy hai ông chánh, phó chủ khảo, cả hai đều khen nức nở và người nào cũng nói họ đều có ý bù trừ cho ông (!)

Về nhà, ông dán bài văn trách ma nghèo lên vách.

Ngô Thì Sĩ được giao cho việc chấm thi vào năm Tân Mão. Đó là khoa thi Hương. Việc đã xong từ ba, bốn tháng. Các ông hương cống đã vinh qui. Một bữa ông được Chúa gọi vào, đưa cho một tờ đơn kiện mà bảo:

- Khanh đọc xem. Họ nói gì trong ấy?

Ông định mở ra đọc, song chúa Tĩnh Đô Vương ngăn lại mà bảo:

- Khoan đã, vội gì mà phải đọc.

Rồi Chúa dạo qua nhà riêng của ông, xem qua và khen:

- Khanh cũng trữ nhiều sách đấy nhỉ?

- Bẩm Chúa, sách thì nhiều, nhưng chỉ được mấy câu là sách quý.

Chúa gật gật đầu rồi ra về. Khi Chúa về rồi ông mở thư ra đọc thấy đó là một đơn kiện về ăn của đút lót của học trò. Ông giật mình, toát mồ hôi. Bức thư viết bằng văn vần, lời lẽ rất ngang ngạnh:

Khải Chúa, nho sinh là thằng Chu,

Quê tận Nghệ An ra ứng thí

Gặp quan chủ khảo Ngô Thì Sĩ

Từng nổi danh, chữ tốt văn hay

Học trò xứ Nghệ tiền không có,

Trận bút đua tài mong thi đỗ

*Qua kỳ Kinh nghĩa chẳng thua ai
Mà bảng tứ trường tên chẳng có!*

*Chu trọ cùng nhà với tên Chú
Gã vốn chơi bởi học lỗ mỗ
Đến kỳ yết bảng tên để danh
Một sớm, một chiều thành ông Cử*

*Sĩ tử trường thi ai cũng lạ
Hỏi gã. Gã bảo: - Ngu như chó,
Thời nay không tiền không đồ đâu
Không tin cứ hỏi Ngô Thì Sĩ...*

Ngô Thì Sĩ buồn lắm. Tự tay Chúa mang đến cho đâu phải chuyện thường. Sĩ biết ở trong triều nhiều kẻ ghét mình. Nghị Tổ Trịnh Doanh yêu Thì Sĩ, Tĩnh Vương Trịnh Sâm cũng trọng ông, song, vừa qua việc Chúa dùng Hoàng Đình Bảo, Ngô Thì Sĩ làm sớ đàn hạch, khuyên không nên dùng, Chúa không bằng lòng, kịp xảy ra chuyện này. Chuyện vu cáo ông này chẳng có gì là bằng cớ, nhưng loang ra cả hoàng thành. Có người nói:

- Ngô Thì Sĩ bề ngoài tỏ ra thanh liêm thôi. Bạc tiền thì ai chẳng thích.

Hôm sau, có chiếu của Tĩnh Vương đến bãi chức Ngô Thì Sĩ. Ông lui về quê đóng cửa, không giao du với ai, dồn sức để hoàn thành cuốn *Đại Việt Sử Ký Tiền Biên*... Ở nhà suốt ba năm, một hôm thấy từ ngoài cổng có tiếng gọi. Ông vội ra mở cửa. Lại vẫn Chúa Tĩnh Vương. Ông sụp lạy. Trịnh Sâm bước vào nhà, vui vẻ hơn bữa trước. Chúa nói:

- Ta vừa tuần du phương Nam, ghé về qua Hương Tích, có bài thơ, người nghe nhé!

Rồi Chúa đọc:

Vịnh cảnh Tuyết Sơn

Éo le thay bấy cảnh thanh bình.

Có vẻ tân kỳ, có vẻ thanh

Gió quuyến cảm thông, thông lợp tán

Mây vờn vách đá, đá in tranh

Non cao Phật hiện phô kim tướng

Động thăm, rỗng quanh, lắng ngọc kinh

Sương tuyết càng nhiều, càng tú lệ

Này này chẳng khác chốn Bồng Doanh

Đọc hết, Chúa hỏi:

- Khanh thấy thế nào?

Ngô Thì Sĩ nói:

- Thần cũng thích cảnh thiên nhiên. Thơ của Chúa thượng khiến thần bản thân nghĩ lại đến những nơi kỳ tú mình đã đi qua.

Chúa thấy Sĩ hết sức thực lòng, sống vẫn thanh bạch. Nghĩ đến chuyện bãi chức Sĩ mấy năm trước, Chúa tỏ ra hối hận. Ngay hôm đó, Chúa cho gọi quan Tham tụng Bùi Huy Bích đến hỏi:

- Ta muốn dùng Ngô Thì Sĩ lại chức cũ, ông thấy thế nào?

Bích tâu:

- Bẩm Chúa, hiện đang khuyết chức Thiêm đô ngự sử, nên dùng vào chức ấy.

Khi ông vào nhận chức Chúa hỏi đến việc binh, việc dân. Ông nói rất tường tận. Chúa khen:

- Khanh đóng cửa sài mấy năm, sức nghĩ rộng và sâu thêm rồi đấy. Nếu Khanh thấy chính sự có điều gì cần sửa đổi cho hợp lòng dân, cứ việc tâu lên.

Ngô Thì Sĩ vâng ý Chúa, đề đạt: cứ ba bốn năm, các quan hành khiển nên xét thực tài của các quan chức để sắp xếp cho xứng với đức và khả năng cho công việc có hiệu quả. Ông lại xin Chúa bổ sung thêm luật lệ về hình án, kiện tụng; truy tôn các bậc văn thân có tiếng đời trước như Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Phùng Khắc Khoan. Chúa đều nghe cả.

Một tháng sau, Chúa vời vào, ban cho ngự tửu và nói:

- Đất Lạng Sơn đang cần có một vị quan phụ mẫu để yên lòng dân, giữ vững đất đai biên giới, ta muốn khanh lên trấn giữ.

Ngô Thì Sĩ vâng mệnh đi ngay.

Ông theo đường sông lên đất Hữu Lũng rồi từ đó lên xứ Lạng.

Dọc đường, thấy hàng đoàn người vào rừng đào củ mài, dẫn nửa, dẫn củi đem về xuôi bán. Ngô Thì Sĩ nghĩ ngợi miên man. Kịp đến đi vào đến trấn phủ, thấy những đám nhà nghèo chôn nhau ở bên đường, người đói ngắc ngoải, trước các lều quán, bên lề đường, khiến ông, cảm mọi, đăm đuối suy nghĩ.

Chiêng trống cờ xí đón quan Trấn thủ khá rôm rả, ông dẹp bỏ hết. Ông không cho mở tiệc mừng đón. Ngay hôm sau lên phủ đường, ông đã xét một lượt xem các quan đầu trấn, các địa phương ai là người tâm huyết với việc quan, việc cứu dân. Ông nghĩ ra phương lược cứu đói trước tiên rồi nói với họ ngay giữa chính đường:

- Làm quan mà để dân đói khổ, trước là có tội với thánh hiền, tiên tổ, sau là có tội với Vua. Ta với các ông hãy liệu kế cứu dân khỏi năm mất mùa này.

Nói rồi, sai người xuống các vùng, lấy thuế trước của các thổ hào bằng ngô, bằng thóc, bằng kê, về chia cho các làng, phát cho những người có ruộng. Những người đói thì trấn phủ vay thóc, vay khoai, vay sắn đem phát chẩn. Mấy tháng gắng gỏi, hạn nắng qua, mưa ập xuống dân chúng hái rau lang, rau đồng ăn trộn qua ngày, chẳng mấy đã được thu hoạch ngô khoai cứu đói. Sự sống đã bắt đầu trở lại. Ở chợ đã có bài hát ngợi ca quan Trấn thủ:

*Ngô Thì Sĩ, tướng lòng danh
Trên vì nước, dưới vì dân
Cha mẹ đâu lo được thế
Đất đã sống, rừng đã xanh.*

*Ngô Thì Sĩ, tướng chuyên cần
Gà gáy ban mai dậy đọc sách
Nghĩ ra phương kế mà an dân
Ngô Thì Sĩ, tướng lòng danh.*

Ông dặn các quan không được đắm vào các thú ca lâu, bài bạc, thuốc phiện mà phải đến với những bản làng xa xôi, giúp dân ở giáp ải xa giữ vững bờ cõi, không để lấn chiếm. Những tháng mưa, hoặc tháng nắng, ông đều chọn ngựa tốt, đem theo các tùy tướng, gia khách giỏi việc trị bình. Ông đến hết các cửa ải, đặt mốc đá để ghi cõi. Có chỗ còn cho đặt bia ghi rõ địa phận của Đại Việt. Ông hỏi han phong tục lễ hội của người Tày, người Nùng, người Dao, người Miêu, giúp họ ở những nơi họ thích, mở chợ theo phiên để trao đổi hàng hoá và giao lưu ca hát. Quan Trấn thủ đi đến đâu, dân xúm quanh bên vó ngựa, chèo kéo về nhà, mời lên sà, lấy rượu ngon nhất mời uống, thịt rừng nướng mời ăn, trọng hơn cả cha mẹ, người già. Mỗi lần lên với chỗ làng xóm cheo leo hiểm trở ông đều cho ngựa thồ theo muối, liềm hái, đem biếu dân bản... Nhiều người khóc không muốn cho ông đi khỏi làng của họ...

Khoảng mấy năm, trấn Lạng Sơn yên ổn, dân chúng chăm chỉ, chuyên cần. Trộm cướp không có, chợ búa tấp nập...

Ngô Thì Sĩ ghi lại tất cả những điều cần biết cho người chép sử để nếu có dịp, sẽ ngồi viết lại những điều mọi người cần biết về một tỉnh biên trấn trọng yếu.

Một buổi, ông đi sâu vào phía tả ngạn sông Kỳ Cùng. Cảnh sắc mùa thu nơi đất núi rừng thật tuyệt vời. Ông men theo những

giải suối, những lối đá, thấy chỗ nào cũng đẹp, càng đi càng thích thú. Ông đến một ngọn núi đá, trèo lên lưng chừng núi có một hang động thật kỳ ảo. Rẽ cổ bước lên. Đó là một vòm hang nhỏ. Ông cho người thấp đuốc đi vào. Dưới ánh đuốc sáng, thạch nhũ hiện dần lên những giọt sương ngoài cửa động long lanh như ngọc.

Sắc cỏ thơm lẫn hương nhựa, hương rừng. Xung quanh tiếng chim hót ran ran.

Vào trong động, dưới ánh bập bùng của đuốc, vách động đều như ngọc hồng, ngọc bích. Lại có đủ dáng một góc, một nơi, một vẻ. Chùa như nơi để người ta liên tưởng đến Phật Thánh. Người dẫn đường chỉ một bát hương đá nói:

- Thưa quan Trấn thủ, hang động này thiêng lắm. Trai gái lên đây thắp hương xin lấy được nhau, thường được ứng nguyện. Ngày trước có một sư nữ đẹp như tiên giáng trần trụ trì, ít lâu sau người hoá, khi chết trông vẫn tưởng là ngọc nữ. Mộ của nàng để ở sau chân núi kia.

Ngô Thì Sĩ nói:

- Vậy thì đây đã là cửa Phật, lại có tiên xuống tu. Sao không gọi là chùa Tiên...

Ai cũng lấy làm phải.

Đi một quãng lại thấy một lỗ đá nhỏ, nhìn xuống sâu đến nửa cánh tay, nước lúc nào cũng đầy ắp. Lấy móm cọ khoanh lại mức lên rửa mặt cho cả đoàn người, mức đến đâu nước một lúc sau lại dâng đầy như cũ.

Ngô Thì Sĩ gọi người dẫn đường đến hỏi:

- Người có biết cái giếng này không?

- Dạ, con chưa biết.

Ngô Thì Sĩ nói:

- Vậy là trời sai ta phải biết đem cảnh đẹp kỳ thú của thiên nhiên giới thiệu với đời sau đây. Giếng này nên gọi là giếng Tiên.

Hôm ấy đã quá muộn. Ông phải trở về. Trên đường đến phủ, ông bảo viên tùy tướng:

- Ở đây chắc còn nhiều hang động nữa. Ngày mai, ông điều cho ta thêm vài chục lính quen với việc dẫn cây, dẹp cỏ.

Quả nhiên hôm ấy lần theo suối và đá, ông tìm ra hai động nữa, một là Nhị Thanh, một là Tam Thanh.

Ông cho lính phạt cây, mở lối, lại cho mở chợ phiên ở bên sông Kỳ Cùng. Rất nhiều khách xa, dân gần nô nức đến xem kỳ quan do quan Trấn thủ phát hiện.

Một bữa, ông đang ngồi ở trấn đường, thì một lão bộc từ Kinh Bắc lên hốt hải nói:

- Bẩm quan, nguy quá rồi, quan Đốc đồng Kinh Bắc Ngô Thì Nhậm dính líu đến vụ án lớn ở kinh thành.

Ngô Thì Sĩ vội lui vào nhà sau nghe chuyện. Khi biết con trai là Ngô Thì Nhậm liên can đến việc tố cáo với Chúa Trịnh Sâm vụ Trịnh Tông mưu giành ngôi chúa tể mang tiếng là người giết thầy học, ân sư để giành lấy chức Thị lang. Ngô Thì Sĩ thở dài, người tưởng bã ra.

Lão bộc nói:

- Các công tử ở làng rất mong quan về!

- Việc thăng Nhậm làm là việc đại hệ trọng, ngoài sức can thiệp của ta! Chỉ có Chúa, có Trời là người dàn xếp được thôi. Và lại, nếu oan thì tự mình làm lấy huân nghiệp mà trả lời cho đời. Ngô Thì Nhậm đường đường là một chức quan đầu tỉnh rồi, ta về cũng chẳng làm chi.

Hôm sau, người ta thấy dáng một ông già đứng trước núi Nhị Thanh thơ thẩn bên suối đá, bần thần trước núi sông hùng vĩ.

1997

Tiến sĩ phong lưu

Nguyễn Khản là con dâu của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm, do đó, từ hồi Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm còn là Thế tử, Khản đã được tập văn cùng Chúa. Hai bên cùng đua tài trận bút, thơ phú chẳng ai chịu kém ai. Khản cũng là người học giỏi. Năm thi Hội, Nguyễn Khản đỗ cao, được Chúa ban yến ở nhà khách bộ Lễ. Các quan tân khoa cùng ngồi, thì Khản mắt sáng, tư thế ung dung, hào hoa hơn cả. Lúc ấy Xuân Quận công đã được Chúa phong làm Tư đồ, thay Chúa coi việc lễ nghi, chính cha đem hoa gài lên mũ áo Chúa ban cho con trai rồi mới gài cho các tân khoa khác, bởi Nguyễn Khản đỗ cao. Có người đồng liêu, sau đó, hỏi Xuân Quận công:

- Sao bữa ấy, ông không cài hoa cho người khác trước, sau mới cài hoa cho Khản, như thế có phải được tiếng khiêm nhường không?

Xuân Quận công xá bạn một vái rồi ôn tồn nói:

- Nhờ đại nhân chỉ giáo, Nghiễm này rất quý. Song bữa ấy, nếu lấy việc cha con trước người ngoài mà xử sự, thì làm sao thể hiện được sự trọng nhân tài của Hoàng đế và nhà Chúa. Bởi thằng Khản nhà tôi đỗ cao hơn các vị tân khoa kia. Thà tôi chịu mang tiếng là không biết khiêm nhường còn hơn là để Chúa chịu tiếng là người không biết ai hơn ai kém.

Các quan triều đều phục là xử sự đúng và việc ấy không những được truyền tụng ở kinh thành mà còn vang dội cả đám nhà nho...

Khi Thịnh Vương Trịnh Sâm kế nghiệp ngôi Chúa phong Khản làm Tri Phiên Liêu kiêm quản nhất hùng cơ, ban tước Kiều Nhạc hầu. Chúa rất mến Khản, bởi Khản cầm, kỳ, thi, hoạ thú phong lưu, ăn chơi rất sành, không gì là không thạo. Lúc đó, giặc giã các nơi đã dẹp yên cả, đất nước thanh bình, Chúa lại càng muốn được thanh thoi, ngoài việc lên coi châu, bàn việc nước theo lệ thường, Chúa ham thưởng hoa, câu cá. Đi đâu, Chúa cũng gọi Khản theo hầu.

Một bận mùa thu, câu cá ở Hồ Tây, Khản ngồi câu cứ giật được cá liên tiếp còn Chúa thì chẳng được con nào cả. Chúa buồn bực hỏi:

- Sao khanh có phép gì mà nó lại cắn câu của khanh nhiều hơn của ta?

Khản nói:

- Chúa thượng có thả thính trước khi câu không?

- Có chứ!

- Đó là thính của Chúa thượng chưa thích hợp với cá của từng loại. Loại cá trê thích thứ thính có mùi. Loại cá có vẩy như cá chép, cá diếc, cá rô thích thính có mùi thơm hoặc mùi chua... Mùa thu muốn câu được cá diếc, phải có thính riêng. Thần thích ăn gỏi cá diếc nên câu xa bờ...

- Sao người không thả thính cho ta câu?

- Tâu, thần sợ như thế là phạm thượng. Thính của Chúa bao giờ không hơn thính của thần...

Chúa chỉ mặt Khản cười:

- Người đánh chết không bao giờ chữa được thói bông lơn. Nhưng thôi, thả thính dùm cho ta...

Khản thả thính. Chúa Trịnh câu một lúc được tới sáu, bảy con cá, thích lắm. Khản đem cá về, cho gia nhân làm bữa gỏi cá rất câu kỳ, lấy rượu thật ngon ở nơi dân dã cho hâm nóng, nhân Chúa đến rủ đi thưởng hoa, mời Chúa nếm. Chúa khen ngon hỏi cá ở đâu. Khản nói:

- Tàu Chúa thượng, cơm cày, cá kiếm. Chúa câu được cá mà không ăn thì mất một nửa thú vui. Hôm qua, thần được Chúa ban cá cho, để trưa nay làm gỏi, lại được biết Chúa vui đi thưởng hoa hải đường ở chùa Liên Phái, nên thần mạo muội dâng lên Chúa.

Chúa càng quý Khản, chịu Khản có những thú riêng mà chính Chúa do giàu sang mà bỏ qua...

*

Trịnh Sâm muốn biến Tây Hồ gần phủ Chúa làm nơi du ngoạn, nhất là khi Chúa yêu Đặng Thị Huệ. Chúa gọi Khản vào giao cho tạo dựng vườn thượng uyển. Khản sắp xếp vườn hoa lối cổ, ngô đồng, mẫu đơn, tùng cúc rất hài hoà. Lại cho đặt một khu vườn toàn chim quý, làm những lồng thú nhốt vượn năm màu, nai sao, sơn dương, gấu, báo để Chúa và Tuyên phi đến ngắm. Khản biết Chúa rất thích hoa lan, đầu xuân kiến tạo ra một vườn lan mới. Lựa đêm ấm áp, mời Chúa thưởng lan... Chúa theo Khản khen hết giờ này sang giờ khác. Nhưng có thứ lan Chúa chưa biết liền hỏi Khản:

- Lan này là thứ gì mà đẹp và thơm đến vậy?

- Tàu Chúa thượng, đây là ngọc quế lan, thuộc dòng kiến lan. Cánh lan này ngoài xanh trong trắng, hơi điểm sắc đỏ trông như vụn ngọc rắc lên; lại có bốn lưỡi gài giữa hoa như lông gà gô, thật là một thứ lan đặc biệt. Trồng nó cũng phải nhiều công phu lắm. Thần đã chọn được chiếc chậu sứ đời Minh, men rạn màu cẩm thạch, thì vẻ đẹp của hoa mới hiện ra hết được.

Tuyên phi hỏi:

- Thứ lan này chắc tưới bón hẳn công phu lắm?

- Quả có thế ạ, bốn ngọc quế lan phải dùng thứ bùn khô đốt ủ, lấy sừng hươu, bã chè khô, phủ lên trên gốc. Hàng ngày phải cắt lá úa rửa lá tươi đến bốn lần, lại phải lấy cá ươn ngâm lấy nước tưới thích hợp cho nó. Mỗi lá ra xanh tốt dài đến vài thước⁽¹⁾, mỗi dò có

⁽¹⁾ Đơn vị thước ta, mỗi thước bằng 0m40.

đến vài chục hoa. Thần đem chậu hoa này từ một vị lão trượng trông hoa đến ba đời ở khu mười ba trại.

Chúa gật đầu khen lại đến xem hai chậu trà hồng và trà trắng. Trà trắng lấp ló trong lá xanh. Trà hồng nở một lúc bảy bông, cành trên cành dưới giao hoà như bảy vì tinh tú. Chúa tấm tắc khen, Tuyên phi cũng thần người ra ngắm. Chúa nói:

- Hoa đẹp còn cần phải có bàn tay biết tôn vẻ đẹp của hoa. Chậu trà trắng đứng một mình sao đẹp được khi đứng bên chậu hồng trà. Mà trà trắng thì đẹp vì bông thưa, còn trà hồng lại đẹp với bông nhiều, cân đối bên nhau khoe sắc.

Nói rồi ban thưởng cho Nguyễn Khản một lạng trà ngon, một chiếc bút lông mua từ Yên Kinh và một bình rượu quý. Chúa nói đùa:

- Trà ngon, rượu ngon, bút đẹp của ta, là muốn mong ông Tiến sĩ phong lưu này, có thơ hay, ca từ đẹp để lại cho đời sau.

Nguyễn Khản nhún mình nói:

- Thần ham chơi. Chúa thượng không quở, lại còn ban thêm cho trà, cho rượu, cho bút, thì...

Tuyên phi hỏi gặng:

- Thì làm sao?

- Dạ bẩm, thì chỉ làm hư thần thôi ạ!

Trịnh Sâm cười vang:

- Ta chỉ mong Khản hư như Lý Bạch thôi!...

Vua tôi rất chân tình, thân thiết. Chiều ấy, Chúa ban cho Khản cùng dự tiệc tiếp sứ thần Trấn Ninh, nửa đêm mới cho về...

Khản vốn mải chơi, nên có bữa mệt, xin Chúa được nghỉ châu. Chúa cũng không quở trách gì. Nhưng có một buổi, Chúa đang vui, việc rồi, bảo quan thường thị đem nghiên bút vào, phê lên số xin nghỉ một bài thơ Nôm:

*Đáng phạt năm đồng bỏ buổi câu,
Lại phạt năm đồng bỏ buổi châu,
Nhấn nhủ ông bay về nghĩ đấy,
Hãy còn phạt nữa chẳng thôi đâu!*

Đúng là Khản ốm, không hầu Chúa được buổi đi câu và lại vắng buổi châu vừa qua thật. Khản nhận được ngự phê, nộp mười tiền cho thư phòng bộ Lại, rồi dâng tờ khai tạ ơn, gồm bốn câu tạ lại bài thơ Chúa như sau:

*Váng vất cho nên bỏ buổi câu,
Cảm nặng vơng thêm phải cáo châu!
Ơn trên phạt đến là thương đến
Ấy của triều đình chứ của đâu!*

Chúa xem khen là hào hoa, miễn tiếp... Một bận, Nguyễn Khản bày tiệc đãi tân khách, thiếu chè uống. Quan trung sứ có việc đến gấp, ông không kịp làm tờ khai, chỉ kịp viết mấy chữ: "Thần là Khản, xin một lạng trà". Quan trung sứ về dâng, Trịnh Sâm sai đem cả một hòm trà ban cho Khản. Việc ấy các đại thần đều ghen tỵ ngầm với Nguyễn Khản mà không làm gì được.

Năm ấy, Chúa sai Hàn Quận công Nguyễn Phương Đình, Lý Trần Thản và Nguyễn Khản làm thầy dạy học cho Thế tử Trịnh Tông. Sau Lý Trần Thản mất, Nguyễn Phương Đình già bệnh, chỉ một mình ông nhận chức Tư giảng... Ít lâu sau, vợ ông mất, ông buồn đau, đóng cửa vài tháng không chơi bởi gì cả. Kịp lúc ấy, Chúa nghe Tuyên phi Đặng Thị Huệ, dùng Huy Quận công Hoàng Đình Bảo, nên cũng xa ông dần, không yêu thân như trước nữa...

*

Nguyễn Khản rất sành âm luật. Ông rất thạo nhạc phủ, từ luật cũ, theo phức điệu, đơn điệu mà đặt những bài hát mới. Bài hát ông đặt lời, đặt nhạc, được truyền tụng rất nhanh ra ngoài giáo phường,

ai cũng chịu là người tài hoa. Từ ngày vợ mất, đàn ông treo để cho tơ nhện giăng mắc, gian nhà chính chẳng còn tiếng tơ tiếng trúc réo rắt nữa. Giáo phường cũng có những người đặt bài hát mới, nhưng chẳng lời nào ra hồn, lại phải lấy bài hát cũ của Nguyễn Khản ra mà hát. Một bận, Nguyễn Khản đang ngồi đọc sách, người hầu vào báo có nữ chủ quán Ly Sơn và một cô đào, một kép hát xin được vào hầu, Khản mới chợt nhớ rằng, mình thương nhớ vợ mà xao lãng cả cầm, thi. Nhìn lại, chủ quán vốn là người quen cũ, nhưng có một cô đào trẻ, gương mặt, lông mày, gò má, vành môi thật duyên dáng, tự dưng lòng lại đầy hào hứng.

Nữ chủ quán Ly Sơn thưa:

- Bẩm đại nhân, từ ngày phu nhân mất, quán Ly Sơn vắng mặt văn nhân, thi sĩ hào hoa đệ nhất kinh thành, mà ca từ, cầm xoang cũng thiếu những khúc hay, điệu đẹp. Tôi mới được cô em đây, về hát giúp, giọng em hay lắm, nên đem đào, kép đến làm cho ngài Tiến sĩ phong lưu khuây khoả một chút, nhân tiện xin ngài một bài mới, khúc mới.

Nguyễn Khản mời vào ngồi, ngắm cô đào, cầm bút viết ngay lời ca, ca khúc mới, rồi đưa cho nữ chủ quán. Chủ quán cho cô đào trẻ xem, ngược nhìn lên người vừa viết vừa hát, mắt rung rung, đầy mến mộ. Cô liếc mắt đọc, miệng lẩm nhẩm một hồi, rồi nói:

- Bẩm đại nhân, bài hát hay quá, em xin được hát tặng ngài...

Nguyễn Khản gọi người nhà:

- Đem trống châu lên đây cho ta...

Con hầu vội lau trống, lau giùi đem đến. Quan Tư giăng sai trái chiếu cho đám đào kép mới, bày hoa quả, trà ngon, trầu quế thiết đãi, rồi ôm trống cầm châu. Roi châu vụt xuống, đàn, nhị xênh phách nổi lên, giọng trầm buồn cô đào trẻ cất tiếng hát bài *Tư mỹ nhân*⁽¹⁾:

⁽¹⁾ Nhớ người đẹp.

*Mỹ nhân hà xứ khứ,
Tài tử hận nan tâm
Nào đâu khi ngắm liễu, lúc ca ngâm,
Xuối đến nỗi trắng tàn hoa héo...*

*Nước đã trôi xuôi không trở lại,
Hồn tro đất cũ mộng mười phương
Biết ai mà nhớ nhớ thương thương,
Phòng khuê lạnh thơ thơ, thần thần.
Kiếp này đã nửa đường đứt gánh
Sen liền cành hẹn đến kiếp sau
Tham chi phú quý, công hầu...*

Cô đào giọng thanh, buông bắt khá nhuần, giọng lại buồn buồn. Người ta nhìn khắp các đào kép và người nhà đứng xem, người nào mắt cũng gừng gừng, có người không tìm được nước mắt. Nguyễn Khả thương cho cô đào trẻ, rồi thấp ba nén hương lên bàn thờ người vợ yêu vừa mới mất, miệng lẩm bẩm:

- Ta nhớ nàng, gửi tấm lòng trong câu hát. Nàng nhận được chưa?

*

Từ ngày Huy Quận công được Chúa tin dùng thì Nguyễn Khả, Nguyễn Phương Đĩnh ít được Chúa gọi đến hầu hạ như trước nữa. Khả không lấy thế làm buồn, vẫn thanh thản, ung dung, ngoài buổi châu, buổi tiếp khách, trong nhà không bao giờ thiếu tiếng đàn, sáo, xênh phách, những tối ngâm thơ, thả thơ, đánh cờ, uống rượu...

Trịnh Tông tuy là Thế tử từ hồi mới sinh, nhưng khi Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm được Đặng Thị Huệ, thường chênh mảng, không

lưu tâm đến Thế tử như trước. Năm mười hai tuổi, theo điển lệ, con trai nối ngôi Chúa, thường được ra ở Đông cung, Chúa lơ đi. Ba năm sau, Đặng Thị Huệ sinh được vương tử Cán. Tông mười lăm tuổi. Chúa quý Cán, càng không để ý gì đến con trưởng nữa. Ngoài buổi châu, Chúa thường vào nội cung với Tuyên phi và con trai út. Năm mười tám tuổi, Trịnh Tông, đáng lẽ được cho mở vương phủ, không thấy cha động tĩnh gì. Tông càng sốt ruột. Tông cho gọi Nguyễn Khanh và Hàn Quận công Nguyễn Phương Đình tới, ngay khi quận Huy còn chân ướt chân ráo về kinh thành. Song nhờ có vợ là dòng họ Trịnh, xin quận Huy phò Tông. Quận Huy đem trăm lạng vàng mười tám đoạn Quảng Châu vào hầu Trịnh Tông. Thế tử ghét, quát đuổi đi, quận Huy nghe vợ sang phò Trịnh Cán và được Đặng Thị Huệ chấp nhận. Từ đó phe Tông, phe Cán hăm hè lẫn lè diệt lẫn nhau, triều đình ai cũng rõ.

Gặp lúc Chúa ốm nặng, bọn tâm phúc hầu hạ Trịnh Tông, bàn với Thế tử, nên nắm thời cơ mà giết quận Huy, trị mẹ con Đặng Thị Huệ để lên ngôi Chúa. Thế tử nghe theo, cho người ngầm bàn với Trấn thủ Kinh Bắc là Tuấn Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuấn, sau đó lại bàn với Nguyễn Khanh, lúc đó đã bị điều ra khỏi kinh thành làm Trấn thủ Sơn Tây. Nguyễn Khắc Tuấn lưỡng lự, còn Nguyễn Khanh thì khuyên Trịnh Tông hãy kiên nhẫn chờ thời, không nên manh động. Việc này bị viên Đốc đồng Thái Nguyên biết, ngầm tâu với Chúa. Phía Kinh Bắc, Ngô Thì Nhậm cũng tố cáo việc Thế tử Tông cho người đến mưu giết Huy Quận công và trị mẹ con Đặng Thị Huệ. Ốm khỏi, Trịnh Sâm tức lắm, cho giam lỏng Tông ở Trạch Các rồi bắt bọn Nguyễn Khắc Tuấn, Nguyễn Khanh, Nguyễn Phương Đình về hỏi tội. Đình bị phế làm thường dân, Khắc Tuấn tội chết được tự xử. Còn Nguyễn Khanh cũng bị hình quan ghép vào tội chết, song nghĩ đến công lao của Xuân Quận công, cha Khanh, và tình cũ, Chúa hãy giam vào ngục, chờ bao giờ có lệnh, thì cho chết. Trịnh Sâm, lại còn lôi tờ giấy xin trà của Khanh ngày trước, giơ cho mọi người xem, rồi bảo:

- Nguyễn Khả cậy ta yêu trọng đã hờn hào đến thế này đây.

Quần thần không ai dám nói câu nào!

Nguyễn Khả bị giam, không lấy thế làm buồn, hàng ngày vẫn lấy sách ra đọc. Lúc buồn lại soạn ca khúc, điệu từ làm vui. Quan coi ngục rất vì nể, có lúc hỏi:

- Ngài bị khép vào tội giam chờ chết. Người khác thì buồn rầu, sao tôi chẳng thấy ngài tư lự gì, hay là ngài vô tâm?

Nguyễn Khả đang đọc *Nam hoa kinh* của Trang Tử, liền đưa ngay trang đang đọc cho viên quan coi ngục xem. Trang sách viết:

"Có người bảo rằng vũ trụ có khởi thủy, người khác bảo vũ trụ không có; người khác lại bác lại người thứ hai cho rằng chỉ mới đầu vũ trụ không có gì cả. Đó là thuyết Hữu Vô. Xoay quanh Có hay Không, có đến mấy chủ thuyết. Khi thì cho vũ trụ là Có, khi thì lại là Không. Không biết cái Có cái Không đó là thực là Có, có thực là Không không? Khi một ý kiến đưa ra, thì thực là ý kiến hay là không ý kiến gì cả?"

Trên đời này không có gì lớn bằng đầu chiếc lông mùa thu, mà núi Thái Sơn thì nhỏ⁽¹⁾. Không ai thọ bằng đứa trẻ chết yểu, mà không ai yếu bằng ông Bành Tổ⁽²⁾. Trời đất sinh ra với ta, vạn vật và ta hợp nhất, chỉ là một. Có có, không không, đừng suy luận gì hết thì thấy được Đạo".

Viên quan coi ngục đọc xong, trả sách, cung kính vái chào, bỏ đi, không nói gì cả.

Mùa đông năm Nhâm Dần (1782), quân Tam Phủ nổi loạn kiêu binh, đưa Đoan Nam Vương Trịnh Tông lên làm Chúa. Nguyễn Khả được ra khỏi ngục lại được cho làm Lại bộ thượng thư, vào phủ Tham tụng, tước Toàn Quận công. Em Nguyễn Khả là Nguyễn Điều, cũng được làm Đô đốc phủ sự, tước Điều Nhạc

⁽¹⁾ Một trong năm núi lớn phía đông Trung Quốc.

⁽²⁾ Nhân vật huyền thoại sống lâu cao tuổi nhất Trung Hoa.

hầu. Khản và Điều có ý muốn trị tội lạm quyền của quân Tam Phủ. Lúc ấy, có người thấy Khản được phục chức đến chúc mừng, Khản nói:

- Chúa thấy dùng được ta, thì gọi ra, có gì mà mừng. Cảm ơn có lòng quý trọng ta, nhưng ông mừng hôm nay, ngộ mai ta lắm lỗi gì lại có tội, lại bị giáng, bị biếm, thì hoá không thức thời hay sao, chi bằng, quên chuyện ấy đi, nghe mấy cung đàn tiếng sáo, có phải hay không?

Rồi gọi con hát ra hát. Người kia sượng sùng, đành bấm bụng ngồi nghe.

Mấy bữa sau, bọn quân tướng Tam Phủ biết chuyện Khản muốn dẹp bớt sự quá đáng của đám kiêu binh, đến phá nhà Khản, bức ép nhà cậu ruột Chúa là Dương hầu thụ phủ sự, giết Chiêm Trung hầu. Khản chạy vào bên Chúa mới yên ổn. Sau đấy, Chúa đành bỏ Khản ra làm kiêm lĩnh Trấn thủ hai trấn Sơn Tây, Hưng Hoá... Khản vẫn muốn phò Trịnh Tông liền bàn với Trấn thủ Sơn Nam là Hoàng Phùng Cơ định đem quân về kinh thành dẹp quân Tam Phủ, nhưng thời thế đã đổi, quân Tây Sơn ra Bắc. Rồi hết việc tiếm quyền của Nguyễn Hữu Chỉnh đến Võ Văn Nhậm... Khản buồn, không về kinh đô, chỉ ở ngoài trấn nhàn cư, ẩn dật.

Thỉnh thoảng ông lại cho gọi con hát tới hát những bài ca mới, điệu buồn, điệu hài, điệu nửa hài nửa bi, nhưng điệu nào cũng hay cả. Lưu truyền lại có lẽ chỉ còn bài ca từ, lời lẽ như sau:

Năm canh Tể tướng châu kim khuyết,

*Bán dạ Tướng quân xuất **N**gọc quan,*

Thôi thì thôi danh lợi bất như nhàn

Riêng một cuộc giang san, từng cúc

Cười cợt yên hà, thơ mấy khúc

Vấy vùng phong nguyệt, rượi ba chung.

Vấy vùng phong nguyệt bông lông,

Chẳng Khanh tướng cũng ngang tàng trong vũ trụ

Phong vị tư mùa đâu chẳng thú

Kìa trắng trắng gió gió với nhân tình

Chữ rằng: Thiên tải phù sinh

Ít lâu sau ông mất, trên mộ chí chỉ tạc lên bia đá bốn chữ:
"Tiến sĩ phong lưu".

1997

Hải Thượng Lãn Ông

Ở một bìa đồi tí sấu đất Hương Sơn Châu Hoan, có một ngôi nhà gỗ nhỏ, tựa lưng vào vách núi. Chủ nhân là một người thầy thuốc tuổi đã xấp xỉ sáu mươi, con một nhà quyền quý. Tuy là người trên núi, ông lại lấy tên là Hải Thượng Lãn Ông (Ông già lười trên biển). Ai chưa biết ông đều thấy cái điều trái đời, lại có vẻ kiêu ngạo... Nhưng chỉ gần ông một lần thôi, thì đức độ, nhân phẩm, lời nói, ý nghĩ của ông đã lập tức gây được lòng mến mộ. ..

Dầu đã lừng tiếng danh sư một vùng, trang trại của thầy Lãn Ông cũng không hơn một nhà trung lưu ở xóm núi... Đất Châu Hoan rộng, nên nhà thầy cũng được tới vài sào... Phía trên là nhà ở, bên trái là nơi tiếp khách, xem mạch và bốc thuốc. Ngăn thuốc kê dài ngay trước cửa ra vào. Đối diện với phòng thuốc là nơi thầy ở riêng, nơi đó kê một cái giường tre, vài ba kệ sách, một án thư và một bộ đồ trà.

Ông già lười cũng cho xây một vài quán nhỏ, ẩn sau những lá cọ non tơ, hay hướng về phía gió đông từ biển xa thổi tới. Có chỗ lấy tên là lầu Hóng gió, (Nghinh phong) hay là gác Tránh ồn (Tịch huyên), để ôm đàn ra gảy một vài khúc phiêu diêu, hay ngồi lặng để nghĩ một chương sách thuốc... Lại có chỗ mời những tay cao cờ đến độ trí một vài cuộc, sau khi thầy vừa đắc ý vì cứu được một căn bệnh hiểm nghèo...

Ngày 12, năm Dần, niên hiệu Cảnh Hưng, thầy đang ngồi đọc sách, chợt gia đồng vào dẫn người thơ lại của quan Trấn thủ, đích thân đem lính theo, vào xin hầu chuyện. Ông già lười mời khách vào nhà.

Khách khúm núm đưa thư của quan Thạch Trung hầu và quan Trấn thủ. Ông già liền giở ra đọc.

Bức thứ nhất là mệnh lệnh của triều đình, ghi rõ:

"Quan nội sai Binh Phiên Thạch Trung hầu, vâng chiếu chỉ truyền cho quan Trấn thủ tỉnh Nghệ An là Côn Lĩnh Hầu, tìm một người quê ở Liêu Xá, huyện Đường Hào, con quan cố Thượng thư họ Lê, tên là Lê Hữu Trác, tục gọi là Chiêu Bấy, nay dời về quê mẹ là xã Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn. Phải dò hỏi họ tên, tìm cho được người rồi sai lính trấn tức khắc dẫn ngay tới kinh đợi mệnh...

Nay chủ truyền...

Ngày 29 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 42".

Ông già lười cung kính đặt thư của Thạch Trung hầu lên hương án, rồi đọc bức thứ hai của quan Trấn thủ. Thủ bút của quan nét chữ quen thân, lời ân cần vồn vã: "Tôi biết cụ từ thời quan Chánh đường Hoàng Tố Lý còn trọng nhậm ở đây. Chủ tiếc cụ không thích lại vãng chỗ đình trấn, mà thích mai danh ẩn tích. Nay tiếng tăm không giấu nổi nữa... Thiết nghĩ, cụ thường cho mình là người học trò quê mùa, một sớm tên đạt tới thêm vua, có phải ai cũng được thế đâu... Bao kẻ trong làng nho khạo khát đấy. Tiên đồ thên thang lắm, lòng riêng tôi rất đổi vui mừng, bởi không chỉ tiếng thơm của danh sĩ mà còn thơm lây cho cả tôi nữa... cũng xin lưu ý cụ một điều: Kẻ sĩ được mệnh vua, không đợi có xe ngựa, phải tức khắc lên đường. Đến trấn Vĩnh Định sẽ có lính trấn sẵn sàng hộ tống, chờ ngày cùng đi... Thư chẳng hết lời!". Ông già lười thở dài. Người thư lại ngạc nhiên hỏi:

- Sao cụ lại thở dài?

Ông già lười không đáp, hỏi lại:

- Xin hỏi ông, triều đình có việc gì quan trọng mà phải vời đến một lão thầy thuốc già ở một vùng xa xôi như tôi... Chẳng hay quan Trấn thủ có hé đôi điều cùng ông chăng?

Viên thơ lại thực tình thưa:

- Quan tôi nói: Đông cung Thế tử được Chúa thượng rất yêu chẳng may lâm bệnh, các ngự y xoay xở mãi không chữa nổi. Quan Chánh đường chợt nhớ ra cụ liên tiến cử với Chúa thượng. Chuyến đi này không phải chuyện thường, cụ nên thu xếp đi ngay, mới ổn được...

Hải Thượng Lãn Ông mời khách lên nhà nghỉ và gọi gia đồng làm cơm thiết đãi... Khách đi rồi, người học trò yêu đến, khấp nép hỏi:

- Thưa thầy, liệu con có phải chuẩn bị hành trang để thầy lên kinh ngay không? Con có được đi hầu thầy không?

- Con hãy để ta nghĩ thêm đêm nay đã, mai sẽ trả lời... Ta xem có cách nào thoát thác được chăng?

- Con sợ thầy thoát thác e trái mệnh vua. Sợ có kẻ gièm pha, ghen ghét nhân thế mà có cơ làm hại đến thanh danh của thầy...

Ông già lười cười mỉm:

- Thanh danh của ta ai mà bôi nhọ nổi! Ta chỉ vì một con bệnh nặng đang nguy kịch, nay đi, ngộ người ta có mệnh hệ nào thì áy náy cả một đời, vả lại năm hết tết đến rồi, thầy phải đi xa, thì tết này cả nhà sẽ ngao ngán!

- Nhưng mệnh vua gấp lắm thưa thầy!

- Việc triều đình bao giờ mà chẳng gấp, nhưng ta đã đọc kỹ thư của Thạch Trung hầu, biết bệnh của Thế tử dấu nặng nhưng chưa nguy kịch đến tính mạng. Trong thư còn nói chuyện phải lần tìm cho được dấu tích của ta cơ mà... Thế thì thời hạn không phải là cấp thiết lắm.

Nói chưa dứt câu thì bên ngoài có tiếng chó cắn.

Người học trò yêu vào thưa:

- Thưa thầy, hai vợ chồng người hàng chài có con gái bị đậu mùa, đến xin vào gặp.

Ông già lười thốt giạt mình. Linh tính con người ghê gớm thật. Mấy ngày hôm nay ông bồn chồn không yên, cảm giác có người ở đâu nhắc mình, mong mình. Khi được thư triệu về kinh chữa bệnh cho Thế tử, ông tưởng chính là sự dự báo ấy, nhưng đọc thư rồi, lòng dạ vẫn bị ám ảnh bởi một con bệnh mà ông đã từ chối không chữa cách đây một tuần.

Số là có người dân chài nghèo, làm nghề kiếm cá ở ngã ba sông, có đứa con gái mười ba tuổi, chẳng may mắc bệnh, lặn lội đến mời ông chữa. Người bố kể bệnh: đứa trẻ sợ lạnh, sốt cao mũi ngạt, tiếng nặng, ho phiền khát không đỡ được mồ hôi, nói mê, nói sảng, táo bón, bí tiểu... Nhà nghèo có một mụn con, thương lắm, năn nỉ ông đến thăm.

Ông già lười đến, thấy cả cơ ngơi chỉ có chiếc thuyền nát, chiếc chài nhỏ, bát đĩa đặt trong khoang tạm bợ, nhưng chồng vợ hoà thuận, một lòng vì con, khiến ông cũng có cảm tình. Ông thăm bệnh và cho thuốc, thì cháu bé đỡ phiền khát, đỡ nói mê, nhưng hết thuốc thì bệnh đâu lại đóng đó... Hai ngày sau người chồng râu rĩ, rân rân nước mắt đến đón ông. Ông không dừng được lại tới thăm. Cháu bé mắc bệnh đậu mùa trầm trọng.

Lăn Ông thở dài, lắc đầu mà bảo:

- Bệnh cháu nặng lắm! Tôi không chữa được, mong bác đi tìm thầy thuốc khác...

Nghe xong câu nói của thầy, vợ người dân chài oà khóc, còn người chồng sụp lạy sống ông ngay trên thuyền ngăn không cho ông ra và thưa:

- Vợ chồng con chỉ có một mụn con gái, lòng không thể nhìn cháu chết thê thảm thế này được. Mong thầy còn nước còn tát, cải tử hoàn sinh cho cháu.

Lăn Ông thấy bệnh trầm trọng, đường xa, lại trên sông nước lạnh lẽo, muốn cứu được phải luôn theo dõi con bệnh, nên có phần hơi ngại. Lên khỏi thuyền về đến nhà, hình ảnh thảm thương của vợ

chồng con cái người dân chài lại khiến ông ân hận... Ông cứ áy náy, nếu như quyết tâm, chịu khổ mà chữa, há chẳng đem lại hạnh phúc cho gia đình nghèo này hay sao... Ba hôm sau, những mong người dân chài đến nài, chắc là ông lại đến xem bệnh và chữa cho, song ông không thấy họ đến...

Đúng vào lúc ông phải chịu mệnh vua, thì cái người mà ông chờ lại xuất hiện. Ông bảo người học trò: "Con cho người ta vào".

Hai vợ chồng thấy ông, không kể đất cát nền nhà, sụp lạy từ cửa. Người vợ lật đật bày lên trên đĩa cơm trâu và năm quan tiền, tay dâng lên đầu, đứng im phăng phắc. Người chồng thì năn nỉ:

- Cháu nhỏ nhà chúng con bệnh nặng, được cù đến thăm phúc phận quá lớn. Giờ cù lại chối, nhà chúng con nghèo, nhờ thầy khác sao nổi, tiếng tăm, ơn huệ của cù cả vùng Hương Sơn này cho đến khắp các tỉnh thành đều biết. Mong cù ra tay cứu vớt cháu thì vợ chồng con kết cỏ ngậm vành, xin suốt đời làm tôi đòi để tạ ơn. Hôm nay, con bán được cái chài, sửa chút lễ mọn tỏ chút lòng thành, mong thầy thương cho, không dám trả tiền thuốc! Nếu thầy không chữa cho thì cháu đành chịu chết trên bãi cát khô mà vợ chồng con cũng không sống nổi.

Người vợ vẫn quỳ, nâng năm quan tiền và cơm trâu lên, nghe chồng nói, cực thân, oà lên khóc. Người chồng cũng khóc theo. Lăn Ông động tâm, đến nâng hai vợ chồng dậy, an ủi vỗ về:

- Các bác đứng lên đi, đừng quỳ như thế nữa! Không phải tôi dám khinh nhà bác nghèo đâu, chỉ vì ngại khó nhọc. Bệnh cháu mười phần chết tám, chín. Cảm tấm lòng làm cha làm mẹ tận tình của hai bác, tôi sẽ không tiếc thuốc men, không nề vất vả, may mà muôn phần kéo lại được một, cũng là âm đức của nhà hai bác thôi!

Hai vợ chồng mừng rỡ, gạt nước mắt, muốn mời thầy đi ngay. Lăn Ông bảo người học trò dọn cơm ra thết họ. Tất cả những việc ấy, người thợ lại của quan Trấn thủ đều chứng kiến. Nhân lúc hai vợ chồng ăn cơm, ông thảo bức thư lên cho quan

Trần thủ khát chữa bệnh xong sẽ vâng mệnh lên kinh ngay, đoạn dặn học trò tiếp khách chu đáo rồi theo vợ chồng người hàng chài trở về thăm con bệnh ngay... Đến nơi, bắt đốt đuốc vào thăm bệnh. Đứa trẻ khắp mình sưng tím, bụng trướng, mùi hôi thối như xác rữa xông ra không sao chịu nổi. Lãn Ông cho rằng chứng độc còn bên trong, phải cho tống ra, hẹn dùng bài thuốc Quế chi đại hoàng thang thêm vào những vị thăng khu thác độc cho uống, chấu bột trướng bụng, tiểu được, liền ngừng bài thuốc cũ, dùng bài Sưu độc tiền gia. Bệnh xem ra chịu thuốc. Vợ chồng hàng chài mừng lắm. Có người bạn chài ở thuyền bên, thương tình mướn thầy rước "Ông Già Lười" sang cung phụng.

Bốn ngày sau, nốt đậu mọc đều, trán, gò má trắng toát nốt mụn mưng, không hở chỗ nào. Ở chân tay lại càng dày hơn. Đứa trẻ nằm lịm đi không cựa. Ngực và lưng mụn thưa hơn, nhưng có vẻ đau, vì mụn nào cũng đầu trắng sắc tía... Lãn Ông suy nghĩ rồi quyết bớt thêm bài Hoàng liên giải độc thang, gia giảm thêm vài ba vị thay đổi cho uống... Con bệnh chống đỡ mệt mỏi, có lúc lịm đi, bố mẹ cháu hồi hộp lo sợ. Nhưng đến ngày thứ bảy, thể nóng lui dần, bao nhiêu chất độc của bệnh đều bung ra thành mụn. Con bệnh có cơ thoát chết... Lãn Ông xem qua, mặt mày hớn hở bảo vợ chồng người hàng chài rằng:

- Cháu sống rồi! Hai bác khỏi lo nữa.

Hai vợ chồng mừng chảy nước mắt, lú lú những lời ơn huệ. Ông già lười có niềm vui của vị tướng vừa đánh thắng một trận cực kỳ gian nan nguy hiểm trong đời cầm quân của mình. Tuy thế, ông vẫn không dám lơ là. Chờ cho mụn đã hơi vàng mới cho uống Bảo nguyên thang kèm với lộc nhung, thêm gạo nếp, gai bồ kết, sữa người pha chút nhục quế để giải độc ra ngoài, cuối cùng dùng thuốc mát và các vị bổ tiếp theo, dùng đại tể bổ sung sắc đặc cho uống... Vẩy mụn bay hết, mặt trông như mặt nạ rất dễ sợ, nhưng đó là dấu hiệu của bệnh đã hoàn toàn khỏi...

Ông già lười chữa bệnh cho cháu bé ngày đêm tận tụy, không dám bỏ vắng, lấy tình thầy thuốc như cha mẹ thương con, tự tay khâu mụn độc hôi thối, không nề hà, có lúc vừa xem bệnh vừa nghĩ, mồ hôi đầm lưng, đầm trán, nghề thuốc chưa lúc nào lao tâm khổ tứ đến thế!...

Ông già lười đã đến Thăng Long vào hầu quan Chánh đường Huy Quận công Hoàng Đình Bảo. Ông này cho con trai đến thăm và săn sóc rất chu đáo, lại đem tất cả đơn thuốc của các ngự y chữa cho Thế tử Trịnh Cán để Lãn Ông xem. Ông xem qua một lượt, lòng không khỏi bồi ngùi, kinh ngạc. Người học trò yêu vẫn đứng đó cùng với ông, gạn hỏi:

- Thầy vào thăm bệnh cho Thế tử ra sao, con thấy thầy lại có điều buồn bực.

Ông già lười đáp:

- Thế tử ở nơi màn the trướng gấm, ẩm no quá mức, tạng phủ yếu kém, ốm lâu, tinh huyết hao kiệt, da mặt khô, rốn lõm, gân xanh, chân tay khẳng khiu... Đám ngự y thì phần lớn khôn ngoan mà dẫn thân vào cung, thầy thuốc nào cũng tâng công với Chúa thượng. Được gọi đến là cứ nhè bệnh mà công phạt. Người này thì thố, người kia thì thố, danh sư đâu có lảm, cho nên Thế tử thành cái nơi để các ngự y ra sức "đánh trận" bằng thuốc... Cách chữa bây giờ không bỏ không được...

Người học trò lại hỏi:

- Cách này của thầy khác hẳn các quan ngự y, liệu có ổn không?

Ông già lười đáp ngay:

- Thầy đã tính đến điều ấy. Cách chữa trị của mình khác cái đám thầy lang vốn được tin dùng từ lâu, ắt hẳn họ tìm mọi cách moi móc ra mà gièm. Chắc gì đã được Chúa thượng cho Thế tử dùng các bài thuốc của mình.

- Như thế thì cái công lặn lội ra đây chẳng phí ư? Thầy đã xử sự như thế nào?

- Thầy hiện nay đang ở tâm trạng nước đôi... Nhà mình mấy đời ăn lộc Chúa. Mình tránh cảnh danh lợi, tìm về nơi rừng xanh, suối mát mà ở, nay được vời ra kinh đô, không ra sức thì không đúng với điều thánh hiền đã dạy. Do đó, thấy cú thực tình bệnh của Thế tử mà kính cẩn dâng lời thăm bệnh cũng như dâng bài thuốc.

- Con nghĩ cũng phải như thế!

Ông già lười mỉm cười tinh quái:

- Rồi con xem. Dầu y lý không ai bác được, nhưng bài thuốc của thầy sẽ không dùng được đâu. Mà như thế càng hay, thầy trò ta lại sớm được về quê với Hương Sơn non xanh nước biếc.

*

Bài thuốc của ông già lười gây nên bàn luận sôi nổi. Huy Quận công Hoàng Đình Bảo là cận thần của Chúa, vốn cũng sành về ngành thuốc. Ông rất quý Hải Thượng Lãn Ông mà cũng phải ngần ngại, song ông đưa trình lên để Chúa Trịnh Sâm xem.

Ông già lười chờ ở công quán, lúc được triệu đến chờ thánh chỉ, lúc lại nghe bảo hãy về nhà! Ông không hiểu ra sao. Sau đó lại được quan tiểu hoàng môn báo rằng, dầu thuốc chưa được dùng nhưng Chúa thượng đã nghe lời quan Chánh đường, cho Lãn Ông được hai mươi lính hầu, hưởng lộc như một chức quan nhỏ...

Lại những ngày tháng dài ăn chực nằm chờ, đợi mệnh Chúa gọi vào thăm bệnh cho Thế tử. Lúc ấy các quan trong triều biết tiếng, ai bị bệnh hoặc có người thân thiết bị bệnh đều tới cạy Lãn Ông đến thăm cho. Ông già lười đã sẵn phương lược, chỉ những người không dùng được ông mới đến thăm bệnh bốc thuốc. Chữa cho ai khỏi thì lại dặn hết sức giữ gìn, đừng mách bảo lan truyền. Thừa thì giờ, ông tìm chỗ riêng, chước tác những bài thuốc hay,

những kinh nghiệm thu được hoặc những va vấp trong khi chữa bệnh, để truyền cho đời sau. Hai thầy trò đã tìm được cách tiêu phí thì giờ ở kinh đô, biến những năm tháng chờ đợi vô bổ thành thì giờ vàng ngọc.

Dẫu bằng đi hàng tháng không được gọi hầu mạch, ông vẫn không được ra khỏi nội thành, vì quan Chánh đường vẫn lưu ý Chúa Trịnh không nên bỏ phí tài của một thầy thuốc có tiếng như ông. Ông già lười đã hai mươi năm xa quê nội, liền nảy ra một ý xin được về thăm quê. Nhưng việc đó quận Huy cũng không dám quyết, bảo ông phải dâng tờ khai đích thân dâng với Chúa Trịnh. Ông già lười làm ngay và may sao lại được Chúa chấp nhận. Quan Chánh đường trước khi cho ông đi còn dặn phải ghi rõ tên làng xã quê ông, để ngộ có chiếu chỉ gấp sẽ gọi về châu...

Ông già lười về ngay hôm sau. Luân lạc bao nhiêu năm, gặp lại cảnh cũ người xưa, chỗ nào ông cũng bồi hồi xúc động.

Ông đứng trầm ngâm hồi lâu trước cổng làng Liêu Xá. Ông gục đầu xuống trước làng như đứa con tội lỗi trước bà mẹ nghèo đã nuôi dưỡng cho mình thành đạt. Ông về nghỉ tại nhà ông anh ruột vốn là quan Trấn thủ ở Lạng Sơn, rồi sang hầu bà chị dâu cả đã bảy mươi tuổi, goá chồng, tóc bạc phơ ở nhà thờ tổ tiên, lo việc phụng thờ nhang khói. Hai chị em đã đáng tuổi cụ, ôn lại thuở thiếu thời, biết bao chuyện bể dâu, tình nghĩa luân lý, xóm làng chọn rợn.

Ông đi thăm lại nơi làm việc của cha mình, ứa nước mắt nhìn chiếc khung cử nơi mẹ mình đã dệt từng vuông sồi, thêm thất bù vào những túng thiếu, thuở hàn vi nuôi chồng ăn học...

Ông xem lại phòng học cũ ngày xưa, bản thân, đứng lại bên gốc hoa ngâu, nhớ lại cuộc hẹn hò đầu tiên với người thôn nữ nghèo mà sau này gia đình đã ngăn trở ông để dẫn đến ngang trái và ông bỏ mọi con đường công danh theo nghề thuốc...

Ban đêm, ông mở tiệc nhỏ, mời các cha chú và bạn bè từ thuở để chỏm đến uống rượu, bình thơ, hàn huyên chuyện cũ. Ông già

lười được một ngày hạnh phúc thêm trong những ngày hạnh phúc nhất của đời mình. Bạn bè cũ nhiều người làm quan nay đã lui về vườn tược, nghe Hải Thượng Lãn Ông về hoặc thân đến ra mắt, hoặc mời về dinh, phủ riêng chơi. Đều là chỗ thân quen, ông không nỡ chối từ ai, song lòng vẫn canh cánh sợ bị gọi về triều nên không dám đi xa. Ông chỉ hẹn với viên Đốc đồng đi chơi thuyền trên sông quê, ăn bữa gỏi cá và ngâm vịnh. Nhưng cuộc chơi cũng bị bỏ dở, vì quá trưa thì người nhà quan Chánh đường dẫn sáu người lính đến bảo ông phải về Thăng Long ngay không được chậm trễ.

Ông già lười ngửa mặt lên trời, than:

- Muốn tránh đời cũng không nổi là thế này đây!

Rồi vội vã thu xếp lên đường ngay.

Gà gáy hôm sau, tóc tai phờ phạc, mình đau như dằm, ông già lười đã phải chầu chực ở nhà chờ của quan Chánh đường Huy Quận công Hoàng Đình Bảo. Chờ đầy một chiều, ông mới được dẫn vào phòng ngủ của Trịnh Sâm. Chúa nằm trên sập ngự thếp vàng, trái nệm gấm. Cung tần hầu hạ ở bên được đuổi lùi vào phía sau. Huy Quận công bảo ông đến bên sập ngự xem mạch. Ông già lười thoáng cũng hồi hộp. Tim ông đập thình thịch. Có phải ai cũng được vào tận giường ngủ của Chúa thế này đâu. Đại thần có ông chỉ thấy Chúa ở buổi chầu, chưa bao giờ được Chúa cho vào nơi màn trướng riêng của mình.

Ông trầm nghĩ: Dù người trước mặt ta là Chúa Trịnh, thì cũng là con bệnh mà thôi! Chúa xuống võng, ngồi trên nệm gấm, nghiêng người sang trái, đặt tay lên gối gấm. Huy Quận công xem mạch trước cho Chúa, rồi đến Ông già lười, sau chót đến quan ngự y. Hải Thượng Lãn Ông hiểu ra rằng: Chúa muốn hai ông kia kiểm tra những lời đoán bệnh của ông.

Ông già lười xem mạch rất cẩn trọng. Huy Quận công đỡ lời, gợi ý ông:

- Cụ thấy thế nào, cho phép thưa thực.

Lăn Ông đáp:

- Tâu Chúa thượng, nghề thuốc không được nói dối. Tòì thấy mạch Chúa bên tay phải tay trái đều to mà căng, mạch trái thì nhanh mà trầm. Mạch phải thì to mà nhanh, ấn mạnh đều yếu ớt.

Chúa hỏi Huy Quận công và quan ngự y, hai người muốn cho dụ lòng Chúa liên bảo xem thế là kỹ, nhưng không thấy mạch căng.

Chúa cho lui, bảo bốc thuốc kê lên. Huy Quận công lo lắng hỏi:

- Bệnh tình của Chúa thượng thế nào?

- Khó dễ chưa dám nói trước. Xin dâng đơn thuốc để các ông và Chúa thượng xem đã.

Buổi chiều. Ông già lười lại được Chúa gọi vào cho xem mạch. Xem xong, Chúa hỏi:

- Mạch đã nhanh, sao lại dùng quế phụ?

- Thừa mạch của Chúa trên thực dưới hư. Tòì dâng quế phụ là ổn đáng!

- Đã nóng bụng, sao lại đẩy và ăn không tiêu?

- Tâu, tòi xem mạch Chúa thấy hoả nổi ngoài da, ngoài nóng trong lạnh, trên thực dưới hư, nên bụng đầy ăn không tiêu!

- Bên trong lạnh, sao nước tiểu lại vàng đục?

- Tâu, sách *Nội Kinh* đã nói: Khí ở giữa không đủ, tiểu tiện sẽ khác thường, không phải bên trong "thực" mới là nóng!

Chúa cho phép dâng thử thuốc xem sao.

Huy Quận công tỏ ý ngần ngại, bảo Lăn Ông:

- Mạch đã to nhanh lại dùng quế phụ, nếu không phải là hư hoả thì sao?

Quan ngự y cũng bàn thêm vào:

- E như thế, lửa cháy đổ thêm dầu mất.

Hải Thượng Lãn Ông nghiêm giọng thưa:

- Chữa bệnh cho chúa tức là búa rìu trước mắt, tôi biết rõ hoạ phúc chờ sau đơn thuốc của mình. Nhưng người thầy thuốc mà không tin điều mình nói ra thì bốc thuốc kê đơn làm sao được...

Huy Quận công truyền cho bốc thuốc và hẹn hôm sau phải vào hầu sớm. Thuốc của Ông già lười, Chúa uống một thang chuyển bệnh. Chúa Trịnh hỏi giờ nên chữa như thế nào? Ông già lười xin được chế bài thuốc, sắc thành cao. Hải Thượng Lãn Ông nghĩ tiền của Chúa giàu như nước như non, liền cắt một thang thuốc lấy toàn vị thuốc cực tốt, nhưng hươu chọn loại nhung bắc, máu còn đọng, lấy mười lạng cô lại còn vài lạng đem hoà với thuốc, lấy loại nhân sâm củ to nhất mà chế. Một tễ thuốc đáng giá đến hàng ngàn quan tiền...

Huy Quận công và quan ngự y xem không nói gì. Có một viên ngự y người Trung Hoa bình phẩm:

- Thuốc như thế mới thực là thuốc của đáng vương giả...

Cũng ngày hôm đó, Chúa Trịnh ban thưởng cho Ông già lười. Lệ ban thưởng có tên riêng gọi là thưởng cho "Thái Ngưu". Ông già lười cũng không hiểu Thái Ngưu là gì, viên quan ban thưởng đáp:

- Một: "Thái Ngưu" tức là ban cho tiền mười quan.

Ông già lười nghĩ bụng: "Đó cũng là sự ban ân của đáng vương giả...".

Ông già lười còn được Chúa Trịnh Sâm cho sang chữa bệnh cho Thế tử con yêu của Chúa là Trịnh Cán. Tiếng tăm của ông lừng lẫy trong phủ Chúa. Chúa uống cao dăm bảy ngày, mọi bệnh như đã khỏi cả, nhưng lại không ăn uống được, chân tay rời rã, biếng nói. Huy Quận công hỏi kín Hải Thượng Lãn Ông vì sao.

Ông già lười nói:

- Cao bổ như thế, bệnh lui, thì tạng phải khá lên. Đường này lại mỗi mệ, suy nhược thì nguyên khí bại hoại hết rồi, không thuốc nào chữa nổi!

Huy Quận công thất sắc:

- Có cách nào cứu được không?

Ông già lười đáp:

- Có một thang cuối cùng, nếu không gượng được thì là mệnh trời rồi!

Nhưng thang thuốc cuối cùng không cứu nổi bệnh Chúa. Bệnh của Thế tử Trịnh Cán cũng thế. Lúc ấy, có người tiến cử thầy lang ở Sơn Tây vào, Ông già lười nhân thế xin Huy Quận công cho lui về quê. Quận công chần chừ, sau đành phải ưng thuận.

Hai thầy trò vui mừng chuẩn bị khăn gói lên đường ngay.

Khi bước chân xuống thuyền ở bến Đông Bộ Đầu, thầy bảo trò rằng:

- Chữa bệnh cho đế vương, thầy thuốc cũng chỉ là nô bộc mà thôi... Chữa tốt tiền thưởng không quá mười quan, chúc ban không quá chúc Hộ phiên thì chỉ bằng ta về chữa cho dân nghèo vùng quê... Họ thưởng cho ta đâu chỉ có bạc tiền một lần mà ân tình đeo đẳng đến mấy đời.

Nói chưa dứt câu thì xuống thuyền. Theo đường biển, mượn gió Bắc đi hai ngày đến cửa biển Nghệ An, vừa xuống thuyền to đã thấy một người hàng chài chạy tới vái lạy:

- Lạy thầy. Nghe tin thầy về, vợ chồng con và cháu mừng lắm. Vội chở thuyền đến đón thầy và cậu về ngay.

Hải Thượng Lãn Ông nhìn ra thì đúng là vợ chồng người hàng chài mà ông đã chữa cho đứa con gái bị bệnh đậu mùa bữa nọ.

Lòng mẹ

Tuấn Quận công Vũ Tất Tố, người làng Mi Thử, huyện Đường An, ngồi đọc sách rất lâu mỗi mệt. Bấy giờ đồng áng đang buổi cấy mùa, trời oi nóng. Ông lững thững ra đồng xem gia thuộc làm ăn. Viên quản gia thấy ông đi định lấy kiệu, ông ngăn tay lại, không cho, bảo:

- Ta muốn vui thú dân dã, chân muốn dẫm lên cỏ mềm, tay muốn khoả vào nước giá, mặc áo triều đi kiệu thăm đồng, còn ra sao nữa.

Quản gia vội lui ngay. Quận công đi từ cổng làng nhìn lên trời. Nắng gay gắt. Ông liền mượn anh chàng làm vườn chiếc nón treo ở cây rồi đi ra đồng.

Đồng rộng thênh thang. Nhà quan quận có lệ buổi sáng, ra đầu làng mượn thợ cấy. Họ thường nhận một ngày công, trưa được ăn một bữa, cấy đến chập tối. Những ngày mùa cây cấy rộ, quản gia lưu đám thợ cấy giở ngủ lại trong khu nhà quân hầu, đây tở, trải chiếu cũ cho họ nằm la liệt ở đấy, sáng mai thôi cho một bữa cơm sớm, giục ra đồng từ bảnh mắt để tránh cử tiết nóng nực tiểu thử, đại thử...

Vũ Công đang đi trên đường cái lớn, đến quán nghỉ bên gốc đa, thấy một đứa bé con đang tết những cỏ khô làm mũ, rất khéo léo. Ông mới chỉ kịp nhìn vào tay tết của cô bé, một bàn tay gầy nhưng thon xinh.

Vũ Quận công hỏi:

- Cháu tết gì vậy?

- Thưa ông, cháu tết mũ mẹ vua...

Vũ Công thấy lạ, vui miệng hỏi:

- Cháu đã nhìn thấy vua chưa?

Bé gái trả lời:

- Vua cháu không biết, nhưng quan thì cháu biết rồi. Ông ấy đội mũ cánh chuồn, mặc áo lam, đi hài đen, đi đến đâu quát đến đó. Ông ấy thu hết thóc làng cháu, nên nhiều người không có thóc phải đi làm thuê!

- Cháu là con ai?

- Cháu là con người đi cấy!

- Mẹ cháu đâu?

Cô bé lấy tay trở vào người thợ cấy dưới đám ruộng, khi cô bé ngẩng mặt lên, Vũ Công thấy đầu bé nhưng nét mặt thanh đẹp lạ thường. Tuy đất cát lem luốc, nhưng mắt phượng, ấn đường, trán mi, gò má, xống mũi rất thanh tú. Vũ Công vốn không có con gái, nên nhìn thấy cô bé ưng ý lắm. Ông cầm lấy chiếc mũ cỏ hỏi thêm:

- Cháu tết mũ mẹ vua làm gì?

Cô bé không nói. Vũ Công gặng thêm hai, ba lần nữa. Cô tức tối bảo:

- Quan huyện bắt cha cháu, giam đánh tra khảo cho đến chết. Mẹ cháu ức lắm đêm nào cũng khóc. Cháu thương mẹ lắm. Cháu làm mũ mẹ vua này, để ước sao trị được thằng quan huyện ấy trả thù cho cha cháu.

Vũ Công thấy khí chất cô bé lạ thường, mến lắm. Liền dắt tay bé, ông bảo:

- Cháu dẫn ta đến gặp mẹ cháu đi.

Cô bé chỉ tay:

- Mẹ cháu kia kìa! Ông ra đấy mà gặp.

- Không, ta muốn đi cùng với cháu.

- Được rồi, để cháu tết xong mũ mẹ vua đã...

Ông mỉm cười rất hiền, đứng xem. Cô bé tết tiếp, tay nhẹ nhàng buộc bện, xếp tết cỏ... Mũ tết xong rồi, bé hỏi:

- Mũ xong rồi! Có đẹp không ông?
- Đẹp lắm!
- Cháu tặng ông đấy!
- Ồ, cháu thảo lắm. Nào ta đi...

Khi cô bé dắt tay ông bước ra đồng, thì thật kỳ lạ, cô đi đến đâu có mây che trên đầu đến đấy. Xung quanh vẫn nắng chang chang... Từ chiếc mũ cỏ mẹ vua, đến đám mây che, Vũ Công tin rằng cô bé hẳn không phải người thường.

Hôm ấy, ông mời mẹ con cô bé đến, bảo quản gia, lấy quần áo tử tế, giữ lại làm người sai bảo trong nhà. Ông về nói chuyện với phu nhân, ngỏ ý muốn nuôi bé gái làm con nuôi. Vốn không có con gái, khi đến xem mặt, thấy cô bé xinh quá bà liền ưng ngay.

Từ hôm ấy, trong nhà Vũ Quận công có một cô con gái nuôi mang họ Vũ. Tướng công và phu nhân yêu như con đẻ. Người mẹ của cô bé được nuôi dưỡng tử tế, nhưng vài năm sau bị bạo bệnh chết. Từ đó, không ai dám nghĩ Vũ cô nương xuất thân từ đám dân đen nghèo hèn, bởi cô được học hành, càng lớn càng đẹp, đi đâu có con hầu theo, xiêm áo lộng lẫy, ngọc giắt, hoa cài chẳng thiếu gì. Tướng công lại cho cô theo các anh trai học hành. Chữ nghĩa thánh hiền, ngũ kinh chư sử, càng học càng thông tuệ. Tướng công mất sớm, chỉ kịp nói lại với phu nhân:

- Con gái ta khác thường. Việc gả chồng cho nó chớ vội vàng. Nó có quý tướng đấy.

Liền đem chuyện tết mũ cỏ, mây che đầu cô gái ra kể. Phu nhân khóc, hứa sẽ vâng lời.

*

Cô gái họ Vũ được tuyển vào làm cung nữ trong phủ Chúa. Ngay sau khi xem mặt cùng mười người đẹp các nơi tuyển về phủ Chúa, Vũ Thị được Nhân Vương Trịnh Cương ân sủng. Ít lâu sau,

Vũ Thị sinh được Thế tử Trịnh Giang, Chúa quý lắm, đưa lên hàng phi, lại tin dùng con cái của cha nuôi Tuấn Quận công. Mấy năm sau, Phi lại sinh cho Chúa một con trai là Trịnh Doanh. Khi Trịnh Giang và Trịnh Doanh còn nhỏ, Vương phi đều thân dạy võ lòng cho con. Chúa rất quý. Trịnh Giang thông minh. Sau này Chúa cho ngôi Thế tử, gọi đại thân đến làm Tư giảng, Giang nổi tiếng hay chữ, các con đại thân cùng học với Thế tử, khó ai mần tiếp bằng Giang. Chúa càng yêu. Khi Trịnh Giang được mở vương phủ thì Trịnh Doanh cũng đã lớn, thông minh tài cán cũng chẳng thua gì anh. Một bữa Nhân Vương Trịnh Cương đến thăm Vương Phi, đem phép trị nước, an dân ra hỏi, Trịnh Doanh điềm tĩnh trả lời, rất hợp ý Chúa. Doanh biết kiềm chế, không ham các thú chơi bời, khác hẳn anh là Trịnh Giang. Một bữa vắng người chỉ có Chúa và Vũ Thị, Nhân Vương nói:

- Thằng Doanh ở ngôi Chúa khéo được lòng hơn Thế tử. Nếu thằng Giang mà hư, có lỗi, ta sẽ truất phế, lập thằng Doanh lên.

Vũ Vương phi thấy lúc Chúa giận, im lặng không nói gì. Mãi đến lúc ra hoa viên thưởng nguyệt, Thế tử cũng đến. Anh em Trịnh Giang, Trịnh Doanh sóng đi bên nhau, khiêm nhường thân ái. Vũ Thị mới khẽ nói cùng Chúa:

- Thế tử cũng yêu em đấy chứ, tâu Chúa. Còn Trịnh Doanh thế kia thì làm sao mà anh trai nó không yêu được.

Chúa gật đầu không nói gì. Khi trở lại nội cung, ngồi bên Chúa, Vương phi mới nói:

- Giang và Doanh đều làm Chúa sau này được cả. Đó là phúc trời ban cho họ Trịnh ta. Chúa công đã một đời ngày quên ăn, đêm quên ngủ, xây dựng triều đình, chấn hưng vương nghiệp, mới có hôm nay. Thế tử tuy có ham chơi, nhưng thông tuệ, quyết đoán. Nếu lại có em trai bên cạnh giỏi giang giúp anh thì có lo gì, chúng không nổi được chí lớn của Chúa.

Trịnh Cương đi đi lại lại, ngẫm nghĩ rồi nói:

- Nàng nói rất phải. Nhưng, ta vẫn lo Trịnh Giang vốn ham sắc, đắm đuối vào cuộc chơi, sợ nó sa đà quên việc nước.

- Muốn cho Trịnh Giang kiềm chế được những nét xấu, thì phải cử những đại thần cẩn trọng, uy cao, đức trọng ở bên Giang để khuyên ngăn, nói điều gì nên làm, điều gì nên tránh.

Trịnh Cương thở dài nói:

- Thì cũng phải thế thôi, còn cách nào khác nữa.

*

Khi Nhân Vương Trịnh Cương mất, Trịnh Giang lên ngôi Chúa được phong làm Uy Nam Vương. Giang dùng đại thần có tiếng như Đặng Đình Tướng, Đặng Đình Lân làm Tư mã. Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Hiệu, Hồ Phi Tích là Thượng thư các bộ. Phạm Khiêm Ích, Vũ Công Tể làm Đô ngự sử.

Nhưng, ngoài giờ coi châu, lại rất tin yêu Hoàng Công Phụ. Phụ vốn là quan nội giám, khéo chiều Chúa. Ngoài những thú ăn chơi ở cung điện, Phụ còn tìm các gái đẹp ở kinh thành, ở các vùng phụ cận đến dâng Chúa. Chúa thích béo có béo, thích gầy có gầy. Chúa thích vũ nữ thon chắc, Phụ cũng lùng tìm đủ một đội múa cho Chúa. Có bạn Chúa bảo:

- Đường Huyền Tông hào hoa, nhưng bày cách chơi bởi công khai, tốn kém lắm. Vả lại gần người đẹp mà suốt một đời cứ bám lấy quý phi Dương Thị Hoàn thì Đường Minh Hoàng cũng đại.

Nói rồi cười âm lên. Hoàng Công Phụ càng biết ý càng bấy lắm trò quỷ quyệt. Hắn lấy những sách nhằm đủ các trò dâm dăng cho Chúa xem. Hắn xui Chúa làm hành cung ở Gia Lâm, ở Quế Trạo, là vùng thường có con gái đẹp để tiện đưa Chúa về đó vui thú. Từ khi lên ngôi Chúa, Trịnh Giang sửa đổi tô, thuế, đưa quân đi đánh dẹp giặc giã khắp nơi, cất nhắc người tài, cũng được gọi là người điều hành có công tích. Hoàng Công Phụ làm sao nắm được quyền bính ở các bộ, khi các đại thần như Nguyễn Công Hãng, Lê

Anh Tuấn, Đặng Đình Tường, Đặng Đình Lân giữ hết các ngôi cao. Phụ thích được ở ngôi Tể tướng, nên mưu lược hiểm ác đã tính sẵn. Trước hết, Phụ muốn diệt Hăng. Hăng là một tể thần được đồng liêu rất phục. Nhân Vương Trịnh Cương rất yêu, tin dùng, nói gì cũng nghe. Việc nào cũng chính xác, hiệu quả. Do đó mà hai đời ngôi ở ngôi Tể tướng điều hành trăm quan, hết sức phò Chúa. Phụ nói với Chúa, gièm pha, chính Hăng muốn lập Trịnh Doanh chứ không muốn lập Chúa. Trịnh Giang lúc đầu không tin Phụ. Nhưng từ khi Hăng để cho Bùi Sĩ Tiêm dâng tấu mười điều, vạch những chính sự hà khắc tệ tham nhũng, dùng gian thần, Chúa cho là Phụ nói có căn cứ.

Hăng bị đày lên biên ải. Phụ nói gì Chúa Trịnh Giang cũng nghe. Hành cung Quế Trạo, quê của Phụ, như một hang yêu tinh. Các cô gái ở các vùng sông nước, da mịn màng, trinh tiết, thơm ngon như hoa trái đầu mùa đều bị gọi về đây, đợi ngày Chúa đến. Mỗi đêm, Phụ chọn khoảng năm cô đẹp nhất, sau khi hỏi ý Chúa, đêm ấy thích béo hay gầy, thích đầm ngáp nghe tuổi rằm hay những người đẹp đang bùng bùng khao khát... Chúa thường chấm hai cô, để ở phòng phía Đông một nửa, phòng phía Tây một nửa... Chúa cho vũ nữ, ca nữ múa hát, uống rượu, lúc nào thích ăn ái thì kéo người đẹp vào màn, các đàn hát múa ai mà lỗi một nhịp, đều bị bắt ra đánh đòn, bởi đã phân tâm đến việc làm của Chúa. Chúa vui ở hành cung phía Đông độ mấy canh giờ rồi lại sang phía Tây. Kíp con hát, vũ nữ, kẻ hầu người hạ ở phía Đông đều được nghỉ, kíp phía Tây lại đón Chúa với những điệu hát, bài múa, thức ăn, rượu ngon, trà dâng tiến mới...

Chúa dạo này bỏ cả văn thơ triều chính. Chúa chỉ ham hành lạc không muốn có con. Một bận Chúa đang sắp lên kiệu theo Phụ đến hành cung ở Thanh Trì, thì Vũ Thái phi đến. Chúa thấy mẹ, vội đến chào lạy. Thái phi nhìn con bề ngoài uy nghi đẹp đẽ, nhưng thần thái thì như dáng hồn ma, thốt kinh hãi. Bà thương con, quên cả những cơn giận và những dự định trong buổi gặp gỡ này.

Thái phi hỏi Chúa:

- Ta nhớ con, đến thăm. Con đi đâu đấy?

- Dạ, con, con...

- Thôi nhà Chúa bận thì cứ đi đi, sớm mai ta lại sang thăm con.

Chúa ngập ngừng muốn bỏ cuộc chơi, song lại còn nuối tiếc. Thái phi ra lệnh cho đám tùy tùng:

- Sao không đưa Chúa đi, còn dùng dằng gì nữa!

- Thưa mẹ, con... con...

- Ta biết rồi, chắc con đã có hẹn, đừng làm lỡ người ta. Quân tử nhất ngôn. Đi đi!

Chúa Trịnh Giang cúi đầu lạy mẹ rồi lên kiệu. Hôm sau, Chúa dậy muộn. Thái phi hẹn đến từ sớm, nhưng thương con mất ngủ đêm trước, bà không cho thức Chúa dậy. Bà đi một lượt cung điện, xem qua nơi ăn chốn ở của Chúa, hỏi han những thị tỳ đáng mặt hiền hậu. Song điều bà muốn biết, chẳng biết được bao nhiêu. Chẳng ai dám nói thật với bà. Thái phi khē thờ dài.

Chúa dậy, thấy nói Thái phi đến từ sáng sớm, sợ hãi gọi Phụ đến đem quần áo để ra hầu. Thái phi không hề mắng Chúa, chỉ khē hỏi:

- Hôm qua Chúa đi đâu, có được đắc ý không?

- Dạ thưa mẹ, mọi việc đều tốt đẹp ạ...

Thái phi thấy Hoàng Công Phụ không nửa bước rời Chúa, nói:

- Ta nghe nói Hoàng Công Phụ hết lòng với con. Kiếm được cận thân giỏi lại trung thành không phải chuyện dễ đâu. Công Phụ hãy hết lòng với nhà Chúa nhé. Ta gửi Chúa cho ông đấy!

Phụ sụp lạy. Thái phi ngồi một lúc rồi bảo:

- Mẹ muốn ngồi riêng ngắm con. Lâu lắm rồi, mẹ không được lúc nào cũng bên con như ngày con còn nhỏ nữa. Con biết không.

Chúa công trước cũng hiếm con trai, nên khi ta sinh được con, thì hầu như, ngày nào coi châu xong Chúa cũng đến thăm mẹ con ta. Mẹ được tiên vương ân sủng cũng là vì sinh được con cho nhà Chúa.

Chúa hiểu ý mẹ, ra hiệu cho Phụ và người hầu lui ra...

Khi Phụ ra rồi, Thái phi nói:

- Mẹ rất lo cho con khi thấy ngôi Chúa chưa có người nối. Cung phi, vương phi, lúc nào cũng ở bên con, thiếu gì đâu! Gần đây, khi mẹ tuổi đã cao, mẹ vẫn thường đi chùa để cầu Thế tử cho con mẹ. Mẹ có nghe lời đình thần xầm xì về việc con làm nhiều chùa chiền nguy nga tốn kém, nhưng mẹ cũng nghĩ, con cũng như mẹ, cũng muốn công đức để cầu sinh được người kế nghiệp họ Trịnh do các tiên vương đã lao tâm, khổ tứ mấy đời nay, do đó mẹ chỉ tìm cách giải thích cho họ hiểu. Nhưng nay điều mẹ ngóng mỗi ngày một mất. Mẹ không sao yên tâm được.

Trịnh Giang nói:

- Mẹ đừng lo, nếu như con không có con nối, con sẽ phong em Doanh làm Thế tử.

- Việc ấy đã nên chưa. Con còn trẻ kia mà. Năm nay con mới hai mươi tư tuổi.

- Con hai mươi tư tuổi nhưng em Doanh có tài. Nếu con không tỏ rõ quý yêu em thì đám đình thần sẽ không ai phò giúp em cả. Sau này, họ hòa nhau chuyên quyền, thì em con không trị nổi họ.

Vương Thái phi ứa hai hàng nước mắt. Chúa nói:

- Thôi được. Có lẽ cũng không nên phong Thế tử cho em Doanh làm gì. Nhà ta, chuyện tranh ngôi từ các thời Tiên vương đã có. Gương Trịnh Xuân, thời hiện tổ, đời sau còn đàm tiếu không thôi. Con sẽ xin phong cho em Doanh làm Tiết chế các xứ thủy bộ chư quân, Thái úy, tước công, cho mở phủ để cùng con lo việc triều chính.

Vương Thái phi nói:

- Anh em như chân tay, quần thân như áo mặc, mẹ mong con hãy cùng Trịnh Doanh lo việc nước, luôn nhớ đến tổ tông phải đồ máu, nằm gai nếm mật mới có hôm nay.

Trịnh Giang vâng vâng dạ dạ, song chúng nào vẫn tật ấy. Giang vẫn không thể rời được Hoàng Công Phụ. Phụ xin gì Giang cũng nghe. Phụ khuynh loát cả triều đình.

Tháng 5 năm Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Hựu (1736), Hoàng Công Phụ muốn dựa vào người có văn học để triều đình khỏi khinh mình. Phụ được Trịnh Tuệ đến ra mắt. Tuệ vốn quê cùng trấn với Chúa, cũng họ Trịnh. Hoàng Công Phụ được Tuệ tặng bức như Y Doãn, Chu Công, sướng lắm, hể hả nói:

- Kỳ này Phụ phải đưa ông sớm tối hầu cận bên Chúa, rồi cùng ta lo việc triều chính mới được.

Phụ lo toan nói với quan chấp trường chú ý đến quyền văn của Tuệ. Khi vào đình thí, Tuệ lại nói trước với Chúa, để Chúa lưu ý đến Tuệ. Quả nhiên năm ấy, Trịnh Tuệ đỗ Tiến sĩ đệ nhất danh, được ân tứ vinh qui... Sĩ tử ồn ào một độ, Phụ sai bắt cả đám học trò Thanh Hoá, Thăng Long giam đầy cho hàng tháng mới thả ra. Từ đấy, ai cũng ngậm miệng không dám bàn tán gì cả...

Phụ cất nhắc Tuệ dần thăng từ quan thất phẩm, chẳng mấy chốc đã lên hàng tứ phẩm, chỉ trong vòng chưa đầy một năm trời. Mùa thu năm Đinh Tỵ, nhân ngày sinh nhật Chúa, Hoàng Công Phụ xui Trịnh Tuệ tâu với Chúa cho mở yến tiệc chiêu đãi trăm quan. Tuệ rú một số văn thần làm những bài tụng, ca ngợi công đức của Trịnh Giang. Hôm đó, Chúa vui vẻ lắm, hôm sau khen với Phụ rằng:

- Tuệ là kẻ nho nhã, hiểu được ý ta, nên cho hấn vào làm trong phủ liêu. Còn chức gì xứng với Tuệ không.

Hoàng Công Phụ mừng rỡ tâu:

- Bẩm Chúa công, thần nghĩ đang khuyết chức Đông các đại học sĩ thêm sai trong phủ Chúa.

- Vậy, ban cho Tuệ chức ấy.

Từ đấy mọi việc ở các trấn phủ tâu lên đều qua tay Trịnh Tuệ và Hoàng Công Phụ. Phụ đưa người của phe cánh mình cầm trọng binh ở các trấn, cất đặt ai, phế truất ai tự ở tay mình. Người mà Phụ gồm chỉ còn Nhiếp Chính công Trịnh Doanh, em của Chúa. Trịnh Doanh coi việc quả quyết. Việc gì thuộc Nhiếp Chính công được quyết, Doanh đều làm theo ý mình. Chỉ những việc lớn, Doanh mới phải thỉnh ý Chúa. Phụ muốn cho Trịnh Giang không tiếp kiến em, nên mượn cớ Chúa sợ gió, làm cung Thượng Trì ở trong nhà kín, bắt đám thị nữ trẻ đẹp quần quít suốt ngày bên Chúa, khiến nhiều việc lo dẹp giặc giả, cứu lũ úng ở các vùng cao không có ai quyết đoán. Ngay ở quê của Thái phi, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ cùng lưu dân nổi dậy, đánh phá vương phủ của Vũ Quận công xưa, tức nghĩa phụ của Thái phi, Phụ cũng giấu không cho Trịnh Giang biết.

Thái phi lo ngày quên ăn, đêm quên ngủ. Một bận cho triệu thầy học của Nhiếp Chính công Trịnh Doanh là Nguyễn Quý Kính đến bảo:

- Ông là người giúp Nhiếp Chính công được nhiều việc, Toàn Vương Trịnh Giang đã bỏ việc triều chính, tặc thần Hoàng Công Phụ đang hoành hành, chi phối cả triều đình, ông làm ngơ hay sao?

Nguyễn Quý Kính thưa:

- Bẩm Thái phi, ý người dạy nên thế nào đây?

- Hãy lo việc phong vương cho Nhiếp Chính công thay cho Trịnh Giang đi.

Nguyễn Quý Kính nói:

- Thái phi là người sáng suốt xin giúp chúng thần, thì việc lớn may mới có thể thành công được.

- Việc gì vậy?

- Mong Thái phi hãy dùng kế diệu hổ ly sơn.

*

Bữa ấy, Thái phi đòi vào thăm Chúa ở cung Thường Trì. Hoàng Công Phụ không thể ngăn nổi, đành để mẹ đến gặp con.

Trịnh Giang vốn sợ mẹ, vội sai người lấy son phấn, để cho sắc diện hồng hào thêm. Thái phi đến nhìn con, bà ứa hai hàng nước mắt, nói:

- Con là Chúa, chỉ dưới có Hoàng đế, được uỷ cho quyền cai trị muôn dân. Sao đến nỗi phải chui vào nơi sâu kín thế này ở thì làm sao biết hết được việc nước.

Trịnh Giang nói:

- Thừa mẹ, con tuy ở đây song việc triều chính vẫn có Hoàng Công Phụ, Trịnh Tuệ ngày đêm ở bên cạnh trình tấu các việc. Lại có em con làm Nhiếp Chính công, nên mẹ đừng lo.

- Mẹ không lo sao được, khi quê ngoại bị giặc vào cướp. Chúng thiếu đào mồ mả tổ tiên của họ Vũ nữa mà thôi.

- Có chuyện ấy ư, thưa mẹ.

Vũ Thái phi liền đem việc Nguyễn Tuyển - Nguyễn Cừ hùng cứ một vùng Ninh Xá tỉnh Đông, cướp bóc khá dữ dội. Rồi bà điềm đạm nói với Hoàng Công Phụ:

- Ông là cánh tay phải của Chúa, nắm việc triều chính, ở phủ Chúa công việc ra sao ông đã rõ. Ta phiền ông lo giúp ta việc này. Ông hãy thân chinh đi dẹp đám giặc ở Ninh Xá cho ta. Việc này chỉ có ông điều binh khiển tướng, ta mới yên tâm.

Trịnh Giang thấy mẹ nói thế, liền bảo:

- Phải đấy, Hoàng Công Phụ lo việc này cho ta...

Do thế, Phụ phải cất quân đi đánh Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Hải Dương.

Biết được tin ấy, Nguyễn Như Kính liền bàn với Nguyễn Công Thái, nghĩa đệ của Thái phi là Vũ Tất Thấn, nhân việc Phụ đem quân đi chinh phạt liền đưa thêm hương binh vào thế chân đấm quân bảo vệ kinh thành. Như Kính vào tâu Vua sắc phong cho Trịnh Doanh làm Nguyên soái Tổng Quốc Chính Minh đô vương. Trung sứ đến, Trịnh Doanh hai ba lần mới chịu nhận. Nguyễn Như Kính, Nguyễn Công Thái, Trương Khuông, Vũ Tất Thấn đưa quân bảo vệ rước kiệu vào phủ Chúa. Quan nội sai là Phan Lai Hân hặc tội và ngăn lại nhưng không sao ngăn nổi, không một ai thêm trả lời. Một lúc sau, trung sứ của Đức vua là Tào Thứ tới, hô vang:

- An Quốc công Trịnh Doanh tiếp chỉ!

Trịnh Doanh quì nhận sắc. Phan Lai Hân la lớn:

- Các người mưu việc phế lập ư! Trời không dung kẻ cướp ngôi Chúa đâu!

Trương Khuông rút gươm ra nói:

- Phan Lai Hân dám cưỡng chiếu chỉ. Hồn lảo! Quân bay, hãy bắt giam vào ngục, chờ xét xử...

Triều đình nghiêm lặng. Các quan đợi châu ngoài phủ Chúa ngơ ngác không biết xử sự như thế nào. Nguyễn Công Thái thấy Trịnh Doanh chưa chịu ngồi lên ngai Chúa, liền nói:

- Đây là ý chỉ của Thái phi, chúng thần chỉ là người thực hiện thôi.

Trịnh Doanh khóc, vẫn còn dừng dằng. Trương Khuông nháy mắt cho Tả Đô đốc Hoàn Quận công Nguyễn Đình Hoan rồi cả hai đến nâng Trịnh Doanh ngồi lên ngai Chúa. Khuê Quận công Nguyễn Khoa lên lầu nổi trống, các quan đều vào lạy mừng.

Trịnh Doanh phủ dụ rồi ban mười lăm điều dụ mới để chấn chỉnh triều nghi. Lại ra lệnh cho người đi triệu Hoàng Công Phụ về kinh, vây cung Thường Trì triệt bề đảng của Phụ.

Vũ Thái phi thân đến cung Thường Trì gặp Trịnh Giang. Giang thấy mẹ, khóc và thưa:

- Đứa con bất hiếu đã biết tội, phiền mẹ vất vả, xin mẹ định tội.

Thái phi, nhìn con, nghiêm mặt trách:

- Con xem, nhờ ơn trời đất, Tiên vương sinh ra con mừng như hạn được trận mưa lớn. Tiên vương đã bù đắp cho con mọi thứ, để bây giờ từ ngôi cao nhất trong thiên hạ, con trở thành thân tàn mà đại thế này ư? Ngày trước khi con mười bảy tuổi, đẹp như Kim Đồng giáng thế. Bước ra khỏi hoàng cung, thần dân ai cũng trầm trồ, giờ tự huỷ hoại thân mình để đến nỗi một cơn gió nhẹ cũng sợ, ánh sáng của trời đất cũng không dám nhìn vào. Công sức buổi đầu nổi nghiệp tiên vương, bị vấy áo của bọn đàn bà, những cuộc dong chơi, thâu đêm suốt sáng đốt cháy cả! Điều đó cũng không quan trọng bằng việc giết công thần, người trung thực, gần bọn xiêm ninh, nghe sàm tấu để đến nỗi triều đình rối loạn, giặc giã khắp nơi, dân tình khốn khổ. Ta là mẹ, ta đâu nỡ dứt ruột làm khổ con mình. Nhưng con quá lắm!

Mắng con xong, nước mắt Thái phi chảy ròng ròng. Bà nói:

- Con hãy cố làm điều tốt những ngày cuối cùng của đời mình. Đừng tưởng mẹ yêu em Doanh hơn con. Đây chỉ là việc bất đắc dĩ thôi. Cũng may mà họ Trịnh còn Trịnh Doanh, nếu chỉ có mình con thì cơ nghiệp sụp đổ rồi còn gì!

Toàn Vương Trịnh Giang, biết tội, chỉ úp mặt xuống đất tạ tội, không dám nói nửa câu...

Thái phi về cung cũng là lúc Trịnh Doanh đến. Doanh tâu trình lại mọi việc xảy ra bữa nay ở phủ Chúa. Vũ Thái phi nói:

- Ta biết lòng con hiếu để không muốn tranh ngôi Chúa của anh ruột mình. Nhưng con xem, mẹ đã nấn ná để Toàn Vương sửa lỗi, nhưng càng ngày càng tệ. Việc tôn phù con lên thay Trịnh

Giang không còn là việc nhà mà chính là việc nước nữa. Con phải gánh vác. Ta đã chọn Nguyễn Kính, Nguyễn Công Thái, Trương Khuông, Vũ Tất Thần cho con..., con hãy giao việc cho họ để họ xoay chuyển những việc Trịnh Giang làm hỏng thành những việc được lòng người. Mẹ đàn bà, học hành ít, mong con liệu định.

Bà lại ứa hai hàng nước mắt:

- Việc thay đổi ngôi Chúa dễ xảy ra nổi da nẫu thịt... Toàn Vương Trịnh Giang, tuy hư đồn về sau, nhưng tình cốt nhục không đến nỗi nào. Con liệu mà cư xử...

Nói rồi mệt mỏi lui về cung. Trịnh Doanh lấy mẹ rồi về phủ Chúa.

Bữa sau, Doanh xin Vua phong cho anh mình là Thái Thượng vương, cho ở cung Thượng Trì như cũ, chỉ thay đổi lễ quyền thần bằng những gia thần, y sư cẩn trọng; những vũ nữ, cung nữ cũng cho về bớt, chỉ giữ lại dăm con hầu lo cơm nước, thuốc thang cho Toàn Vương...

Trịnh Doanh bắt tay vào lo việc nước.

Đằng giang tự cổ huyết đo hồng

Ở huyện Phúc Thọ có họ Giang vốn là một điền chủ, nhà ở vùng bãi sát kề bờ sông, khá giả, sinh con trai. Ông cho mở tiệc khoản đãi gần như cả làng. Chẳng là, hồi còn hàn vi, gặp thầy địa lý, để mả cho ở gò con Mọc. Doi đất vuông, từ rừng đổ xuống sông, như hình con rùa bò từ núi xuống nước. Ông thầy thuốc có dặn lại:

- Mỏ này khoảng mười lăm năm thì tiểu phát và khoảng hai mươi năm sau nữa thì đại phát.

Ông Giang biết vậy. Quả nhiên mười lăm năm, nhân lên rừng có một người lái buôn bè gỗ về xuôi, thấy khoẻ mạnh, chịu khó, gọi làm chân sào. Thầy trò xuôi, ngược sông nước với nhau mấy năm, ông ấy bèn gả con gái và bù đắp cho, trở thành một nhà giàu trong vùng. Hôm sinh ra Giang Văn Minh thì trời đất gió mưa sấm sét ùng ùng. Hôm sau lại tạnh ráo hẳn. Thằng bé sinh ra tiếng khóc trong mưa gió gào, gió thét cũng to không kém. Ông bố thích lắm, uống rượu nói:

- Con gã chân sào thì phải ăn sòng, nói gió chứ!

Ngẫm lời thầy địa lý xưa, ông gắng cho con học hành, mời thầy giỏi về nhà dạy học.

Giang Văn Minh rất hiếu học. Khi còn nhỏ, chơi ở gần chùa, thấy ỏi chín vào chùa trẩy trộm, bị hoà thượng bắt được, cầm tai kéo ngược lên. Văn Minh á á kêu đau, xưng là con điền chủ. Hoà thượng hỏi:

- Học được đến đâu rồi?

Minh nói:

- Cháu học nhiều. Chữ vào trong bụng nhiều quá chịu không nổi, nên chần trâu, phải vạch áo phơi nắng cho chữ khỏi ẩm. Ngược nhìn lên thấy ổi chín, thêm quá, vào lấy mấy quả để ướp chữ cho thơm.

Hoà thượng thấy thằng bé láu lỉnh liền bảo:

- Dịch được câu thơ này thì ta tha!

Giang Văn Minh nói ngay:

- Xin thầy cứ đọc.

Sư đọc:

Sư tử quật trung sư tử

Chiên đàn lâm lý chiên đàn

Nhất thân hữu lại càn khôn khuyết

Vạn sự vô ưu nhật nguyệt tràng!

Văn Minh dịch tức thời:

Sư tử trong hang sư tử

Chiên đàn trong rừng chiên đàn

Một thân nhờ đất trời cao rộng

Muôn việc coi ngày ngắn một gang.

Hoà thượng chịu là giỏi, Minh đọc thêm bài thơ nhân thơ của hoà thượng gợi ý:

Long đắc thủy thì thêm ý chí

Hổ phùng sơn thủy trưởng uy nanh

Nhân qui cố quốc phụng tri quý

Thủy đáo Tiêu tương nhất dạng thanh

Đọc xong, Minh bảo hoà thượng:

- Hoà thượng dịch đi.

Hoà thượng cười:

- Giỏi lắm, con dịch ta nghe thử. Nếu dịch được như bài trước thì không những được tha tội mà cho con ăn ổi thoả thích thì thôi!

Giang Văn Minh vỗ tay reo: "Thế thì nhà chùa thua cháu rồi!" và đọc luôn:

Tung tẩy, Rồng vượn khi gặp nước

Rừng thiêng hổ tới, vuốt nanh giương

Ngươi về nước cũ mới hay quý

Nước đến Tiêu Tương mạch vắt trong

Nhà sư xoa đầu Giang Văn Minh khen:

- Con sẽ làm được nhiều điều người khác không làm nổi!

*

Tháng 4 năm Mậu Thìn (1628), đời Lê Thần Tông, Giang Văn Minh vào thi Hội, được lấy đỗ trong số mười tám người, sau đó lại được chọn những người đỗ cao vào thi Đình. Vua thân ra bài văn sách hỏi về việc thiên hạ và cách chấn dân.

Bài văn của Giang Văn Minh trội nhất. Khi bàn về Nguyên đạo, có nhiều đoạn văn hay, Vua chấm son dài dọc cả dọc câu văn. Đó là đoạn Giang Văn Minh bàn về phép lấy nhân, nghĩa để trị nước:

"Rộng lòng yêu gọi là nhân, làm mà phải gọi là nghĩa, nơi con đường ấy đi gọi là đạo, đủ ở trong mình không đợi ở ngoài gọi là đức. Xưa nay gọi đạo đức hợp với nhân nghĩa là nói vậy. Bậc đế, bậc vương danh hiệu có khác nhau nhưng làm bậc thánh thì cũng như nhau. Mùa hạ mặc áo cát, mùa đông mặc áo cừu, khát thì uống, đói thì ăn, sự tuy khác nhau, nhưng làm cái chí thì như nhau. Nếu có kẻ nói sao chẳng bắt chước người xưa, đời thái cổ làm chuyện vô vi, vô sự, thế thì còn đâu là sự thúc đẩy. Sách Đại Học nói rằng: muốn sáng cái đức sáng của thiên hạ thì trước hết phải trị nước; muốn trị nước, phải tề gia; muốn tề gia phải tu

thân; muốn tu thân phải chính tâm; muốn chính tâm trước hết phải thành ý. Chính tâm, thành ý đầu phải là chuyện vô vi, đó chính là hữu vi vậy. Kẻ chủ trương vô vi là muốn trị cái tâm, mà lại để cái tâm ngoài chuyện thiên hạ, chuyện quốc gia, như thế là tuyệt diệt đạo Trời vậy!

Kinh, sách của người xưa đã đầy đủ văn chương, lễ nhạc, hình chính; về trị dân thì đặt lên hàng đầu là kẻ sĩ, rồi đến người làm ruộng, làm thợ, đi buôn; về trật tự thứ bậc thì có vua tôi, cha, con, thầy trò, bạn bè, chủ khách, anh em, vợ chồng; về thức ăn, vật dụng cho thiên hạ thì lo làm ra tơ gai, nhà cửa, thóc gạo, rau quả, cá thịt. Đạo ấy là hữu vi, lấy đời sống trị bình làm mục đích, dễ hiểu, dễ làm, lấy đó để tu nhân thì thuận và rõ, lấy đó để giúp người thì là thiện và công, lấy đó để trị cái tâm... là hoà và bình, lấy đó để làm việc nước, việc thiên hạ thì điều gì cũng có ích, xứng đáng cả. Do đó mà gọi là nguyên đạo. Cho nên sống thì vui được cái tình thực, chết thì hết được lẽ thường. Tế giao thì Trời và Thần chứng, tế nhà miếu thì tổ tiên hưởng. Đạo ấy là gì? Là đạo xưa nay ta gọi là đạo chứ không phải là kẻ vô vi kia gọi là đạo vậy".

Vua và các quan đại thần được cử ra coi thi Đình lấy Giang Văn Minh đỗ Thám hoa. Minh được Vua ban mũ phước có hai cánh lá đề tam sơn bằng thau, áo thụng tía thêu phượng, đai bịt bạc bằng gỗ tước hương bọc lụa màu tím than, cho thăm thượng uyển và dạo chơi phố phường ba ngày...

Phò Vua Lê bấy giờ là Thanh Đô Vương Trịnh Tráng có ý tự cường. Giang Văn Minh được bổ làm cấp sự trung binh khoa. Nhà Minh cho sứ bộ sang đòi lễ cống. Trịnh Tráng cho vời các quan ở bộ Binh lên hỏi ý.

Chúa nói:

- Quân Minh ngông ngược, cậy nước lớn, thấy hạc sách được là hạc sách. Họ không thương gì nước ta, tháng sáu vừa qua, nước to đổ về, tràn đê nước vào kinh thành, ngập nhà người chết, đê

các xã Yên Duyên, Khuyến Lương đều bị vỡ, thóc lúa hao tổn rất nhiều. Việc tuế cống vì thế mà hơi chậm trễ. Vậy mà Vua nhà Minh lại cử hai sứ bộ liên một lúc xin đòi tuế cống, ta phải làm thế nào đây để họ biết, thực lực của ta không để cho ngoại bang coi thường?

Giang Văn Minh dâng kế:

- Việc tuế cống chỉ là cái cớ nhà Minh thấy việc nước ta hiện giờ Nam, Bắc phân tranh, có ý dòm ngó. Tôi nghĩ, Chúa nên ban yến cho sứ ở bến Đông, rồi đem các đồ tuế cống cho sứ thần nhà Minh xem, nhân đó dàn quân thủy... quân voi, quân ngựa cho họ thấy thanh thế...

Thanh Đô Vương Trịnh Tráng cho là phải và nghe theo, từ đó, chú ý đến Giang Văn Minh. Bữa ấy ngoài quân uy tập trận còn thủy chiến giả trên sông, cho các thuyền đánh nhau và tập bắn. Lửa cháy từ đầu sông lan đến tận cửa tả vương phủ, lan đến cả hai bên phố phường ở giang đầu, sứ thần lấm lúc cũng nhấp nhòem, sợ hãi...

*

Tân Mùi năm thứ ba (1631), vào tháng giêng mồng 4, tượng thần Lý Ông Trọng ở làng Thụy Phương đổ mô hôi. Đá núi Vừng ở huyện Nông Cống lở. Đá núi Kẽm Trống huyện Gia Viễn rớt.

Mùa thu tháng 8 ngày 29, ở vực Rồng Lai Duệ huyện Thủy Nguyên có vật gì nổi lên mặt nước như hình đầu trâu, đầu người, đầu rắn không biết là bao nhiêu...

Xứ Hải Dương có mưa đá, hòn to như hòn đá lớn, lại có dáng như người, ngựa và vật bị hại...

Thanh Đô Vương Trịnh Tráng vừa được phong ngôi Chúa, muốn có công tích, không nghe lời khuyên của Viện Đô Ngự Sử và Khâm Thiên Giám vẫn cứ muốn cất quân đánh Chúa Nguyễn...

Mùa hạ tháng 4 ngày Ất Mão, sét đánh núi Mã Yên ở Thanh Hoá. Đất rách năm trượng. Chó ngao ở điện Tây Kinh nút vỡ, gãy

ngang lưng, rơi xuống đất. Ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì có tiếng kêu như tiếng trống.

Tháng 5, trời oi, mống đỏ mọc ngang trời, một khắc mới tan...

Tháng 11, Thanh Đô Vương Trịnh Tráng sai Bắc quân Đô đốc phủ, tả Đô đốc, phó tướng Tây Quận công Trịnh Tạc thống lĩnh tướng sĩ bản bộ và các dinh cơ thuộc sai, quân lính châu Bố Chính vào trấn giữ đất Nghệ An. Số là đảng Trong Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên dập dình đóng quân ở nam sông Gianh, có ý muốn tiến ra Bắc. Thanh Đô Vương còn cử Thái bộc tự khanh Giang Văn Minh làm Đốc thị.

Khi kéo quân vào đến nơi thì Đào Duy Từ đã tâu xin được Chúa Nguyễn cho đắp lũy Thầy. Lũy kéo dài từ cửa biển Nhật Lệ tới núi Đâu Mâu của Đồng Hới, ngoài có suối khe, bùn sâu đọng, đước khơi thành hào rãnh ở dưới, đất đắp cao phía trên, cao tới một trượng năm tấc, dài hơn ba ngàn trượng.

Khi kéo quân vào trấn Nghệ An, Trịnh Tạc đem Giang Văn Minh theo thị sát mặt trận.

Trịnh Tạc muốn đánh. Giang Văn Minh bàn:

- Quân Nguyễn đã chọn sông Gianh hiểm trở, đắp lũy Thầy, ý muốn khoanh đất đai hùng cứ. Việc chúng đem quân lấn ra Nghệ An, chỉ là tạo cớ để đắp lũy mà thôi. Ta chẳng cần đánh, cứ đem quân lên phía trước hạ trại, bắn súng chơi như diễn tập, quân Nguyễn thế nào cũng rút về bên kia lũy Thầy. Năm nay diêm gở nhiều, chiến chinh không lợi.

Trịnh Tạc nghe theo. Việc chiến trận xảy ra đúng như lời Giang Văn Minh dự đoán.

*

Liên tục mấy năm nay biết Đại Việt mãi lo chuyện chinh phạt Chúa Nguyễn, nhà Minh cho sứ sang sách nhiễu nhiều thứ. Ở biên ải, triều đình Minh dung túng cho bọn tay chân lấn đất, vượt cõi,

An phủ sứ Lạng Sơn nhiều lần tâu trình lên. Giang Văn Minh dẫn đầu một sứ bộ sang nhà Minh bàn chuyện phân định biên giới. Thanh Đô Vương còn sai bọn Trần Hữu Lễ, Nguyễn Thọ Xuân, Phạm Phúc Khánh..., lên cửa quan đợi lệnh.

Mùa xuân năm Mậu Dần (1638) sứ bộ đến Yên Kinh, Vua Sùng Trinh nhà Minh tiếp sứ. Giang Văn Minh được vào chầu, dâng lễ vật lên Hoàng đế nhà Minh. Vua Minh nói:

- Trung Hoa chín châu rộng mênh mông, hiểm gì một vài dải đất, chuyện biên giới nước người sao cứ lải nhải hoài?

Giang Văn Minh nói:

- Đất đai đâu chỉ quan hệ đến vua chúa. Do đó từ đời các vua hiền trước đã có quan tư hiểm giữ bản đồ các châu quận, nắm vững những nơi hiểm trở, từ trong kinh thành ra tận biên ải. Nhà Hán dựng nước, Tiêu Hà thu hết bản đồ, sổ sách của nhà Tần, do đó Hán Cao Tổ mới am tường các việc để trị thiên hạ, giữ hoà hiếu với các nước láng giềng. Trung Hoa rộng mênh mông còn làm thế, huống chi nước chúng tôi, từ Đinh, Lê, Lý, Trần cho đến Hoàng triều Lê hiện nay, mỗi tấc đất, mồ hôi, xương máu đổ ra mới có... Vả lại Bắc - Nam phong tục khác nhau, cương đoạt, lấn đất, hàng trăm năm cũng không đổi được hòn cốt của đất cũ. Sao bằng đất ai, nấy giữ, há chẳng là thiên triều khiến cho nước nhỏ phục mà còn nêu gương sáng cho đến muôn đời!

Vua Minh tức lắm, nhưng không làm gì được. Khi ban yến, Giang Văn Minh cao đàm khoát luận với các đại thần nhà Minh chẳng chịu kém câu nào.

Hoàng đế thấy vậy cười to và bảo:

- Sứ thần An Nam ứng đối rất giỏi, liệu có đối được câu này Trẫm ra không?

- Xin Hoàng đế cứ ban, thần dẫu đốt đầu dám trái lệnh.

Vua Minh nhấp một chén rượu, rồi đọc:

- "Đồng trụ chí kim dài dĩ lục"... Người đối đi.

Giang Văn Minh vẫn ngồi im, không nhúc nhích, miệng lại tủm tỉm cười. Vua Minh giục:

- Người không đối được ư?

- Hoàng đế tha tội, thần mới dám nói!

Vua Minh nói trong lúc đang đầy tự mãn, cao hứng:

- Văn chương là chuyện cao thượng, ta chấp làm gì; chỉ sợ về đối của người tôi thôi.

Giang Văn Minh cầm chén đứng dậy đồng dạc đọc:

- Đằng giang tự cổ, huyết do hồng!

Vua Minh trầm mặt xuống, song lại thần nhiên khen:

- Sứ thần An Nam khá lắm, ta ban thưởng cho một chiếc áo gấm.

Rồi truyền quan Thái giám đứng bên cạnh, đem áo cho.

Giang Văn Minh lạy tạ. Nhưng hôm sau, Nhà vua sai người đánh thuốc độc vào thức ăn cho chết. Khi quán dịch báo tin đến, Hoàng đế liền ban:

- Sứ thần An Nam là người cứng cỏi, tiết tháo thật đáng nêu gương cho những ai đem ba tấc lưỡi ra ngoài cõi.

Vua sai mổ bụng lấy thủy ngân ướp xác, cho ngậm nhân sâm rồi trả quan tài về nước, sắc cho biên ải phải xử nghiêm việc lẩn đất, đổi đá cối, việc bang giao vẫn theo như cũ.

Khi quan tài đưa về đến nước, dọc đường dân chúng đón quan Chánh sứ, đầu để tang, khóc thương không dứt. Quan tài về đến Thăng Long, Vua Lê và Thanh Đô Vương Trịnh Tráng thân hành đến viếng. Đức vua lấy tay vỗ lên quan tài mà nói:

- Không phí tài hoa. Đi sứ không nhục mệnh Vua. Thật là anh hùng thiên cổ!

1998

Trạng nguyên Giáp Hải

Làng Dĩnh trên bến, dưới thuyền. Có một người đàn bà nghèo bán quán ở bên sông, một mẹ một con, lấm lũi. Người mẹ như có điều gì u uất. Một hôm có một khách thương từ bể tìm đến làng, hỏi vào nhà ở trọ. Khi khách bỏ mũ chụp trên đầu, người mẹ thốt kêu lên một tiếng:

- Ông đấy à! Còn tìm về đây mà làm gì? Mẹ con tôi chịu nhục nhã ở cái làng này hàng chục năm nay đã đủ lắm rồi!

- Tôi muốn đón thằng Hải đi, nuôi dạy cho nó lên người.

- Tôi chỉ có mình nó. Chót dan díu với ông mà có. Bởi nó không có bố, nên mới không mang họ ai. Người ta họ nọ họ kia, nó chỉ có đọc một cái tên là Hải thôi, cho nó một chữ Giáp ở trên đầu. Nó làm gì ra họ.

Người lái buôn ôn tồn nói:

- Ấy là người ta muốn nó đề đầu cưỡi cổ thiên hạ đấy. Giáp là đầu mà! Thôi, nó ở với bà, mẹ vất vả, con vất vả. Tôi xem ra nó ngoan, dễ thương mẹ mà bỏ học. Chi bằng bà giao nó cho tôi. Cứ cho là bà bán nó. Tôi sẽ để lại cho bà ít tiền bạc, xây lấy ngôi nhà, tậu lấy mấy sào ruộng, gọi em, gọi cháu đến giúp đỡ, cũng không đến nỗi trống trải một mình đâu. Hằng năm, tôi sẽ cho nó về cho nó về thăm bà...

Nghĩa cũ, tình xưa, người đàn bà làng Dĩnh đành thuận theo.

Người lái buôn mang Giáp Hải về xuôi, nuôi nấng học hành chu đáo. Năm Mậu Tuất, niên hiệu Đại Chính nhà Mạc, nộp quyển đi thi, đỗ Trạng, vinh quy về làng, đón mẹ lên kinh thành phụng

đường. Năm ấy mới hai mươi ba tuổi.

Giáp Hải lúc đầu làm quan ở Viện Hàn Lâm, sau thường được cử vào sứ bộ lên Nam Quan bàn việc đất đai biên giới. Giáp Hải vì công việc phải đi. Song nghĩ đến chuyện Mạc Đăng Dung vì muốn yên bề chinh chiến phía Bắc, cất trả lại bốn động, vốn thuộc vùng tranh chấp xưa nay, để mong được phong là An Nam Quốc vương, trong bụng không phục. Lại xem qua thư từ bang giao, thấy có chép lời tâu của Mao Bá Ôn, tâu với Vua Gia Tĩnh nhà Minh rằng: "*Mạc Đăng Dung tự trối mình ở cửa ải, dâng lễ xin hàng, xin tuân theo chính sách của thiên triều, tự tước bỏ tước hiệu, xin được phong làm Quốc vương An Nam*", thì cau mày lại, nhưng cũng lảng lạng không nói gì.

Sứ bộ nhà Minh nào có chịu yên, lại muốn sách nhiễu, mượn cớ địa danh cũ, mới để bàn đi, tính lại có lợi cho họ. Ông theo sứ bộ lên Lạng Sơn, quan Chánh sứ có gì cần biện bác, đều mời ông đối đáp với quan lại nhà Minh. Giáp Hải nhờ đọc nhiều sách, viện dẫn chứng cứ đủ đầy, từ đời nội thuộc, trải qua các đời Ngô, Đinh, Lý, Trần, chính xác đến từng cột mốc, từng dòng suối, quả gò. Quan nhà Minh chịu không làm gì nổi.

Trong lúc chờ đợi hai bên trao đổi, họ thường mượn văn chương để thử tài, lấy thời thế gọi hỏi để biết thiên kiến. Giáp Hải đều cứ lấy kiến thức và cách xử thế của mình mà trả lời. Sức học của ông vượt trội hơn hẳn mọi người. Quan Chánh sứ rất phục, do đó, phía nhà Minh, từ quân lính cho đến phó sứ, ai cũng nể trọng. Khi Giáp Hải đến quán dịch bàn bạc, họ đều kính cẩn chào Giáp-tuyên-phủ mà không dám gọi tên.

Hôm ấy, Mạc Kính Điển, đi kiệu đến chơi nhà Giáp Hải. Nhà Mạc mới có chuyện tranh nhau ngai vàng. Phạm Tử Nghi muốn lập Mạc Chính Trung nối ngôi nhưng Mạc Kính Điển và tôn thất thì bàn đưa Mạc Phúc Nguyên lên ngôi. Mạc Chính Trung và Phạm Tử Nghi chạy ra Yên Quảng, rồi quấy rối các huyện ven biển Quảng

Châu, nên nhà Minh rất bức. Mạc Kính Điển phải đôn đốc quân đi đánh, bắt được Tử Nghi, đem về kinh đô chém đầu rồi gửi sang Trung Hoa để tạ lỗi, để tránh việc nhà Minh đem quân sang...

Mạc Kính Điển biết Giáp Hải có tài định tiến cử với Vua Mạc, liền đến thăm.

Vào trong nhà, Kính Điển thấy phía sau nơi ngồi đọc sách của Giáp Hải có treo câu đối.

Nhai biên áp thạch xing tri kỷ

Đài lý tâm thi kiến cố nhân

(Sườn non vách đá làm tri kỷ

Tìm tứ trong rêu gặp bạn hiền)

Kính Điển cau trán, tỏ vẻ không bằng lòng. Khi ngồi đàm đạo, Mạc Kính Điển nói:

- Vương triều nhà Mạc đang cần tri kỷ đây. Sao ông lại lên tận núi mới thấy được người muốn tìm. Hay lại học chuyện Đào Tiềm, Kê Khang, mấy lão nhà nho trong rừng Trúc cổ hủ ngày xưa.

Giáp Hải chấp tay, ung dung trả lời:

- Đó chỉ là ước muốn, còn dòng đời cuốn mình đi nữa, đâu đã cho được tùy nghi.

Kính Điển xăng giọng:

- Ông tài ba hơn người, lẽ ra phải hết lòng giúp triều đình trong lúc mới sáng nghiệp, nhằm vỗ yên trăm họ, sao lại có ý ở ẩn.

Giáp Hải nói:

- Kê sĩ trong thiên hạ gặp thời, nào tiếc sức. Tôi được triều đình tin cậy, giao việc gì cũng cố gắng làm chu đáo, cũng mong giúp được chút đỉnh cho dân cho nước. Còn như chữ nghĩa, viết chơi treo ở xó nhà, có gì mà bận tâm.

Mạc Kính Điển không thấy Giáp Hải mạn mà với mình liền bỏ về và quên luôn việc tiến cử.

Giáp Hải không lấy thế làm buồn. Tuy nhiên, một lần Mạc Kính Điển đem quân đánh họ Trịnh, quân Trịnh phải rút và mạn Ngệ An, nhân kéo quân qua Lam Sơn, Giáp Hải ghé vào thăm, và có làm thơ cảm khái. Có viên quan hay xét nét đem việc ấy mách với Mạc Kính Điển. Điển gọi ông vào hạch hỏi. Ông cứ thật tỏ bày.

Kinh Điển bực bội bảo:

- Ăn cây táo thì rào cây táo. Sao lại rào cây xoan.

Ông điềm tĩnh trả lời:

- Công tích của việc tụ nghĩa Lam Sơn, đời đời còn ghi nhớ. Ca tụng Vua Lê đánh giặc, dựng nghiệp, tôi nghĩ, đó cũng là việc thường làm của đám sĩ phu.

- Hãy đọc ta nghe.

Ông ung dung, cất giọng ngâm đường hoàng:

Thăm Lam Sơn ngẫu thành⁽¹⁾

Xế chiều ghé lại đất Lam Sơn

Thành quách một phương, dân một phương

Dệt vải hợp phurong quen nếp cũ,

Sen thơm ngút ngát, nọ ai trồng?

Hạc về gốc bách, đất trời cổ,

Phurong múa non xanh, nhật nguyệt trường.

Bia đồ mắt nhìn ngao ngán nỗi,

Bình Ngô công đức thật khôn lường

Kính Điển còn lăm lăm bấm răn đe mấy câu nữa. Giáp Hải cũng không nói gì.

Chuyến ấy về Thăng Long, ai cũng được xét công thăng thưởng; chỉ duy có Giáp Hải không được gì, lại còn bị giáng xuống một tư.

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán.

Đến khi Mạc Mậu Hợp lên làm vua ông được trao chức Thượng thư bộ Lại, kiêm Đô ngự sử, tước Luân Quận công, đứng đầu triều đình. Ông chối từ mấy lần, nhưng không được, liền nói với phu nhân:

- Ta muốn an phận thủ thường mà không xong. Triều đình đã tin cậy, đành phải hết lòng để cống đáng việc nước thôi.

Lúc này Mạc Kính Điển đã chết. Họ Trịnh đã xây dựng được binh quyền, lấn át Vua Lê, từng đem quân ra tận vùng Tam Điệp, Thần Phù, thanh thế rất lớn. Nhiều tướng lĩnh nhà Lê, theo nhà Mạc, nay lại vào Thanh Hoá để theo Vua Lê và họ Trịnh, nội chiến liên miên, nhà nào cũng có con trai chết trận hoặc tàn tật do những cơn binh lửa.

Năm ấy, sao chổi hiện nhiều lần, sáng rực ở phương Nam. Giáp Hải, đem dịch số đoán định, cho rằng đất nước còn loạn lạc nhiều năm, dân chúng còn điêu đứng, liền thức nhiều đêm, đem hết tâm huyết viết một bản tấu dài dâng lên Vua Mạc. Lời lẽ rất thống thiết:

"Thần xét sao chổi là sao yêu quái, lúc mới mọc thì dài mà to thì tai biến còn xa, ngắn mà nhỏ thì tai biến sắp tới. Nay chính sự mỗi ngày một bậy, không phải chỉ có một việc. Kinh Thư có câu "Phụng thờ thượng đế, thần kỳ, xã tắc, tôn miếu, chỗ nào cũng kính cẩn". Thế mà nay làm lễ tiên tổ, thịt xôi đơn bạc, lễ vật kính dâng cầu tha không kính cẩn "Đó là một điều đáng sợ".

Mạnh Tử nói: "Vua có lòng nhân thì không ai là không có lòng nhân". Nay những người bên cạnh Bệ hạ, quen thói nịnh hót, dễ dàng chơi bời để cầu hợp ý Bệ hạ. Cung cấm là chỗ rất nghiêm mà nay ra vào không cấm; tuyên bố mệnh lệnh và thu nạp lời can là việc rất cẩn thận mà nay che lấp không thông, ấy là hai điều đáng sợ.

Mạnh Tử lại nói: "Trên dưới tranh nhau thì nước phải nguy". Nay xem quan lại trong ngoài, kể là chính đáng thì mười người chỉ

độ hai, ba, còn đều đắm đuối về lợi, nào những lạm quan tước, nào chiếm đoạt ruộng đất các quan phiên trấn sách nhiễu và mua rẻ của dân, không việc gì là không làm, ấy là ba điều đáng sợ.

Tả Truyền có nói: "Nước hồng là bối quan lại gian tà". Nay xem quan quan lại trong ngoài, kẻ chính đáng thì mười người chỉ độ hai, ba, còn đều là gian tà cả; khi có sắc chỉ truyền việc gì thì quan lại dựa vào đấy mà sách nhiễu, khi có kiện cáo to nhỏ, thì đòi tiền dút lót, không biết đến đâu là cùng. Ấy là bốn điều đáng sợ.

Đường sử có chép: "Nước nương tựa vào dân". Nay công việc tư đều bị sách nhiễu khổ sở, dân khó lòng sống được, vậy thì nước nương tựa vào ai? Ấy là năm điều đáng sợ.

Trong Tả Truyền có câu: "Đánh trận mà thắng cốt các tướng phải đồng lòng". Nay tướng suýt trái ngược nhau, mỗi người một ý, quân sao thắng được? Ấy là sáu điều đáng sợ.

Ngoài ta còn có việc trái ngược đạo lý, không kể xiết được. Bởi thế, sao chối ra tai, diễm tai dị không phải tình cờ. Xin Bệ hạ tự răn, lo sợ, thay đổi việc chính sự thói nát. Khi lòng dân đã hoà thì ý Trời cũng thuận. Nếu Bệ hạ chỉ say đắm về sự yên vui không chịu răn chữa sửa đổi, thì sẽ có ngày nguy vong không sao giữ nổi".

Mạc Mậu Hợp đọc bản tấu, không nghe lời Giáp Hải, nhưng vẫn tin dùng, ít lâu sau lại thăng cho ông lên chức Thiếu bảo rồi lại cho giữ việc sáu bộ kiêm Đông các đại học sĩ, coi toà Kinh Diên, tước Sách Quận công. Ông dâng sớ từ chối. Mạc Mậu Hợp không cho. Khi về nhà, phu nhân nói:

- Nhà vua cho ông quyền cao, chức trọng, sao ông cứ chối từ, không sợ bị phạt lòng ư?

Ông ôn tồn nói:

- Ta làm Tể tướng, đâu chỉ vì chức Thiếu bảo hay chức Quận công? Ta muốn Chúa thượng nghe lời ta, làm những điều ta đề xuất. Nhưng chức thì cho, việc thì không làm, lời răn thì làm lơ như chưa

hề nhận bản tấu. Ban chúc cho ta, chẳng qua cũng là một thứ làm yên lòng kẻ sĩ mà thôi.

Liên dâng sớ xin về trí sĩ, Mạc Mậu Hợp không cho lại thăng cho chức Thái bảo. Ông lại khẩn thiết dâng sớ nữa. Mạc Mậu Hợp biết không giữ nổi nữa, liền cho về. Lúc ấy ông đã bảy mươi một tuổi. Vua Mạc ban cho ông lá cờ thêu hai hàng chữ:

Trạng nguyên, Tể tướng đầu Nam tuần

Quốc lão, đế sư, thiên hạ tôn

(Trạng nguyên, Tể tướng, trời Nam nhất,

Quốc lão, đế sư, thiên hạ tài)

Ông đem về, chỉ khi nào Vua ngự đến thăm mới lôi ra treo, còn sau đó, lại hạ xuống cất kỹ vào đáy hòm.

Ông giành mấy năm cuối đời soạn sách *Bang Giao tập* để lại cho đời và chống gậy trúc đến những nơi am thanh, cảnh vắng.

1999

Học trò họ Nhữ

Làng Nhữ Xá có hai người học trò cùng họ, tính nết rất khác nhau. Người học như chơi, người đắm đuối dùi mài. Nhữ Công Chân nói năng bất cẩn, lắm khi đùa không giữ lời, bỏ bả, người được Chân yêu quý cũng đem lòng giận. Nhữ Công Tung, trái lại giữ gìn từng câu nói, thường hay bâng vào câu: "một lời đã nói ra, bốn ngựa khó đuổi theo", nên cẩn trọng từng câu trả lời, câu thưa gửi, người giận Tung cũng không bắt bẻ nổi, người muốn hại Tung cũng chịu không hại nổi. Tung hơn Chân đến vài chục tuổi, chín chắn hơn, song tài học thì chưa biết ai đã hơn ai. Năm Nhữ Công Tung ngoài ba mươi tuổi, Nhữ Công Chân cùng tập văn trường tỉnh, khi thầy cho làm bài văn tự nói chí mình, Công Tung, không thoát khỏi những lời thánh, ý hiền thuở trước, bàn bạc tuy thấu nhẽ, nhưng không ra khỏi thuyết "hành-tàng", ước ao minh quân, lương tể. Còn Công Chân thì mượn lời Phụng Xô Bàng Thống của Tam Quốc, ngênh ngang viết với ý tứ: người giỏi trong thiên hạ, làm theo ý mình, không làm theo ý trời. Thầy giận lắm, cho là ngạo mạn, sau này sẽ làm những điều không hay cho đám nhà nho. Thầy có ý không bằng lòng, Nhữ Công Chân không lấy thế làm buồn.

Những năm ấy, nhà Mạc tiếm ngôi nhà Lê, mở khoa thi lấy lòng thiên hạ. Nhiều người giỏi vì còn nhớ đến nhà Lê, quyết không nộp quyển. Nhưng Công Tung rủ Nhữ Công Chân đi thi. Chân hỏi Tung:

- Sao anh lại đi thi? Anh vốn là người khuôn thước kia mà.

Tung trả lời:

- Khuôn thước vẫn khuôn thước, nhưng khuôn thước không phải cứ dẫm theo vết chân của người đi trước.

Chân hỏi:

- Anh định ra làm quan với nhà Mạc ư?

Tung thẳng thắn trả lời:

- Thời loạn, mấy chục năm mới có một khoa thi. Tài năng thì đời nào cũng có. Thân đồng như Mạc Đĩnh Chi, Lương Thế Vinh nào có thiếu gì. Mình đang thời thi, thời học, không thi, không đỗ, thì những khoa sau, tuổi bốn mươi mới đỗ, có vinh quy, người ta cũng xem thường.

Chân cười phá lên:

- Hoá ra anh vẫn bị cái danh ràng buộc. Muốn đem tài để thi thố cho đời. Nhưng anh nghĩ thế cũng phải, cứ nên nộp quyển đi.

- Anh không nộp sao?

Chân cười:

- Một làng, một ông Tiến sĩ vinh qui là nhọc công cho cả làng rồi, nếu lại hai ông nữa thì khổ đến đâu?

Đang lúc vui, Nhữ Công Tung cũng đùa lại:

- Một ông thì làng cũng chừng ấy người đi đón, làm chừng ấy mâm cỗ, hai ông cũng chẳng phải thêm gì. Anh cứ đi thi.

Nhữ Công Chân đáp:

- Tôi là người của hội rượu, hội cờ, hội thả chim mùa hè, thường lan Tết Nguyên Tiêu. Đoan ngo và mồng 9 tháng 9 lên núi hái thuốc. Chơi dài ở khe sâu, luỹ kín với hoa cỏ chán thì ra biển câu cá mực, câu cá song, theo thuyền ngư phủ, gõ mạn thuyền cùng họ trong mùa bủa lưới cá mòi tháng 3; tháng 9 cùng họ, gặt cữ mưa hoa mang rỏ, mang giần sàng ra hốt rưới dưới ruộng, về tự rán lên đàn đúm với mấy anh chàng lêu lổng, uống rượu, say nằm ngay ở chiếu rượu đầu thềm mà ngủ, thi cử mà làm gì!

Rồi nhất quyết không thi. Nhữ Công Tung thi đỗ Tiến sĩ ở triều nhà Mạc nhưng không ra làm quan, khi Chúa Trịnh đem quân lấy lại được kinh đô, sang thời Trịnh Tráng, thu phục được hầu như cả đất đai cũ của nhà Lê, Nhữ Công Tung ra làm quan với nhà Lê. Ông là người học hành uyên bác, lại nhớ kỹ, nhớ lâu, được Chúa Trịnh rất yêu. Khi Chúa đem các văn thần giỏi lên Nam Quan bàn về mốc cột đồng biên giới, có mang Tung theo. Tung đối đáp với sứ nhà Minh lời lẽ rất nhuần nhị, đanh thép. Những nơi lán đất ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Tung đều có những chứng cứ trong các dư địa chí, sử cũ, đưa ra người Minh không biện bạch nổi.

Năm ấy, Nhữ Công Tung được thăng Thị lang bộ Lễ và được cử sang sứ Trung Hoa, tết có về làng Nhữ Xá. Nhữ Công Chân ngao du cũng chán, nhớ quê, lại trở về làng. Thấy nhà Nhữ Công Chân vẫn nhà tranh vách đất, rào gai, Nhữ Công Tung không khỏi buồn ngùi, tiếc cho một tài năng bỏ phí. Ông ghé vào thăm.

Vào đến nhà thì đầu giường tre vách nứa, nhưng tranh trên vách, chữ viết nơi ngói tiếp khách, đọc sách, thì ai cũng phải kính trọng.

Chân pha trà mời Tung thì, phía đầu hồi hoạ mi cất tiếng hát vang, trong lùm bụi tiếng hồng yến cũng hoạ theo thật thanh tú. Tung chợt thấy cái sở đắc của Chân mình không có nổi. Lại nghĩ đến cảnh sắp đi sứ Trung Hoa, đường trường mệnh mang, trọng trách lớn, đến nỗi ngồi bên giò thủy tiên nở giữa giao thừa, lòng vẫn phấp phồng không thể thấy được vẻ đẹp kín đáo mùi hương sang trọng đài các của hoa.

Chân hỏi:

- Đại nhân nghĩ gì vậy?

Tung nói:

- Đừng gọi thế! Tôi với anh trước sau vẫn là bạn. Cứ gọi tôi là Tung như trước kia anh vẫn gọi là được. Anh Chân này, lòng thành của tôi mong được anh nghĩ lại. Tài của anh, nhỏ cũng có

thể làm quan huyện, quan phủ tốt; nếu được tin yêu thì chức đồ ngự sử, đại phu, học sĩ, nào có kém ai. Học rồi không đem thi thố, đâu chỉ phí công cho riêng anh mà đời cũng thiệt đấy chứ. Nhà Chúa mới ra Bắc, rất cần người tài, nếu anh chịu nghe, tôi xin tiến cử. Bằng không muốn phiền đến bạn, tôi khuyên anh nộp quyền đi thi. Khoa thi Hương tháng 9 này lại mở. Bây giờ nộp quyền cũng còn kịp.

Chân cười:

- Ngày trước tôi khuyên anh nộp quyền. Bây giờ anh lại khuyên tôi! Nhưng sự đời không mấy khi lặp lại đâu. Tôi nộp quyền có đổ ông cống, ông Nghè như anh, Chúa có yêu mấy thì cũng chỉ dùng làm quan để ngâm thơ trong vườn, chọn chim ở hành cung, hoặc sung vào loại quan lo chỗ cho Chúa chơi, tìm hội vui cho Chúa đến thôi! Tôi không thi cử gì đâu, xin đa tạ anh.

Rồi lấy rượu ngon, bỏ ổi và đào thơm làm thức nhắm. Công Tung chưa bao giờ được thưởng thức vẻ thanh cao thế này, hôm đó uống say với Công Chân, lại bá vai nhau, bình những câu thơ, những bức thư pháp chữ rất đẹp của Chân.

Tung nói:

- Nhà Chúa cứ nhìn chữ của anh cũng đủ mê rồi. Anh có thể cho tôi một bức đem treo ở nơi làm việc được không?

Chân cười nói:

- Tôi không cho anh đâu!

Tung vẫn tưởng bạn đùa, gặng hỏi:

- Anh nói đùa hay nói thật đấy?

Chân nói:

- Tôi nói thật đấy chứ! Tôi cho chữ anh treo chỗ làm việc, ngộ nhà Chúa đến, gọi tôi ra làm quan thì chết tôi rồi còn gì!

Rồi cười âm lên!

Tung nghe bạn trả lời, lòng cũng vui hẳn lên, chìa chén cho bạn rồi nói:

- Câu này thì phải uống thêm ba chén nữa!

*

Rồi Nhữ Công Chân lại khép cửa rong, bỏ nhà ra đi.

Phải vài chục năm sau mới trở về. Nhà tranh cũ sửa sang chẳng mấy. Vườn lại đầy tiếng chim trời, thêm đất thêm nhiều bạn phương xa tới. Nhiều đêm, đàn địch thổi đêm suốt sáng. Chân sức nhớ đến người bạn vong niên cũ là Nhữ Công Tung, hỏi ra thì triều đình thay đổi đã nhiều, nhà Chúa dùng người đảng Trong làm bấy tôi lương đóng. Công Tung đã mất, con cháu không giữ được nếp nhà, phá tan cả. Mười mẫu ruộng nhà Chúa ban cho trước ngôi chùa cũ, nơi một thời lâu gác nghênh ngang, nay đã hoang phế, cỏ dại, hoa đồng phủ kín, đường cũ rêu đầy... Mộ Tung chôn ở đó. Nhữ Công Chân hỏi thăm một người cháu xa, thì từ đường họ Nhữ cũng đột nát, không ai cho tiền mà chữa.

Công Chân, bùi ngùi nhớ bữa uống rượu với ổi chín và đào thơm, hỏi Nhữ Công Tung làm Lễ bộ thị lang, vâng mệnh sang sứ, mà bồi hồi. Công Chân thấp một tuần nhang và ứng khẩu đọc luôn một bài thơ:

Nền cũ nhà quan thừa tướng họ Nhữ

Mười mẫu mệnh môn trước cửa chùa,

Gác lâu thừa tướng, dấu nền xưa.

Nào hay cỏ dại đường chen lấp,

Luống để hoa tàn, rêu phủ trơ...

Bộ Lễ ba triều, ngôi tột đỉnh,

Ái biên hai bạn, sứ hoa dư...

Công danh phú quý giờ đâu nữa,

Lặng lẽ bơ thờ, ngọn gió thu...

Công Chân ngẫm ra không đi thi là phải, liền về nhà, mài mực viết chữ ca ngợi những nét thanh u, cô tịch nơi sơn cùng, thủy tận, ai thích thì cho, rồi lại đắm vào các cuộc chơi, đi du ngoạn hết nơi này sang nơi khác...

1998

Đỗ Ưông và Phạm Trấn

Đỗ Ưông, người làng Đoàn Lâm cậy mình học giỏi, thường hay học về khuya. Ban ngày, Ưông đi chơi, đi câu, đi kiếm củi, nhõn nhõn coi việc học như trò đùa. Trong khi đó, Phạm Trấn ở làng Nam Kiều, thì học ra rả suốt ngày như cuộc kêu, như ve róng riết.

Cạnh nhà Đỗ Ưông có một toà miếu nhỏ, cây cối um tùm, ít người qua lại. Dân chài đều phải nhớ cúng mới đánh được cá, người làm ruộng cũng phải nhớ cúng, mới được miếng ăn.

Đỗ Ưông ở liên nhà không cúng lễ gì cả. Hàng đêm ngồi học, thấy có lúc, dưới gốc cây có đèn thấp sáng, rồi lại tắt, rồi lại thấp. Lại như có tiếng con gái réo rắt bên tai, trêu chọc:

Khen ai có mắt như mù,

Đèn sáng thì bỏ, đèn mờ thì ham.

Ưông biết là ma trêu mình, ngồi lặng lẽ học không nói gì cả... Ngọn đèn cứ chờn vờn trêu chọc trước mắt. Có lúc như có một kẻ vô hình nào xách tận bên song cửa, chiếu giọi vào mắt, chói không đọc được, đến khi Ưông mở mắt ra thì đèn lại tắt.

Đỗ Ưông tức lắm, nhưng lì lợm không nói gì. Hôm sau, lại chong đèn bên cửa ngồi học. Đang học thì thấy trên cây, có thứ giọng the thé, không ra giọng ma cũng không ra giọng người.

Làm lính thì nhàn,

Làm quan thì khổ!

Có phúc làm quan nhỏ,

Vô phúc làm quan to...

Đỗ Ưông thử sẵn mấy hòn đá, mở cửa ném lên chỗ có tiếng nói, chỉ thấy tiếng cười như xé vải rồi không thấy gì nữa. Vừa vào ngôi học lại veo veo đầu ở ngọn cây:

Làm lính thì nhàn,

Làm quan thì khổ.

Có phúc làm quan nhỏ,

Vô phúc làm quan to...

Đỗ Ưông lấy khăn拭 tại lại, lại ngồi điềm nhiên học.

Hôm sau, lên tập văn ở nhà thầy học, gặp Phạm Trấn, bảo với Trấn. Trấn cười nói:

- Tại anh không học ban ngày như tôi, nếu học ngày đâu bị ma ám.

Đỗ Ưông đành thú thuật:

- Tôi giả bộ ban ngày không học, đi câu, đi kiếm củi, làm các việc khác chẳng qua là ban ngày phải nằng nổ đi kiếm gạo, vừa nuôi mẹ, vừa lấy tiền ăn học đó thôi. Tôi không kiếm ở gần nhà, mà đi chợ xa gánh thuê, bán cá, kiếm củi. Đến địa phận làng lại cởi áo vá, mặc áo thầy nho ra ngoài, nên ai cũng tưởng là ung dung, nhờ họ hàng giúp rập để nay mai giặt bằng vàng đó thôi.

Phạm Trấn nhà giàu, thương Đỗ Ưông, đem bạc giúp bạn, bảo không cần làm thế, nhưng Đỗ Ưông khẳng khái từ chối. Ban ngày Đỗ Ưông vẫn phải đi kiếm sống độ nhật. Đêm lại chong đèn học.

Bữa ấy vừa học vừa nghe ngóng ngoài vườn xem có động tĩnh gì không, thì thấy ngoài vườn, phía miếu, đều rất im ắng. Ưông học rất mải mê, lại gặp trang sách hay, không bỏ được, lòng đầy hứng thú, đọc to lên rằng:

"Đạo là chỗ ẩn náu của vạn vật, là vật quý của người tốt, chỗ nhờ cậy của người không tốt.

Lời nói hay có thể làm cho mình được tôn trọng, hành vi đẹp có thể làm cho mình hoá cao thượng, nhưng còn người không tốt mà biết nhờ xin ở Đạo thì sao lại bỏ.

Cho nên lập ngôi thiên tử, đặt ngôi tam công dù trọng đại lễ, hai tay bưng ngọc bích lớn đi trước xe bốn ngựa, cũng không bằng quì dâng đạo đó lên.

Người xưa sở dĩ quý đạo là vì đâu? Chẳng phải là vì nhờ đạo mà hề cầu gì được nấy, có tội thì được tha đấy ư? Vì vậy mà đạo được thiên hạ quý!".

Đọc xong, về chỗ cũ, đặt sách lên án, rung đùi học tiếp kỳ đến nhập tâm. Đang chăm chú chợt thấy một bàn tay lông lá cực lớn bịt kín cả trang sách không cho học nữa.

Đỗ Ưông tức lắm, cố gỡ tay ra cũng không nổi, rồi ngọn đèn cũng bị tắt phụt. Khi thắp được đèn lên thì trang sách đã bị cả bàn tay dính mực đập nhoe, không còn đọc nổi nữa.

Đỗ Ưông nghĩ hết cách để trị được ma quỷ, quấy nhiễu. Cũng không hề nghĩ đến phải sắm lễ sang cầu khẩn bên toà miếu nhỏ để bọn ma quỷ đỡ quấy mình. Hôm sau, mặt buồn rười rượi đi học. Bữa ấy, bài văn Phạm Trấn làm rất hay, được thầy khen. Còn Đỗ Ưông, bị ma quấy thủ đêm, nên chọn phú tám vần, tuy ngắn, nhưng cũng xuất sắc! Tuy nhiên thầy xếp bài văn của Đỗ Ưông dưới bài Phạm Trấn, đó là điều từ trước đến nay chưa bao giờ xảy ra... Tan buổi học, thầy hỏi Đỗ Ưông. Ưông thưa lại. Thầy nghĩ một lát rồi bảo Ưông đến gần nói nhỏ vào tai, dặn cứ làm như thế, như thế...

Đêm ấy, Đỗ Ưông lại ngồi học. Sách *Luận Ngữ* để trước mặt. Đỗ Ưông đang đọc đến chương Tử Hãn. Sách viết:

"Ví như việc lấy đất đắp thành núi, chỉ còn một giỏ nữa là xong, mình lại thôi, đó là tại mình bỏ vậy. Ví như việc lấp vực sâu thành đất bằng, dầu ta mới đổ xuống một giỏ, ta vẫn cứ đồng đạc đổ thêm, đó là ta sẽ đến thành công!".

Sách lại nói:

"Có hạng người mình có thể cùng học đạo với họ, nhưng chưa thể cùng họ đi vào đạo. Có hạng người, mình có thể cùng họ đi vào đạo, nhưng lại chưa thể cùng họ đứng vững trong cõi đạo. Có hạng người mình có thể cùng họ đứng vững trong cõi đạo nhưng chưa có thể cùng thi hành phép quyền nghi với họ".

Vừa đọc đến đó, lại thấy từ song cửa bàn tay lông lá bủa trước đặt lên trang sách. Đỗ Uông bèn lấy chỉ ngũ sắc, bện thành thùng, buộc lấy bàn tay ấy trói vào chân án sách. Con ma bị trói, không làm sao dứt ra được. Gặp đến sáng, ma lại càng hoảng hốt kêu xin. Uông không thả, định sáng ra, trói đến cùng. Ma chấp tay van xin nói:

- Tôi biết quan nhân là người hiểu thắng mà danh phận đã được định đoạt. Tha cho tôi, sẽ có lúc trả ơn. Từ giờ không dám quấy nhiễu nữa.

Đỗ Uông tha. Ma biến thành một luồng sáng bay về phía miếu. Năm Quang Bảo thứ ba, khoa thi Bính Thìn, nhà Mạc mở đại khoa. Đỗ Uông và bạn học là Phạm Trấn đều đi thi. Chuyện Uông bắt ma ai cũng biết. Uông cũng lấy thế làm tự đắc. Phạm Trấn, tính khí điềm đạm, ít khoe, ít nói, học bao nhiêu pho sách cũng không ai hay, lại hay giúp rập những người hoạn nạn cơ nhờ. Tập văn ở trường, Phạm Trấn không làm hết sức, đứng thứ hai, thứ ba đã mãn nguyện, còn Uông thì phải đứng đầu trường mới thoả mãn.

Kỳ thi Đình này, cả Đỗ Uông và Phạm Trấn đều trúng thức. Đám thí sinh vào lạy Vua, rồi nhận lều của mình vào thi. Vua ra bài, quan giám thí đọc bài. Đỗ Uông xem kỹ các đầu bài, nghiền ngẫm kỹ, huy động hết những điều đã học, chắc hẳn kỳ này sẽ đỗ đầu. Nhưng làm bài mới được một nửa chợt thấy mắt mờ, bụng quặn đau, không thể nào viết nổi, đành gục xuống bàn viết. Trong khi đó, Phạm Trấn ngồi đối mặt, vẫn ung dung, vừa viết vừa ngẫm nghĩ, nghĩ xong lại viết. Đỗ Uông toát mồ hôi, chắc hẳn phen này sẽ hỏng thi, thì chợt nghe một giọng nói quen quen bên tai, nhắc

khéo: "Có quế mang theo trong túi, sao chẳng lấy mà trị bệnh". Đỗ Uông nhận ra là tiếng con ma vẫn hay trêu ghẹo mình. Liền lấy quế ăn, quả nhiên cơn đau bụng đỡ hẳn, lại gượng dậy làm bài tiếp. Nhưng do bị cảm lạnh nên văn khí có giảm, khi yết bảng xong, Phạm Trấn đỗ Trạng nguyên, Đỗ Uông chỉ đỗ Bảng nhãn. Uông đành bằng lòng vậy. Khi vua cho hai người vinh qui về làng. Phạm Trấn cưỡi ngựa đi trước. Đỗ Uông cho là mình không may, chứ tài thì hơn hẳn Trấn liền cưỡi ngựa vượt lên, để dân làng hoan hỉ đón mình trước. Trấn rẽ ngựa nhường cho Uông đi. Khi tiến lên ngang với Phạm Trấn, Đỗ Uông nghĩ thế nào lại dừng chân lại. Trấn mời:

- Huynh cứ lên trước!

Uông hơi thẹn, dừng lại bảo:

- Thôi, chúng mình là bạn đồng song, ai đi trước cũng được!
Huynh đỗ Trạng đi trước là đúng.

Trấn bảo:

- Hay là ta cùng làm một bài thơ, ai xong trước mà hay thì đi trước.

- Huynh ra đầu đề đi!

- Trước mặt là đôi cây, chim hót ríu ran. Lấy tiếng chim làm đề, mỗi câu thơ phải có một loài chim.

Uông nhận lời.

Uông vốn là người sách vở, nên tiếng chim trên đôi nghe đâu có thuộc hết. Còn Phạm Trấn lúc học, lúc chơi, lúc lên đồi men suối tìm sơn, lúc ra bãi ngắm vài chín chim về, nên chỉ ít phút sau đã xong. Trấn cao giọng đọc:

Ngang đôi nghe chim hót

Lảnh lót đầu sông Oanh đón gió,

Chích choè nhún nhảy tít cành cao.

Sáo lang cãi rộn trên đường cỏ,

*Đám Sẻ bay ào phía tán cau.
Gốc trúc chia phần dàn Liễu diêu,
Cành xoan tủa quả lữ Chào mào.
Điều hầu lượn tít trên trời thẳm
Chèo bẻo vờn ngang đám lúa màu.*

Phạm Trấn đọc xong, Ông giờ tay bái phục, mời Trấn đánh ngựa lên phía trước.

Đỗ Ưông về nhà, nhớ chuyện thi cử, liền sắm lễ sang tạ miếu bên sông, lại cho xây am nhỏ, thờ hồn ma đã giúp rập mình bữa đang thi lên cơn đau bụng.

*

Đỗ Ưông và Phạm Trấn đều làm quan với nhà Mạc. Khi Thái úy tả tướng Trưởng Quốc Công Trịnh Tùng được Vua trao quyền Tiết chế, thì nhà Mạc đã suy yếu. Đỗ Ưông đang chân chừ, bữa ấy tuần rằm, sang thắp hương bên miếu, đến trước am thờ ma đang vái thì thấy trên am bỗng có tờ giấy có một chữ Trịnh. Đỗ Ưông ngạc nhiên, vội cầm lấy, cho là quỷ thần đã mách bảo. Đêm ấy đem tất cả vợ con qua sông vào Thanh Hóa, ra mắt Quốc công Trịnh Tùng xin được về hàng. Quốc công đưa Ưông vào bệ kiến Vua Lê rồi lấy lễ đáp lại. Đỗ Ưông được ban chức Hộ bộ Thượng thư, Đông các đại học sĩ, tước Thông Quận công. Năm ấy nhà Minh hẹn hội khán ở Lạng Sơn. Trịnh Tùng sai Ưông cùng Quảng Quận công Trịnh Vĩnh Lộc đem hai pho tượng đúc bằng vàng và các vật cống lên tiếp sứ, nhưng bọn quan nhà Minh ăn hối lộ của nhà Mạc nên thoái thác. Việc không xong, Trịnh Vĩnh Lộc và Đỗ Ưông phải trở về.

Trịnh Tùng biết tiếng Phạm Trấn, bảo Đỗ Ưông đến vời ra làm quan. Ưông hỏi mãi mới biết chỗ ở của Trấn. Trấn lui về một xóm hẻo lánh ở một huyện giáp núi.

Trần gặp Đỗ Ung rất quý trọng, tự tay hâm rượu, làm đồ nhắm mời bạn. Đỗ Ung đem ý của Chúa Trịnh ra mời. Phạm Trấn bảo ta hãy làm bài tán, ca ngợi rượu hay hơn là bàn chuyện công danh. Lần này, Đỗ Ung không chịu thua Phạm Trấn liền đọc trước:

Rượu hoàng lưu ngon chừ, ta uống rượu hoàng lưu.

Không rượu hoàng lưu chừ ta uống rượu hoả thang

Gặp rượu nào cũng uống

Gặp việc gì cũng làm!

Phạm Trấn biết Ung khuyên mình bỏ nhà Mạc ra làm quan với họ Trịnh, điều mà ông không muốn, liền gõ bát, hát luôn rằng:

Có rượu hoàng lưu chừ, ta uống rượu hoàng lưu

Không có rượu hoàng lưu chừ, đành để bụng rỗng không

Lòng này có đất trời soi xét,

Thênh thang vũ trụ thật vô cùng!

Rồi gõ bát, nâng chén, mời Đỗ Ung uống cạn, ngâm tiếp bài thơ *Yêu núi*:

Lòng ta yêu núi không cùng,

Khỏi mây bịn rịn, thoát vòng lợi danh.

Ngẩng đầu ngắm đám mây xanh

Bước ra khỏi ngõ gặp toàn cỏ hoa.

Ngắm mai nở, biết xuân về

Học loài tùng bách xá gì rét đông.

Dù cho sấm chớp bão bùng,

Nhà tranh bên suối thong dong tối ngày.

Đỗ Ung biết chí của Phạm Trấn đã quyết định trở về thừa lại rõ cùng Chúa Trịnh.

1999

Quan Thượng thư làng Mộ Trạch

Tiến sĩ Vũ Bạt Tuy, rất dữ đòn. Con ông là Vũ Duy Đoán, trời đầy, học rất dốt. Ông khổ sở lắm. Học nhiều không thuộc đã đành, mỗi buổi có nửa trang sách cũng không thuộc nổi. Người làng Mộ Trạch bảo:

- Họ Vũ đất nghĩ rồi. Thằng Đoán có mớ bụng nhét chữ vào thì cũng chẳng ăn thua!

Đánh con lần hết lưng, hết đùi rồi lại thương con, ông Nghè Vũ Bạt Tuy, tưởng như thúc thủ.

Được cái Vũ Duy Đoán không nản chí, bố đánh là thế vẫn cứ lăn vào học. Nhiều lúc thấy chồng đánh con nhồi chữ vào đầu, bà nghè lấy khăn thấm nước mắt.

Một bữa mẹ bảo con:

- Đoán này, nếu trời bắt con dốt nát, thì thôi đừng học nữa, con kiếm nghề khác vậy. Đi buôn, thầy mẹ cấp tiền cho, hay là đi học nghề để mẹ nói với cha con chọn chỗ gửi gắm. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, con ạ...

Đoán nói:

- Mẹ ơi, con đã dốt thì học gì chắc cũng dốt. Nghề nào bằng nghề đọc sách hờ mẹ. Sách đã chẳng nói "Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao".

Bà mẹ râu ruột bảo:

- Thôi tùy con!

Ở Văn Miếu của làng, do các vị bộ lão và nho thần đời trước lập ra, ngoài thờ đức Khổng Tử, còn thờ thần Văn Xương. Duy Đoán thắp hương khấn, rồi đem hoa quả đến cúng, rồi tự viết tờ sớ rằng:

- "Nho sinh họ Vũ, tên Duy Đoán ở làng Mộ Trạch, cha đỗ đạt cao, giỏi nức tiếng mà con thì dốt nát mờ mịt. Đã dốc lòng dùi mài kinh sử mà chữ nghĩa vẫn như nước đổ lá khoai. Đức thánh và thần Văn Xương hay chữ xin san xẻ cho Đoán này đôi chút.

Lòng thành ngưỡng mộ, cầu nguyện chân tình. Cúi mong thương đến".

Lúc đọc sớ, xúc động đến thân phận nước mắt lã chã, rỏ thành vũng dưới mặt đất.

Rồi thắp nến trong miếu, soi mà học, những mong lời cầu mong được ứng nghiệm.

Bởi học cố, lòng dạ vừa buồn vừa khắp khối, nên mệt, tựa lưng vào bệ thờ mà ngủ. Đang ngủ bỗng thấy một vị thần mặt đỏ, râu dài, lông mày dài, rất phong độ, chống gậy vào miếu.

Vũ Duy Đoán vội sụp lạy và hỏi:

- Học trò này xin mạo muội hỏi Người là ai ạ?

- Ta là thần Văn Xương đây! Người chẳng vừa khấn Đức Thánh và ta vừa rồi ư?

Vũ Duy Đoán biết là lời xin của mình đã linh ứng, liền nín vạt áo của thần và năn nỉ:

- Xin Thần thương con. Con muốn học hành nên người.

Thần vỗ vai an ủi:

- Có chí thì nên. Nhưng thứ dốt nát như anh thì chỉ có mỗ bụng nhét chữ vào mới ổn!

Rồi sai bộ hạ đề xấn Vũ Duy Đoán ra, mỗ toang bụng nhét *Tứ thư*, *Ngũ kinh* vào...

Vũ Duy Đoán kêu âm lên. Tỉnh ra, thấy trán toát mồ hôi, mà trong bụng thì cũng ngậm ngậm đau thật.

Từ bữa ấy, học hành thông tuệ khác hẳn. Cha ông là Vũ Bạt Tuy rất mừng.

Ít lâu sau được vào nơi tiềm ẩn, hầu Thế tử Trịnh Tạc. Khi Trịnh Tạc lên ngôi Chúa, ông rất được tin dùng, thăng dần lên Thượng thư bộ Công.

Ông rất thích nhân cách và thơ của Trương Cửu Linh và không ngần ngại nói điều ấy với mọi người. Vốn nghe chuyện trước, ông học hành rất chặt vật, nên viên nội thần họ Hàn khích rằng:

- Ông thích Trương Cửu Linh liệu có thuộc được bài nào của Trương.

Ông đỏ mặt, muốn xông lại đánh. Nhưng kìm nén được, liền hỏi lại:

- Ông cho mình là giỏi giang, ta hỏi ông *Kinh Kim Cương* mười tám bộ, bộ nào không có chữ *Nam Vô*, sách *Luận Ngữ* hai mươi thiên, thiên nào không có chữ *Tử Viết*?

Viên nội thần họ Hàn cứng miệng, thì Vũ Duy Đoán bảo:

- Nghe đây, ta đọc thơ của Trương Cửu Linh đây.

Rồi đọc liền một lúc mấy bài thơ của Trương rồi bỏ đi!

Ông hầu Chúa Trịnh hết lòng, thấy Chúa mãi công việc cất quân đánh Chúa Nguyễn, thích chơi gà, ông liền dâng lời khuyên, rất thống thiết, trong đó có đoạn: "Thần Vũ Duy Đoán, dập đầu chảy máu, dâng lên Chúa những lời tâm huyết này. Thiết nghĩ, không trọng người hiền để cho dân không tranh, không quý của hiếm để cho dân không trộm cướp, không phô bày cái gì gợi lòng ham muốn, để lòng dân không loạn. Cho nên chính trị của thánh nhân là làm cho dân: lòng thì hư tĩnh, bụng thì no, không ham muốn, không tranh giành, thể chất lành mạnh, thể mới là đại trị. Lại

thiết nghĩ, ngũ sắc làm cho người ta mờ mắt; ngũ âm làm cho người ta ù tai; ngũ vị làm cho tê lưỡi; ruổi ngựa săn bắn, chọi gà làm cho lòng người mê loạn; vàng bạc châu báu làm hành vi người ta đồi bại. Cho nên thánh nhân vui trong cái thanh giản, không cầu xa xỉ, vui mắt, vui tai mà nên chọn cái thuần phác, thuần hậu, đó là điều dân được nhờ nhiều lắm vậy. Cúi mong lượng xét, tha cho tội dám lạm bàn!"

Trịnh Tạc xem xong, không nói gì, bảo nội thần thưởng cho Đoán một lạng bạc.

Năm Chính Hoà thứ tư (1683) Chúa Trịnh sai Vũ Duy Đoán lên Lạng Sơn tiếp sứ Thanh nhận tù binh nhà Mạc. Khi trước lên một lần, trong đạo văn gửi cho Đốc phủ Quảng Tây, Chúa để tên Hàn Quận công Thân Công Tài lên trên. Kỳ đi sứ về, Vũ Duy Đoán được thăng làm Công bộ thượng thư, xét về chức thì trên Thân Công Tài, nhưng đạo văn của Chúa vẫn để Hàn Quận công trên Vũ Duy Đoán. Ông xem đạo văn xong liền xuất ban tâu rằng:

- Thần không vụ về danh chức. Nhưng nghĩ chức Thượng thư dự vào hàng Tể tướng, chẳng lẽ lại ở dưới tên một quan Trấn thủ một trấn. Như thế thì Lễ không nghiêm, sợ rằng giao tiếp phía Trung Hoa họ cũng lờn, không trọng, thần không dám vâng mệnh.

Chúa Trịnh Tạc thần người ra một lúc rồi phủ dụ:

- Khanh nói thế cũng phải. Nhưng văn bản đã viết mất rồi, khanh thuận mà đi lo việc biên trấn.

Quan Đô ngự sử là Vũ Công Đạo cũng đứng ra biện luận, bênh Vũ Công Đoán...

Chúa giận, liền bãi chức của cả hai ông. Máy tên trung sứ đến nhà, tước lại các đạo sắc phong chức tước của triều đình, ông đều đem trả cả. Duy có đạo sắc của Vua ban lúc thi đỗ thì giữ lại.

Viên quan đem chiếu chỉ đến cứ đòi, Vũ Công Đoán nói:

- Người về bẩm với Chúa, các đạo sắc phong chức tước là của Hoàng đế và Chúa, ban cho ta, ta trả hết, còn đạo sắc thi đồ này là do ta gắng mới có, trả làm sao được!

Trung sứ chịu, về tâu lại, Chúa thờ dài, không nói gì.

Vũ Duy Đoán trở về quê, rất thanh thản.

*

Một bạn Chúa đi chơi núi ở miền Chí Linh, chợt thấy một người đội nón lá, chống gậy trúc, lên núi với thông, với suối, mặc áo lụa thô, tết cúc vải, theo sau là mấy người bạn. Họ đến bên suối, trải lá thông làm chiếu, bày món ăn trên lá ngải rút rượu uống. Có tiếng ngâm thơ Đường sang sảng. Một ông ngâm thơ của Trương Cửu Linh, cả nguyên tác lẫn bài dịch:

Cảm ngộ

Lan diệp sinh uy nhụy

Quế hoa thu hạo khiết

Hân hân sở sinh ý

Tự nhĩ vi giai tiết

Thùy tri lâm thê giả

Văn phong toạ tương duyệt

Thảo mộc hữu bản tâm

Hà cầu mỹ nhân triết

Cảm ngộ

Mơn mơn lan vươn lá,

Thu về, hoa quế thơm.

Rờ rở phô vẻ quý,

Tạo lập khoảng trời hương.

Đâu biết thứ trong rừng,

*Gió gợn là thanh nhã,
Cây cỏ có bản tâm
Cần chi người đẹp bẽ.*

Một ông ngâm bài thơ của Trương Húc, danh hoa, thơ cũng khá nổi tiếng ở đời Đường:

Sơn hành lưu khách

*Sơn quan vật hùng lồng xuân huy,
Mạc vị khinh âm tiện ngũ quy
Túng sít tình minh vô vũ sắc
Nhập vân thâm sít diệc triêm y.*

Đường núi lưu khách

*Rừng quang, cảnh đẹp sắc xuân đầy
Chớ bảo đặng kia có bóng mây,
Giá sử trời trong, mưa gió vắng,
Vào mây, lối khảm ướt là mây!*

Chúa sai người đến tận nơi, nhận ra Vũ Duy Đoán, cho triệu đến.

Vũ Duy Đoán sụp lạy.

Chúa hỏi:

- Duy Đoán vẫn mạnh khỏe chứ?

- Tâu Chúa thượng, thần nhờ gió núi, hương đồng, cơm mới, nước trời, lòng hư tĩnh, nên ít ốm đau, không như những năm lao tâm khổ tứ làm quan trong triều ạ!

Trịnh Tạc cau mày, vì cho là lời nói còn vương oán hận, liền hỏi đùa:

- Ta lại mời người về triều để làm quan Thượng thư, người có ưng không?

Vũ Duy Đoán lại sụp lạy nói:

- Một viên tri huyện bị bãi thì hàng chục kẻ sẵn sàng thay thế hướng chỉ một quan Thượng thư. Thần về nghỉ mấy năm, bây giờ trong tai chỉ còn tiếng suối reo, tiếng thông vi vút nữa thôi. Đội ơn đây, Chúa nghĩ đến tình xưa, nhưng sợ kẻ đã có tội, lại lừa này chỉ làm hỏng việc của Chúa!

Rồi lạy Chúa lui ra, trở về với đám bạn đã bày thức ăn vừa chín, chén chỉ chờ rượu rót ra.

Chân bước ra khỏi hành dinh của Chúa vội vàng mà lòng phơi phới.

1999

Mảnh vạt áo cũ

Làng Sóc Sơn huyện Vĩnh Lộc thường hay mất trộm vặt. Các nhà xóm khác, khi mất gà, mất thóc, mất quần áo, đều không bắt được thủ phạm. Duy xóm Đông chẳng mất bao giờ. Có người đã một lần đuổi huyệt, nắm được đuôi áo, nhưng kẻ lấy trộm có con dao rất sắc, khi bị tóm quay lại cắt vạt áo và nhảy qua tường thoát hiểm. Gia chủ liền giữ lấy vạt áo ấy. Người mất của ngờ là Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm nhà rất nghèo, ruộng nương không có, mẹ già đau ốm luôn, do đó, không cách gì khác là đi ăn trộm và làm các thứ đặt đó, tát cá, kiếm củi, lần hồi nuôi mẹ. Có bạn mẹ thềm thịt gà, liền ăn trộm gà về nấu cháo hủu mẹ. Mẹ thềm cá diếc nướng, không có tiền mua, ra chợ, đang lúc đông, chợt có một thằng bé cướp giắt, một người khác mua cá diếc vớt cá đuổi theo, liền nhẹ nhàng cầm lấy đem về cho mẹ, bụng bảo dạ, làm sao may thế. Nhưng, chưa ra khỏi chợ được mấy bước, bỗng thấy có một bàn tay khoẻ nắm lấy vai và bảo:

- Trả cá diếc của ta đây!

Trịnh Kiểm định bỏ chạy, thì người ấy cười mà rằng:

- Tôi thử anh một chút thôi. Xin cứ đem cá về cho lão mẫu. Tôi thấy anh tướng mạo khôi ngô, tiếng nói rất vang, sức vóc hùng mạnh, nếu gặp vận hội, chắc cũng chẳng thua kém ai đâu, do đó, muốn rủ anh đi lập công giúp nước.

- Tôi mà giúp được ai, nuôi thân, nuôi mẹ không xong, hướng hồ.

- Anh lầm rồi. Trịnh Khả ngày trước giúp Lê Thái Tổ chẳng qua cũng là một người đi ở đợ, cày thuê cho chủ... Trí lự hơn người thì sang, hèn đều thành danh cả.

- Nhưng mẹ tôi già yếu lắm. Không nỡ bỏ đi.

- Không sao. Là tôi nói vậy. Lúc nào anh đi được thì cứ theo lối này, tìm sang đất Lào, hỏi tên tôi, tôi sẽ giúp đỡ.

Năm ấy, mẹ mất, lo ma xong, Trịnh Kiểm nhớ lời người mình xách trộm cá diếc, liền theo sang Lào, mới biết ông ta là người của Thái sư Hưng Quốc công Nguyễn Kim.

Trịnh Kiểm có chí, lại có người giúp chí tình, luyện tập võ nghệ, ra sức rèn giũa, chẳng bao lâu thành vị tướng trẻ khá dũng lược được Hưng Quốc công rất yêu và gả con gái là Ngọc Bảo cho.

Vua Lê Trang Tôn được các cựu thần nhà Lê giúp rập đang ở Thanh Hóa, Thái sư Hưng Quốc công cho người đón sang Ai Lao chính ngôi tôn. Vua phong cho Nguyễn Kim làm thượng phụ Thái sư Hưng Quốc công chương nội ngoại sự. Vua kết thân với Quốc vương Ai Lao, nhờ giúp quân và lương để mưu lấy lại đất nước từ tay họ Mạc.

Thái sư điều binh khiển tướng, trên dưới đều phục. Thanh thế đã lừng lẫy, nhà Mạc rất ngại. Quân theo về đông được lập làm mười đạo quân, mỗi đạo có một tướng giỏi cầm đầu, được phong Quận công. Trịnh Kiểm đứng đầu các tướng, được phong là Dục Quận công.

Bấy giờ Tây An hầu Lê Phi Thừa, vốn là xá nhân của Mạc Đăng Dung từ lúc hàn vi. Khi Đăng Dung thoán ngôi, vẫn chỉ được giữ bảy huyện ở Thượng Hồng, Phi Thừa bất mãn, cho Dung quên người cũ liền sắm thuyền vượt biển vào Thanh Hóa, theo Trang Tôn. Vua phong cho Lê Phi Thừa làm Tây An hầu, nhưng không trao cho binh quyền. Khi phong các Quận công, Phi Thừa ngấp nghé, nhưng không được, do đó lòng oán hận chửi bới lung tung, nói nhiều điều càn rỡ, ảnh hưởng đến việc quân.

Thái sư Nguyễn Kim gọi Trịnh Kiểm đến bảo:

- Lê Phi Thừa không biết phận mình, láo hỗn quá lắm. Mà giết nó thì e những người phía Ngụy Mạc không ai dám theo, con rể ta bảo nên làm thế nào?

Trịnh Kiểm nghĩ một lát rồi thưa:

- Nhạc phụ cứ để con ra tay. Phi Thừa cho mình là võ nghệ hơn người, binh pháp giỏi, con sẽ khích hấn đến nhà bạn con, nhân cuộc rượu, gọi chuyện khởi thêm lòng oán Vua không ban chức lớn cho, để hấn cất miệng lưỡi. Lúc ấy con sẽ ra tay. Làm như thế thì chỉ là chuyện tướng giết tướng mà thôi.

Nguyễn Kim khen:

- Kế ấy được đấy, cứ thế mà làm.

Trịnh Kiểm dụ được Lê Phi Thừa đi uống rượu. Bạn Kiểm bốc tài Phi Thừa, trách Vua và Thái sư không biết dùng. Quả nhiên Phi Thừa nổi nóng, mượn cơn say, chửi bới ầm ĩ. Trịnh Kiểm chỉ mặt Phi Thừa bảo:

- Mày là thằng tráo trở. Trước đây là tay chân đắc lực của họ Mạc, chỉ vì không được trọng dụng, phản chủ sang đây. Tài cán chưa thấy, nay hạch thứ này, mai đòi thứ khác. Nhà đòi nhà to, chức đòi chức lớn. Theo Vua lúc hàn vi, thì chỉ biết hết lòng phò tá, mới phải đạo. Nào ngờ mi vì chức vì danh mà đến, chứ nào vì nhà Lê, ta phải giết chết người mới hả.

Liên xông vào bóp cổ Lê Phi Thừa cho đến chết, rồi vào tạ tội với Vua. Trang Tôn biết ý việc này là do cha con Nguyễn Kim - Trịnh Kiểm bày ra, liền phủ dụ, lại còn ban lời khen nữa. Rồi Tuyên Quận công Trịnh Công Năng lại ầm ỨC về chức quyền. Năng nói:

- So với các hàng Quận công, ta phải đứng đầu mới phải. Vua sai ta đem thư đi mời Thái sư Hưng Quốc công lo việc trung hưng nhà Lê đấy chứ! Nếu có thấp, ta chỉ đứng sau Nguyễn Kim mà thôi, sao lại sau cả Trịnh Kiểm được!

Trịnh Kiểm nghe thấy chỉ cười, gặp Trịnh Công Năng bảo:

- Tôi với ông cùng mang họ Trịnh, sao nỡ nói thế!

Công Năng nhổ nước bọt, không thềm trả lời, sau đó, liền nổi loạn, đem quân ra mạn Bắc Thanh Hoá trấn giữ. Nguyễn Kim sai

Trịnh Kiểm đem quân đến đánh, Trịnh Kiểm giết được Trịnh Công Năng, song không thù về việc nhỏ bọt khinh mình ngày xưa, sai quân sĩ chôn cất rất tử tế.

Nguyễn Kim đột nhiên bị đầu độc chết. Vua phong cho con cả Nguyễn Uông làm tả tướng Lãng Quận công, con thứ Nguyễn Hoàng làm Hạ Khê hầu sai coi quân đánh giặc. Trịnh Kiểm nắm giữ binh quyền. Vua chưa phong tướng, còn nghe ngóng, ý muốn cho Nguyễn Uông nối chức cha. Hai anh em Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng, với Trịnh Kiểm cùng cầm quân lo chống giữ với nhà Mạc.

Nguyễn Uông lại bị đầu độc chết. Nguyễn Hoàng biết anh rẻ cho người giết Uông, rất sợ hãi. Nhân lại sai người tâm phúc đi hỏi Trạng Trình trở về, được Trạng nói xa mách cho rằng "Hoàng sơn nhất đái, vạn đại dung thân", liền ngầm hợp với các tướng quê ở Cống Sơn, bảo rằng:

- Cha ta khởi nghiệp trung hưng nhà Lê, lòng trung thiên hạ ai lại không biết. Nay chẳng may bị hại, kíp anh trai ta là Tả Tướng quân cũng bị hại nốt. Ta và các người cùng dấy nghĩa ở Cống Sơn, khó yên bề với họ Trịnh, chi bằng vượt đèo Ngang mà dựng nghiệp thì hơn!

Các tướng đều khóc, xin theo. Nguyễn Hoàng vào nói với chị gái là Ngọc Bảo, vợ của Trịnh Kiểm. Ngọc Bảo khóc với chồng xin cho em. Trịnh Kiểm muốn giết nốt Nguyễn Hoàng, sau thấy xin đi xa là có ý sợ mình. Biết Hoàng không kiệt hiệt như Nguyễn Uông, liền dâng sớ lên Vua Lê phong cho em vợ làm Đoan Quận công sai đem quân vào Thuận Hoá Trấn thủ, giao cho toàn quyền các việc, hàng năm lo nộp thuế cho triều đình. Nguyễn Hoàng vội đem hết quân quyền đi ngay. Các binh tướng người Cống Sơn đều theo Hoàng bằng hết.

Khi Nguyễn Hoàng đi rồi, có người trách Trịnh Kiểm tính không thấu nhẽ. Thế nào Nguyễn Hoàng sẽ hùng cứ một phương,

làm phản. Lúc ấy miền Bắc nhà Mạc thế mạnh, lại có hoạ sau lưng là Nguyễn Hoàng. Chi bằng cho người đuổi theo giết đi.

Trịnh Kiểm nói:

- Ta đâu không nghĩ đến chuyện đó. Nhưng dù sao Hoàng cũng là em vợ ta, tận giòng ráo máng quá, không nỡ. Vả lại ta đã sai Trấn Quận công cùng ra trấn thủ Quảng Nam để theo dõi Hoàng rồi, ông không lo.

Rồi thản nhiên như không.

Tháng 8 năm Ất Tỵ (1545) Vua Lê phong cho Trịnh Kiểm làm Đô tướng tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh kiêm Nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, Thái sư Lạng Quốc công.

Trịnh Kiểm đã thu tóm được hết binh quyền, tìm cách đưa người của mình nắm các chức vụ, các đạo quân, thay thế người mà Thái sư Hưng Quốc Công trước bỏ nhiệm. Các tướng thân Nguyễn Kim biết Kiểm không gì không làm, liền bỏ theo Nguyễn Hoàng rất đông.

Trịnh Kiểm cất quân lớn hai lần đánh Sơn Nam thủ sức với nhà Mạc, cả hai lần đều thắng lớn, uy danh lừng lẫy, họ Mạc rất lo.

Một hôm Trịnh Kiểm đang ngồi trong trướng thấy người hầu thân tín nói, có người đồng hương thân thiết từ xưa xin vào hầu. Trịnh Kiểm cho vào. Khách là người đồng hương, biết rõ Trịnh Kiểm từ hồi hàn vi. Khách lạy chào, Trịnh Kiểm ân cần tiếp đón. Chợt khách bảo:

- Tôi người cùng làng với Thái sư, nhưng bất tài, vô dụng không theo hầu hạ bên màn trướng được, nhưng có một kỷ vật quý đem tặng, để Quốc công không quên những ngày gian truân thời nhỏ.

Trịnh Kiểm nhìn vào gói nhỏ, niêm phong đặt trước mặt, không biết là thứ gì. Khách nói:

- Thái sư cứ về trướng giờ ra là khắc biết. Bây giờ, tôi xin chào để lui ra.

Trịnh Kiểm bảo:

- Người có cần ta giúp gì không?

Khách nói:

- Nhà tôi cũng đủ ăn, cũng có chút ruộng đất vườn tược cha ông để lại, không dám để Thái sư phải bận tâm. Dàng kỷ vật lên chỉ mong ngài làm nên nghiệp lớn hãy nhớ đến làng cũ, người xưa mà thôi.

Trịnh Kiểm đem mười lạng vàng tặng, khách cũng không nhận. Khi khách về, Kiểm giở ra xem, thì đó chính là chiếc vạt áo cũ, lúc đi ăn trộm lấy gạo, lấy gà nuôi mẹ, bị tóm, đã nhanh tay dùng dao cắt để thoát thân.

Trịnh Kiểm sầm mặt, nghĩ người ra một lúc, rồi cho tướng đuổi theo, bắt kẻ đã dâng vạt áo, tìm chết dưới sông, rồi cho vào áo quan, dẫn về làng, nói thác là đột tử. Rồi đem vàng bạc tặng cho gia đình để an ủi.

Gia nhân về tâu việc, Kiểm vút vạt áo vào lửa và bảo:

- Cái thằng biết tung tích của ta đã chết. Của nợ này còn giữ làm gì nữa!

1999

Chim ưng đỉnh núi

Trịnh Kiểm ốm sắp chết nhưng mãi cũng không tắt hơi được. Kiểm phò Vua, đánh Mạc, công rất lớn. Nhưng triều đình nhà Lê ở Thanh Hóa cũng còn nhiều người nhớ đến cha con Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng, nên Kiểm gần chết vẫn không nhắm mắt nổi, chính là lo truyền lại binh quyền cho Trịnh Cối hay cho Trịnh Tùng.

Vương phi Ngọc Bảo luôn ngồi hầu bên cạnh. Thái sư yêu Trịnh Tùng hơn Trịnh Cối, muốn làm di chúc trao quyền cho Tùng, song sợ làm như thế, triều đình sẽ loạn, nên không biết nên xử sự như thế nào. Trịnh Kiểm đã rất yếu, nhưng tiếng thở dài lại rất to.

Cuối cùng việc phải đến vẫn cứ đến. Kiểm dặn dò lại cho Tuấn Đức hầu Trịnh Cối thay mình giữ binh quyền đánh giặc.

Trịnh Tùng sinh ra thông minh, đỉnh ngộ, được cha rất yêu, nhưng lúc này bỏ trưởng lập thứ e không tiện. Lúc sắp tắt hơi, Trịnh Kiểm nắm tay Vương phi Ngọc Bảo mà bảo rằng:

- Ta sợ lúc nhắm mắt, thằng Cối và thằng Tùng lại sa vào cảnh Tào Phi, Tào Thục bên Tàu. Nhưng ta tin rằng qua đại sự rồi biết được tướng tài. Con ta đứa nào nắm binh quyền, tự trời cho nó, ta chết chưa nhắm mắt nổi vì điều này. Thôi phi ở lại!

Nói rồi mất. Nghe tin cha mất, Trịnh Tùng đến vội chịu tang. Trịnh Cối mặt lạnh như tiền chào em, rồi từ đó không nói với Trịnh Tùng một câu nào.

Ngày mồng 4 tháng 2 năm Canh Ngọ thứ 13 (1570), bọn Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Vệ

Dương hầu Trịnh Bách, Lại Quận công Phan Công, Lương Quận công, Tổng Quận công, cùng kéo đến dinh Trịnh Tùng.

Lê Cập Đệ nói:

- Trịnh Cối vừa được Thái sư, Thượng tướng để lại di chúc truyền ngôi. Tang cha chưa yên, đã ham mê tử sắc, kiêu ngạo chơi bời, không lo châu Vua, bảo tang, thụ phong. Người như thế chỉ làm công lao của tiên Chúa đổ xuống sông xuống suối thôi. Quân hầu không ra tay còn chờ gì nữa.

Tùng nói:

- Nhưng anh ta được cha ta di chúc với Vua phong làm Thượng tướng. Ta giành ngôi vị để thiên hạ chê cười cho ư? Nhà Mạc thế rất mạnh, nhân lúc này đem quân vào đánh thì lợi, hại làm sao tính cho hết được?

Trịnh Vĩnh Thiệu nói:

- Chính vì bọn Ngụy Mạc mạnh nên mới cần tướng giỏi nắm binh quyền. Cứ chờ Trịnh Cối thì lũ ta sẽ rụng đầu dưới lưỡi gươm của Mạc Mậu Hợp, Mạc Kính Điển cả.

Trịnh Tùng biết các tướng đã quyết lòng phò tá, ngày hôm sau, đến dinh Kim Thành, kéo theo Nghĩa Quận công Đặng Huấn đem nhau đến hành tại Yên Trường, nơi Vua ngự, vào ra mắt.

Trịnh Tùng phủ phục, tâu Vua rằng:

- Thần là Phúc Lương Hầu Trịnh Tùng, con thứ của Thái sư thượng tướng Minh Khang Vương. Anh thần là Cối, thay cha thần nắm binh quyền. Nhưng Cối là người say đắm tử sắc, mất lòng người, sớm muộn thế nào cũng sinh loạn. Anh thần ngày đêm mưu tính thu lại quân binh và ấn tín của thần, nên bọn thần phải đến cửa khuyết để phân rõ trắng đen, xin Thánh thượng ra quyết sách ngay cho!

Vua Lê Anh Tông vốn được Trịnh Kiểm lập nên, hết sức bối rối, vội thốt lên rằng:

- Lúc Minh Khang Vương thượng phụ còn sống thì anh em quân hầu đâu đến nỗi thế. Ta biết xử sự ra sao bây giờ?

Lê Cập Đệ tâu:

- Bệ hạ không thể chân chừ được nữa, hãy để bọn thần lo liệu.

Trịnh Tùng tâu Vua dời hành tại vào trong cửa quan Vạn Lại, chia quân phòng giữ trong ngoài, để đối phó với Trịnh Cối.

Sinh thời Minh Khang Vương Trịnh Kiểm thường đến tự xem xét các con học hành. Một bận đọc bài thơ của Trịnh Cối, luận về thế sự, thấy nói nhiều về lạc thú ở đời. Trịnh Kiểm hỏi:

- Con làm bài thơ này ngụ ý gì?

- Thưa phụ vương, bụng con nghĩ gì thì con thể hiện thành thơ.

Trịnh Kiểm nói:

- Trên đời này thứ gì là quý nhất?

Trịnh Cối nói:

- Thưa cha, thiên hạ chẳng nói, ở đời phải nắm đủ tứ khoái: ăn ngon là một khoái, mặc đẹp là hai khoái, vợ đẹp là ba khoái, cầm kỳ thi hoạ là bốn khoái.

Trịnh Kiểm cau mặt không nói gì!

Trịnh Kiểm lại đọc bài thơ của Trịnh Tùng ví mình là con chim ung tung hoành trên đỉnh núi cao, liền hỏi: - Sao con lại viết bài thơ này?

Tùng nói:

- Thưa cha đó là con muốn có được cái chí tang bồng hồ thỉ, tung hoành trong thiên hạ thôi ạ!

- Sao con không thích tứ khoái như anh con?

Tùng khảng khái thưa:

- Làm trai thì nên vì đời để thoả chí mình chứ vợ đẹp, ăn ngon thì đâu phải là thứ tìm được niềm vui mà chỉ trối buộc thêm thôi, thưa cha!

Trịnh Kiểm rất hài lòng. Nhưng khi truyền binh quyền cho thì vẫn giao lại Trịnh Cối.

Cối khởi binh đánh Trịnh Tùng. Quân đem tới trên một vạn. Các Quận công Lại Thế Mỹ, Lại Thế Khanh, Nguyễn Sư Doãn, Vương Trân, Lê Khắc Thâm, Nguyễn Hữu Liêu, dàn quân định diệt Trịnh Tùng, đón Vua về Thanh Hóa.

Trịnh Tùng và các tướng đóng cửa thành không ra đánh. Vua Lê sai sứ ra dụ Trịnh Cối nên hoà với Trịnh Tùng, hai anh em cùng nắm giữ binh quyền, Trịnh Tùng bảo Lê Cập Đệ:

- Hãy thử xem họ tiếp nhận chiếu vua thế nào. Trịnh Cối nổi. Thế Mỹ, Thế Khanh là bọn vũ dũng, họ muốn giành phần thắng về họ đấy. Rồi các ngươi xem.

Quả nhiên, Trịnh Cối nghe lời Lại Thế Khanh đánh vào đồn luỹ của Trịnh Tùng.

Trịnh Tùng chỉ mặt đám quan quân nói:

- Thế là các ngươi định hiệp Vua làm theo ý mình đấy nhé!

Lại Thế Mỹ mắng lại:

- Bọn trong thành xin hoà ư? Bao giờ bắt được người trong cửa quan thì mới có thể hoà được!

Vua biết dụ hoà không xong liền cùng Trịnh Tùng và các tướng cố giữ.

Vừa lúc ấy, có tin quân Mạc động binh, đánh úp phía sau, Trịnh Cối liền bảo các tướng:

- Trong cửa quan không chịu thuận phục, ngoài cõi lại có giặc, ta ở giữa, nếu họ Mạc đem binh từ ngoài bể đánh vào thì nguy mất, khó mà chống được.

Liền sai các tướng đi giữ các nơi hiểm yếu.

Ngày 16 tháng 8 năm ấy, Mạc Kính Điển đốc xuất bảy trăm chiến thuyền đánh cướp Thanh Hóa, chia làm năm đạo quân tiến

qua các cửa biển Linh Trường, Chi Long, Hội Triều, rồi hội quân ở Bút Cương (thuộc Hoàng Hoá). Quân tiến đến Hà Trung thì đóng dinh ở hai bên bờ sông, khói lửa trải dài đến mười dặm.

Trịnh Cối vốn nhu nhược, thấy thế không chống nổi, liền đem bọn Lại Thế Mỹ, Nguyễn Sư Doãn, Trương Quốc Hoa và vợ con đến hàng nhà Mạc.

Trịnh Cối hàng rồi, Trịnh Tùng tâu Vua, chiêu dụ các tướng của Trịnh Cối quay lại Yên Trường. Vua ban sắc phong Trịnh Tùng làm Trưởng Quận công tiết chế thuỷ bộ chư dinh, cầm quân đánh giặc.

Thế quân Mạc rất lớn. Trịnh Tùng rất lo. Đêm vừa chợp mắt trong trướng, bỗng thấy cha là Minh Khang Vương cầm kiếm từ ngoài đi vào, qua mặt Trịnh Tùng không nói gì!

Trịnh Tùng vội níu áo cha lại, thưa:

- Cha, cha, cha hãy giúp con phò Lê diệt Mạc.

Trịnh Kiểm nâng dậy mà nói:

- Bây giờ chính là lúc con chim ưng của ta, đang cánh ngang dọc bầu trời rồi đấy!

Rồi giăng áo bỏ đi. Trịnh Tùng tỉnh giấc, hội ba mươi viên võ tướng, văn thần mười hai viên, chỉ trời mà thế, bàn mưu đánh giặc, chia quân giữ kỹ cửa lũy các xứ, đào hào dựng sách, đặt phục, giữ hiểm, để chống trả nhà Mạc.

Mạc Kính Điển đốc quân đánh vào Yên Trường, cho người khiêu chiến, réo tên bố mẹ Trịnh Tùng khiêu khích. Trịnh Cối ngồi trong dinh quân Mạc nghe, cúi gằm mặt, xấu hổ, lặng lẽ bỏ ra ngoài bến sông.

Trịnh Tùng nhất định không chịu ngênh chiến. Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái, Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc xin đem quân giao chiến. Trịnh Tùng bảo rằng:

- Kiêu dũng là đức tính cao quý của con nhà võ. Nhưng bây giờ án binh bất động chính là để giành chiến thắng đấy! Ta đem quân ra đánh là mắc mưu Mạc Kính Điển!

Liên nhất định không cho đi. Trịnh Tùng lại gọi Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ đến bảo cứ làm như thế, như thế...

Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ vội đi ngay. Đệ lấy dân và lính già bí mật chặt tre, dựng lũy vòng ngoài dài đến mười dặm để che chắn, rồi sai lấy bùn đất trát phía ngoài. Chỉ trong một đêm thành lũy giả đã làm xong.

Sáng hôm sau, nghe báo, Mạc Kính Điển cười ngửa đi thăm. Kính Điển đi đến đâu, quân của Trịnh Tùng bắn tên theo đến đấy. Tướng giữ thành đều đứng trên mặt thành quan sát động tĩnh, quân lệnh rất nghiêm minh. Mạc Kính Điển tưởng là thành lũy thật, liền bảo Mạc Đôn Nhượng:

- Trịnh Tùng cầm quân tính toán kỹ lưỡng, biết giấu thực lực. Ta không ngờ ngày nay quân nhà Lê còn được như vậy, bởi đắp có một đêm mà xong thành lũy cao, chắc quân lính kiêu dũng, liều chết của họ còn nhiều, mới làm được như thế. Đó là mối lo cho ta. Nếu không đánh ngay mà diệt đi, ắt gây mối họa về sau.

Bèn thân đốc suất các tướng đánh gấp, các huyện Lôi Dương, Nông Cống và nhiều đất Thanh Hoa dần mất về tay giặc.

Tháng 10, năm Canh Ngọ Mạc Kính Điển, đốc quân đánh Trịnh Tùng ở Bảo Lạc và Long Sùng thuộc Thiệu Hoá.

Trịnh Tùng lại gọi Lê Cập Đệ đến bảo:

- Vua Lê Thái Tổ xưa đánh quân Minh hay dùng kỳ binh mỗi khi giặc vây hãm, sao ta không dùng theo cách ấy.

Liên sai các Quận công dùng kỳ binh, ngày thì giữ chặt, đêm thì cướp dinh, quấy rối giặc. Lại ban lệnh hễ ai chém được giặc cắt tai mang về thì được thưởng bạc. Quân Mạc bị nhốn nháo, bị đâm chết rất nhiều, trong quân hoang mang, mất cả thế chủ động.

Mạc Kính Điển phải lui quân về Hà Trung. Lại Thế Khanh, Vũ Sư Thước trước theo Trịnh Cối, giờ lại về dâng sớ xin lập công chuộc tội, Trịnh Tùng đều thuận nhận cả...

Trịnh Tùng rước Vua thống lĩnh đại binh đánh Mạc, thắng đường từ các huyện Thụy Nguyên, Yên Định đến đóng dinh ở Đông Sơn. Các tướng lĩnh giỏi như Vinh Quận công Hoàng Đình Ái, Nghĩa Quận công Đặng Huấn, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ cùng Tùng đem đại binh qua sông đến đất Thuần Hựu đánh quân Mạc.

Mạc Kính Điển đem quân vào Thanh Hóa đã chín tháng, không đánh nổi Trịnh Tùng, liền rút quân về...

Trịnh Tùng rước Vua lên núi xem quân Mạc lui quân. Lúc ấy, dọc dãy núi Tam Điệp, chim ưng bay lượn rất đẹp. Trịnh Tùng nhìn lên trời, thấy trong đám mây hồng, như có tiếng binh khí ruổi rong. Tùng cho là cha mình là Minh Khang Vương Trịnh Kiểm hiển linh để phù giúp, liền quỳ xuống ngược lên trời bái vọng.

Tháng Mười một, Kỷ Mão - 1999

Người ăn hàng đất khách

Ở gần cửa chợ Hoa Ngư bỗng xuất hiện một chàng trai đẹp, nghe đâu là con nuôi ông đồ Chu. Tung tích ông đồ Chu ở đâu không rõ. Chỉ biết đó là một nhà nho nghèo, hay chữ, sống lầm lụi, ít nói. Ông ngồi dạy học cho đám con nhà giàu, buôn bán ở quanh chợ Hoa Ngư và phường phố, giữa kinh thành. Từ ngày nhà Mạc lấn ngôi vua, kinh thành có nhiều dạng người khó hiểu. Có kẻ hôm nào là một anh mãi võ giữa chợ, ít tháng sau đã thành một danh tướng theo cha con Nguyễn Kim ở Thanh Hoá, quyết chí trung hưng lại nhà Lê... Có ông thầy ngồi xem tướng, tử vi ở cửa chợ, trên vách treo một chiếc mai rùa, một nắm cỏ thi, một vuông giấy tàu bạch vẽ mực nho hình bát quái, xem ai cũng hay nói những điều tốt lành cho họ yên tâm, còn những sao xấu báo hiệu những thời vận rủi ro, thì nhẹ nhàng phân giải, cố nói cái ý "đức năng thắng số"⁽¹⁾ để họ yên lòng... Rồi cũng một lúc nào, ông biến mất. Ba bốn tháng, lại thấy xuất hiện ở cửa chợ, lại treo chiếc mai rùa cũ kỹ, đám cỏ thi khô vàng mướt, mảnh giấy Tàu bạch vẽ mực nho hình bát quái, vẽ mặt hồn hậu vui tươi. Xem tướng thì ít, chuyện trò khơi gợi thì nhiều. Có lúc thầy tướng bỏ cả mai rùa, cỏ thi, hình bát quái, cùng khách xem tướng mua vui, vào quán thịt chó, gọi rượu tăm, đòi chặt những miếng nạm ngon nhất, rồi chén khướt khà đến tận non trưa. Khách đến xem tướng số, đọc cái dòng chữ tươi tắn, viết trên giấy điều "Miễn chiến bài", tùm tùm cười, liếc sang hàng thịt chó rồi bỏ đi... Người ta bảo, ông thầy tướng này cũng là một bậc vương hầu

⁽¹⁾ Người nhân đức có thể thắng số mệnh rủi ro.

của nhà Lê, lăm le khôi phục cơ đồ, thắng bọn Ngụy Mạc, nhưng xem ra, ông chỉ là một thầy tướng cao tay, khinh đời, mển bạn, thích những tay chơi có tướng lạ mà thôi...

Một bữa anh chàng đẹp trai con thầy đồ Chu ở xóm Hoa Ngư, đi ngang qua mặt thầy tướng. Anh ta mặt vuông, tai lớn, trắng trẻo như tượng ông Thiện trên chùa. Tay dài quá gối, chân bước đĩnh đạc, đường hoàng. Bởi con thầy đồ nghèo, nên ăn vận kiểu nho sinh, nên các tướng quý, vượt khỏi những thông lệ tầm thường làm cho anh có cái vẻ "hình bất cập thể", nghĩa là vóc dáng một đằng lại ăn vận một kiểu khác... Khi anh đã qua mặt ông thầy tướng, ông này đỡ dẫn cả người ra. Bà bán cá đang lúc ế hàng, thấy rõ mặt ông thầy tướng trợn thị lên, bà bán hoa ngồi bên cạnh ông thầy tướng thỉnh thoảng buông tuồng một câu đùa kẻ chợ, cũng phải thốt lên:

- Ô, bà con ơi, bác thầy tướng hôm nay phải gió!

Quả thật, mắt ông trợn thị lên, hàng râu đen nhúc nhích biểu thị sự kinh ngạc hết mức, tay ông run run lấm sờ, quyển sách tướng đặt nghiêm trang trên chiếc tráp sơn then, mà nước sơn đã tróc mất một vài chỗ. Ông thốt kêu lên:

- Trời ơi Thánh chúa lai lâm! Thánh chúa lai lâm!

Bà hàng cá cười ngật nghẽo, bấm bà hàng tôm bên cạnh:

- Lão thầy tướng đang hoá đại.

Bà hàng hoa, nhồm dậy, sợ hãi giơ cái bàn tay, ngày thường hay có động tác chùi chùi vào váy, trước khi đứng dậy, vỗ đúng vào vai bác thầy tướng, ghé mồm vào tai ông ta và bảo:

- Ông nói lảm nhảm cái gì đó!

- Thánh chúa lai lâm! Thánh chúa lai lâm!

Ông thầy tướng lại lặp lại cái điều mình vừa bất chợt thốt ra... Bà hàng hoa lại dùng cái bàn tay vừa chùi vào váy, vỗ một cái nữa vào vai ông thầy tướng nói gần gũi hơn:

- Ông có diên không đấy, cái thằng dở hơi con ông đồ Chu đấy, chứ vua với chúa gì?

Ông thầy tướng vẫn chưa hết bàng hoàng, còn xá dài theo mấy vái nữa.

*

Chàng trai mặt đẹp ấy, mặt nghệt ra nhìn ông thầy tướng, cười cười rồi đi thẳng. Bà hàng hoa, còn đứng lại bên ông thầy tướng, đùa theo một chấp nữa, rồi nửa đùa nửa thật:

- Ông bói toán sai thì nhiều, đúng thì ít, cái thằng làm thuê không ai muốn, mỗ chợ không ai thuê ấy mà thánh chúa mới chẳng chúa thánh! Rõ hết khôn dôn ra đại.

Ông thầy tướng cúi:

- Thôi xê ra, bà thì biết cái quái gì!...

Mặc dù vậy, câu đoán của ông thầy tướng cũng làm cho người ta để ý đến chàng trai mặt đẹp con ông đồ Chu. Chàng tên là Chổm... Từ buổi được coi như con người dị tướng, ai cũng thích trêu đùa Chổm. Ông đồ Chu thì cả ngày ngồi dạy học trò chứ ít khi ra ngoài, nhưng Chổm thì quen lẹ, cứ tập viết, nộp sách, đọc thuộc bài trước ông đồ là bon ra chợ liền... Anh ta thích đi rong rêu thăm chợ, rồi ngấp nghé ở bên quầy tơ lụa, rình cho cô con gái ông khách thương có tiếng ở chợ Hoa Ngư lộ mặt ra quầy, mặt nghệt ra. Người ở chợ thấy thế lại càng trêu.

Một bữa, Chổm đi qua hàng thịt chó, chả nướng thơm lừng, cứ quanh đi, quần lại mãi. Hàng thịt chó hôm ấy không hiểu sao rất vắng khách, ông quán, bực mình chặt thịt ra nhấm rượu một mình.

Mắt đang hoe lên, thấy Chổm, ông rủ:

- Chổm ơi Chổm, vào đây uống rượu với tao?

Chổm bảo:

- Tôi không có tiền.

- Tao bán chịu cho, bao giờ có trả cũng được!

Chỗm vào, chỗm uống rượu. Tư thế thật ung dung... Ông chủ đang thiếu bạn, uống rượu với Chỗm, đùa nghịch, trêu Chỗm, Chỗm cũng đùa lại... Thấy quán có người ăn, tâm tình, thú vui, những đám khách thương, tan chợ ùa vào. Chủ quán đứng dậy, chặt thịt, dọn rượu, bung thịt mời khách, rồi lại về uống rượu với Chỗm. Chỗm cứ ngồi lì đấy... Một toán nữa... Lại một toán nữa... Chủ quán lại đứng dậy, lại ngồi xuống, vỗ vai bảo:

- Vía chú thịnh lắm, từ lúc chú đến, đến giờ, hàng quán rôm rả hẳn lên...

Chỗm lặng lẽ ngồi gật gù. Tiếng băm thịt chó lại kênh kếch... Hôm sau, Chỗm bị thầy đồ Chu rầy rà, không dám ra quán nữa. Quán thịt chó lại vắng tanh, vắng ngắt. Mãi cho đến lúc xập tối, Chỗm đói, Chỗm nhớ rượu, Chỗm lại ra với chủ quán. Chủ quán mừng quỳnh, gọi giặt giũ:

- Chỗm ơi, Chỗm vào đây uống rượu Chỗm ơi!

Chỗm lại vào. Chủ quán đã hơi say say. Gã thì lúc nào chả say, chẳng nhấp tí tỉnh... Vừa bán quán, vừa lơ mơ... Chỗm bước vào quán, ăn không tiền. Thế là khách lại đến, lại vào. Một tốp, hai tốp rồi bốn năm tốp liền. Mùi chả chó, mùi nước xáo, nước xuýt lại được thể rộn ràng cả lên. Khách chủ bô bô huyền não. Có anh giữa bữa thịt chó, lại rút gươm đặt trên bàn, vớ lấy cái chậu sành, vừa gõ vừa hát những bài cảm khái. Anh thấy Chỗm mặt đẹp, mắt sáng, tiếng nói như chuông, tưởng Chỗm cũng là một trang hiệp sĩ, muốn kết bạn và rủ đi làm giang hồ kiếm khách, nhưng Chỗm rụt rè nói:

- Tôi sợ bố tôi lắm!

Tráng sĩ cười phá lên, phun cả ngụm rượu trong miệng ra sàn... Mọi người cười ran, cười vui vẻ... Quán càng đông... Chủ quán cảm thấy Chỗm có một sức huyền bí nào, không thể hiểu được, càng muốn giữ Chỗm làm vật hấp dẫn cho quán thịt chó của mình.

Song cái khu ăn chơi này ai mà chẳng khôn... Các chủ quán đủ hạng. Có hạng vào tù ra tội về mở quán. Có hạng muốn mượn quán để chiêu hiền đãi sĩ. Có quán thì mong kiếm lời lãi thật sự, chẳng cần úp mở. Tin truyền Chỗm có cái duyên mở hàng, làm giàu cho ông thịt chó, có một tháng mà hốt bạc của đám lái buôn, nên khu ăn chơi ở chợ Hoa Ngư, ai cũng rủ rê Chỗm vào ăn hàng. Chỗm xuê xoa vui tính, ai mời cũng ăn, ai đùa cũng được. Có kẻ gọi Chỗm là anh mặt kếp, Chỗm cũng ừ... Có bà bắt Chỗm ngồi quay mặt ra phía ngoài, mặc áo đỏ, chít khăn xanh, dải cái món chả cá anh vũ ướp nghệ vàng, uống càng nhâm nhi càng tốt... Chỗm ngồi như con chim mồi, gọi bạn và khách cứ thế ra vào, ăn uống thích thú...

Chỗm bỗng trở nên cao giá... Họ lôi kéo Chỗm, họ đặt cọc Chỗm ăn mở hàng trước. Chỗm đang ăn hàng này thì hàng kia cười cợt mời mọc đến... Cái đám dân mở quán ghét nhau thì ghét, mà cũng khéo biết nương tựa nhau mà làm ăn. Quán nào đông thì nhường Chỗm cho quán vắng... Đến cả ông thầy tướng vắng khách, cũng mời Chỗm đến, xem bàn tay, xem nốt ruồi, tán quấy tán quạ một hồi, thế là khách xúm vào trong vòng ngoài, nghe đoán, nghe phán, nghe tán cát, tán hung, rồi sà vào đua nhau mà đặt tiền để đoán số... Chỗm la cà suốt ngày ngoài quán rượu. Khu quán chợ Hoa Ngư tấp nập lạ thường, người ăn quen gọi nhau cái tên gọi là khu Quán Chỗm. Nhờ nhiều khách, các chủ quán càng trở tài đổi món, cạnh tranh nhau nên khu tửu lâu bỗng nổi tiếng ở kinh thành. Các chủ quán lại nảy ra ý tính khôn, dựng thêm lầu, mở ca quán, đón các cô đào hát hay đến hát cho khách nghe... sự sầm uất không cần phải nói nữa... Dù đất khách có kẻ vẫn có thói quen mời Chỗm mở hàng, xông quán, có nhà thì phớt lờ chẳng cần đến Chỗm nữa. Chỗm cũng mặc kệ nhân tình thế thái. Nhưng Chỗm cũng hơi buồn.

Bỗng một hôm cả nhà ông đồ Chu biến đi đâu mất. Khu quán Hoa Ngư vẫn sầm uất như thường chẳng cần đến vía Chỗm ăn hàng... Nhưng rồi đến tối, họ mới nhớ ra Chỗm. Họ mới kháo nhau. Ông hàng thịt chó nói:

- Ông đồ Chu tối qua, có người, ngựa đem vàng lụa đến đón đi đâu không rõ...

- Đi đâu? - Bà hàng chả cá hỏi.

- Này, hình như cha con ông ta trá hình. Mà không phải cha con đâu! Chẳng qua mượn xưng hô để che mắt thiên hạ thôi... Đó là một vị công thần của nhà Lê nuôi đức vua làm vì để chờ thời thế đến đấy!

Tiếng cười hô hố của gã bán cháo lòng, tiết canh:

- Hơ hơ hơ... thằng Chổm mà là đức vua ư, thế thì thằng chủ quán tiết canh này sẽ là hoàng đế của hoàng đế... Các ông không biết, tôi là không chiều nó, nó đến hàng tôi, có lúc tôi bắt nó rửa bát, bung mâm ấy chứ!

- Thế nó có làm không?

- Làm chứ! Không làm thì phạt không cho uống rượu. Mà không có rượu thì mặt Chổm đỏ ra như...

- Như cái gì?...

- Như cái mo nang ấy...

Mụ hàng bún riêu cong cớn:

- Tôi cho nó bung cả mắm tôm ấy chứ... Ấy cái thằng Chổm ấy không ăn được mắm tôm đâu nhé! Buồn cười chết được, cu cậu vừa bung vừa nhắm tịt mắt, chun mũi lại, trông liệt một con khỉ xiếc.

Ông thầy tướng đưa một ngón tay lên miệng ra hiệu:

- Xuyt, các người đừng nói đùa. Ông Trịnh Kiểm vừa dấy binh ở miền Thanh Hoá - Trường Yên. Thanh thế to lắm. Chúa Trịnh sai ông Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, ra tận ngoài này đón Thánh chúa về... Các người liệu mà giữ gìn. Nay mai cậu Chổm lên ngôi Vua, cậu ấy thì pheng bếng mất luôn mất cái "gáo dừa" một lúc bao nhiêu đứa nói xấu cậu ấy!

Bà hàng hoa cười bả lả:

- Gớm, cậu Chỏm mà dám chém ai... Vua như cậu ấy thì thiên hạ cứ là cả ngày được phép uống rượu...

Ông thầy tướng thấy mình chẳng cần phải nói thêm gì nữa... Ngửa tay, ông cầm hai đồng tiền xin âm dương, gieo quẻ trên đĩa gốm chàm xanh...

*

Bằng đi ít lâu, Chúa Trịnh dẹp yên loạn nhà Mạc... về lại kinh đô, Vua Lê lên ngôi, một bữa có một vị sứ giả, mặc áo tía, đội mũ chũm đĩnh, phía sau có tàn có lọng uy nghi, đến đầu ngõ chợ Hoa Ngư, loa lên một tiếng:

- Loá... Loá... loá... Thánh đế hàn vi đã lên ngôi bảo tộ... Truyền cho khu chợ Hoa Ngư, ai đã có một lần được Thánh chúa lai lâm ẩm thực, được quyền ghi sổ nợ để triều đình ban trả và hậu tạ... Ai là người có con mắt tinh đời sẽ được mời vào ban yến... Tiền ẩm thực, nợ một trả bằng hai... Thánh chúa là bậc chí tôn, ơn mưa móc thấm nhuần bốn biển... Ai đích thực là người được ơn trời soi xét, hãy đến xóm chợ Hoa Ngư, sẽ có triều quan đón nhận và xem xét.

Khâm Thủ...

Đám loa truyền của viên nội quan vừa đi, xóm chợ Hoa Ngư bỗng xôn xao cả lên... Sướng nhất là ông thầy tướng, ông vuốt râu hoài và nói:

- Đã bảo là, tớ đoán hàng trăm lá số có sai lá nào đâu!

Bà hàng hoa đâu chịu kém:

- Dào ôi, chó ngáp phải ruồi, hôm nọ ông đoán cái người ngồi trước mặt tôi, tháng này gặp đại hạn, có khi có đại tang, mà tháng vừa qua, họ lại được mấy chuyến buôn vóc lậu, lãi ời là lãi. Họ lại cưới con... pháo đốt từ sáng đến chiều không hề dứt... Họ không đòi tiền đặt quẻ của ông là may đấy!

Ông thầy tướng cãi:

- Tớ chỉ cần đoán kẻ hàn vi thành Chúa, cũng đủ cho tớ vinh hạnh một đời.

Lão thịt chó nói:

- Người có nhận gì thì nhận, chứ chính ta mới là người phát hiện ra Người có dạng chính nhân quân tử...

Ai cũng khen mình là người đoán ra Thánh chúa từ thuở hàn vi... Và cả số nợ của Chúa Chổm ghi rất dài, tưởng vét hết kho của triều đình ra mà trả cũng không hết. Bởi vì, đòi nợ vô chẳng thì ai đại gì mà không đòi. Được thì được mà không được thì thôi... Thế là viên nội quan hôm sau đến, tưởng chỉ cầm mười tờ giấy kê khai nợ nần của đức vương thượng, chẳng dè văn tự nợ đến đầy cả một hòm.

Viên nội quan cũng đưa về. Đức vua, tuy đã xưng niên hiệu nhưng vẫn được gọi thân yêu là Chúa Chổm, phải đích thân xem xét từng tờ... Người nhận được những tên chủ quán, mà thuở náu ẩn, làm con thầy đồ Chu, ngài phê vào đó hai chữ: "Chuẩn tấu, hoàn ngân nhất bội nhị" nghĩa là: "Chuẩn lời tâu, cho đền một thành hai...". Còn nhiều đơn khác đều bác đi cả... Quan nội sai mang theo mấy mâm bạc vào trả nợ chợ Chúa Chổm... Dân chúng hy vọng ai cũng được chút phần bổng lộc, lòng hồi hộp... Dân đòi nợ dài dằng dặc như quân tướng đi trẩy lên đánh dẹp các miền biên cương. Viên nội quan phải vất vả lắm mới phát được đích thị những người có nợ.

Mấy mâm bạc đã hết nhẵn, mà cái đám đòi nợ hoảng vẫn rất dài... Quan phải treo lên chữ "cấm chỉ" để cho mọi người thôi không đến kèo nèo nữa...

Cho đến nửa tháng sau, đám đòi nợ mới thôi thì cũng chính lúc đó, một buổi sáng "Chúa Chổm" mặc áo thường dân, vi hành đến chợ Hoa Ngư, nhận mặt từng ân nhân của mình... Vua đích thân mời họ vào trong thành, ban yến cho, nói chuyện thân tình.

Vua giữ ông hàng thịt chớ lại, phong cho chức ngự thiện. Bà hàng hoa thì được phép mang hoa vào bán cho các vương phi, công chúa... Ông thầy tướng được đặc cách cho vào làm tư thần lang, một chức quan nhỏ ở Khâm Thiên Giám...

Còn ông đồ Chu đã làm đến chức Phó đô ngự sử được Chúa Trịnh rất tin yêu...

Mọi người đều vui vẻ... Chỉ riêng cái ngõ Hoa Ngư thì được mang tên là ngõ Cấm Chỉ. Dầu có tên thế nhưng ở đó cửa hàng cửa hiệu, quán ăn vẫn sầm uất lắm, đi xa đến hàng dặm vẫn ngửi thấy mùi thơm của rượu tăm, của chả nướng, của những tiếng đàn ngọt, hát hay.

Tháng đầu đông, Canh Ngọ:

Duyên rêu

Dương Trục Nguyên vẫn cho mình là một trong những người trẻ nhất của nhị thập bát tú trong Hội Tao Đàn.

Thời đó như thể một giấc mơ. Đức vua anh minh, tài trí, chí lớn trùm thiên hạ, văn trị vũ công rực rỡ nhất, từ khi các triều đại được tạo dựng lên.

Khoa Canh Tuất (1490), ông đỗ Tiến sĩ nhị giáp, hiện sung chức Hiệu lý Viện Hàn Lâm. Ông theo Vua về Lam Kinh. Trong một câu thơ hoạ dâng lên, có hai câu: *Lam Sơn chỉ xích Thiên Nam vọng, Vạn cổ nguy nguy sáng nghiệp công.* (*Lam Sơn còn đó, Trời Nam rộng, Vời vọi nghìn xưa sáng nghiệp công*) được Lê Thánh Tông khen là mãn tiệp, thơ có khí phách cao rộng.

Sau đó, Vua cho Trục Nguyên làm Hiến sát sứ Thừa tuyên Hải Dương.

Năm ấy, mưa rất to, Thừa tuyên Hải Dương lụt rất lớn, đó là do cường hào các địa phương ăn bớt của công chỉ cho đắp đê điều. Dương Trục Nguyên, cho bắt Tri phủ Nam Sách vì tội ăn hối lộ của đám tổng, lý để đến nổi đê vỡ, nhân đó làm sớ tâu lên Thánh Tông cho là triều đình lơ lửng việc sai người kiểm soát việc đê điều, Vua cho là quá lời, dám lấy một nơi để hạch hỏi các nơi khác. Do đó giáng chức Hiến sát, cho về làm ở Viện Hàn Lâm.

Tuy tội, song Vua vẫn cho Trục Nguyên là người năng nổ, dám nói, dám làm. Vua vẫn giữ Trục Nguyên trong Hội Tao Đàn, gọi vào cùng các đại thần khác, sai hoạ bài thơ trong Quỳnh Uyển cửu ca. Khi Vua sắp mất, gọi Thái tử Tranh vào dặn:

- Đại thần thời Hồng Đức rất nhiều người giỏi, nhưng nhiều người tuổi đã cao. Nếu con nối ngôi hãy dùng những người như Vũ Duệ - Dương Trục Nguyên, Ngô Hoán...

Hiến Tôn lên ngôi, vẫn giữ Trục Nguyên ở Viện Đông Các, sau đó đưa về làm Đô cấp sự Trung ở Lại Khoa, lại hậu thưởng tiền bổng cho Trục Nguyên về tính liêm khiết.

Năm Kỷ Mùi (1499) Dương Trục Nguyên dâng sớ lên Vua hặc tội Lại bộ Thượng thư là Trần Cận rằng: "Bộ Lại chọn người không công, thường tham nhũng quá độ. Có kẻ cầu may mà được bổ dụng; có kẻ đem vàng bạc lên đưa cửa sau nhà quan lớn nộp dâng đút lót, mong bổ chỗ tốt. Lại có kẻ chữ nghĩa dốt nát, không làm nổi tấu chương trình lên bộ, lên vua, phải bỏ tiền thuê người làm hộ. Có viên lại chữ như gà bới, viết không nổi sổ sách lại hay vợ vét kiểm chác". Dương Trục Nguyên cho đó là bệnh trong tim ruột, muốn cho thuần hậu thì bộ Lại nên để ra ba tháng, tư cho các quan phụ trách xem xét từng liêu thuộc của mình, làm rõ người giỏi, kẻ dốt; người thanh liêm, kẻ gian tham, cùng già ốm, thì tùy theo phẩm chất mà giữ lại hay thải về, sau đó chọn các nho sinh, con nhà tử tế, được quan địa phương xác nhận tuyển bổ vào.

Vua khen là thấu đáo, giao cho Thượng thư Trần Cận thi hành ngay.

Sau đó, Hiến Tôn thăng cho Dương Trục Nguyên làm Phủ doãn Phụng Thiên. Những năm đó, các phe đảng trộm cướp bám chợ búa, phố buôn sầm uất để khua khoắng, cướp giết tống tiền khá nhiều. Dương Trục Nguyên về nắm giữ quyền ở kinh đô, liền chọn trong đám quân cấm vệ, một đội tinh binh, cấp ngựa, cấp vũ khí, bắt luôn phải túc trực ở phủ Phụng Thiên.

Trục Nguyên lại cho mỗi nhà treo một chiếc chiêng nhỏ. Nếu có bọn trộm cướp vào hành nghề, thì đem chiêng đánh âm lên. Các nhà bên sẽ đánh theo. Xã trưởng gấp cho người đến vây, rồi báo cho đội tinh binh ở phủ Phụng Thiên để nhanh chóng đến đánh bắt.

Công việc rất hiệu nghiệm, dân chúng, nhất là các nhà buôn lớn, ca ngợi hết lời... Phổ xá lại sầm uất, yên ổn.

Mấy năm sau Vua thăng Trục Nguyên làm Đô đình úy rồi làm Tả thị lang bộ Binh sau chuyển làm Tả thị lang bộ Lễ.

Một bận, Dương Trục Nguyên, lấy ngựa, đi dọc sông Tô Lịch, từ xã Trát Kiều, đến xã Cống Xuyên. thấy phía bên này sông, đê thấp hơn hẳn phía đê bảo vệ phía kinh thành, liền đem nhận xét này nói cùng với Lại bộ Thượng thư Vũ Hữu. Hữu cho rằng quả như thế.

Dương Trục Nguyên nói:

- Quan lớn xem vậy thì coi người chân lấm tay bùn, vốn đã khổ, lại nhẹ hơn cái đám trơn lông đỏ da, chỉ chuyên nghề buôn rẽ bán đất ở băm sáu phố phường ư?

Vũ Hữu kêu lên:

- Việc của bộ Lại đã chống chất rồi, ông lại còn muốn giới sang việc bộ khác ư? Cái khôn của người thức giả là việc của người khác thì mình không đụng đến.

Dương Trục Nguyên cười nhạt nói:

- Người thức giả thấy việc đáng làm dù không phải chức phận mình, mà lợi dân ích nước thì vẫn cứ phải tâu bày. Sao quan lớn lại dạy thế.

Vũ Hữu ngồi im không nói gì.

Hôm sau lên châu, Dương Trục Nguyên làm bản tấu, nêu rõ lợi hại cho việc đắp đê bên hữu ngạn sông Tô Lịch lên Hiến Tông. Vua gọi Thượng thư bộ Hộ và bộ Công đến ngự phòng rồi ban việc cho phải làm ngay. Trục Nguyên dâng bản đồ đắp khơi ngòi làm lợi nông, hạn chế bão lụt, để tăng rau lúa cho kinh thành. Vua phê chuẩn cả. Ngay năm đó, đê hữu ngạn sông Tô Lịch được tôn cao. Hai con ngòi dài dẫn nước xuống các xã An Phúc và Thượng Phúc được khơi rộng. Dân chúng rất hồ hởi vì được mùa, dâng lúa dâng

cá lên Vua. Vua lại ban cho các đại thần có công. Riêng Dương Trục Nguyên được ban một con cá chép rất lớn...

Hiến Tôn càng tin dùng Trục Nguyên, nhưng không may, chỉ mấy tháng sau Vua lâm bệnh rồi mất...

*

Túc Tông lên ngôi, chẳng bao lâu thì mất. Uy Mục lên nối ngôi. Uy Mục tên huý là Tuấn, lại có tên nữa là Huyền, là con thứ hai của Hiến Tông, anh của Túc Tông. Khi Hiến Tông lập Thái tử, thì không chọn con đầu là An Vương Tuấn, cũng không chọn Tuấn mà chọn con thứ ba là Hoàng tử Thuần lên ngôi. Lê Tuấn vẫn ăm ức. Khi Túc Tông mất, không có con, Tuấn lúc ấy là con nuôi của Kính Phi, vợ Hiến Tông liền mưu với Thái giám là Nguyễn Nhữ Vi và Khương Xung, lập Tuấn lên làm Uy Mục Đế. Trường Lạc Thái hoàng thái hậu là mẹ Hiến Tôn, bà của Túc Tông và Uy Mục, vốn cũng không thích Tuấn, muốn lập Lã Khôi Vương. Nhữ Vi lập mưu lừa Thái hoàng thái hậu đi đón Lã Khôi Vương, đóng cửa thành rồi đưa Uy Mục Đế lên ngôi. Khi Thái hoàng thái hậu trở về, thì Vua và Nguyễn Nhữ Vi bàn nhau, sai người ngầm giết bà.

Kinh thành kinh động hẳn lên, Dân chúng nhìn nhau sợ hãi. Một bạn một người bạn học vẫn thấy Dương Trục Nguyên mũ cao, áo dài, xe, kiệu đi về liền quay mặt đi không chào.

Dương Trục Nguyên tới hôm ấy đến thăm bạn, bạn cũng không tiếp. Nguyên buồn lắm, để thư lại nói xa xôi rằng: Bạn đừng nhìn người với vẻ bề ngoài, mà hãy chờ xem sau này ra sao đã!

Dương Trục Nguyên vẫn năng nổ như cũ. Hoạn quan Nguyễn Nhữ Vi và Khương Xung thao túng triều đình. Uy Mục Đế lại đa sát. Giết Thái hoàng thái hậu Trường Lạc rồi, Uy Mục Đế thay đổi hết những người trong triều chính. Đại thần trải thờ các đời vua thường được Hiến Tông rất yêu như Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật đều bị bức hại. Vua từ ngày lên ngôi rất ham tửu sắc, đêm đêm

vào cung, uống rượu say đùa với cung nữ, bắt ép kỳ say, ai cưỡng lại không uống liền sai đem đi giết. Những đại thần của Túc Tông xưa, không muốn phò mình, cũng ngầm hại cả.

Kinh Vương Kiện, con út của Lê Thánh Tông, là chú của Uy Mục Đế, bị Vua truy lùng ráo riết, khiến ông phải trốn biệt, không dò thấy tung tích. hai mươi lăm thân vương khác, anh em ruột hoặc họ xa, gần với Vua, đều bị bức hoặc giam lỏng.

Dương Trục Nguyên biết tất cả, nhưng vẫn đáng lòng, không biết xoay xở ra sao. Lòng đang buồn bức thì Thái giám Nguyễn Nhữ Vi đem chiếu chỉ đến sai sang sứ nhà Minh, xin sắc phong cho Vua mới. Dương Trục Nguyên vâng mệnh sửa soạn đi ngay. Nguyễn Nhữ Vi, cười và nói bóng gió:

- Ông là Thị lang bộ Lễ không đi sứ thì ai đi cho. Nếu có công, tất Hoàng đế không giết như Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật đâu.

Nguyễn Nhữ Vi vốn cộc cằn, thô lỗ, Dương Trục Nguyên, lòng cũng chưa chát, song vẫn làm ra vui vẻ, nói lấy lòng Nguyễn Nhữ Vi:

- Trăm sự nhờ ông cả!

Khi Dương Trục Nguyên về, được thăng Đô ngự sử đài chính chương, được Uy Mục Đế tin cậy, hay cho gọi vào hỏi việc. Trục Nguyên vốn không thích Vua, nhưng bởi danh cao, chức trọng không rủ nổi nên vẫn hết lòng với Uy Mục Đế.

Em Trường Lạc Thái hoàng thái hậu là Nguyễn Văn Lang, giận Vua dám giết bà nội và cha chú, anh em quá nhiều bèn cất binh và đón Giản Tu Công Oanh, mượn ý tôn phò Cẩm Giang Vương, để giành lại ngôi Vua từ tay kẻ ác. Lúc ấy, Cẩm Giang Vương còn ở trong thành. Uy Mục Đế liền cho giam giữ rất chặt. Trong thành có người cũng ghét Uy Mục. Lê Quảng Độ chỉ huy các vệ binh hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô cũng có ý muốn giúp Nguyễn Văn Lang và Giản Tu Công Oanh. Ông cũng là bạn thân

của Dương Trục Nguyên, một bận sang chơi, nói xa xôi về quân khởi nghĩa ở Tây Đô, để xem Dương Trục Nguyên ý tứ ra sao, vẫn thấy Trục Nguyên ăng lạng không nói gì cả. Khi tiễn Lê Quảng Độ ra cửa, Dương Trục Nguyên chỉ vào mấy cây xoan đào ở trước nhà mà bảo:

- Mấy cây xoan đào này, tôi ương từ một cây mẹ cả. Thôi thì mình đã trồng thì phải chăm lo mà tưới tắm vậy...

Lê Quảng Độ biết Dương Trục Nguyên không nỡ bỏ Uy Mục bởi vì vị Vua ác này đãi ông rất hậu. Từ bữa ấy Trục Nguyên buồn hay đem rượu ra uống. Vua Uy Mục được cận thần xì xầm về Lê Quảng Độ liền hỏi Dương Trục Nguyên:

- Lê Quảng Độ là người thế nào?

Trục Nguyên thản nhiên đáp:

- Người chỉ huy quân Cẩm Y và Kim Ngô tất nhiên phải là người tin cẩn được rồi.

Uy Mục thôi không truy hỏi Lê Quảng Độ nữa.

Quân của Giản Tu Công Oanh và Nguyễn Văn Lang, từ Tây Đô kéo về đánh Uy Mục định lập Cẩm Giang Vương. Lập tức Uy Mục cho giết ngay Cẩm Giang Vương và em của Giản Tu Công Oanh là Tĩnh Lượng Công và hai người em khác nữa. Thấy anh em mình bị giết, quân của Oanh liều chết đánh quân của Uy Mục.

Vua đem Dương Trục Nguyên theo, cho làm tán lý trong quân. Nguyên bày trận ở Châu Cầu cùng Trần Thịnh, và Trần Lăng chống lại quân khởi nghĩa, cuối cùng vỡ trận bị giết chết.

Giản Tu Công Oanh kéo quân vào kinh thành. Lê Quảng Độ đã ngầm nội ứng, lấy cớ giữ thành không chịu theo Uy Mục đi chống quân của Oanh và Nguyễn Văn Lang.

Khi quân của Giản Tu Công kéo đến giáp thành bắn súng làm hiệu, Lê Quảng Độ làm nội ứng, Uy Mục thua phải bỏ chạy sang phía Bắc rồi bị bắt đưa về Thăng Long.

Nghe tin Dương Trục Nguyên thất trận, chết ở Châu Cầu, Lê Quảng Độ thương bạn đến tìm rồi chôn cất tử tế. Lại cho quân lính xây mộ chu đáo...

Đêm đêm, người dân sở tại, qua mộ thường cứ nghe dưới mộ có tiếng thở dài, lại có giọng thơ ngâm:

Nhất sinh hữu tửu tu dương tú,

Nhất chích hà tằng đáo cửu tuyền

(Ở đời có rượu say cho đã,

Chết rượu đâu mang tới Cửu Tuyền)

Ai cũng cho là Dương Trục Nguyên chết tươi nên mới thiêng thế.

Một bạn, có ông đồ, ăn giỗ, uống rượu cũng say về đến đó nghe tiếng ngâm thơ, liền đọc:

Nhất sinh thúc phọc giai danh lợi.

Nại hà do thuyết tử chi duyên?

(Ở đời trói buộc là danh lợi

Duyên rượu ai cho được lạm bàn!)

Từ bữa ấy, dưới mộ không còn thấy giọng ngâm thơ mà chỉ thấy tiếng thở dài náo nức thêm.

1999

Ngự tửu lục thành

Thiết sơn bá Trần Chân, thấy kinh thành loạn to. Trịnh Duy Sản vừa sai võ sĩ tin cần tên là Hạnh, đâm chết Vua ở phường Bích Câu, Thừa chỉ Viện Hàn Lâm là Nguyễn Vũ hộ giá cũng bị giết chết. Trần Cảo nhân đó khởi binh, đem quân qua các huyện Tiên Du, Quế Dương, Gia Lâm tiến sát đến kinh thành. Vua Tương Dực cất quân đánh Trần Cảo, Cảo thua chạy về Trâu Sơn. Ngày mồng 3 tháng 4 năm Bính Tý (1516), Vua thúc quân đánh tiếp, nhưng bị Cảo đánh thua liên tiếp. Định Quận công Phùng Trán, Diên Hưng Bá Trịnh Khổng Chiêu đều thua trận chết. Phù Lộc Bá Trịnh Ngạc đem quân đến đánh mấy lần không thắng, sau đó lại bị giặc bắt sống.

Trần Chân đem quân tiếp ứng, giặc cũng đánh tan cả. Vua chạy về Thăng Long, thì bị Trịnh Duy Sản giết. Sản muốn lập Quang Trị mới lên tám tuổi, bị Phùng Tá Mại cản trở. Tường Quận công theo phe Trịnh Duy Sản liền giết Phùng Tá Mại. Sản thôi lập Quang Trị, tôn con trưởng của Cẩm Giang Vương là Y, đem về Tây Đô, để củng cố binh mã, thì An Hoà hầu Nguyễn Hoàng Dụ đem quân về đốt phá kinh thành.

Triều đình phân tâm, mặc ai nấy làm, phó tướng của Trần Chân nói:

- Bây giờ chính là lúc ta phải đem quân về Tây Đô, phò vua mới, như thế thì sau này, mới được triều đình trọng dụng.

Trần Chân nổi giận, quắc mắt đến rách cả đuôi mắt, máu ứa trên má, mắng rằng:

- Ta được lệnh tiên đế đem quân chống giặc, giặc đang ngấp nghé tràn vào kinh thành, không chặn chúng, thì trăm họ ở Đông Đô này sẽ bị chìm trong bể máu. Về thế nào được!

Liền đem quân ra sức chống đỡ, nhưng thế quân của Trần Cảo rất mạnh, không đánh nổi, phải lui quân. Trần Cảo chiếm được kinh thành, xưng vua. Trần Chân lui về chợ Hoàng Hoa (tức Ngọc Hà ngày nay), cho người gọi hết con cháu của mình từ La Ninh (La Khê) đến. Lại cùng bọn quan địa phương chiêu mộ hương binh mấy xã quanh đấy, nổi dậy chống Trần Cảo. Quân lính mới có đến năm, sáu nghìn người.

Trần Cảo sai Phan Ất đang đóng quân ở Bảo Đà đánh vào. Trần Chân đem quân lính từ Thanh Đàm (tức Thịnh Liệt, Thanh Trì) tiến ra, dàn quân ở Côn Bẩn. Quân Phan Ất đông đến gấp năm lần, nhưng Trần Chân không nao núng, chọn những hương binh trẻ, dũng mãnh đứng hàng đầu. Mỗi tốp lấy người cũ của Chân chỉ huy. Quân Phan Ất không phá nổi. Hai bên đánh nhau ở Côn Bẩn rất quyết liệt. Quân sĩ thiếu khí giới rút vào làng, lấy gạch, vò, đá, ném lại. Chân chống giặc, khi rút bị ngã ngựa, răng gãy, miệng đầy máu, sưng rất đau, quân cứu viện không có, nửa đêm liền bảo nhau rút về chợ Hoàng Hoa.

Đến ngày 15 tháng 4 năm Bính Tý, Trịnh Duy Sản đem quân từ Tây Đô ra, lấy quân ở các phủ Thiên Quan, Ứng Thiên cùng quân Tam Phủ cũ mà tiến. Nguyễn Hoàng Dụ cũng lấy quân thêm ở Trường Yên, Lý Nhân; Chính dinh Bình Phú hầu Nguyễn Văn Lự và Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy cũng cất quân thủy bộ cùng tiến thẳng về Đông Đô.

Ngày 19, Vua đem quân đến Ứng Hoà, ngự tại vườn chuối (Tiêu Viên). Trần Chân nghe tin, mừng lắm, lại thương Vua, nước mắt rờn rờn, liền đem hết quân sĩ từ trại Hoàng Hoa đi đón Vua. Đến nơi, một mình đi trước quân lính, mặt còn đầy thương tích, phủ phục tạ tội, mong được rước Vua mau về khôi

phục kinh thành. Lòng trung làm cảm hoá rất đông tướng tá, có người không cầm được nước mắt, sau đó dẫn đường quân triều đình tiến về Long thành.

*

Quân sĩ vẫn đông đặc ở quanh thành Đông Quan. Bọn giặc Trần Cảo, thanh thế còn rất mạnh. Trịnh Tuy, Trịnh Duy Sản, Nguyễn Văn Lự, Nguyễn Hoàng Dụ, ai cũng muốn thu quyền về mình. Trần Chân vốn trước là tùy tướng của Trịnh Duy Sản, là một tướng dũng lược, được bốn Đại tướng cử làm tiên phong.

Quân vây Trần Cảo rất gấp. Phó tướng An tín bá Trịnh Hy, Đề sát Lê Dục, Ký lục Trương Huyền Linh tiếp tục vây cửa Đại Hưng. Trần Cảo nổi trống tiền nghiêm sai cấm cờ dọc mặt thành chống trả. Trần Chân đốc thúc quân đánh thành, quân Trần Cảo thấy lính triều đình vây vòng trong vòng ngoài nao núng. Trần Chân phá được cửa thành, tiến vào cung Thụy Quang. Quân cứu ứng của Trần Cảo, từ mặt Bồ Đề sang, giải vây, đánh Trịnh Hy ở Cầu Muống (Kim Liên bây giờ). Trịnh Hy cho quân lùi giữ Hồng Mai động, vừa hay Nguyễn Hoàng Dụ dẫn quân vào. Trịnh Duy Sản tăng quân vây thành. Đang vây thì gặp đám giặc Hà Công Chân đánh vào, định tranh với Trần Cảo, xưng vua. Duy Sản phải quay lại đánh giết được Hà Công Chân, rồi vây thành tiếp tục. Trần Chân đánh thốc vào. Trần Cảo mở cửa thành chạy qua sông Cầu tiến lên phía Chí Linh. Triều đình đưa đưa con trưởng của Cẩm Giang Vương Sùng vào kinh thành, suy tôn làm vua. Ở Tây Đô, Trịnh Duy Nhạc biết thế mình kém, liền giết Quang Trị, rồi đem quân về triều theo Trịnh Duy Sản.

Triều đình luận công dẹp Trần Cảo, Thiết Sơn Bá Trần Chân được xếp công đầu.

Mùa đông, tháng 11 năm Ất Hợi (1515) Vua sai Trịnh Duy Sản làm Tiết chế các dinh thủy bộ vây đánh Trần Cảo.

Tướng thân tín của Trịnh Duy Sản là Đa Sĩ không chịu tiến quân, quấy rối ở kinh thành. Sĩ cậy có công đón Vua, đánh thành, giờ lại muốn được ở kinh thành chơi bởi cho thoả những ngày gian nan. Đêm đêm, Đa Sĩ sai quân đi bắt con gái nhà lành về hiếp dâm. Thấy vợ viên quan giữ của thành xinh đẹp, Sĩ cũng tranh cướp luôn. Trịnh Duy Sản đang cần thêm quân để đánh Trần Cảo, Đa Sĩ cưỡng lệnh không nghe. Trịnh Duy Sản bảo Trần Chân:

- Đa Sĩ là tướng cũ của ông. Ông chiều nó quá nên nó sinh hư, lếu láo. Nếu nó có ý gì kia khác, thì kinh thành không thể yên. Ông hãy về trị tội thằng Sĩ đi.

Trần Chân đem quân về trị Đa Sĩ, bắt được nhưng thương tình không giết, giam lại chờ Trịnh Duy Sản về liệu định.

Trịnh Duy Sản ở lại vây Trần Cảo ở Chí Linh. Nguyễn Hoàng Dụ, Trịnh Tuy không thích gì Sản, không chịu cùng đánh, mặc cho Sản đánh Trần Cảo.

Trịnh Duy Sản, vây Trần Cảo. Cảo dựa vào thế núi, rừng không ra. Khi Trịnh Duy Sản vừa gom quân thì Trần Cảo lại sai người ra khiêu chiến.

Trịnh Duy Sản tức giận liền sai các tướng chia đường đánh Trần Cảo. Đêm ấy, bầu trời đen đặc, bỗng sáng rực, có ngôi sao sa ngay xuống trên trướng của Sản. Phó tướng can:

- Quân chưa tiến, sao sa vào dinh chủ soái, điều đó không thể xem thường, Tướng quân nên xem xét lại.

Trịnh Duy Sản mắng:

- Ta cầm quân đã nhiều. Trần Cảo làm loạn kinh thành, chạy về đây cố thủ. Không đánh dần, làm sao bắt được!

Liên cứ tiến quân. Quả nhiên sa vào bẫy phục binh. Trịnh Duy Sản và Nguyễn Thượng đều bị Cảo bắt. Cảo lại đem quân về đánh kinh thành. Quân kéo đến Vạn Kiếp, giết Sản và Thượng tể cờ thanh thế rất lớn.

Quân Trần Bảo lại tiến đến Bồ Đề. Vua hỏi các quan. Trịnh Duy, Nguyễn Hoàng Dụ đều tâu:

- Trần Chân có thể chống được giặc.

Vua ban chiếu cho Thiết Sơn Bá phá giặc. Trần Chân gọi các tướng tâm phúc đến bảo:

- Trịnh Duy Sản tuy giết Tiên đế, nhưng không phụ nhà Lê. Ta là tướng của Sản, lẽ nào không phục thù cho chủ. Các tướng theo ta từ lúc kinh thành loạn lạc, đánh giặc Cảo, đón Vua về. Nay Vua chưa yên vị, Cảo lại đến. Hãy đánh cho chúng bỏ mạng làm vua, đánh cho tan tác, trả thù cho Đò tướng tiết chế, Nguyễn Quận công họ Trịnh. Làm người thì phải ăn ở cho có đầu có cuối.

Liên phát khăn tang cho đến từng binh sĩ, tiến sang Bồ Đề, đánh Trần Cảo. Quân uy rất khí thế. Lính của Chân rất gan dạ, đâm chết được nhiều quân Trần Bảo, phải lui về phía bắc sông Cầu cầm cự.

Triều đình cho quân tiếp viện, Cảo biết không địch nổi liền truyền ngôi ngụy vương cho con là Tung rồi cắt tóc đi tu. Quân của Tung sau cũng bị triều đình đánh tan tác.

Trần Chân thu thập tất cả quân sĩ tướng tá của Trịnh Duy Sản, thế lực rất lớn!

Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy lại hiềm khích tranh giành nhau thế lực. Vua can cũng không nghe. Nguyễn Hoàng Dụ cáo ốm không vào chầu. Trịnh Tuy đóng quân ở thành Đại La để chống Dụ. Trịnh Duy Nhạc xin đi giải hoà thì Nguyễn Văn Lự lại tâu việc Nhạc phò rồi lại giết Quang Trị. Nhạc liền bị chém bêu đầu. Nguyễn Hoàng Dụ đuổi Trịnh Tuy thua chạy về tận Thanh Hoá. Trần Chân liền đem quân đánh Nguyễn Hoàng Dụ. Nguyễn Hoàng Dụ vào ra mất Vua tâu bày cần chống bọn dư đảng của Trịnh Duy Sản lấn quyền rồi định ra cửa Đại Hưng. Có người cho Trần Chân đã phục sẵn ở đấy, nên tránh ra cửa Đông Hoa, thoát về Thanh Hóa.

Quân Trần Chân thao túng kinh thành, ai cũng khiếp sợ. Trần Chân vẫn hết lòng phò Vua, nhưng trong lòng đầy kiêu căng tự phụ.

Một hôm vào cung điện, Vua còn ngự ở trong nội điện chưa dậy, Trần Chân thấy có sáu hũ rượu đặt ở trên long án. Chân hỏi Thái giám:

- Rượu gì vậy?

- Dạ, đó là rượu ngự.

- Sao lại sáu hũ?

- Dạ sáu hũ là sáu thứ uống của Vua, gọi là lục thanh. Lúc nào Vua dùng rượu nào thì dâng rượu ấy.

Trần Chân bảo Thái giám:

- Ta ném thử được không! Rót cho ta!

Thái giám chịu không dám rót, Trần Chân tự rót lấy!

Quyền uy của Chân ngày càng lớn. Vua biết Chân uống rượu ngự cũng không dám quở trách.

Nhưng, trăm quan thì đã muốn triệt Trần Chân. Nhân lúc trong kinh thành có lời rêu rao, kẻ hát rong hát rằng:

Họ Trần kia, có một người

Nay mai rồi sẽ thay trời làm Vua

Đầu thỏ, đuôi hổ, Vua ra

Trị dân, trị nước thái hoà dài lâu

Quốc cữu là Thử Khải bảo Thọ Quốc công Trịnh Hựu và Thụy Quốc công Ngô Bính rằng:

- Kẻ hát xằng kia có phải ám chỉ Trần Chân không? Họ Trần thì Trần Cao tan rồi, ai vào đó nữa. Đầu thỏ đuôi hổ, chẳng phải cuối năm Dần, đầu năm Mão? Phải trị Chân ngay thôi.

Liên bàn với Tri Kim Quang điện Vĩnh hầu bá Trịnh Tuy.

Bữa ấy tan châu, Vua cho gọi Trần Chân và đệ tử tin cậy là Trần Trí vào nội điện có mật vụ, rồi Trịnh Tuy đem võ sĩ xông ra định đâm chết.

Trần Chân và Trần Trí chạy vòng ra, chỉ kịp kêu lên rằng:

- Trần Chân này chỉ biết thờ Vua thôi, có bao giờ mong làm Vua đâu, xin Bệ hạ xét lại.

Vua nói:

- Người có công lớn, nhưng dám uống rượu lục thanh của Trẫm thì còn coi ai ra gì nữa. Các quan giết người cũng vì sự lãng loạn ấy đấy!

Trần Chân chạy đến cửa thành nào cũng đã đóng chặt, có dũng tướng xông lại đánh, rồi bị bắt.

Trần Chân uất quá, ngựa cổ nói với mọi người:

- Kinh thành nào loạn, nhờ ai mà yên. Bây giờ, thì lại giết tướng công đầu. Trời ơi, biết thế này thì rượu lục thanh, ngon đến mấy, ta cũng không uống!

Rồi ngựa cổ chịu chém.

Học sĩ họ Đàm

Đàm Văn Lễ vốn giỏi thư pháp. Song ông không hay khoe, không hay viết tặng với mọi người, chỉ lẳng lặng thấy sách nào nói về thư pháp hay, thì đọc, rồi đóng cửa thư phòng trải giấy ra mà tập viết, cho đến lúc quen tay. Một bạn Dương Trục Nguyên, Thị lang bộ Lễ đến. Ông rất mến Trục Nguyên, bảo người nhà hãy thấy Trục Nguyên đến thì cứ cho vào, không cần báo. Trục Nguyên đến cửa phòng thì cửa đóng im ỉm. Lại thấy cửa sổ vẫn mở, bên ngoài một cây đào, một cây mận đang ra hoa, rất đẹp. Dương Trục Nguyên ngán người ngắm hoa một lúc mới nhìn vào phía trong phòng. Ông hết sức ngạc nhiên khi thấy quan Đông các đại học sĩ, Lễ bộ Thượng thư, mặc áo thanh cát, tóc để trần, đang say mê cầm bút đại tự dầm vào mực, mắt vẫn không rời trang giấy xuyên chỉ, màu vàng chanh. Bên cạnh, ông lấy những viên đá rất đẹp, viên màu tím nhạt, viên màu rêu ngả nâu, viên nhẵn và trong, đem đặt dè lên trang giấy.

Mùi trầm hương ấm cúng từ trong phòng toả ra ngoài cửa sổ, rất dễ chịu. Rồi ông cầm bút, vén tay áo, mắt như mất chìm bói cá điều khiển tay bút, đang đứng chăm chấp, đợi nhả xuống trang viết những con chữ. Và kìa, ngọn bút thần đã hạ xuống trên trang giấy điệp. Những dòng thơ xuân đã lần lượt hiện ra:

Trừ tịch thi

Tài cận tân niên yếm cựu niên

Vô đoan thế thái tận kham liên,

*Đẳng nhân tuế nguyệt do tăng ái,
Mạc quái nhân sinh hữu khí quyền*

Thơ đêm ba mươi Tết

*Mới kẻ năm mới, chán năm qua,
Lạ nhĩ, thói đời đến thế à
Năm tháng tội gì? Yêu với ghét!
Đời người nào thiếu chuyện điêu ngoa*

Dương Trục Nguyên đợi cho Đàm Văn Lễ viết xong, đẩy cửa bước vào, trầm trồ:

- Quan Lễ bộ Thượng thư có biệt tài thế này, mà cứ giấu hoài? Sao mông một Tết, đại nhân lại đóng cửa không tiếp ai, ở trong phòng làm thơ, viết chữ thế này?

Đàm Văn Lễ, thân mật nâng tay vái chào đáp lễ Dương Trục Nguyên rồi hỏi:

- Ông thấy thơ và chữ của tôi thế nào?

- Thơ thì hay mà chữ lại đẹp. Thánh thượng cũng rất hay thơ, mà ở những cuộc chính, Vua mời ông ít hoạ. Lại giấu cả tài thư pháp nữa chứ. Tôi mà mách Thánh thượng thì ông lại bị lôi vào cung, làm quan coi toà Đông Bích⁽¹⁾ cho Nhà vua mất. Tài ông kém gì Vương Hy Chi đời Đường đâu.

Đàm Văn Lễ cười:

- Ông lại đùa rồi. Tôi có học viết các tay thư pháp giỏi đời Đường, Tống, cũng thích lối chơi tao nhã này lắm. Vả lại mình mới học đòi không muốn phô trương. Ông xem bức thư pháp này thế nào?

Dương Trục Nguyên bình:

- Nét đan thanh, cứng cỏi, điêu luyện. Không phóng túng như chữ Trương Húc, không tài hoa như thư pháp Vương Hy Chi, nhưng chữ quả có hồn, có cốt cách riêng! Lối chữ lệ đá thảo đẹp lắm!

⁽¹⁾ Thư viện

- Ông quá khen không đấy?

- Đại nhân quên là chữ cũng chính là người đó ư? Người nào chữ ấy! Chỉ coi chữ viết loại bình thường thôi đã đoán được nhân tướng đấy!

Người sắc sảo chữ sắc sảo. Người đánh thép chữ sờ vào tường đứt tay. Kẻ xiêm ninh thì chữ cứ hơn hơn, còn đám tiểu nhân lòng dạ hèn kém thì chữ cứ tắt tắt, dùm đó có ra sao đâu?

Đàm Văn Lễ dắt Dương Trục Nguyên ra vườn ngắm lan xuân, vừa thăm hoa vừa bàn chuyện đón sứ bộ nhà Minh sang phong vương cho Vua Lê Hiến Tông.

Chánh sứ nhà Minh là Hàn lâm thị giảng Lương Chừ cùng bọn Vương Chấn đem sách, vàng phong vương cho Vua Hiến Tông. Vua sai Binh bộ Thượng thư Tống Xuyên Bá Lê Năng Nhượng, Thiếu bảo Trịnh Tông Đán lên tí địa đầu Lạng Sơn đón tiếp.

Khi sứ bộ sắp đến Thăng Long, Đàm Văn Lễ được lệnh lên trạm dịch ở Thị Cầu tiếp sứ. Đàm Văn Lễ đi thuyền cùng sứ bộ về kinh, dọc đường nói đến chuyện hoa cỏ.

Đàm Văn Lễ nói với Lương Chừ:

- Xét về hoa cỏ, đứng đầu hàng thì có thể gọi là lan. Lan là loại hoa vương giả, vì lan thanh nhã mà không phạm tục. Những thứ hoa hương nồng, sắc quyến rũ làm so sánh với lan được. Vậy mà xét cho cùng thì gốc gác của lan cũng là một thứ dã thảo. Đông lan chính là một giống huệ đời xưa, thứ dân chúng gọi là hoa huệ, chính là cỏ huệ ở các đầm ngoài nội vậy. Sau này người ta đua nhau thưởng lan, chăm sóc nhiều, lại mùa xuân đem thi hoa xuân, xem cây lan nào lá dài hay lá ngắn, hoa rực rỡ hơn, thì được thưởng. Thưởng hoa như thế chỉ bằng phụ lan, bởi sự thẩm định ấy có vì bản sắc của lan đâu, đó chẳng qua chỉ chuộng màu rực rỡ, vẻ nùng diễm mà thưởng tặng, chứ không phải vì phẩm cách của lan mà thưởng thức.

Lương Chừ buột miệng khen:

- Đại học sĩ họ Đàm bình về lan như thế thì còn ai dám chen lời được. Xin ông cho nghe về hoa mai!

Đàm Văn Lễ cười mà nói:

- Về mai thì hai bài thơ mai của Lu Mai Pha đời Tống đã giành ngôi thi bá rồi!

Và ông cất giọng ngâm:

Mai

Mai tuyết tranh xuân vị khảng hàng

Tao nhân các bút phí bình chương

Mai tu tổn tuyết tam phân bạch

Tuyết khước thâm mai nhất đoạn hương.

*

Hữu mai vô tuyết bất tinh thần,

Hữu tuyết vô thi tục liễu nhân

Nhật mộ thi thành thiên hựu tuyết,

Dĩ mai tịnh tác thập phần xuân.

Đàm Văn Lễ ngâm luôn cả lời dịch Việt:

Mai đua tuyết, tuyết đua mai,

Thi nhân gác bút, bỏ tay phẩm bình,

Mai thua tuyết trắng vài phần

Hương thơm tuyết lại có phần thua mai

*

Mai không tuyết, thiếu tinh thần,

Tuyết không thơ, lấy đâu phần thanh tao.

Thơ xong tuyết rải trời cao

Tùng mai góp trổn về vào sắc xuân.

Chánh sứ Trung Hoa chịu Đàm Văn Lễ là người uyên bác.

*

Vua Hiến Tông mất. Lễ bộ Thượng thư Đàm Văn Lễ và Đô ngự sử Lê Quang Bật được gọi vào bên màn trướng, truyền di chúc lập Thái tử Thuần lên ngôi. Đàm Văn Lễ nhớ lại sự việc năm Kỷ Mùi, sau tết Nguyên tiêu, các đại thần dâng sớ lên Hiến Tông lập Thái tử để yên lòng dân. Vua coi sớ, hàng chục ngày sau mới có sắc dụ cho Thái bảo Sùng Khê hầu Lê Vĩnh và Đô kiểm điểm Tổng Xuyên hầu Lê Năng Nhượng rằng: "Mới rồi Trẫm nhận được bản tấu của các khanh, lo kế lớn của nhà nước, xin dựng ngôi Hoàng thái tử. Trẫm rất ngợi khen. Các con của ta, Hoàng tử trưởng là Tuấn thì diên đại, thích mặc áo đàn bà, bỏ thuốc độc cho mẹ; Hoàng tử thứ hai là Tuấn, ham chơi, không có đức, sợ không làm nổi. Chỉ có Hoàng tử thứ ba là Thuần, vốn lòng hiếu kính, ham thích thi thư, được gần gũi bên ta để chăm nuôi, dạy dỗ, tuổi cũng đã lớn, dóc chí theo tổ tông, có thể lập làm Thái tử. Đâu phải ta bỏ con trưởng lập con thứ! Chính là Trẫm vì thiên hạ mà chọn người làm Vua sau này thôi. Ta muốn sắc phong Thuận làm Thái tử, cho lập cung điện mới, tuyên bố tiết văn nghi lễ, các khanh hãy chọn ngày mà làm!"

Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật vào cung, Lê Hiến Tông nắm tay hai người dặn:

- Các ông hãy giúp Thái tử Thuần, giữ yên triều chính khi ta nằm xuống.

Lễ và Bật khóc lạy nhận di chúc của Vua. Đàm Văn Lễ về nhà đã thấy người nhà của Kính Phi họ Nguyễn đặt một mâm vàng ở phòng khách và nói:

- Kính Phi muốn nhờ đại nhân lập Hoàng tử Tuấn lên ngôi, bởi vì theo ngôi vị thì Tuấn là anh của Thái tử Thuần. Ông không lo

làm trái di chiếu, bởi thuận lẽ xưa nay. Ông cũng đừng sợ phải làm một mình, Nguyễn Kính Phi cũng đã sai người đem vàng đến nói cùng Nguyễn Quang Bật rồi!

Đàm Văn Lễ, nhìn người ấy từ đầu đến chân rồi nói:

- Kính Phi nuôi Hoàng tử Tuấn làm con, chứ có phải con đích đâu! Hoàng tử Tuấn chỉ là con một bậc cung nữ tỳ thiếp, tính nết lại ngỗ ngược. Vua đã ban chiếu dụ cho trăm quan tử hoi còn sống. Đó là sáng suốt. Ta không thể làm trái ý Người được.

Rồi đem vàng trả lại. Người nhà Nguyễn Kính Phi cười khẩy nói:

- Đời tôi với ông còn dài. Sau này, tôi sợ ông lại hối hận.

Đàm Văn Lễ cười vang:

- Ta sống đường hoàng, chân chính, có gì mà phải hối!

Quả nhiên, Nguyễn Quang Bật cũng trả lại vàng. Lúc này, ở triều đình các tước vương con Vua Hiến Tông, tranh nhau nối ngôi, Tuấn có uy thế cũng làm dữ lắm. Đàm Văn Lễ sợ loạn, liền vào nội điện đem ấn truyền quốc về nhà, rồi cùng các đại thần lập Thái tử Thuần lên ngôi, tức Vua Túc Tông. Công tử Tuấn giận lắm, chỉ lên trời nói:

- Sau này, ta mà làm vua thì thằng Lễ đừng hòng mở mặt.

Túc Tông làm vua được một năm thì mất. Hoàng tử Tuấn bàn với lũ nội thần là Nguyễn Nhữ Vi, lừa Thái hoàng thái hậu Trường Lạc, mưu giết bà rồi lập Tuấn lên tức là Uy Mục Đế.

Ngay sau khi lên ngôi, Vua Uy Mục đã nhằm trả thù Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật. Nhữ Vi chính là kẻ đem vàng bừa trước đến nhà Lễ, bảo rằng:

- Chuyện cũ bỏ qua. Ông là đại thần trụ cột mấy triều, Vua không bỏ đâu! Thế nào cũng có quan chức to ban cho ông đấy.

Lễ biết mình sẽ nguy. Hôm sau vào chầu. Đàm Văn Lễ được Uy Mục cho làm Thừa tuyên sứ ở Quảng Nam cùng với Nguyễn

Quang Bật, bảo phải lên đường ngay. Lễ về nhà, cho vợ con đi ẩn nấu, rồi đem gia nhân lên thuyền vào Nam. Khi đi qua cửa Thuận An thì thấy thuyền của Nguyễn Quang Bật náo loạn, rồi Nguyễn Quang Bật ôm đá nhảy ùm xuống nước. Đàm Văn Lễ chắc mình cũng không khỏi chết. Y như rằng, thấy đám phó tướng, người của Uy Mục, đưa mắt cho nhau. Đàm Văn Lễ ung dung bước qua mặt chúng rồi bảo:

- Các người không cần ra tay đâu. Người như Nguyễn Quang Bật và ta, lúc nguy nan vẫn đường hoàng đi vào cũi chết.

Rồi ngẩng cao đầu ngâm bài thơ:

Vận nước hưng vong thật khó lường

Trung thần buổi loạn giữ cương thường!

Uy quyền vừa đấy, còn mà mất,

Chí khí đành thôi, giới hoá xoàng.

Phi nghĩa, nghìn vàng mua chẳng nổi,

Lương thần, dầu rùng vẫn phụng cương

Chết vinh, vẹn tiết âu đành chọn

Xác mọn này đem gửi đại dương...

Rồi cũng ôm hòn đá lớn ở đầu thuyền nhảy xuống biển...

1999

Thám Hoa dạy học

Vũ Thanh bị xã trưởng bắt đi đập lũy. Thanh vốn sức yếu, mà đập lũy thì đến lực diễn tay còn bại, gối và đùi mỗi nhừ.

Những thùng đấu sâu lút đến mấy trượng, đất đen và quánh, được các nhát thuổng đánh thành từng lượt, mỗi miếng đất, vác được lên vai, tay không cứng, không nâng lên được, còn nói gì đi từ dưới thùng lên đỉnh lũy vút xuống rồi lại xuống vác hòn khác. Lũy đập theo từng hộ, mỗi hộ một khoanh, ai không đập thì trở ra, xã trưởng báo lên huyện, lính lệ cho là chống lệnh quan, bắt đi, tù là chắc...

Thanh tuy con nhà thế gia nhưng đã sa sút, liền bỏ làng lên huyện Thọ Xương. Nghĩ mình là cháu nội tước hầu Hồng Lĩnh, từng là quan Trấn thủ tỉnh Đông (Hải Dương), bố là học trò Quốc Tử Giám, mà liêu xiêu đến nỗi nên quyết chí học hành. Bà mẹ thương con, tần tảo buôn bán nhè nhàng, để cố lo cho con ăn học. Bà mẹ vốn cũng là người được ký thác việc thừa kế đèn sách của cha ông nên bà chăm Thanh lắm. Nghe nói Ngõ Thừa Tứ phía Đông nhà Thái Miếu có trường vị hưu quan họ Võ, cũng là người tỉnh Đông cũ, nên đầu xuân, kiếm lễ vào xin nhập học cho con.

Võ Công nhận ngay. Thanh vào học, thông minh khác thường, thầy học rất yêu, lần bình văn nào cũng được coi là chuẩn mực, được đưa ra đọc trước mọi người.

Có một công tử con quan lớn trong vùng, theo học trường Mộ Trạch vốn tự mình khoe là giỏi. Từ khi Vũ Thanh vào trường thì văn tài thua xa Thanh. Công tử tức lắm, biết đường Thanh đi học qua,

liền vào quán chơi. Công tử biết nhà Thanh nghèo mẹ buôn bán tảo tần, có ý khinh rẻ muốn làm nhục.

Thanh vẫn nín nhịn. Một bạn Thanh đang đi thì bị bọn đồng môn chặn lại. Công tử, đứng ra trước nói:

- Vũ Thanh, mày học giỏi mà làm gì. Chẳng qua cũng là con nhà thứ dân thôi. Chi bằng bây giờ bỏ học, vào hầu nhà ta, ta cho chức chăn ngựa, vừa nuôi mẹ được, vừa có miếng ăn. Như thế chẳng hơn ư?

Vũ Thanh gạt bọn chúng định đi, nhưng sức yếu không làm gì được. Công tử lại hỏi:

- Mẹ mày làm bánh đúc bán, mỗi buổi kiếm được mấy đồng kẽm. Chăn ngựa cho ta, nếu biết hầu hạ tử tế, mỗi tháng ta sẽ trả cho mẹ con mày hẳn năm lạng bạc.

Thanh tức lắm, bặm môi trừng mắt, mắng lại rằng:

- Đường còn dài. Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào đâu?

- À, thằng này láo nh? Chúng mày đánh bỏ mẹ nó cho tao.

Lũ học trò xông vào đám đá, mặt mũi Thanh thâm tím cả. Vào trường, bữa ấy, quyền vãn của Thanh lại hay nhất, thầy Mộ Trạch cho bình, gọi Thanh đến trước mặt, thấy mặt mày xưng húp, cho cởi áo ra, mình mẩy thâm tím cả. Thầy hỏi, Thanh cứ sự thực tâu bày. Thầy giận lắm, gọi công tử đến trước mặt mắng rằng:

- Con học ta, Vũ Thanh là đồng môn của con. Thấy bạn hơn mình, thì cố học giỏi để vượt bạn mới là đáng mặt, ai lại sỉ nhục bạn, trước mọi người, chỉ vì ghen tức. Từ mai, con không được học ở trường ta nữa.

Công tử biết mình có lỗi, lặng im không dám nói gì. Vũ Thanh quỳ xuống xin họ bạn:

- Thưa thầy, thầy thương con mắng bạn, cũng mong nên nếp được bảo trì. Nhưng công tử còn trẻ, việc vừa làm, ắt cũng có thể hiểu được. Xin thầy thể tất tha cho tính nông nổi, hiếu thắng của

anh ấy. Nếu như, vì con mà công tử bị đuổi, để lòng nhân của thầy bị tổn thương, thì con cũng áy náy suốt đời, không quên được.

Thầy Mộ Trạch nghe theo lời tình nghĩa ấy. Công tử từ đó cũng thôi không dám làm nhục Vũ Thạnh nữa.

Năm Bính Dần, Chính Hoà thứ 7 (1686), Vũ Thạnh đỗ Thám hoa, Định Vương Trịnh Căn thay mặt Vua và ban cho ăn yến ở bộ Lễ, và ban mũ áo vinh qui. Vị công tử nọ, quên chuyện cũ đến mừng. Vũ Thạnh ân cần ra tận đầu ngõ, dắt tay lên chiếu trên ngồi cùng với họ mạc trong gia đình. Ai cũng thấy lòng thành của Thạnh. Công tử từ đấy càng quý trọng bạn bè đồng môn, đi đâu cũng kể chuyện Vũ Thạnh cho mọi người nghe.

*

Thạnh được làm Thiêm Đô ngự sử thay Phan Tự Cường. Thạnh thẳng thắn, thấy việc trái cản trở những công việc triều đình, dù là các chức đứng đầu các bộ, các khoa cũng đều đàn hạch. Chúa Trịnh Căn chịu nghe và chú ý. Ít lâu sau thăng Vũ Thạnh làm Tự Khanh, được làm Bồi tụng trong phủ Chúa.

Có hôm Chúa giữ ông lại ăn cơm để bàn việc. Một bạn, đầu bếp đánh cá Hồ Tây được một con trắm rất ngon, nấu dâng lên Chúa. Chúa ăn, vừa ăn vừa khen. Chúa ăn xong bảo nhà bếp dọn cá trắm ban cho Vũ Thạnh.

Thạnh ngồi ăn, chỉ ăn canh, đĩa cá không đụng đến. Chúa hỏi:

- Sao quan Tự Khanh không ăn cá Trắm ban.

Thạnh thưa:

- Nhà thần còn mẹ già, cũng hay ăn cá. Nay được Chúa ban cho khúc ngon này, thần được ăn lại nhớ đến mẹ, nghĩ đến ân sủng này, nếu bà được hưởng sẽ nhớ suốt đời, nên thần để dành cho mẹ.

Chúa cảm động lắm, khen mãi. Chúa lại vỗ tay ba cái. Ngự thiện vào. Chúa hỏi:

- Cá trắm còn không?

- Dạ còn.

- Mang thêm một khúc vào đây cho quan Bồi tụng.

Nhà bếp mang vào. Nhưng khúc ngon đã hết, chỉ còn khúc đuôi. Thạnh ăn khúc đuôi ấy, khúc cá trước để giành cho mẹ. Tấn Quốc công Trịnh Bính là cánh tay phải của Chúa, uy vọng rất lớn. Quốc công cũng thường hay hỏi chuyện chính sự Vũ Thạnh. Thạnh cứ thực bụng mà nói. Bính vốn không thích những ai biết nhiều chuyện về mình, hoặc có biết thì nói đến nhiều việc tốt. Nhưng Vũ Thạnh khi được hỏi thì việc tốt, việc xấu, việc dính líu hoặc không dính líu đến Trịnh Bính đều lần lượt nói hết. Bính tuy bề ngoài khen ngợi nhưng trong bụng không ưng. Vũ Thạnh cũng không hề biết.

Một bận, Chúa được mời đến thăm một ngôi chùa ở phủ Phụng Thiên mới làm xong. Chúa Trịnh Căn mang Vũ Thạnh theo. Nhà chùa biết ông có danh vọng, lại hay chữ, liền xin chữ để khắc bia. Ông có ý từ chối, nhường cho bậc danh nho sở tại. Nhưng hoà thượng khẩn nài mãi, ông liền làm bài văn như sau:

"Cõi phúc cho bàn dân nên chùa lớn mới mở. Dẫu chỉ là gạch, là ngói, nhưng cũng đủ nguy nga. Tam Bảo có tượng chín rồng phủ quanh Như Lai. Hậu tự có đầy đủ các tượng la hán. Tam Tôn uy vọng mỗi pho một vẻ. Thiên thủ thiên nhãn nghìn mắt nghìn tay, ánh sáng chiếu tự mình mà toả muôn tín đồ!

Trộm nghĩ: Phật tại Tâm. Như Lai là đường tự đi, tự đến. Ngũ uẩn đã gỡ, tham, sân, si đã thoát vòng, thì hẳng ha sa số Phật đưa tay dắt mình thoát cõi tịch diệt.

Tòa sen rực rỡ, khói trầm ngào ngạt. Tụng kinh bảo tạng viết trên lá bối. Đèn "từ tâm" chỉ lối soi đường. Lấy nước tịnh rửa sạch trần ai. Mượn hương sen để lọc tan bần tục.

Tiếng chuông chiều, chuông sớm thỉnh lên, nhắc nhở mọi người đến cõi Giác Ngộ.

Huyền vi lâm thay, tâm đắc lâm thay

Nam vô a di đà Phật".

Nhà chùa đọc xong, cảm ơn rồi rít. Chứa ban cho Vũ Thạnh mười lạng bạc. Thạnh lại công đức cho chùa.

Khi Thạnh đi, hoà thượng nói theo:

- Người này tuy ở trong cõi danh lợi, nhưng lòng thành thì bậc tu hành chí lự cũng khó sánh kịp... Phúc phận về sau sẽ rất lớn.

Sư tuy đoán thế, nhưng Vũ Thạnh, khi về nhà chỉ một tháng sau thì bị bãi chức!

Nguyên do khi Trịnh Bính hỏi Vũ Thạnh về công việc ở bên ngoài của các quan Trấn thủ, Vũ Thạnh nói:

- Kẻ ở ngoài cứ thích công mình hơn các đồng liêu của mình ở các nơi khác, do đó hay đem chuyện từ tụng, từ xa về triều đình, làm mất việc của Nội Mật Viện.

Trịnh Bính hỏi:

- Ông định nói về những ai đó. Việc có đích xác không? Nếu không đúng thì sẽ bị các quan trấn nhậm ở các nơi đó kiện cho đó.

Vũ Thạnh nói:

- Quốc công thứ lỗi. Tôi biết vị thế của tôi, ngôn từ phải cẩn mật thế nào rồi chứ. Việc không có, sao tôi lại dựng lên được.

Trịnh Bính gạn hỏi Thạnh vẫn không chịu nói, cho rằng, đợi đến lúc có thêm chứng cứ để tấu lên Chúa. Bính tâu với Chúa, Chúa gọi Thạnh đến hỏi. Vũ Thạnh một mực giữ ý cũ. Chúa nghe Trịnh Bính, bãi chức của Thạnh, cho rằng Thạnh định nói xấu các quan ngoài biên trấn!

Vũ Thạnh liền lui về nhà mình ở Hào Nam, mở trường dạy học. Nghe quan Bồi tụng, Thám hoa nổi tiếng hay chữ chiêu sinh, học trò đến dự đông lắm. Vũ Thạnh phải thân sát hạch mới cho vào học.

Ở trong triều, khi Thạnh bị bãi chức thì cũng là lúc bùng ra chuyện Hiến sát Nghệ An là Nguyễn Danh Dự tố cáo Đốc thị Trần

Đình Gián ăn hối lộ. Triều đình phải họp xét xử, biếm Nguyễn Danh Dự làm Hiến sát sứ An Quảng và chặt ngón chân Trần Đình Gián.

Trịnh Bính biết Vũ Thạnh bị bãi chức oan, tâu với Chúa vời Vũ Thạnh lại ra làm quan nhưng Thạnh cáo từ bởi trường đã mở, học trò đang đến, không rũ áo đi nổi. Học trò Vũ Thạnh thành đạt rất nhiều, đến nỗi một bạn Trịnh phủ có việc gấp đòi các quan vào châu cho sứ đi triều không được người nào.

Chúa hỏi các nội thần, thì được thưa rằng:

- Trường quan Thám hoa Vũ Thạnh, các học trò đều tụ tập ở nhà thầy để ăn giỗ mẹ.

Chúa đành đợi đến hôm sau, mới triệu được các quan là học trò của Vũ Thạnh vào châu.

1999

Anh em nhà hay chữ

Quách Hữu Nghiêm sửa sang mũ áo sang chơi nhà Quách Đình Bảo. Hai anh em đều là quan đồng triều, được Lê Thánh Tông rất tin cậy. Công việc nhiều, Nghiêm ít khi sang bên nhà Bảo chơi. Mỗi lần sang là do cao hứng hoặc có nghĩa sách bàn bạc thì mới đến.

Nghiêm đến. Bảo cho bày tiệc đãi em. Bảo thấy tiệc rượu bữa ấy chỉ có món ốc nhồi luộc và châu chấu rang, liền cười mà bảo rằng:

- Huynh là người nặng tình với quê hương. Lâu nay, đệ bạn, không sang chơi được, lại được ăn những thứ kiểu rau thuần, rau hức thế này, quả cũng ngạc nhiên.

Quách Đình Bảo tính thuần hậu, nghiêm trang, liêm khiết, thấy Quách Hữu Nghiêm đứng đưng với những món ăn ở quê nhà thuở hàn vi, lại khéo mớm thác ra như thích lắm, hơi nhịu mảy lại. Song thấy em lâu ngày sang chơi, không nỡ trách mắng, chỉ khẽ kéo ghế, ân cần bảo:

- Được tin em sang chơi, anh mừng lắm. Nhà em sơn hào hải vị chẳng thiếu gì, nhưng thứ ốc nhồi luộc, châu chấu rang này, thuở còn ở nhà, em chẳng thích lắm ư? Anh còn nhớ, dạo ấy, anh bắt ốc về, em cứ bỏ túi luôn mấy con, rồi vừa nấu cơm vừa cho vào bếp lùi, ăn trước. Còn châu chấu rang, em cứ để cả càng, bảo như thế gấp được nhiều mà ăn lại bùi, có phải không! Nào ngồi xuống đây...

Quách Hữu Nghiêm biết Quách Đình Bảo vừa nhắc chuyện xưa, vừa như khuyên khéo mình hãy nhớ thuở hàn vi, thuở xuất thân, tuy

hơi khó chịu, nhưng vẫn giữ lễ ngồi xuống, uống rượu nhắm ốc nhồi luộc lá gừng, chấm mắm quế và châu châu rang vàng thật giòn.

Đang ăn, Quách Hữu Nghiêm đặt đũa xuống hỏi Bảo:

- Cái bình rượu này anh gọi là gì?

Bảo khêu một con ốc nhồi, chấm mắm chanh, ăn xong trả lời:

- Gọi là Nậm.

- Em tưởng anh phải gọi là Bình hoặc là Cô chứ? Quan hàng nhất phẩm triều đình, chẳng lẽ lại dùng lời nôm na, để nói thường ngày hay sao?

Bảo biết ông em Quách Hữu Nghiêm vốn cũng bướng bỉnh, không phải tay vừa, liền đùa:

- Anh nói nậm là nói chữ đấy chứ!

- Sao lại "nậm" là nói chữ được.

- Em muốn truy anh về mạch sách *Luận Ngữ* chứ gì? Trong thiên Tử Hãn có câu: Tử viết: "Cô bất cô! Cô tai! Cô tai!" có nghĩa là: Cái bình rượu có khóa thì gọi là Cô! Vậy mà cái không phải là bình rượu có khóa cũng gọi là Cô ư? Ý ngài nói cái gì cũng phải nói đúng tên, đúng bản chất của nó. Đó chính là thuyết chính danh vậy. Vậy anh gọi cái nậm, tức là anh theo thuyết chính danh của Đức Phu Tử, chẳng là chữ nghĩa hay sao?

Rồi cười ầm lên. Quách Đình Bảo vỗ tay ba cái. Người nhà bụng ra món gà nướng bằng bọc lá chuối chát bún bên ngoài, trong ruột gà lại nhét gia vị, nấm hương, miến Tàu, mộc nhĩ. Tách vỏ bún khô, bóc lá chuối hương bóc lên nghi ngút. Quách Đình Bảo mời Quách Hữu Nghiêm. Nghiêm còn ngại chưa dám đụng đũa thì Bảo lấy dao xấn một miếng lớn, dùng đũa đặt vào chiếc bát nội phủ vừa được thay thế cái bát gốm vàng ệch mà bảo:

- Bàn về chữ Cô thì phải có món này mới hợp. Vì em biết đấy, Cô là cái bình có khóa, tức là bình quý, thì chỉ có bạc quyền quý mới được dùng thôi chứ!

Quách Hữu Nghiêm đang đói cũng cười theo và gấp gà nướng uống với rượu quý, trong chiếc bình ngọc vừa mới thay chiếc nạm.

Ra về. Quách Hữu Nghiêm phục anh thấu đáo hơn mình.

Quách Hữu Nghiêm vâng lệnh Vua sang sứ nhà Minh. Hữu Nghiêm đến Yên Kinh, dạo thăm phố phường thấy một chiếc áo long cổn giá rất rẻ, liền mua. Long cổn là áo lễ của Nhà vua, mà đem bán, sợ dĩ không ai mua, vì đó là của cấm. Nhưng Hữu Nghiêm, ý mình là Chánh sứ Đại Việt, chắc là có biệt nhãn riêng, nên cứ mua.

Nghiêm về nhà, giở áo long cổn ra xem, thấy áo thêu rồng rất đẹp, đường khâu rất tinh tế. Lại xem đến sách cổ, phân Lễ nghi, thì biết chiếc áo này chắc cũng do một tên bộm chích, lấy trộm được ở một nhà quyền quý, hoặc kẻ sa cơ lỡ vận, vốn trước dòng họ nhà vua lưu truyền lại, giờ nghèo túng đành đem bán. Nghiêm đang ngồi tư lự thì thấy người hầu đi theo sang sứ, vào báo:

- Minh Hoàng hậu sai Thái giám đến thăm hỏi sứ thần.

Quách Hữu Nghiêm vội mũ áo ra tiếp. Thái giám mặt bóng, người đậm, tiếng eo éo như đàn bà, mặt khinh khỉnh bảo:

- Hoàng hậu thấy sứ Nam sang, rất lưu ý, có phái ta ra hỏi, sứ thần có mang thứ dị hương ở quý quốc sang không?

Quách Hữu Nghiêm có tật giật mình, vẫn canh cánh lo về thứ của cấm là chiếc áo long cổn mới mua về, liền vội thưa với Thái giám:

- Nhờ đại nhân về tâu với Hoàng hậu giùm, Vua nước tôi được ban áo mũ, lại biết, Hoàng đế và Hoàng hậu thiên triều rất ưa dùng kỳ nam và trầm hương, nên có mang sang đây. Ngày mai, tôi vào châu sẽ dâng biểu và đem những tặng vật dâng lên dâng thiên tử.

Rồi lấy chiếc vòng ngọc ra tặng riêng Thái giám. Viên này, đưa lên mắt ngắm nghía, cười hi hí rồi ra về.

Hôm sau, Quách Hữu Nghiêm giấu biệt chiếc áo long cổn đi, lấy mấy hộp kỳ nam, đem theo rồi làm bài văn dâng lên Minh Hiến Tông. Vua mở ra xem, thấy viết:

"Người dân tâm thường mang ngọc bích, sử sách xưa cho là tham của. Lái buôn người Hồ buôn ngọc châu, Tư Mã Thiên răn là việc liều lĩnh. Cho nên kẻ tự gõ cửa (vua) nói là trung cần, được khen là trung; người dâng rau tảo nhỏ mọn lên Vua còn khen là đáng quý. Hay dở rõ ràng, gương sáng rất rõ. Chúng thần sứ bộ An Nam lặn lội từ phương xa đến, được tận mắt thấy ánh sáng thượng quốc. Vượt biển trèo non muôn dặm khó nhọc xá nào. Tưởng mong nhật nguyệt chín tầng, mặt rồng nhìn thấy. Hướng về văn minh văn vật của triều thịnh trị, thấy rõ lễ nhạc của thiên triều. Một niềm kính tôn, khôn bề báo đáp. Phàm tài hoá mang theo, há dám mang lòng ngại tiếc. Hiện có mấy hộp kỳ nam hương lạ, trình giao sai quan chọn lựa dâng lên".

Minh Hiến Tông xem xong cho là nhân tài trung hậu, sánh ngang thời Tam Đại, sai Thái giám đưa xuống cho các quan xem. Quốc lão Lý Đông Dương, đón ý vua, xuất bản tán rằng:

- Đó là lòng thành của Chánh sứ An Nam, nên hậu thưởng để khích lệ các sứ thần khác.

Vua Minh truyền ban yến ở chính điện, lại ban cho áo vóc đại hồng thêu hình con Trãi bằng kim tuyến. Các người đi theo cũng được Hiến Tông tặng quà.

Quách Hữu Nghiêm tự đắc lắm, đêm ấy thức suốt đêm viết bài văn tạ ơn, lời lẽ càng tăng bốc Vua Minh:

"Thần trộm nghĩ: Trời đất sinh nuôi muôn vật, dù mầm non gốc cổ đều cảm đức hoá sinh, Vua Chúa vỗ về mọi nước, dẫn kẻ mọn ở cõi xa vẫn nhớ cái đạo rộng lớn.

Thần nay, nhân việc đi cống, được thấy long nhan. Trông mặt trời Trường An, dốc lòng nương tựa, hộp xiêm áo với triều hội, bao nỗi vui mừng. Kẻ mọn cõi xa, đội ơn minh sủng. Thân mình sáng tỏ,

sắc phục rõ ràng. Áo mệnh mới ban, vẻ hình Trãi thêm đẹp. Nghĩ thần như cây hèn, cỏ kém, càng ơn Trời Đất sinh thành. Cảm kích đầy lòng, kính chúc Thánh hoàng muôn tuổi, trị vì thần dân trong nước, chư hầu thấm nhuần phúc tốt dài lâu...".

Vua Minh lại ban thêm cho chiếc áo đại hồng thêu giữa ngực con dê thần có đám mây bằng kim tuyến.

Quách Hữu Nghiêm về, Vua Lê Hiến Tông lại thưởng rất hậu. Hôm sau Hữu Nghiêm đem quà tặng Quách Đình Bảo, lại khoe các việc đi sứ, chắc hẳn Quách Đình Bảo kỳ này không còn lên mặt anh, dạy mình về chữ nghĩa được nữa.

Quách Đình Bảo gật gù tỏ vẻ tán thưởng, lại đem rượu và thức nhắm ra đãi em. Lần này không phải là ốc nhồi luộc và châu chấu rang nữa mà là canh riêu cá rất ngon.

Quách Hữu Nghiêm cũng thích riêu cá, liền xoa xuyết khen ngay khi thấy mâm rượu bung lên. Quách Đình Bảo rót rượu mời Nghiêm rồi nói:

- Nghe nói, trước khi về chú còn làm thơ dâng lên Vua Minh nữa phải không? Đọc anh nghe nào!

Quách Hữu Nghiêm cao hứng đọc ngay:

Tăng nhân quốc sự cố gắng trân phong,

Tào yển thao bồi ngọc bệ trung.

Trại thái dĩ chương tam phẩm phục,

Ích chu tái giá bát hoang phong

Thì từ, tiến pháp, khoan như hải,

Tiểu lực na kham ẩm tụy hồng

Phúc Thọ nghĩ đồng Chu nhĩ chúc

Thăng hằng nhật nguyệt chiếu lâm công.

Nghiêm quay sang hỏi Bảo:

- Anh nghe có được không?

- Được.

- Anh dịch giùm em vậy!

- Thơ chú thì chú dịch mới hay, anh dịch ngộ lại không đúng bụng chú thì sao!

Quách Hữu Nghiêm chồm thấy Bảo lại ra mặt anh với mình, nhưng vẫn nén lòng, đọc bài dịch:

Việc nước vâng đem hương lạ dâng,

Vua ban yến lớn trước thêm rồng.

Áo thêu tam phẩm hình con trãi.

Thuyền lớn một dòng lướt gió đông.

Tự trách thơ không tây biển rộng,

Rượu ngon uống chẳng được vài chung!

Dâng thiên Chu nhĩ lên thiên tử,

Nhật nguyệt hằng mong chiếu ngõ cùng.

Hữu Nghiêm chờ một tiếng khen. Quách Đình Bảo rót rượu thêm cho em, ôn tồn nói:

- Chú đi sứ thiên triều, được tôn trọng sủng ái, quả là một việc đáng khen. Nhưng lòng không thật! Thấy áo lạ, biết là của cấm vẫn mua, thế là chưa diệt được lòng tham. Thấy Thái giám nhà Minh đến hỏi dị hương, sợ hãi mới làm văn chống chế. Khéo mồm mà được thưởng, chẳng tự nghiêm với mình, lại tưởng thế là hay! Văn ca tụng một lần đã đủ, tặng vật của Vua Minh nhận một lần là vừa, lại tái nhị, tái tam, dâng biểu, làm thơ, nhận hai lần áo, một lần thuyền lớn đưa về... Điều đáng tự vấn thì không tự vấn, sự huênh hoang được thể lan tràn. Như thế sao gọi là bậc chân nho được!

Quách Hữu Nghiêm nín lặng không nói thêm điều gì, mặt thẫn ra.

Quách Đình Bảo nói:

- Đi sứ phải thấy mình tự hào về nước mình, nói những điều nước mình đang làm, cũng đủ đầy văn hiến, như thế mới là người tự trọng. Đằng này từ lúc sang đến lúc về chỉ biết ca tụng Vua Minh, việc đó ai chẳng làm được!

Nói rồi giận ngồi thừ ra, không uống nổi rượu nữa. Quách Hữu Nghiêm thấy anh mình quả là một người khác thường, lòng rất phục, chỉ khẽ nói:

- Lời anh dạy, em đã nhận được. Xin anh đừng buồn, kéo hại đến sức khỏe.

Từ đó, cất hai chiếc áo của Vua Minh dưới đáy hòm, không bao giờ mặc hoặc nhìn đến nữa.

1999

Người phu bốc vác ở bến chợ

Phạm Công Trứ khuôn vác hàng hoá của người lái buôn họ Trần từ thuyền lên bến, nhận được tiền, vào quán, gọi cơm - một đĩa lòng lợn, canh muống, một chén rượu - sau đó tìm một gốc đa lớn, rải chiếu manh, rút trong tay nải ra một quyển sách, nằm dưới bóng cây, đọc mê mải, đến nỗi khi nhập hàng xuống thuyền không biết. Thương nhân họ Trần phải đi tìm, thấy Phạm Công Trứ ham học thế, liền để ý.

Buổi tối, cho gọi xuống thuyền mà hỏi:

- Anh ham học thế, sao không chú ý dùi mài kinh sử mà phải vất vả kiếm sống thế này?

Phạm Công Trứ nói:

- Không giấu gì ông. Tôi người làng Liêu Xuyên huyện Đường Hào, vì nhà nghèo nên phải theo bạn đến đây bốc vác kiếm ít tiền về nuôi mẹ.

- Khổ thế, chí thú vào việc khác có hơn không! Nếu anh chịu làm chân sào cho ta, thì cứ sau mỗi chuyến đi, tiền bạc cũng khá đấy!

Phạm Công Trứ nói:

- Cha tôi là nho sinh, thi cử nhiều năm không đỗ, khi mất còn uất ức, ứa nước mắt, bảo tôi: "Đời cha chưa có tên đề bảng vàng, con hãy cố thi đỗ, rửa cái hận này cho cha!". Như thế, tôi không gắng gỏi làm sao được.

Thương nhân họ Trần cảm động, khen có chí, từ đó lưu ý, bù trừ cho.

Khoa thi năm Mậu Thìn (1628), niên hiệu Vĩnh Tộ đời Lê Thần Tông, Phạm Công Trứ thi Tiến sĩ, cùng đỗ với Thám hoa Giang Văn Minh, trải làm quan đến Thái Thường tự khanh.

Năm ấy mất mùa, dân chúng đói kém, cướp bóc xảy ra nhiều nơi. Phó đô tướng Thái bảo Tây Quận công Trịnh Tạc được cử đi đánh dẹp. Chúa Trịnh Tráng chọn Phạm Công Trứ làm tán lý. Trịnh Tạc mang quân xuống Sơn Nam. Phạm Công Trứ dâng kế rằng:

- Tôi nghĩ dân mất mùa, đói ăn vụng, túng làm càn, do đó mới tụ họp thành trộm cướp. Nhà giàu vốn đã nhiều thóc lúa, nay lại cho vay nặng lãi tích trữ làm giàu, do đó lòng dân càng oán thán, bảo nhau đến cướp phá. Chi bằng đến các phủ huyện có bọn giặc cướp hoành hành dữ nhất, gọi đám nhà giàu lại, bảo họ tự nguyện đem thóc ra bán cho triều đình với giá phải chăng, ta lấy thóc đó, phát chẩn cứu dân, một mặt trị bọn đầu đảng. Như thế là vừa ngăn được dân không theo giặc lại làm ân đức của vương triều, nhà Chúa, thám đến tận từng nhà!

Trịnh Tạc cho là phải liền thi hành ngay, quả nhiên giặc cướp ở trấn Sơn Nam được dẹp yên. Kế đến Phạm Công Trứ lại theo Tây Quận công đánh Chúa Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hoá; dẹp tàn quân nhà Mạc cướp phá Cao Bằng. Đến khi Phù Quận công Trịnh Lịch, Thái phó Hoa Quận công Trịnh Sầm, vì ghen tức với Trịnh Tạc vừa được phong làm Đô tướng thái bảo, Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh, nắm giữ binh quyền, được mở phủ đệ riêng cùng Chúa Trịnh Tráng lo chăm việc nước, Lịch và Sầm nổi loạn. Trịnh Tạc sai Trịnh Trượng, Phạm Công Trứ, Đặng Quang Nhiều đem quân đến Chúc Sơn đánh dẹp được, nên càng được tin cậy...

*

Trịnh - Nguyễn phân tranh ngày càng gay gắt. Dân chúng đóng góp nhiều, quân lính nhiều người đi đánh dẹp lâu không về, nhiều người tàn phế. Trong khi đó nhiều người trong hoàng tộc lại

ăn chơi xa xỉ, lấy vàng bạc làm đồ trang sức. Đồ bạc thì nhau làm các thứ tinh xảo, các nhà quyền quý đổ tiền đua nhau sắm, thì hơn, thì đẹp, rất xa hoa. Một hôm Phạm Công Trứ bảo Đặng Quang Nhiều:

- Hôm qua một Quận công họ Trịnh mua một thanh gươm bạc trị giá bao nhiêu, ông biết không?

Đặng Quang Nhiều thật thà nói:

- Tôi làm sao mà biết được.

- Hai ngàn lạng bạc! Ông thấy chưa? Chúng ta vất vả nơi lam chướng, quân sĩ ngày đêm lo tích trữ từng đấu thóc, từng học lương thảo, quân có lúc ăn không đủ no, mà họ thì vung vít không tiếc tiền của, rong chơi ngày này qua tháng khác!

Đặng Quang Nhiều nói:

- Ông nói thế không sợ phạm thượng ư!

- Kẻ đã cầm quân, tất phải thương binh sĩ. Họ Trịnh người thì hiếu học, năng nổ giúp vua, trị nước, nhưng cũng có người chỉ bám lấy kinh đô, xa hoa chơi bời. Ta nói điều phải, chắc là nhà Chúa phải nghe thôi.

Liên dâng sớ lên Chúa khi thấy thanh gươm công nguyên, từ sắc bạc hoá ra sắc đồng. Tờ khải có đoạn:

"Thanh gươm công nguyên là vật quý trọng, từ sắc bạc đổi thành sắc đồng. Đó là sự lạ, không nên coi thường mà không chú ý! Nay trong kinh đô quen thói dùng đồ trang sức, đắt tiền mấy cũng mua, mà quân lính đói khát thì không biết thương, lại lấy vàng bạc làm đồ trang sức cho tước hầu nọ, tước quận công kia. Vị Quận công chưa bao giờ ra trận cũng đeo kiếm vàng, kiếm bạc, chuyên chuộng xa hoa. Kẻ làm giả đem bạc pha đồng, cũng không biết, bỏ bạc vụn, mua lấy thứ chỉ để làm dáng bề ngoài... Đó chẳng là điều mà trời đất run rủi ra để mách bảo vậy. Kính xin, nhân việc này mà bỏ những thứ trang sức bằng vàng, bạc, dùng những vàng bạc này

để làm lương cho quân, chỉ dùng đồng hay sơn cho đồ quân khí được bền chắc, đó là nhân chuyện kiếm bạc hoá sắc đồng để ینگ lại điểm ấy mà làm tốt việc quân binh, phẩn chấn vô bị".

Trong buổi chiều, Phạm Công Trứ xuất ban dâng tờ khai, ai cũng lo thay cho ông, bởi cứ hai vị Quận công họ Trịnh thì có một người đeo kiếm vàng hoặc kiếm bạc làm thứ trang sức để tỏ rõ mình là người quyền quý.

Nhưng Chúa lại nghe theo và ban khen lời nói thẳng của Phạm Công Trứ. Khi tan châu, Đặng Quang Nhiều sượng lắm, nhất định mời bằng được Phạm Công Trứ về dinh của mình uống rượu.

*

Mấy hôm sau, Phạm Công Trứ lại dâng sớ, lúc này, Trịnh Tạc đã lên ngôi Chúa. Ông xin bàn về phép dùng các bậc trí giả cả văn lẫn võ như sau:

"Bậc hiền giả tất phải dùng trí mà trị. Đường lối trị trị là thưởng phạt cho đúng. Võ tướng nếu biết chống quân xa, ngăn giặc để bảo vệ đất nước, biết ra lệnh và don đốc nghiêm mình, theo mệnh Vua mà hết sức để nên công việc thì tùy theo công lao mà ban thưởng; nếu làm võ tướng mà dùng dằng, dút sợ, hành quân trái luật thì lấy quân luật mà trị tội. Đó là phép thường dùng để khuyên răn, rất là nghiêm ngặt. Văn thần thì nên giúp Vua thương dân, tô điểm thái bình, nếu biết thanh liêm, chăm việc, ngay thẳng, để xứng chức vụ thì tùy theo chính tích mà khen thưởng, hoặc người nào thừa hành công việc, cùng là xét hỏi kiện tụng, nếu không đổ lỗi trước mà cứ uốn phép hối lộ, để hậu quả do chậm quá kỳ, xét xử không đúng, câu kết bè đảng, vì ân nghĩa riêng mà nhận lời thỉnh thác, làm nhiều điều những tệ, đến nổi nhất chính, hại dân, tội nhẹ thì xử giáng bãi, tội nặng thì xử theo quân luật, để hết thói tệ, cho nghiêm phép nước".

Trịnh Tạc xem xong, cho Phạm Công Trứ là người nghiêm cẩn, lời bàn xác đáng, liền đem sổ giao cho Nội Mật viện, xem xét và có những việc làm ngay để thực thi lời khải. Chứa lại cho Phạm Công Trứ làm Tham tụng, Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ, Thiếu bảo, tước Yên Quận công, trù lên sáu bộ...

Phạm Công Trứ biết nhà Chúa tin dùng, lại càng nỗ lực.

*

Đến thời Chúa Trịnh Căn, Phạm Công Trứ được giao thêm việc trông coi Quốc Tử Giám. Bởi chính ông được Vua Lê giao cho mang trao phù tiết và sách vàng, ấn bạc khi lên ngôi Chúa, Trịnh Căn càng hết sức tin cẩn, kính trọng.

Bữa ấy, trời mưa, các giám sinh đang ngồi co ro, tránh những chỗ mưa dột. Người chăm học thì lấy sách ra đọc, người buồn thấy mưa thì đem rượu ra uống. Chợt thấy một ông trạc ngũ tuần, ăn mặc giản dị, theo sau có một vài người hầu, ghé vào chơi. Đám học trò đang rối rĩ, xô nhau đến hỏi. Ông nói:

- Tôi vốn trước nhà nghèo, không được dự vào giám sinh, nhưng thường ghé vào đây nghe lỏm các quan tể tửu đến giảng cho học trò làm các văn sách, kinh nghĩa. Có hôm mê bình thơ về đến nhà bị chủ mắng và đánh đòn. Nay lập nghiệp cũng có chút vốn liếng, nên đến thăm Quốc Tử Giám, nơi các thầy ăn học chắc là phải đường hoàng lắm!

Một giám sinh nói:

- Đường hoàng gì đâu. Ông xem, mấy năm nay việc thi việc học đều có lăm chuyen lăm! Có người đi thi đã biết được đầu đề ra rồi, làm gì không đỗ, bởi họ là con tước vương này, quận công nọ. Có người thi người khác thi thay cho mình mà cũng thành ông Nghè, ông cống đấy. Còn chúng tôi con nhà nghèo, cặm cuội học hành, cũng là đám giỏi nhất tỉnh, nhất phủ huyện mới được chọn về đây, mà cơm ăn thì nhà thầu cho toàn gạo hẩm, ngày nắng thỉnh

thoảng còn trông thấy miếng thịt, chứ ngày mưa này thì ăn toàn cá khô mục thôi.

Phạm Công Trứ gật gật đầu rất cảm thông. Ông lại còn uống cả một chén rượu của một giám sinh rót mời. Trời mưa to, ông không về nổi, liền lấy trong túi một lạng bạc, và bảo:

- Tôi ra một câu đối, thầy khoá nào đối được sẽ lấy luôn lạng bạc này!

Các giám sinh xúm lại nhao nhao:

- Xin ông đọc luôn đi.

Phạm Công Trứ đọc: "Vũ vô kiểm toả năng lưu khách" (Mưa không phải ngòam, khoá mà giữ được khách).

Một giám sinh, nghĩ một lát đọc:

- "Phản bất uy quyền dị sử nhân" (Cứ không có uy quyền mà dọa được người).

Mọi người đều ồ lên cười. Phạm Công Trứ cũng cười. Một người đứng phía sau nói to lên:

- Tôi đối, tôi đối đây: "Nguyệt hữu loan cũng bất xạ nhân" (Trăng có cây cung chẳng bắn người!).

Giám sinh đều ồ lên khen hay. Người học trò rẽ các bạn định vào lĩnh thưởng, thì một người ngăn lại bảo:

- Khoan đã, để lạng bạc đó cho ta!

Và anh đọc luôn:

- "Sắc bất ba đào dị nịch nhân" (Sắc đẹp không hề là sóng gió mà chìm chết người).

Phạm Công Trứ vui lắm. Ông lấy thêm một lạng rượu bạc nữa ra mà nói:

- Ba câu đối đều hay, đều chỉnh, hai câu sau đều đáng thưởng một lạng, còn câu trên đối nhanh nhưng có phần hơi thô, nên chỉ được nửa lạng thôi!

Mọi người đều tán thưởng. Ông lại nói:

- Các anh đều là người có tài, sao hàng tháng không họp nhau trên bãi đường để bình văn đua tài, học hỏi lẫn nhau mà cứ mỗi người mỗi góc thế này?

Nói rồi liền cáo từ. Học trò Quốc Tử Giám bàn tán mãi không biết ông ta là ai cả... Nhưng mấy hôm sau, được gọi lên chào thầy mới họ mới biết đó là quan Tham tụng Lễ bộ thượng thư Phạm Công Trứ, càng thêm nể trọng.

Phạm Công Trứ cho sửa sang nhà quốc học, các điện, đường, cung, tường. Đầu đột nát đều được sửa lại chu tất. Nhà lưu trú của giám sinh phía sau Văn Miếu được đảo ngôi, xây thêm bể nước, làm vườn hoa cho học trò có thể dạo ngắm, lại chọn mỗi ngày đảm người tạo lệ do các huyện sở tại cử đến, để lo cơm nước cho đám học trò. Suất ăn cũng được chi thêm cho tươm tất.

Trong sân vườn, ông cho khơi hồ, xây tường hoa, lại đem trồng những cây lớn thay các cây còi cọc hoặc rạc chết, qui mô Quốc Tử Giám ngày càng hoàn tất và lộng lẫy.

Ông lại định ra cứ ngày rằm, mồng một hàng tháng, đều đại hội học trò để bình văn, hoặc giảng tập đua tài. Sĩ tử nô nức. Ông tâu Chúa, chọn quan đọc quyển, giám thí, chủ khảo là những người chân tài ra coi thi. Sĩ tử nơi nơi đều được ơn nhờ, nên học văn tự nhiên đổi khác, chỉ hai khoa thi đã lập lại được nền nếp thuần phong mỹ tục...

Tết năm nào, nhà ông cũng chật người đến chúc tụng. Ông không nhận lễ của ai, dù là một thúng gạo, một lồng gà. Với ai cũng ân cần tiếp đón. Riêng đám học trò Quốc Tử Giám đến, ông cho trải chiếu đỏ sân, đem rượu ngon đồ nhắm ra mời rồi thầy trò đem thơ xuân ra bình, bài hay thì lại được thưởng một lạng bạc. Lệ đẹp ấy thường năm nào cũng rôm rả ngay mồng một Tết.

1999

Tể tướng làng Đại Mỗ

Dân làng Đại Mỗ đón Thám hoa Nguyễn Quý Đức vinh qui. Làng Mỗ ở bên một con lạch nhỏ chảy ra sông Hồng, nên đón quan Thám vinh qui cũng độc đáo hơn các làng khác. Mỗ ở dưới làng Chèm và làng Vẽ, hai làng này, nhiều quan nên thường xem nhẹ các làng lân cận. Cử nhân ở các nơi, thi Hương đỗ, cũng vinh qui bái tổ linh đình chẳng kém gì các nơi khác, nhưng ở làng Chèm vì lắm ông nghè, ông cống nên chỉ cho bốn tuần phiên đem theo một chiếc lọng vinh qui về làng. Năm ấy, triều đình không lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn, nên Thám hoa coi như là cưới đầu, cưới cổ các sĩ tử trong thiên hạ, do đó, làng Đại Mỗ tự hào lắm. Đám rước vinh qui có đến hàng ngàn người. Các trung nam của làng từ tuổi mười tám đến ba mươi tuổi đi bằng hết. Quan Thám hoa cưới ngựa, che hai lọng xanh. Phu nhân quan Thám hoa ngồi trên võng cũng được che một chiếc tàn màu hoa lý... Đám rước vinh qui, qua làng Chèm, làng Vẽ, cố ý đi chậm lại, chiêm trống giống giả, nghi vệ oai phong, bát âm nhã nhạc véo von. Năm ấy, Chèm, Vẽ không có ai đỗ Tiến sĩ, các nhà nho và dân chúng tức khí lắm, nhưng không làm gì nổi. Đám nước đến cửa sông thì quan Thám hoa xuống ngựa, đi thuyền mang hình đầu phượng, giữa một đoàn thuyền chài. Quan Thám hoa ngồi bên cạnh vợ cho dân chúng cả hai bên bờ đứng quanh chiêm ngưỡng. Nhiều cô gái, dầu biết có phu nhân ngồi bên cạnh, vẫn gieo những quả cầu thêu năm màu, có tua thao rất đẹp xuống thuyền quan Thám hoa.

Trống chiêng đánh càng to, vọng mãi về làng Chèm, làng Vẽ. Một ông quan Thị lang bộ Lại hồi hưu ở làng Gạ, cạnh làng Chèm, sốt ruột cũng phải thốt lên:

- Trống chiêng vinh qui gì mà rùm beng lâu thế không biết. Cái làng Mỗ, lâu nay mới có một ông quan vinh quy nên bày vẽ thật đến điều!

Tháng 5 năm Canh Ngọ (1690) ông vâng lệnh triều đình làm Phó sứ, cùng Chánh sứ Nguyễn Danh Nho sang sứ nhà Thanh. Hai quan chánh, phó sứ rất hợp ý tâm đầu. Khi về Nguyễn Quý Đức được thăng Tả thị lang bộ Lễ, làm Bồi tụng ở phủ Chúa. Chúa Trịnh Căn hết lòng lo việc nước, ông luôn được châu chực bên cạnh, nhiều bản tấu hợp ý Chúa nên được đặc biệt tin dùng.

Mùa thu tháng 7 năm Giáp Tuất (1694) xảy ra vụ giáng chức hai quan Thị lang bộ Lại là Nguyễn Danh Nho và Ngô Sách Tuân. Nguyễn Danh Nho vốn là bạn đi sứ cùng ông, nên khi được nhà Chúa giao việc chuyển bổ các chức quan trọng có chú ý đến Nguyễn Quý Đức. Nhiều người làm quan trong triều nhất là những kẻ vốn có thể lực không được bổ nhiệm, thăng chức có ý oán trách. Họ khiêu tố với Chúa Trịnh rằng hai quan Thị lang bộ Lại thuyên bổ các quan chưa đúng tài năng và bàn xét không được thoả đáng. Nguyễn Danh Nho thiên vị cho Nguyễn Quý Đức, còn Ngô Sách Tuân thiên vị với hai người học trò. Chúa giao cho triều đình xét bàn. Nguyễn Danh Nho bị biếm làm Tả thị lang bộ Hình còn Ngô Sách Tuân thì chuyển làm Tham chính tỉnh Lạng Sơn. Để minh oan, Ngô Sách Tuân còn tố cáo Tham tụng Lê Hi khi còn ở bộ Lại đã tư vị cho con mình là Lê Thuyên và học trò là Lê Hình, dựa vào những chức tước không đáng. Nguyễn Quý Đức cũng bị Ngô Sách Tuân tâu với Chúa là thì thọt với Lê Hy để được chức Tả thị lang bộ Lễ... Nguyễn Quý Đức lặng yên không nói gì cả. Nhiều người bảo ông làm bản tấu dâng lên Chúa để tỏ bày phải, trái. Ông chỉ nói: "Điều

tôi không làm, bị vu cho, trước sau sẽ tỏ rõ, chỉ sợ tôi không phải là hạng chính nhân thôi!".

Quả nhiên sau khi các quan văn võ luận bàn, những lời của Ngô Sách Tuân không đúng sự thực, Sách Tuân bị giáng nữa, làm Đô cấp sự, còn Nguyễn Quý Đức được làm Tả thị lang bộ Lại. Sang năm Ất Hợi, niên hiệu Chính Hoà (1695) Chúa Trịnh lại cho ông làm Đô ngự sử.

Ít lâu sau, ông lại dính dáng đến chuyện kiện tụng. Số là con em của ông có nhận hối lộ của một người đi kiện về tranh chấp đất đai ở vùng mười ba trại. Người đi kiện muốn thắng, tuy đã có lý, có nhân chứng, nhưng vẫn chưa yên tâm. Vốn cùng người làng Đại Mỗ, họ đến nhà con cháu Nguyễn Quý Đức cậy nhờ, và biếu quan Đô ngự sử ba mươi lạng bạc. Sau khi xem xét đơn kiện, lại thấy người cùng làng, ông bảo người cháu ruột đem trả lại bạc cho họ. Vụ kiện được xử thấu lý đạt tình, nhưng bên thua kiện lại là con cháu của vị quận công nên họ lại cậy nhờ, cho là bị xử oan ức. Việc kiện tụng đến tai Chúa, Chúa triệu Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Nguyễn Quý Đức cứ thực tâm bày, cả chuyện họ cho bạc và đem trả lại, nhưng Chúa cười mà hỏi:

- Ông trả bạc nhưng có nhận một chiếc áo vóc đại hồng, có không?

Nguyễn Quý Đức thưa:

- Khải Chúa, tấm vóc đại hồng ấy, thần có nhận, bởi nghĩ cho cùng giá cũng chẳng là bao. Thần năm lần bảy lượt cố từ, nhưng họ nói đấy là lòng quý trọng mến mộ của họ chứ không hề có chuyện đút lót, không nhận họ không về, nên thần đành chịu. Từ lúc nhận đến giờ vẫn áy náy, để nguyên đấy, chưa hề giở ra xem.

Chúa bảo:

- Kiện tụng bao giờ cũng lăm chuyện rắc rối. Đã thanh liêm thì thanh liêm đến tận cùng, nhận áo mà làm gì, khanh thế là cũng chưa hết nhẽ.

Nguyễn Quý Đức ứa nước mắt, tạ ơn chịu là Chúa nói phải. Nhân việc này Quý Đức bị giáng xuống ba cấp, bấy giờ, chuyện mới yên.

*

Năm Tân Mão, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ bảy (1711), Chúa An Vương Trịnh Cương cai quản phủ Chúa. Trịnh Cương muốn đem dòng nhánh của mình tách ra, lập đền thờ riêng trong Thái Miếu.

Triều đình bàn tán xì xào, nhưng không ai dám đứng ra làm bản tấu để ngăn cản. Biết ông là người thẳng thắn, lại đang chức Tế tướng, ngôi cao nhất trong hàng văn võ, nhiều người chí tình, khuyên ông nên sớm nói, đừng để Chúa gây ra sự đã rồi.

Nguyễn Quý Đức, ngồi nghĩ suốt đêm, sáng hôm sau, vào chầu Chúa. Lúc này An Vương Trịnh Cương đang vui, hỏi đùa:

- Tế tướng hôm nay có điều gì khẩn cấp mà vào chầu sớm thế?

Nguyễn Quý Đức, quỳ xuống, nói:

- Thần ăn lộc chúa, được hết lòng tin cậy, nên những việc có liên quan đến quốc gia đại sự, dẫu nói ra, dù có mang đại tội cũng không dám từ nan.

Trịnh Cương nói:

- Khanh là Tham tụng, phải như thế các quan trong triều mới noi gương mà nói thẳng những điều ta cần phải biết! Việc gì, cứ nói!

- Tạ ơn Chúa, việc thần nói đây chính là việc Chúa xây riêng đền trong Thái Miếu!

Chúa sững lại, giọng không còn bình thường nữa:

- Sao?

- Khải Chúa, việc xây đền riêng thờ Khang Vương (Trịnh Căn), có mấy điều không nên.

Chúa hơi bực nhưng vẫn cố nén, nói trống không:

- Những điều gì vậy?

Nguyễn Quý Đức định nói tiếp, thì Chúa đã đứng dậy phân trần:

- Ta được dự vào ngôi chúa, ông cha ta đều là những người có công với triều đình, với họ Trịnh cả, "dương danh ư hậu, dĩ hiển phụ mẫu", sao lại gọi là không nên được!

Nguyễn Quý Đức dâng bản tấu, và nói:

- Những điều cặn kẽ, thần đã mạo muội, nói hết trong bản tấu này! Chỉ xin được vấn tất, đem lòng sợ hãi khải lên Chúa rằng: Thái Miếu là nơi tôn nghiêm, đầu phải của riêng họ Trịnh, còn thờ các Vua Lê nữa, có phải muốn đưa ai vào cũng được! Những người được thờ trong ấy, phải đã từng lên ngôi vua ngôi chúa. Với họ Trịnh còn là tổ tiên khởi nghiệp hoặc là ông nội và người sinh ra Thánh tổ Triết Vương (Trịnh Kiểm). Nay Chúa đang cầm quyền, đưa một lúc ông, cha của mình vào thờ, thứ nhất, sẽ không còn trọng luật lệ từ trước, thứ hai không tôn chuyện sắc phong của Hoàng đế, thứ ba, người đời cho là lấy uy quyền mà át thể chế, muốn đưa ai vào Thái Miếu thì đưa, thứ tư, việc riêng của mình không thấu đáo, thì những việc lớn của thiên hạ làm sao thấu đáo được, thứ năm, trong ba vị Chúa định thờ riêng kia, đâu được một ngôi đền riêng, nhưng trong Thái Miếu bỗng thành tách biệt. Làm sang hơn ngôi đền chính ư? Hẳn là không được, thế là cái điều định đề cao, mà lại hoá ra làm thấp đi vậy. Thứ sáu, điều đáng lo nhất, ngay họ Trịnh phải đâu chỉ một nhánh trưởng, nhánh thứ nào truyền mãi ngôi chúa, nếu như nhánh của Chúa, sau này không truyền ngôi mãi được, nhánh khác ở vào ngôi chúa, có định lệ cũ, lại tự lập đền riêng, thế là Thái Miếu mất đi cái uy nghiêm nhất thống từ xưa đến nay...

An Vương Trịnh Cương tuy không hài lòng, nhưng thấy Nguyễn Quý Đức nêu những chuyện không thể không xem xét thêm, liền cầm lấy bản tấu, rồi bảo:

- Được, để ta đọc kỹ bản tấu của khanh đã...

Chúa đọc hai ngày, bàn thêm với các quan Bồi tụng và đại thần khác, rồi cho triệu Tham tụng Nguyễn Quý Đức vào, phủ dụ:

- Lời can của khanh, ta đã ngầm nghĩ kỹ. Việc này quả là cũng thật tế nhị. Thôi không lập đền riêng thờ Khang Vương, Quốc Tể công, Tham Tể công cũng được, nhưng bây giờ khanh có kế gì khác, để ta tỏ lòng hiếu với ông cha trước bá quan văn võ được không?

Nguyễn Quý Đức tâu:

- Thân nghĩ, Quốc Tể công đã được phong Lương Mục Vương, Tham Tể công cũng được phong Tấn Quang Vương. Khang Vương ở ngôi chúa để trong Thái Miếu đã đành rồi, còn hai vị sau đều là dòng đích trưởng, đức dày còn mãi, lúc sống cũng có công trạng thì cũng đưa vào Thái Miếu thờ được, song bàn thờ, vì không dự vào ngôi Chúa, nên thấp hơn một chút.

Chúa à lên vui vẻ:

- Phải phải, nên như thế, nên như thế!

Từ đó càng yêu và trọng Nguyễn Quý Đức, đến nỗi ông xin cáo quan hai lần, Chúa vẫn không cho. Đã vào tuổi "cổ lai hy", ông cũng muốn một vài năm hưởng thú an nhàn, nên lại làm tờ Khải Chúa bằng được. Chúa gọi vào bảo:

- Lão thần giỏi giang được nhiều người nể phục như ngươi, ở ngôi Tể tướng, thì những người giỏi khác mới phục được. Nếu ngươi thấy mệt mỏi thì lấy thêm các đại học sĩ vào phủ Tham tụng để họ đỡ dần công việc cho.

Nguyễn Quý Đức, dập đầu đến rỏ máu, thưa:

- Thân ở ngôi cao Tể tướng, lại già nua, không thể không có người ghen ghét. Vả lại triều đình người hiền tài đâu phải hiếm. Thân xin Đại vương tổng quốc chính thể tình, để được học đòi lời răn của Lão Tử: "Tự biết là đủ thì không nhục"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nguyên văn: Tri túc, vô nhục.

Chúa biết không giữ nổi liên cho về trí sĩ, ban thơ, tặng xe ngựa và bổng lộc, yêu mến rất hậu.

Khi về hưu, ông rong chơi: danh lam thắng cảnh, dựng đình "Lạc Thọ" bên dòng sông quê nhà, lại tạo thêm cảnh suối rừng cùng các bậc lão trượng, văn nhân trong vùng xướng hoạ, có lúc bơi thuyền dọc sông, xem thả diều trên đê, lòng vô cùng thanh thản.

1999

Quan đốc trấn về kinh

Chúa An Đô Vương Trịnh Cương, xem rất kỹ lời nghị luận của Đề hình Nguyễn Công Hãng:

"Thiết nghĩ, việc xử kiện thì pháp luật đã định rõ điều mục, nhưng quan xử án thì đâu có theo! Bọn hào lý thì khinh nhờn phép nước. Vì vậy kiện cáo ngày thêm nhiều, gian phi ngày càng lắm, dân ngày càng đi đến chỗ cùng khổ. Nay nên làm rõ điển chế cũ, tuyên bố thi hành. Thẩn nghĩ, nên duyệt khắp các quan lại, cũng tùy theo mức giới chấp pháp mà ban thưởng: ai dạy bảo, chăm dân giỏi, bớt hẳn giấy tờ kiện cáo, thì xếp vào hạng nhất, viên quan nào xử án thích đáng không sai, không đòi hỏi, phiền nhiễu dân, xếp vào bậc thứ hai. Có lời khiếu, xét kỹ, thấy sai, oan không phạt kẻ bị tố oan, xếp vào bậc thứ ba. Như thế có thể giữ được sự công bằng trong sạch. Đến như xử kiện thì tố tụng phải theo thứ tự, cấm kêu kiện vượt bậc, ba lần xử đều y như nhau thì cấm đòi xét xử một cách càn rỡ. Kẻ nào gửi gắm người trong nội phủ để thỉnh thác, thì tùy nặng nhẹ mà khép tội, để răn bọn hào phú cậy cửa. Kẻ vu cáo thì khép tội nặng để răn việc hãm hại. Kẻ ra sức kiện cáo thì phạt để răn tính hung dữ, ngoan cố. Kẻ thuê dặt đơn kiện thì khép vào tội điều toa. Ai liên tục khiếu nại sai thì nghiêm phạt để ngăn việc gửi gắm, kiện tụng... Xử kiện tất phải cho sao chép lời luận tội ngay ngày ấy để chặn sự diễn đảo, yêu sách gian trá. Khám tù tất phải đến nhà ngục kiểm điểm, xem xét người bị giam, để bỏ cái tệ tự tiện tha tù. .. Đến như việc sai người đi không đúng chức vụ, hoặc móc ngoặc với người trong cửa quan, hầu mệnh, hoặc chạy chọt ở chốn

quyền thế, mạo tên công sai, đến nơi thì bắt bậy, phao vu, dọa dẫm để lấy tiền bạc, người bị hại nếu như đem việc ức hiếp kêu lên, thì kẻ giả thác công sai lại không cho quan ty được tra khám, bắt người bị hại ấy về giam đánh, bắt ức họ phải đền bồi, tạ tội; có người đến khuynh gia bại sản mà không biết kêu vào đâu. Như vậy đũa cậy quyền, cậy thế kia, ngăn cản quan Hữu ty làm việc không thể không trừng trị nghiêm khắc. Nay nên lấy điểm chương cũ có sẵn, ban bố trong ngoài, răn bảo kỹ càng, lại sai các ty sao chép đem yết thị, khiến cho mọi người đều biết điểm chương hiến pháp không thể trái được. Quan lại sẽ noi theo thì hành, quân dân e sợ né tránh, người phạm pháp ngày càng ít đi, án kiện dần dần xong hết. Đó là làm rõ lệ xét xử để thanh thoả việc từ tụng vậy".

Chúa đọc xong khen:

- Hay lắm! Hay lắm!

Rồi quay sang hỏi quan Tham tụng:

- Nguyễn Công Hãng đỗ khoa nào ấy nhỉ, khanh có nhớ không?

Quan Tham tụng thưa:

- Khải Chúa, Hãng người làng Phủ Chận, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Canh Thìn, là người giỏi và trẻ nhất khoa ấy!

- Thảo nào! - Chúa nói.

Từ đấy có ý muốn thử tài Nguyễn Công Hãng để dùng!

*

Mùa xuân năm Quý Ty (1713), hạn hán rất lâu, đồng đất nứt nẻ, có chỗ nứt cả bàn chân lọt sâu vào kẽ nứt. Những dòng sông cạn có chỗ chỏ nhảy qua. Thóc gạo cao vọt, đám lưu dân từng lũ, từng đàn, từ tỉnh này qua tỉnh khác như kiến chạy lụt. Dân chúng phải chà hoa cỏ, tước vỏ cây, đào củ mài, củ bầu ăn lấy sống người.

Nguyễn Công Hăng mặc áo nho sinh vì hành ra đường, người bám đến xin tiền. Hăng hỏi một cụ già:

- Trông cụ không đến nỗi nào, sao lại đi ăn xin.

Cụ già hỏn hển nói:

- Thưa ông, tôi, nhà cũng có vài mẫu ruộng, nhưng gặp nạn đói, con cháu đông, chỉ một tháng đầu đã vợi một nửa. Họ hàng bu đến vay, chẳng lẽ mình lại không cho vay! Thương người thì vạ đến thân, tháng thứ hai dốc đến hạt thóc cuối cùng... Những tưởng trời mưa xuống. Nào ngó gió, gió khô, trời hanh kéo dài, ruộng đầm cũng kiệt nước. Chiêm trở nghen đồng. Lúc này, dốc sức vét từng giọt nước; ao, hồ, đầm cũng cạn kiệt. Đành bán ruộng cứu người. Hai mẫu ruộng không nổi hai tạ thóc. Nhà giàu đổ thóc ra mua ruộng... Bán xong giữ vài sào chờ mưa. Nào ngờ, hè sang, trời vẫn chốc cũng chẳng ra một giọt nước. Nhà lão, mười người chết bảy, chết đói chết dịch đủ cả. Cố không đi ăn xin, nhưng còn một đứa con dâu, một đứa cháu trai mới sinh, đành đi xin nuôi con, nuôi cháu vậy.

Nguyễn Công Hăng hỏi đến chữ nghĩa, hoá ra cụ từng đỗ đến sinh đồ. Liền lấy thóc cho mấy học, an ủi cho về...

Khi về, Hăng vào khải với Chúa từ canh năm. Chúa nghe nói rõ tình hình bảo:

- Có chuyện nhà giàu ép nhà nghèo cơn hoạn nạn ấy ư. Bây giờ phải làm thế nào?

Nguyễn Công Hoãn thưa:

- Dân đói trông chờ ở vua ở chúa. Vua, chúa không ra tay cứu thì ai cứu. Nhà giàu có tiền, lúc này găm tiền, găm thóc... Nếu lấy thóc của nhà giàu của vương hầu ra bán rẻ hoặc phát chẩn cho trăm họ, thì dễ cứu được dân. Dân yên thì lính cũng yên. Lính là con em của dân. Mất lòng vương hầu nhưng được lòng dân chúng. Thần mong Chúa thượng có sách lược gấp.

Chúa nghe theo, họp quần thần bàn cách cứu đói. Những bậc quan bậc trung có nghĩa khí, đều hăng hái, dốc phần thóc, tiền ra góp công quỹ cứu dân. Đám nhà giàu bách, vạn thưng đấu thì chỉ góp hơn các quan chút đỉnh.

Hăng bàn với Chúa:

- Không cưỡng bức, không xong. Lính cấm vệ, cũng bốn chôn về người nhà li tán. Giờ chỉ giữ một nửa cấm binh ở kinh thành. Một nửa cho xuống các tứ trấn. Quân tứ trấn thì lấy xuống các tỉnh lân cận. Quân các tỉnh lân cận thì đưa các tỉnh xa hơn. Vua ban đại chiếu cứu dân đói, lời lẽ ân tình, buộc người còn thóc phải bỏ số thóc thừa ra cứu đói... Rồi, mở những cuộc phát chẩn tại chỗ, từng làng, từng phủ huyện... Gắng trong một tháng thế nào cũng có mưa!

Chúa nghe theo, cho thi hành. Nhà giàu, nhà quan đối sách khá gay gắt, song quân cấm vệ cũng khá quyết liệt thi hành lệnh chúa để cứu nhà, cứu làng họ, nên việc cứu đói rất hiệu quả... Dân chúng khóc nhận phần thóc; ruộng đáng phải bán rẻ bán thối đều giữ lại được, không phát mại cho nhà giàu.

Nguyễn Công Hãng lại xin Chúa cho chọn lúa, ngô tốt để làm giống, kịp gieo khi mưa xuống... Lại đem dây khoai ở các làng bãi xuống cho các làng, trồng ngay từ lúc chưa mưa.

Một tháng sau, mưa xuống, dân có giống, xoay xở rất nhanh. Mùa xuân ấy trả vụ... Dân nhớ ơn Chúa, thuế đóng róc róc, kho dựn lại đầy.

Chúa gọi Nguyễn Công Hãng ban cho một tấm lụa. Nguyễn Công Hãng thưa:

- Khải Chúa, dân chúng đã qua cơn đói, nhưng đám vương hầu, nhà giàu thì chỉ muốn róc xác Hãng này ra thôi...

Chúa hỏi:

- Sao khanh lại nói thế.

Hãng đưa những bức thư nặc danh, đám nhà giàu, nhà quan doạ giết, bắt đình chỉ ngay việc cứu đói không thì cả nhà không được yên cho Chúa xem. Chúa kinh ngạc hỏi:

- Có chuyện này ư?

- Khải Chúa, thần làm sao mà viết được hàng chục lối chữ trong các thư, giấy thả vào vườn vào nhà thần này. Có điều, dân đói lại bảo vệ cho thần, lính cấm vệ xả thân vì thần...

Rồi kể mấy lần chết hụt trong tháng cứu đói cho Chúa nghe.

Chúa ngồi yên, thần người không nói gì cả.

*

Nguyễn Công Hãng dâng kế cho Chúa, định lại các thuế tô, dung, điệu, đo đạc lại ruộng công, những ruộng bãi để ban cho lính và những người có công; lại hạn điền, chỉ để các vương hầu nhất phẩm, đến lục phẩm ruộng không quá mười mẫu đến ba trăm mẫu. Những việc này đều đụng chạm đến những đám tai to mặt lớn ở triều đình và các phủ huyện.

Về thi cử, Hãng cho rằng cần đem thể văn Bát cổ để thay thế lối văn Kinh nghĩa... Từ thời Lê Gia Tông (Trung hưng) thể văn Kinh nghĩa chia ra bảy tiết, từ câu phá câu thừa đến đoạn khởi (giảng)... khai (giảng), trung (cổ), hậu (cổ) và kết thúc là hết. Trong bài văn cử học kỹ những chú thích, nhớ lấy nghĩa, rồi mượn chỗ nọ, đắp chỗ kia vào cho đủ ý là được. Do đó nho sinh chỉ học như vẹt lấy những chú thích, nhớ lấy nghĩa là bằng lòng. Hồi đi sứ, Nguyễn Công Hãng có nghiên cứu hỏi kỹ lưỡng về khoa thi Minh Kinh ở nhà Minh, thấy phải đem lối văn Bát cổ vào trường thi mới thể tìm được người thực tài, thực học. Lối văn Bát cổ, tuy không lấy việc chính trị để bàn hợp ý Vua, nhưng nếu không có kiến thức uyên bác, không trải nghiệm ngoài đời, không thể làm được. Lối văn ấy không phải người học quán xuyên cả kinh truyện, thì không tài nào viết nổi.

Nguyễn Công Hăng lấy học trò Quốc Tử Giám để dạy văn Bát cổ làm mẫu. Quả nhiên ở trường giám, số nho sinh đến tập văn thưa dần. Nhưng đến khi đọc quyển, các quan tế tửu đều mừng rằng, người ít, nhưng sức học, tài văn thì lại cao hơn trước rất nhiều. Lối văn Bát cổ, lập ý, để chữ, chỉ có tài lạ mới làm được. Khoa thi Đông Các năm ấy, kỳ thi Kinh nghĩa được thay bằng văn Bát cổ. Các quan oái lên vì chưa quen, kêu rầm, la ó, chửi bới, đến tận tai Chúa, nhưng lại là khoa chọn được những bậc chân tài như Phạm Khiêm Ích, Vũ Công Trấn, Nguyễn Công Thái.

Chúa ban thưởng mũ áo đai bạc cho họ cười voi vinh quy về làng như tam khôi.

Đám đại thần thủ cựu thấy Nguyễn Công Hăng như cái gai trước mắt, liền dâng bản tấu lên Chúa cho Hăng lên châu xa, lấy cớ biên trấn đang cần người tài. Chúa biết Hăng có tài, song sức ép của các thân vương, Quận công cũng dữ, bởi họ đều bị mất quyền lợi vì Hăng, nên cũng xuôi tai, nghe theo. Chúa sai Đỗ Bá Phẩm ban chỉ dụ đến cho Nguyễn Công Hăng. Hăng vào châu Chúa, thưa:

- Những thể chế các đời Chúa trước, thiên về thời chiến do cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, mà có điều chưa khuyến khích được sức dân làm giàu. Thần muốn gần bên Chúa để đưa tân pháp vào giúp ổn định lại thế nước. Nay Chúa nghe bọn thủ cựu sai thần đi trấn nhậm cõi xa, khác nào tách chúa, tôi ra khỏi nhau... Xin Chúa nghĩ lại.

Chúa Trịnh Cương phủ dụ:

- Đốc trấn Cao Bằng Nguyễn Khắc Thuần không được lòng dân, Nội Mật Viện bàn cử khanh lên đấy... Ta khuyên khanh hãy lên đó làm hết sức mình đã, rồi sau hãy hay.

Nguyễn Công Hăng đành nghe theo. Hăng lên đến nơi, xem xét dân tình, trị bọn làm loạn, bọn những nhiều, hiếp dân, chỉ mấy tháng dân tình yên ổn. Lại đem điều ban hành về tâu, dung, điều ở kinh đô, đem thực thi ở nơi trị nhậm. Năm ấy được mùa, việc buôn

bán ở hai bên quốc giới đều phát triển, trấn Cao Bằng bỗng chợ đông, sản vật nhiều, kéo theo được nhiều người miền xuôi lên giao lưu, buôn bán.

Còn ở kinh đô, công việc lại trì trệ, Chúa biết lời nói của Nguyễn Công Hãng là đúng. Chúa rất cần Hãng ở bên mình liền mật chỉ, đưa gấp lên cho Hãng. Trong mật chỉ có đoạn:

"Từ ngày khanh lên biên trấn, ta có chân tay mà cũng bằng không. Việc biên trấn đã yên, càng tỏ rõ thực tài của khanh. Giờ đây, khanh đã trở thành nguyên khí của quốc gia, được thụ phải về ngay triều đình để đảm nhiệm trọng trách khác, chớ phụ lòng ta..."

Nguyễn Soái Tổng Quốc Chính

An Đô Vương".

Nguyễn Công Hãng được chỉ dụ vội đóng ngựa lên đường ngay. Dân Cao Bằng thấy quan Đốc trấn về kinh, đứng hai bên đường khóc xin giữ lại. Nguyễn Công Hãng xá lại, có lúc phải xuống ngựa, đôi hồi, nửa ngày mới ra khỏi trấn.

Canh Thìn 20-9-2000

Hảo hán Đồ Sơn

Nguyễn Hữu Cầu sinh ra đã nghịch ngợm. Mẹ nói: cha Cầu vốn dân chài Đồ Sơn, rất khỏe, coi khinh sóng gió mà lại không hay gặp nạn. Thấy thuyền, thấy người bị bão tố cuốn, không bao giờ bỏ hội bạn mà về. Vì thế mà cả vùng đều yêu mến. Khi sinh Cầu có người dặt cả trâu đến biếu, hàm ý tạ ơn. Ông nói:

- Ta đi biển, thuyền mới là con trâu nước. Chứ trâu, ta lấy làm gì. Nhưng thôi, được thàng con trai, để mong nó giỏi giang, vẫy vùng trên biển cả.

Khi nhìn ra con trâu khách biếu quả là đẹp. Liên bảo:

- Con trâu này sắp đến hội chọi, đem đi chọi được đấy. Để ta giặt cái giải rồi mừng con ta đầy tháng luôn.

Ông ngắm con trâu rất kỹ, rồi khen:

- Con này mặt dữ, trán gồ, sừng cánh ná, khoang khoáy đóng chuồng rất nghiêm chỉnh, duy chỉ có một khoáy dưới khoáy thiếu phá cách, lại thêm hàm nghiêm, tóc tát, dái xoắn, cu thâm... Được, được lắm!

Liên giao cho người nhà chăm sóc. Năm ấy, chọi trâu được giải, nhưng con trâu bị thương. Thương con vật, ông sai chăm sóc rất tử tế, rồi lấy giống để giữ giống trâu khỏe và đẹp. Từ đó, hội chọi trâu nào, ông cũng dặt trâu đi chọi và thường được giải.

Khi lớn, Nguyễn Hữu Cầu trông càng rắn rỏi, khỏe mạnh. Kỳ đua chài nào, Cầu cũng dẫn đầu đoàn chài của làng, giặt giải hết năm này sang năm khác. Cầu cũng mê chọi trâu. Từ ngày bỏ

chết, giải chọi trâu Đồ Sơn mồng 9, tháng 8 làng Cầu bị trâu làng khác tranh mất giải. Cầu mới mười bảy tuổi, một hôm ngược thuyền lên sông Bạch Đằng, rẽ vào Ninh Giang, chiều đến thấy một con trâu, đánh nhau với một con trâu khác, lông lên giữa đồng. Hai con trâu chạy đến đâu người dạt ra đến đấy. Con được đuổi con thua, quyết không tha. Con thua bị dồn vào chân vách núi, cùng đường, quay lại liều chết, húc lại con thắng, rồi xoay thế húc thẳng vào họng bên kia. Con thắng bị đau dừng lại, con thua lại chạy thoát. Con thắng lại cố đuổi quay trở lại vào cổng làng, không ai dám ngăn. Lúc bấy giờ đang lúc tầm buổi chợ cá, hai con trâu đâm xam lao thẳng về phía chợ. Mọi người kêu thét lên. Cầu đang uống rượu, chạy ra nhìn thấy, nhanh trí thấy cái thang nhỏ để ở đầu hồi, Cầu cầm lấy, chờ con trâu thua chạy qua, con trâu thắng tới, liền quăng thang móc trúng vào sừng trâu... Con trâu sừng vướng thang, khựng lại, luẩn quẩn gỡ không được, con trâu thua tạt ngang xuống đồng. Cả chợ thoát cơn hú vía. Ai cũng phục Nguyễn Hữu Cầu là giỏi. Người có trâu đuổi kịp, lạy Cầu hai lạy, rồi nói:

- Hôm nay không có anh, thì nhà tôi bán cả nghiệp không đền nổi khi trâu xông vào chợ. Thôi tôi biếu anh con trâu này!

Cầu ngắm con trâu, thấy mặt trâu ngắn, gân guốc, nhìn dưới cổ thấy có ba vết khoang rất đẹp. Đôi mắt trâu nhỏ, vừa qua cơn đấu, trông đỏ rực như hòn than. Vòng ức cao, đuôi chai, chệnh ngà (sừng), ngắn quăn, cứ ngắm trâu mãi, chẳng chú ý đến lời cảm tạ của chủ trâu, đầu Cầu gật gật có vẻ ưng ý lắm.

Người chủ trâu nói:

- Anh thích con trâu này, thì tôi xin biếu anh. Nó chỉ về tay anh thì mới trị nổi.

Cầu được mời về nhà uống rượu. Hai người rất tâm đắc. Hôm sau, Nguyễn Hữu Cầu tạ từ về sớm, dắt theo con trâu. Cầu bảo người nhà đánh thuyền xuôi về Đồ Sơn, còn mình thì cưỡi trâu, tắt

đường về nhà... Con trâu rất dữ, nhưng khi Cầu tiến đến, phóng mắt nhìn thẳng vào mắt trâu, cười ha hả:

- Mắt mày đỏ, mắt tao cũng đỏ... Xem mày dữ hơn hay tao dữ hơn nào.

Trâu gặp mắt Cầu cúi mặt xuống không dám nhìn nữa. Cầu đến cầm trục, vỗ vỗ vào đầu, rồi nhảy lên mình, quất nhẹ mấy cái, giục đi, trâu ngoan ngoãn lên đường, trước sự kinh ngạc của gia chủ...

Năm ấy, Cầu dắt trâu đi chơi hội, liền giết giải về cho làng...

*

Cầu thụ học quan Đốc học làng Am, có tiếng thông minh. Cùng học có Phạm Đình Trọng. Trọng tính khí thận trọng, ít nói, lạnh lùng. Thầy giảng gì cũng vâng nghe, rồi khi tập văn làm đúng theo ý thầy, nên lần nào bình văn, bài của Trọng cũng được bạn bè đem ra bình mẫu.

Bữa ấy, văn của Phạm Đình Trọng lại được đem ra bình. Đó là một đoạn văn sách, thầy ra, có câu đề là "Tiềm long", nghĩa là rồng náu. Phạm Đình Trọng tự đọc bài văn của mình, giọng rất cao, có vẻ dương dương tự đắc:

"Nghiên ruộng bút cày, anh đồ nọ chi đa văn không ngại khó; kìa Mãi Thần, Mông Chính có lẽ nghèo dài, rồi cũng bổng cánh hồng ư bĩ cực thái lai chi hội.

... Còn trong trần lụy, anh đồ là vị vũ chi giao long (rồng chưa gặp mưa) may khoa thi mà kim bảng đề danh, tức hôm nọ chi hàn nho (học trò nghèo), nay đã bảng nhãn, thám hoa chi dài các...

Huống chi: Kinh sử lâu thông, anh đồ chi tài học, đã sẵn tài kinh tế; tuy có dài lưng tốn vải, bây giờ đã đai vàng áo gấm chi bảnh bao.

Tài năng rất mực, anh đồ chi duyên phận, gặp được lúc long vân (hội rồng mây); tuy có ăn no lại nằm, bây giờ cơm Chúa, vồng dào chi chĩnh chén.

Gương trời vắng vặc, sáng soi nhà vàng gác tía chi linh lung.

Lộc nước liên miên, súc tích gấm cuốn vàng cân chi ban cấp...".

Bài văn của Phạm Đình Trọng được thầy gặt gù thú vị lắm. Khi bình, mấy cậu học trò tằm thường lại nương ý thầy, bình tán, bốc lên đến tận mây xanh. Chỉ riêng Nguyễn Hữu Cầu ngồi mặt lạnh như tiền, đôi lúc lại nhếch mép cười, cử chỉ rất ngạo mạn.

Phạm Đình Trọng rất khó chịu, nhưng làm ra vẻ khiêm nhường, liền nói:

- Anh Nguyễn Hữu Cầu, văn của tôi thế nào, anh cũng là người bình văn rất tài hoa, xin cho một vài lời chỉ giáo.

Nguyễn Hữu Cầu đưa mắt nhìn Trọng rồi lễ phép đến trước mặt thầy giáo nói:

- Thưa thầy, nếu con có những ý kiến trái ngược với bạn bè có được không ạ?

Thầy nói:

- Văn chương phải có người bàn đi, nói lại mới vỡ vạc ra điều hay chưa nhận biết được. Cứ nói!

Cầu tiến đến vỗ vai Trọng:

- Anh vốn là người khuôn thước, nên cái gì cũng ép mình trong những khuôn, thước có sẵn. Khuôn thước dẫu cần, nhưng nhắc lại những lời cũ nghìn năm, thì có gì là hay. Đoạn văn của anh, đọc nghe ra véo von, chữ nghĩa đối nhau chan chát, vẽ trên vẽ dưới, ai làm sao bắt bẻ được. Song ý tứ thì hàng nghìn năm nay, chứ không nói gì vài trăm năm trở về đây, người ta đã nói mãi về cái kiểu "anh đồ như con rồng ẩn thế này rồi", tôi chẳng thấy gì mới cả. Thời của ta, thế của ta khác, trời đất, núi sông, năm tháng khác, sao

lại cứ phải đội lên đầu những thứ chữ nghĩa cũ nát tự bao giờ. Thú thật với anh Trọng, tôi nghe không chịu nổi, chẳng lẽ đứng dậy bỏ đi nên nán ngồi lại, để giữ lễ với thầy với anh và với lớp...

Phạm Đình Trọng, mặt tái đi, nhưng miệng vẫn ngọt ngào:

- Anh Cầu thật ý tứ khác người. Trọng này xin lĩnh hội.

Miệng nói thế, trong bụng, Trọng hận Cầu lắm. Thầy học thấy Cầu ngỗ ngược, ý muốn để Cầu kiếm chế bớt, liền bảo:

- Hữu Cầu, con chê Phạm Đình Trọng là người chỉ dập khuôn sáo cũ. Vậy con có gì mới mẻ chẳng? Con có thể làm một bài văn sách như Phạm Đình Trọng không?

Nguyễn Hữu Cầu nói:

- Thưa thầy, thể văn sách con không giỏi. Con xin được làm thơ ạ!

Thầy ngẫm nghĩ rồi nói:

- Cũng được. Nhưng con làm thơ luật chứ?

Cầu gãi gãi đầu rồi nói:

- Thưa thầy, con vốn ghét gò bó, thầy lại bắt con làm thơ luật, con làm thế nào được ạ.

- Thế anh định làm thơ gì?

- Dạ, con chỉ quen làm thơ ca trù thôi ạ...

Các học trò bấm nhau cười, có anh biết Cầu thích cô đào trẻ ở làng Đông, liền cười to hơn hết. Thầy mắng, bảo học trò phải im. Thầy nói:

- Được, thơ nào cũng được, miễn là phải hay!

- Xin thầy ra đầu đề cho ạ!

Nhân có con hoạ mi bị nhốt trong lồng, thầy chỉ vào bảo:

- Đấy, đầu đề đấy, con làm đi.

- Dạ, "Chim trong lồng" ạ!

Thầy gặt đầu. Cậu học trò bé nhất nhanh nhẩu đem nghiền bút và giấy bản trắng đẹp ra.

Cầu nói:

- Em cất đi! Ta không cần. Ngày trước Tào Thục bảy bước thành thơ. Ta đứng nguyên chẳng cần bước nào cũng có thể đọc ngay được đây!

Rồi tự vỗ tay cao giọng hát:

Chim trong lồng

Nhất lung thiên địa tàng thân tiểu

Vạn lý phong vân cử mục tân⁽¹⁾.

Hỏi sao, sao luy cơ trần

Bận tài bay nhảy, xót thân tang bồng.

Nào khi vỗ cánh rửa lồng,

Hát câu thiên túng trong vòng lao lung⁽²⁾.

Chim oanh nọ vẫy vùng giậu bắc,

Đàn loan kia, tức tắc càn nam

Mặc ai, Đông ngữ Tây đàm⁽¹⁾

Bay thẳng đến muôn trùng tiêu hán⁽²⁾

Phá vòng vây bạn với kim ô⁽³⁾

Giang sơn khách diệc tri hốt⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Một cái lồng trời đất nấu mình, coi là nhỏ. Muôn dặm gió mây, tròng mắt ngóng hoài.

⁽²⁾ Nơi giam hãm

⁽¹⁾ Nói Đông nói Tây.

⁽²⁾ Tầng mây tít trên cao

⁽³⁾ Mặt trời

⁽⁴⁾ Giang sơn này khách đã biết rồi!

Đám học trò thấy thơ hay, giọng Cầu lại cảm khái, người đứng ngậy há hốc miệng kinh ngạc, kẻ thì vỗ tay tán thưởng. Riêng Phạm Đình Trọng thì mặt vẫn lạnh như đá.

Thầy cười quở:

- Anh Cầu giỏi nhưng là người khó ai rèn cặp được.

*

Năm ấy dê vỡ. Huyện Trường Tân có mấy nhà buôn lớn, kẻ buôn gạo, người buôn muối dầu cơ tích trữ, nâng giá muối, giá gạo, dân tình nheo nhóc. Cả một vùng đói khát, ly tán, chạy dạt cả sang phía Đồ Sơn. Có người chết đói, chết bệnh, mẹ chôn con, vợ chôn chồng, cháu mất ông ở dọc đường, rất khốn khổ.

Nguyễn Hữu Cầu tập hợp tráng đinh lại cùng với một số chiến hữu cùng chí hướng, lấy của nhà ra phát chẩn, nhưng chỉ cứu được một số người. Vốn cương trực, nóng nảy, Cầu hội quân thuyền lại nói với mọi người:

- Sinh ra trên đời, dọc ngang trời đất, chính là lúc này. Dân tình khốn khổ, lái buôn vụ lợi, Vua quan bỏ dân, ta không ra tay còn chờ lúc nào.

Rồi đem ba mươi thuyền nhẹ, mỗi thuyền ba mươi hảo hán giỏi đánh trên nước, trên cạn, đi thẳng về phía huyện Trường Tân, lên phủ đường, trối quan huyện dẫn đi trước, rồi buộc y đến nhà bọn lái buôn bắt xuất gạo, xuất muối... Chúng đóng cửa kho, sai gia nhân chống cự, Cầu nổi giận thúc chiến binh, chiến thuyền vào, giết sạch lũ một dân, đem hết gạo muối xuống thuyền, đến những nơi ty nạn phát không cho dân chúng. Lại cho đóng cọc tre, trối bêu nắng quan huyện giữa sân huyện đường, trên gáy, cắm một thẻ dài có dòng chữ: "Huyện quan bất lực, bỏ dân cầu an, trả lại cho bọn vua lười, chúa kém. Không bỏ giết".

Từ đấy, tiếng quan tướng Nguyễn Hữu Cầu nổi như cồn, tráng đinh tỉnh Đông, theo rất nhiều. Cầu lấy Đồ Sơn làm căn cứ,

thiết lập soái phủ, chọn tướng và những người tin cậy bên, thấy đâu dân chúng xiêu linh, thì cho quân đến cướp huyện, cướp phủ, hoặc đến làng giàu, lấy của nhà bọn tham quan, ô lại, trọc phú, chia cho dân nghèo.

Quân của Nguyễn Hữu Cầu xuất quỷ nhập thần. Mỗi khi đi đến đâu, từ tướng đến quân đều úp mặt nạ đầu trâu lên đầu, xông vào tử chiến, gây khiếp hãi cho bao người, lại giữ được không để cho ai dễ nhận mặt.

Cầu xưng là Quận công, lại là người đất biển. Vùng Đồ Sơn lúc ấy rất nhiều cá he, lành mà bơi lội giỏi, nên dân chúng tôn kính xưng tôn là Quận He.

Quân triều đình đã mấy lần đến vây đánh, nhưng Nguyễn Hữu Cầu rất khôn ngoan, hay dùng kế nghi binh. Có lúc quan quân của Chúa Trịnh thấy thuyền đậu san sát, người đi lại mang giáo mác, cung tên nhộn nhịp, liền cho bủa vây, thúc quân vào đánh, thì nơi đó, chỉ là mấy chiếc thuyền nát, mấy đám dân chài bệnh tật do Cầu chiêu tập làm kế nghi binh. Quân triều đình tra hỏi, không ai chịu hé răng, đánh thế nào cũng không tra được một nguồn tin nhỏ.

Khi quan quân nhà Chúa rút, lúc đầu sợ bị đánh úp, quân tiền quân hậu, tiền hô hậu ứng rất uy nghiêm. Nhất là, qua những vùng bãi sông lau lách hoặc có sông nhánh, ngồi lạch lại càng chú ý.

Cho đến khi mọi nguy hiểm tưởng qua, quân kéo về gần đến tỉnh, trống hiệu trỗi nổi, lại là lúc thuyền phía trên áp xuống, thuyền phía dưới bơi lên, vây đánh toại tả quân của quận Nguyễn quận Trịnh ngay trên sông Phú Lương rồi lặng lẽ rút đi vào lúc trời mờ tối.

*

Thanh thế của Nguyễn Hữu Cầu rất lớn, triều đình rất lo ngại. Chúa Trịnh sai Phạm Đình Trọng đem quân của triều đình, mộ trai tráng bốn huyện Kinh Môn, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại, gom quân

lại đánh. Trọng là người cẩn thận, cho quân đóng bên này sông Ninh Giang, lại sai bọn lính thân cận, kẻ đội nón lá mặc áo toi, kẻ giả làm quân cờ bạc, lái buôn vượt sông dò xét hang ổ của Nguyễn Hữu Cầu, nhưng Cầu thoát ở đây, đã thấy ở nơi kia, lúc ở tỉnh Đông, thoát đã về Kinh Bắc, không biết thế nào mà theo vết tích.

Trọng liền cho tướng thân tín, bắt tin xin gấp, lấy cớ là bạn học xưa. Cầu cũng lặng thinh không nói. Trọng không biết làm thế nào, liền sai người đem dán những bức thư, bề ngoài như thể nhân danh thầy gọi học Nguyễn Hữu Cầu tỉnh ngộ, nhưng bên trong thực ra muốn truy tìm Cầu mà ngầm giết. Bởi Phạm Đình Trọng cho rằng giết được Cầu, thì các cuộc tụ nghĩa của dân nghèo miền biển, vùng núi, ở trong đất liền cũng đều tan cả.

Có người lén thấy được bức thư ngỏ đưa cho Nguyễn Hữu Cầu. Cầu giở ra xem. Thư của Phạm Đình Trọng viết:

"Hiệp trấn thống lĩnh quân vụ họ Phạm gửi thư cho giặc cỏ Nguyễn Hữu Cầu. Xita nay, nghĩa quân thần (vua tôi), phụ tử (cha con), phu phụ (vợ chồng) đã tạo ra giường mối của thiên hạ, không ai không theo. Vậy mà giặc cỏ Nguyễn Hữu Cầu, dựa vào đám dân đen phản loạn, dám đem càn châu chấu chống lại cỗ xe lớn, tội thật đáng phanh thây, vứt xác ngoài đồng. Ta vâng mệnh vua, chinh phạt kẻ ngông cuồng. Ai biết Cầu ở đâu, giết đem nộp, sẽ được thưởng một ngàn lạng bạc, sẽ được ban tước bát phẩm, nếu ai cất giấu tên Cầu, sẽ bị liên lụy, ắt không tránh khỏi tội chém đầu.

Nếu bắt được hay chém được Nguyễn Hữu Cầu, chỉ việc đến huyện, phủ đường nơi gần nhất mà lĩnh thưởng...

Tướng chinh phạt Phạm Đình Trọng".

Cầu nhận được thư chỉ cười, hôm sau cho người đem cút trâu hất đầy lên những bản cáo thị rồi lại cho người bắn tên vào trong dinh của Phạm Đình Trọng. Trọng giở thư ở tên ra đọc:

"Quan tướng Đồ Sơn Nguyễn bảo cho thằng nhãi Phạm Đình Trọng hay biết:

Vua chúa bỏ dân nheo nhóc. Mùa màng thất bát, lụt cao đê vỡ, người chết đói ngay cạnh dinh phủ chúng bay, lỗi đó tại ai? Chính sự phiền hà, bọn tham quan, ô lại bên nhà giàu, xử oan cho người ngay thẳng, lỗi đó tại ai? Dung túng cho bọn con buôn, gặp lúc tình hình đói kém, nâng giá gạo, giá muối khiến người gặp nạn không chết cũng chết, không ốm cũng ốm, lỗi đó tại ai?...

Người từ đâu mà ra... Làng người đó, bao nhiêu người chết vì đói, vì dịch tả, người có biết không mà họ hàng nhà người, cậy giàu, cậy sang còn mua rẻ lúa non, ăn chặn người nghèo lúc đói kém để gom về ruộng đất, vườn tược, người không cứu giúp cho làng được nửa đồng kẽm, nửa cân thóc còn lên mặt nói đạo lý với ai.

Ta nay, vì dân nghèo nổi dậy, chỉ mong đòi mạng một lũ mũ cao, áo dài vô ích, đưa những người tâm huyết lo cho dân lập lại đúng ngôi thứ, đó mới thật hợp với lòng dân...

Mặt nạ đeo mờ hãy trút ra khỏi đến ngày thiên hạ lột ra, phơi bày phũ phàng túi cơm giá áo. Có giỏi thì đem quân đến cửa biển, quyết chiến một phen..."

Phạm Đình Trọng xé thư, tức lắm. Song Trọng khôn ngoan, cho thuyền cầm người nộm, mặc áo lính, cầm giáo, tiến ra nơi Cầu hện giao chiến, nhưng lại cho quân mai phục ở hai bên sông và phía trước phía sau vây ép... Cầu biết thừa mưu mẹo ấy, cho một toán quân nhỏ, cũng đem hình nộm đến vây, đợi khi quân Trọng xô lại vây đám quân nghi binh của Cầu, Cầu mới lại từ phía sau phía trước, các đôi gò liên kế với quân Trọng đánh mai phục, đánh cho quân quan triều đình toi tả...

Bữa ấy, Phạm Đình Trọng phải mở một đường máu mới thoát chết.

Khi vừa hoàng hôn, về đến nơi an toàn, lại thấy có tên bán vào cửa gỗ, mở ra thấy có một bài thơ:

Cầm quân hạng bét, Phạm ranh con

Một trận sơ sơ đã mất hồn.

*Mặt tái khác chi gà cắt tiết,
Sờ đâu không biết mất hay còn...*

Phạm Đình Trọng tức uất lên, thét to:

- Nguyễn Hữu Cầu, ta thề không đội trời chung với mày.

Vừa lúc đó thì Trọng lại thấy tin cấp báo:

- Nguyễn Hữu Cầu đã kéo quân vào huyện Tứ Kỳ, bắt quan phủ mở kho thóc cho dân chúng đem xuống thuyền chở về các làng mạc, chia nhau hết rồi...

Phạm Đình Trọng đập tay xuống bàn đồ cả bát yến sào người hầu vừa bưng lên cho Trọng ăn lại sức.

1997

Khách văn chương ở phường Khán Xuân

Lầu quán ở Khán Xuân, giáp Tây Hồ mọc lên rất nhiều. Đây là nơi du ngoạn của những người có tiền, những kẻ đào hoa phóng túng, hoặc đang có những u uất chưa cởi được. Những nỗi đau đời cần gặp một tri kỷ đôi hồi. Những văn nhân có tiếng cũng thường hay đến đây. Có cả những người có tiếng tăm như Chiêu Hổ, Nguyễn Án, người nổi tiếng đặt bút thành văn, hoặc những lão đồ gàn chữ ít nói nhiều, ồn ào quá mức.

Quán Cổ Nguyệt mới dựng lên, mà tao nhân mặc khách đã đông lắm. Nữ chủ nhân tung tích ở đâu, không rõ, tuy không đẹp mê hồn như những kĩ nữ, hoặc có tài hoa riêng nhờ giọng hát và cách sống buông thả phóng túng như cô Cẩm⁽¹⁾. Nàng Xuân Hương nhìn bề ngoài không cuốn hút lắm, nhưng càng nhìn càng ưa, bởi những nét rần rỏ khác thường trên khuôn mặt đàn bà, nét dạn dĩ của người từng trải. Nghe đầu Xuân Hương rất hay chữ. Chẳng thế mà ông Tri phủ Vĩnh Tường đã chết mê chết mệt về nàng, cưới nàng về bằng được bất chấp cả lời dị nghị.

Ông yêu nàng rất mực, rất chiều nàng. Ông đưa nàng du ngoạn ở khắp những danh lam thắng cảnh, nơi ông trị nhậm. Vùng đất của ông sát kề núi Tam Đảo, phía kia là thành Tam Đái, một dải đê - đất nấu ản của cánh đầu trộm đuôi cướp trên sông, phía bên phải là đám lục lâm, tản mát thì thành một đám

⁽¹⁾ Nhân vật trong *Long thành cầm giả ca* của Nguyễn Du.

cướp nhỏ, tụ hội thì thành Quận Hẻo, Quận He, triều đình đánh dẹp cũng còn khurót.

Từ khi quân Tây Sơn ra Bắc, lối ăn chơi khá hào hoa, họ thường sà vào những nơi đô hội ở bầm sáu phố phường, thì cái xóm ăn chơi ở phường Khán Xuân tĩnh lặng hơn. Từ ngày ông phủ Vĩnh Tường mất, miền Tam Đái không được yên ổn, nàng Xuân Hương bị gia đình vợ cả quan phủ ruồng rẫy. Tức khỉ, nàng bỏ hết, tay nải gió đưa, xuống thuyền về ngay kinh thành, mua một miếng đất, đứng ngay một quán hàng, cũng xênh phách, cũng rượu ngon, nhắm tốt. Cô dóc tiền rủ về được mấy cô đào hát cũng hay hay. Tính nét mau mắn, hay bông đùa, cho nên quán khách mới khai trương mà đã có nhiều người tò mò lui tới. Người nọ truyền người kia, chẳng mấy chốc mà hoá ra có tiếng.

Rừng mỡ có mấy ông quan thị, gặp buổi nhà Tây Sơn vào thành, Vua Lê ốm đau, các cung tần, mỹ nữ hầu hạ quanh Vua, loại cao không tới, thấp không xong, rồi hơi rủ nhau tìm đến Khán Xuân, lúc thuê thuyền chơi trên hồ, lúc vào quán trà dư tửu hậu, giọng nói eo éo, thơ thần phun ra rông rỗng toàn là thơ con cóc, mà cứ vỗ ngực khen hay. Xuân Hương không thể nhịn được cười khi thấy họ ra đầu đề thì nhau vịnh Quán Trấn Vũ. Một ông đọc:

Xem này Trấn Vũ quán đông vui

Táp nập vào ra đến lắm người

Tướng lớn đen sì ông hộ pháp

Hoá vàng đỏ loét lửa ma trời

Một ông khác nổi vằn:

Cây xanh mấy gốc trơ thân cụ

Voi đắp hai con vằn mấy vôi

Dẫm tiếng mõ chiều kêu lóc cóc

Ao chài cá mỡ thật tanh hôi.

Mấy ông quan thị ngâm nga, anh nọ khen anh kia tài ngang Lý Bạch, Đỗ Phủ, liền tiếp gọi thêm rượu, gọi bà chủ đến đọc thơ cho mà nghe, tay lại còn định bá vai, chộp ngực. Xuân Hương cũng phải chiều, nhưng trong lòng bầm bụng cười thầm. Vốn tài mẫn tiệp, nàng nhẩm ngay được một bài thơ về lũ nửa người nửa ngợm.

Bọn quan thị vừa ra bỗng có một người dáng thanh tú, đầu vấn khăn nhiễu tam giang chít chữ nhân, mặc áo thụng xanh, thắt đai đỏ, trông thật phong độ... Xuân Hương hơi giật mình. Nàng chưa thấy ai có đôi mắt đen mà sáng, vầng trán cao mà nhuần nhị đến như thế. Nàng chủ động cúi mặt chào:

- Đại quan nhân quá bộ vào trong nhà. Tiện thiếp rất vinh hạnh được người chiếu cố đến...

Chàng khoảng ngoài ba mươi tuổi, da trắng hồng, đầy đặn vẻ hào hoa của người đã lịch lãm ở đô thành.

Chàng nói:

- Có phải nàng là chủ quán. Nàng chính là Xuân Hương?

- Thưa ngài vâng ạ.

- Đừng gọi tôi thế, khách sáo quá. Tôi nghe nàng là phu nhân của quan phủ Vĩnh Tường, một vị quan phụ mẫu vào loại vịn vai đòi mà sống. Và nàng cũng là một bậc nữ lưu tài danh...

- Quan nhân cứ quá khen. Tiện thiếp vốn chỉ được theo đòi dăm ba chữ. Người đời yêu mà đồn đại thêm mà thôi.

- Tôi là Đình Hổ họ Phạm, bạn bè quen gọi là Chiêu Hổ.

- Ôi chào! Xuân Hương này hạnh phúc biết nhường nào. Gia thanh của quan nhân đất Hà Thành này ai chẳng biết. Tiện thiếp đã được trộm đọc những áng văn của ngài viết về cách thưởng trà, thưởng lan thật là sành, khiến đọc qua văn biết người, nay mới được thấy mặt.

Nàng đích thân đem rượu đến, rót mời Chiêu Hổ. Cách tiếp xúc với nàng khiến Chiêu Hổ thầm ưng ý. Bọn đàn bà ở trong phủ

này, phủ nợ thường làm ra vẻ quyền quý, mà đốt nát hợm mình. Những tiểu thư ở bầm sáu phố phường, người thì rụt rè, cổ lỗ, kẻ lại đài các, kiêu sa... Chiêu Hồ lặng ngấm nàng, càng nhìn càng ưa... chuyện trò ngày một mặn mà. Hai người có vẻ tâm đầu ý hợp, buổi sơ kiến đã nói gần hết cho nhau những điều mà đáng lý phải quen lâu mới nói. Vui chuyện, Xuân Hương lại kể đám quan thị vào chơi và đưa cả bài thơ họ viết dán lên vách cho Chiêu Hồ xem. Chiêu xem xong, cười âm lên, cười rất thích thú và nói:

- Bọn này cũng quấy quả nàng lắm nhỉ?

Xuân Hương nói:

- Mở quán thì phải chiêu khách, biết làm sao được thưa ngài. Xin ngài đừng cho là hỗn. Tiện thiếp cũng đã phải nhịn hết sức mới khỏi bật cười. Cái đám thơ thảo dỡ hơi, thân thể dỡ hám, lũ quan thị ấy, đã khiến thiếp nảy ra một bài thơ.

- Nàng đọc tôi nghe xem nào!

Nghe xong câu nói đã có chiều thân mật, Xuân Hương mỉm cười đọc:

Quan thị

*Mười hai bà mụ ghét chì nhau
Đem cái xuân tình vứt bỏ đâu.
Rúc rích thầy cha con chuột nhất
Vo ve mặc mẹ cái ong bầu
Đố ai biết được vòng hay tróc
Còn kẻ nào hay cưỡng với dẫu
Thôi thế thì thôi, thôi cũng được
Ngàn năm càng khởi tiếng nương dẫu...*

Vừa nghe xong, Chiêu Hồ vốn sành thơ bất ngờ thốt kêu lên:

- Trời ơi, hay quá! Hay quá! Xin nàng cho nghe thêm một lần nữa.

Xuân Hương rất mừng được Chiêu Hồ khen, nàng đọc lại. Bây giờ xem ra nàng có vẻ bền lễn. Nghe rồi, Chiêu Hồ thừ ra ngắm nàng. Ông lại hỏi:

- Chắc là nàng còn có nhiều bài thơ khác nữa?
- Cũng có, nhưng không nhiều lắm.
- Cho tôi xem có được không?
- Nếu được bậc danh gia chỉ giáo thì Xuân Hương tôi vinh hạnh biết chừng nào.

Nàng vào trong nhà lấy tập thơ chép tay ra, đưa cho Chiêu Hồ. Hồ định xem ngay, nhưng nàng ngăn lại, nói:

- Xin quan nhân đem về nhà hãy xem, mấy khi thiếp có dịp gặp gỡ như thế này.

Chiêu Hồ nhìn nàng, âu yếm nói:

- Nếu có một nữ sĩ tài sắc làm bầu bạn trong thời buổi nhiễu nhương này, chắc là tôi còn đến...

Xuân Hương rót rượu mời Chiêu Hồ, nàng cũng nhấp đôi chút để tiếp ông, rồi hỏi:

- Vừa rồi, Hải Thượng Lãn Ông từ Nghệ An ra làm khuấy động kinh thành về tài thuốc lẫn tài văn. Thiếp có đọc *Thượng Kinh ký sự*, rất chú ý đến những bài thơ. Ý tiên sinh thế nào?

- Đó là một ông già đáng trọng, nghề thuốc là đại danh y. *Thượng Kinh ký sự* ghi chép, nhận xét thế là giỏi. Nhưng thơ thì chán quá lắm.

- Theo quan nhân thì tài thơ ở trong nước này như thế nào?

- Tôi ít đọc thơ và thú thật ít giao du với các thi nhân. Ông Nguyễn Du em ông Nguyễn Khản ư! Ông Phan Huy Ích, ông Ngô Thì Nhậm ư! Tài của họ ghê gớm đấy chứ, nhưng họ còn mải vào đường chính trị. Tôi có đọc *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái, mới tình thật đẹp nghĩ mà thèm, thơ thế mới hay, còn như *Chiến tụng*

Tây Hồ phú, chẳng qua họ Phạm thích nhà Lê ghét nhà Tây Sơn mà cãi chầy cãi cối thôi...

Xuân Hương nhìn Phạm Đình Hổ đăm đúi, lòng nàng đang xao xuyến.

Chiều Hổ về đọc thơ Xuân Hương. Ông trăn trở suốt đêm không ngủ. Nữ sĩ có tài thơ ở nước Nam này đếm trên đầu ngón tay. Thơ của nàng chẳng giống một ai trước nàng, cùng thời với nàng và sau nàng cũng thế! Ông suy nghĩ lâu lắm. Mà con người thì có vẻ đanh đá, bất cần đời, lật ngược tôn ti trật tự giữa đàn bà với đàn ông, giữa sang và hèn, giữa thực và ảo, càng đọc càng hay, càng đọc càng phục.

Mờ sáng hôm sau, ông đã cầm tập thơ của Xuân Hương, gọi cáng đến phường Khán Xuân. Xuân Hương đêm qua trăn trở không ngủ yên. Cái dáng người phong nhã, uyên bác đã làm cho nàng xiêu lòng, mặc dù tang ông phủ Vĩnh Tường vẫn chưa hết. Nàng là người ghét lễ giáo nhất. Sao tất cả cứ ràng buộc người ta vào nghi thức. Con trở cha phải đứng ba năm, sau ba năm nổi tang thì cũng lại không được phép lấy chồng, lúc đó người con gái đẹp cũng hoá ra một kẻ lỗ thì... Như Xuân Hương cũng thế, được ông Phủ yêu quý là thế, nàng rất biết ơn, song cái cảnh ban ngày thì ông Phủ là của công đường, ban đêm là của bà cả, phận lễ mọn hẩm hiu. Đường đường một vị quan lớn, ông Phủ vẫn luôn luôn giữ nền nếp gia phong, tôn ti trật tự. Ông vẫn ngồi ăn cơm với bà cả, còn mình phận làm lễ vẫn phải cứ đôn đốc coi sóc quân hầu, đầy tớ. Mấy năm chung đụng, ông Phủ đến với nàng cứ lấm lét như người vụng trộm. Có buổi biết ông đang say mê thơ phú với nàng, bà cả lại bịa ra một chuyện gì đó, cho người triệu ông về để định liệu công việc, thế là ông lại phải đứng dậy ra về...

Chiều Hổ, xem ra là một người vừa nghiêm trang vừa phóng túng. Cái nhìn đăm đúi bữa qua, nhất là ông cứ đau đầu ngẫm nàng, chợt Xuân Hương có ý vừa nghiêm túc vừa phá phách. Nàng

chua chất nghĩ rằng, chắc vị quan nhân cũng rất mến mộ văn chương, và cũng có bề hấu gái... Nhưng ta nào đã bao giờ có tình yêu! Nàng nghĩ thế. Nếu như một cuộc tình ngắn ngủi với một người đáng dang hiến thì cũng hay lắm chứ!... Còn cái tang của ông Phủ ư! Đã yêu thì làm sao mà ngăn được...

Thấy Chiêu Hổ đến, Xuân Hương bối rối, rộn ràng hẳn lên. Nàng biết mình đã yêu. Buổi sáng quán không có khách Xuân Hương cho gọi trà cùng uống ở đầu hồi, rồi lại bắt con hầu đem rượu ngon ra uống. Chiêu Hổ lấy tập thơ của Xuân Hương ra, nhìn trước nhìn sau, không thấy ai, ông nắm lấy tay nàng mà nói:

- Không ngờ Chiêu Hổ này lại được là người đầu tiên đọc tập thơ này. Đọc rồi cứ ngỡ nghĩ rằng, nàng sống chắc là khổ lắm?

Xuân Hương cảm động, không rứt tay về. Nàng nói;

- Làm sao mà quan nhân biết?

- Thơ chính là tiếng nói tự đáy lòng mà thốt ra, giấu nổi ai đâu. Bây giờ tôi mới hiểu những lời mà trong đám tao nhân, mặc khách đàm tiếu về nàng.

Xuân Hương cảm thấy dễ chịu, nàng thấy Hổ cũng là người thành thực. Nàng hỏi:

- Người đất Long Thành nói gì về thiếp?

- Họ truyền tụng thơ nàng, nhiều người chép tay. Người thì phát khùng lên, không chịu nổi, cho là thơ dâm ô, trác táng... Không những họ ghét nàng, ghét thơ nàng, mà ghét cả ai ca tụng và chép thơ nàng nữa.

- Còn quan nhân thì sao?

- Sao nàng còn phải hỏi? Làm được một bài thơ hay đã khó, huống chi tự mình lại đặt được một lối thơ riêng không giống bất cứ người nào!

Hồ Xuân Hương cảm động lắm. Chiêu Hồ đã đoán nhận những nét giao cảm. Ông ngắm nhìn nàng, cái nhìn đắm đuối của người tài gặp người đẹp. Bất chợt ông nói:

- Chúng ta là những người đi khác luồng những người đang sống. Người thì hám quan chức, kẻ thì hám tiền tài. Chúng ta sống bằng chữ nghĩa, vương giả với chữ nghĩa; hợm hĩnh, kiêu bạc bằng chữ nghĩa, cho nên người đời nhìn ta bằng những con mắt nửa trọng, nửa ghét, nửa muốn chơi, nửa muốn hại... Ngay cả cái đám văn chương rôm, tưởng là ở phía chúng ta, mà kỳ thực lại là lũ ong tay áo, nàng thấy thế nào?

Xuân Hương sững sờ, nhìn Chiêu Hồ đắm đắm. Nàng biết không cưỡng nổi mình nữa. Nàng rót rượu cho Chiêu Hồ, nhưng ông đã cầm tay nàng kéo về lòng mình mà nói:

- Tôi chắc rằng nàng cũng đơn thương độc mã như tôi...

Và ông ôm ghì lấy nàng.

Xuân Hương nhìn ra, khẽ đẩy tay ông, mặc dù nàng thấy ấm áp. Nàng khẽ nói, giọng rất dịu dàng:

- Đùng, quan nhân, em ngại lắm! Em đang có tang chồng!

Nhưng Chiêu Hồ đời nào chịu buông nàng ra...

Cuộc đi lại giữa hai người ngày càng dày. Xuân Hương thâm khấn Trời xui khiến mình trở lại đất Long Thành để có những giờ phút trước đây mình chưa bao giờ có. Trong số đông bà bác, chữ rửa thơ nàng, thì có một số người khác hết sức mến mộ. Nàng đã thấy ngay ở quán rượu của nàng, đã có những cuộc cãi lộn và cái thói hiếu thắng của đám sĩ phu, có lần suýt nữa gây ra ẩu đả. Nhiều người đến quán rượu chỉ để xem mặt nàng, mong xướng họa cùng nàng. Quán của nàng đông hơn hẳn các quán xung quanh. Trò đời, hơn ai một chút là dễ bị kẻ mất phần ganh ghét, hướng hồ nàng lại giành của họ cả tài lẫn danh. Nàng bất chấp. Có Chiêu Hồ là nàng có tất cả... Tuy nhiên, nàng cũng biết người, biết của, khéo chiều. Những ai mến mộ đến với nàng bao

giờ nàng cũng tiếp đãi rất ân cần chu đáo. Đối với khách văn chương có thú chơi tao nhã, nàng lấy tiền rượu, tiền nhấm với chút ít lời lái... Bởi thế, quán của nàng lúc nào cũng đông khách, từ sáng sớm cho đến tận khuya.

*

Đạo này quan Tổng trấn Bắc Thành ra sức thay mặt triều đình vỗ về dân chúng, chiêu mộ sĩ phu Bắc Hà... Lòng người vẫn còn tiếc nhà Lê, song với các đám sĩ tử không thích nhà Tây Sơn thì có dịp ra làm quan, để kiếm lấy một thế đứng trong giới thượng lưu. Nghe nói Chiêu Hổ cũng là một trong những người được quan Tổng trấn trọng tài và lưu ý. Cuộc đi lại ngắn ngủi khiến cho Xuân Hương như một người hụt hẫng, nhất là từ khi *Vũ trung tùy bút* được văn nhân Bắc Hà coi như một áng danh văn, Chiêu Hổ ít khi lui tới đến nàng. Ông hay giao du với những đám nhà sang, quyền quý. Nghe đâu, quan Tổng trấn đã dâng sớ lên Nhà vua, tuyền ông vào Quốc Sử Quán... Ông càng ra sức giữ tiếng. Hồ Xuân Hương nghĩ chua chát, nhưng chẳng nói ra... Quán của nàng, sau một thời gian lui tới của kẻ sĩ, giờ đây vắng dần... Đám tao nhân mặc khách ít đi, thì cái đám phàm phu, tục tử lại sa đà. Nàng phó mặc cho đám quần gia, người giúp việc lo liệu tất... Nàng đã hết tang ông Phủ, về quê lo giỗ chạp, cát táng chu tất rồi mới trở lại với phường Khán Xuân. Nàng buồn lắm. Thơ của nàng hình như cũng trĩu nặng một nỗi buồn riêng:

Canh khuya vắng vắng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non;

Chén rượu hương đưa say tỉnh lại

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đám toạc chân mây đá mấy hòn

Ngán nỗi Xuân đi Xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con.

Các đám quan lại bữa nọ bị nàng chọc cho vẫn còn thù. Sau khi biến đổi liên miên, có một gã có điền trang lớn ngay ở khu Mười ba trại. Hắn đã cho gia nhân đến đốt quán. Xuân Hương một đêm trắng tay... Cái mà nàng giữ lại chỉ có một chút bạc trắng... Đạo này đang đeo đuổi nàng lại có Tổng Cóc. Nhà gã giàu, cũng là một gã biết ăn chơi, Tổng Cóc người đất lúa, lấy lúa mà lo quan chức, mua danh vọng, mua ruộng; nay thả chim, mai mở hội chài, dỡ đầu cho một đêm hát ả đào trên sông... Gã lại đen đúa khó coi, người lại ngắn, nên có người ác miệng gọi là Tổng Cóc, và thế là thành tên. Tổng Cóc xấu người tốt bụng lại chết một Hồ Xuân Hương. Cóc hay lán la ở quán của nàng, nhiều lần bị đám văn nhân, sĩ tử trêu chọc. Nhưng Tổng Cóc đem tiền, đem tre gỗ của mình dựng lại quán cho nàng, lại xui gia nhân mang đến năm mươi lạng bạc để nàng làm vốn, nàng rất cảm kích... Gần đây Tổng Cóc lại câu hôn... Hàng quán ế ẩm, văn chương đạo này cũng ít người ham hố bàn luận như lúc trước. Thương nhân mọc lên như nấm, đám quan lại theo triều Nguyễn từ hàng trong ra, thường bận bịu về việc quan, lại tiết kiệm, ít ném tiền qua cửa sổ như các quan chức thời Tây Sơn. Quán Văn chương của Hồ Xuân Hương kém hẳn các quán rượu có hầu gái non do mấy mụ Tú Bà từ đâu mới mở làm ô uế cả phường Khán Xuân, vốn xưa nổi tiếng là xóm phong lưu hơn là xóm nguyệt hoa... Xuân Hương buồn lắm. Tổng Cóc vẫn đeo đẳng da diết. Thân phận lỡ thì biết làm sao. Tứ cố vô thân, làm ăn hụt hẫng thua lỗ, bạn cũ tình xưa đều chảnh mắng, biết làm thế nào. Xuân Hương những hôm vắng khách chỉ ngồi ở chiếc bàn buổi đầu tiên Chiêu Hồ gặp nàng mà uống rượu một mình. Nàng sợ hãi đến nỗi không giở cả đến những bài thơ của mình, đặc biệt là những bài thơ xướng họa với Chiêu Hồ, mà nàng coi như báu vật thiêng liêng nhất của đời nàng.

*

Nàng nhượng lại quán, định đi một cuộc ngao du sơn thủy, rồi sau này ra sao thì ra. Quán nàng đóng im ỉm. Quen lệ. Tổng Cóc

nhớ Xuân Hương, đem gia nhân đến chơi, đã thấy quán cũ phá đi, người không còn đấy nữa... Chủ mới là một mụ béo phì đang hối hả dựng quán mới. Cái lầu *Cổ nguyệt* đơn sơ nhìn ra Hồ Tây, phía trước có vườn, có cây cảnh, có chỗ ngồi thưởng nguyệt ngâm thơ đã bị phá đi cả...

Tổng Cóc giẫm chân than thở:

- Ta chỉ chậm chân một chút mà lỡ hết việc... Nhưng ta nhất quyết phải tìm, tìm cho được nàng...

Và lập tức con người hào hoa, tâm thành ấy đã làm một cuộc săn tìm, theo dấu vết của một bóng người ông hằng mến mộ... Cuộc săn tìm lúc xuống thuyền, lúc lên bộ cũng long đong, trở trêu như duyên phận của hai người.

1994

Cọp gấm trong rừng văn

Trong dinh quan Tuần phủ họ Phạm ở tỉnh Sơn Tây có một khu vườn khá đẹp. Ở đó có đủ cây, đá, hoa chim của vùng Tam Đảo. Chim thì có, gà lôi mồng đỏ, trĩ trắng, công... Hoa cúc khoảng mười loại, đào bích, đào phai cứ Tết đua nhau nở. Lại có những cây ngô đồng hoa đỏ chói đặt trên những chậu men chàm đất tiền... Những hòn đá lửa được dân biểu hoặc quân lính khiêng về hình thù rất khác nhau. Chiếc thì giống như chiếc mũ chải, chiếc thì như một đại tự trời khắc sẵn ra... Quan tuần phủ có khách quý đến đều dẫn khách ra thăm vườn.

Cậu con trai nhỏ, sáu tuổi, vốn được cưng chiều. Bà bảo mẫu không lúc nào rời. Bà quê ở Hưng Yên, được chọn theo hầu quan tuần. Cậu trai nhỏ nhưng lại tên là Hồ⁽¹⁾. Đám trẻ con gặp Cậu quen gọi là Tiểu Hồ. Có đứa gọi luôn là Hồ Còi... Còn gia nhân muốn nịnh quan tuần nên gọi cậu là Chiêu Hồ. Chiêu Hồ lúc bé, tính khí đã thất thường, lúc thích thứ này, lúc thích thứ khác... Thứ nào ngon chưa chắc đã ăn. Phải là những thứ ăn lạ. Chẳng hạn cơm giò, cơm chả, cá, thịt không thích, nhưng được đi chơi núi thì lại hái đầy túi me đất và sim để ăn. Mà cậu bé cứ ăn một quả sim lại ăn một quả me. Bà bảo mẫu bảo:

- Cậu ơi, Cậu ăn thế này chỉ làm khổ ta thôi! Đau bụng thì chết.

Chiêu Hồ nói:

⁽¹⁾ Phạm Đình Hồ sống ở đời Lê, sau mới làm quan với triều Nguyễn.

- Dì cứ để con ăn! Ăn một quả chua, một quả ngọt mới rõ cái chua, cái ngọt của từng thứ!

Mới sáu tuổi đầu, ăn nói đã đâu ra đấy. Bà bảo mẫu thường thưa lại với quan tuần, ngài vui lắm càng chú ý đến Chiêu Hổ. Có lúc xoa đầu con, ngài nói với vợ:

- Trong mấy đứa con, khéo thằng này nổi được nghiệp thi, thư đây!

Một bận, thấy Chiêu Hổ ham đọc sách, bỏ cả chơi, bảo mẫu hỏi:

- Này chú Hổ xinh xắn của ta, lớn lên con định làm gì?

- Dì ơi, là con trai thì phải giúp đời, trị nước. Người theo ngành văn thì phải đỗ trạng, làm đại thần. Theo ngành võ thì phải làm Quốc công hoặc tước hầu vạn hộ...

- Thế Hổ theo văn hay theo võ. Hổ thì phải giỏi võ rồi phải không?

Bảo mẫu hỏi đùa. Chiêu Hổ chun mũi lại, ngúng nguẩy:

- Không, con không thích cưỡi ngựa, múa gươm, thứ ấy ai khoẻ, chịu khó luyện đao, cung, quyền, khí công là được. Con không thích!

- Vậy con thích gì?

- Con chỉ thích làm sao văn thơ thật nổi tiếng để lại cho đời thôi!

Hai "mẹ, con" đang đùa nhau thì quan Tuần đến. Ngài nhìn thấy bát canh còn nguyên, mà quyển sách thì vẫn ở trong tay đứa con út, trong bụng rất vui, bèn nói đùa:

- Này con hổ nhỏ của ta kia... Hổ thì phải ăn thịt chứ. Sao lại cứ ngồi ngón sách ấy! Liệu thành con một sách hay sao?

Hổ sợ cha, vội lấy và đưa sách lại cho bảo mẫu. Quan tuần chạy đến bồng con và nói:

- Cha nói đùa thôi, nhưng con mê sách đến quên ăn là không được. Có thực mới vực được đạo. Câu ấy cũng là từ sách con ạ!

Chiêu Hồ nghe cha nói, gật gật đầu.

Chiêu Hồ vốn là một cậu ấm nghiêm nghị. Cậu không ham hố vào ăn chơi. Cậu cả say làm ăn ở đất kinh đô, cậu hai thì ham hố vào chuyện thi cử nối chí cha, còn Chiêu Hồ, từ khi quan tuần mất, vẫn lấy thú vui đọc sách, ghi chép, đàm luận với những bậc tài giỏi cao khiết làm tâm đắc.

Hồ có thể trào dềo lội suốt lên tận chùa Thanh Mai, gặp các đại đức để bàn về kinh Phật. Cụ cử Thanh Lâm, ông Nghè làng Bịu, Hồ đều đến thỉnh chữ cả. Dầu quan tuần đã mất, song trong nhà cũng còn khang trang lắm. Nhà mấy nếp, nội tám, trung đường, gồm bảy gian vốn là nơi quan tuần trước vẫn lui tới, nhà tiếp khách ở phía Tây cũng bằng gỗ lim, năm gian. Trước mặt là một chiếc ao nhỏ, bó gạch cổ và đá đồng. Trong ao thả sen. Mùa hè, dầu hương Tây, gió đưa hương lên vẫn mát và mang theo vị ngát nhẹ rất dễ chịu của loài hoa đẹp và sang nhất trong mùa.

Xung quanh ao nào ngâu, nào hồng, nào mẫu đơn, nào nhài, thi nhau đua nở cả bốn mùa. Chiêu Hồ hay nằm tềnh và ngồi bên án ở đây, đọc sách suốt ngày! Lúc nào mỏi lại phóng mắt nhìn ra cánh đồng, lắng nghe tiếng sáo diều vi vút hoặc những tiếng hát dân già vọng đến. Có khi tha thẩn bên ao sen. Có lúc tựa gối xếp, gương mặt hoan hỉ say ngấm đắm mực đồng đuối trâu phía đường ngoài rào, vừa đi vừa hát. Có đứa thì cuốn lá thổi toe toe trong niềm vui hồn nhiên thú vị. Buổi tối, đốt bạch lập, giở thơ Đường ra đọc. Bài nào hay cao giọng ngâm lên rồi ghi trong tiềm thức những câu tuyệt diệu. Có lúc đem bộ trà, chiếc ghế nhỏ, đặt ấm chén trên tường hoa, nghe lá dừa xào xạc, hoa dừa rơi như những hạt mưa ngọc lấp lánh ánh trăng.

Đọc sách hay thì thú trà, thú sen, thú trăng, thú trời đất, Hồ cũng quên tất. Có quan án sát họ Trần vốn là bạn của cha cứ mỗi bận đến là gọi:

- Nào con hổ nhỏ của ta. Người đã chén hết mấy xe sách rồi...

Rồi bắt Hồ đứng hầu bên cột hỏi nghĩa sách. Quan án hỏi từ Kinh Dịch sang Kinh Thi, từ Luận Ngữ đến Trung Dung. Lại hỏi thêm về những đoạn hiểm hóc ở bách gia, chư tử. Hỏi đến đâu, Hồ trả lời đến đó, rất trôi chảy. Một bữa quan án nói đùa quan tuần:

- Thằng con của huynh nó ăn gì mà thông minh thế. Tôi đổi cho anh cái thằng út nhà tôi nhé. Nó cũng giỏi nhưng so với thằng Hổ nhà huynh chỉ bằng cái móng tay!

Quan tuần trả lời:

- Cháu Hồ học thầy ở trường, còn ở nhà tự học lấy cả...

Chiêu Hồ là con quan mà chẳng thích lao mình vào các cuộc hành lạc. Khi quan tuần mất, một mình ở nhà trông nom một dinh cơ lớn, nhà cửa to lớn, thóc lúa đầy kho, tiền bạc cũng không đến nỗi thiếu thốn, song người ta ít thấy Chiêu Hồ có mặt ở trong sông bạc, ở các xóm ca lâu, hoặc kiệu vờng lân la ở những nơi hội hè đình đám...

Hồ chỉ nghiện sách và nghiện trà...

Ông nghề họ Vũ sang chơi. Ngồi đàm đạo với Chiêu Hồ, bèn hỏi:

- Tài học như đại huynh, sao không ra thi cử để thiên hạ biết đại danh?

- Ông có đọc lời kinh của quẻ Khôn không? - Chiêu Hồ hỏi.

- Quẻ Khôn có hàng chục lời kinh, huynh hỏi lời nào?

- Lời kinh thứ tư. Bàn về chữ Hanh!

Vũ Tiến sĩ sợ chưa hẳn đúng, liền nói:

- Có phải là câu này chăng? - "Hàm, hoàng, quang đại, phẩm vật hàm hanh".

Chiêu Hồ khen:

- Ông cũng thuộc lòng Kinh Dịch đấy nhỉ?

- Huynh sống theo lời kinh này thì khác đời là phải.

- Hàm, hoàng, quang, đại, nghĩa lớn lắm, ứng dụng vào đâu cũng được. Hàm chỉ sự bao dung được mọi thứ. Hoàng là sự quảng bác, chẳng gì là không thể biết. Quang là ánh sáng chiếu rọi đến tận hang cùng ngõ hẻm. Đại có nghĩa là sự lớn lao không đâu không toả che tới... Đó chẳng là nghĩa của lời kinh thứ tư trong quẻ Khôn bàn về chữ Hanh đó sao?

Quan Nghè vái Chiêu Hồ mà nói:

- Cùng tám chữ mà sức học người là nước ruộng cấy, người là nước của đại dương, đệ thật báỉ phục.

Chiêu Hồ cười hỏi lại:

- Quan Nghè bàn thêm về lời kinh này xem sao!

- Xin chỉ giáo thêm!

Chiêu Hồ vỗ vai quan Nghè họ Vũ nói:

- Tôi đâu dám khoe chữ với anh. Song, cái thú đọc sách, mình nhần được một câu hay, không thể không nói cho bạn thân nghe được.

Quan Nghè nói:

- Chữ nghĩa của anh bao giờ không thấu đáo!

- Lời kinh thứ tư của quẻ Khôn ứng cho vua, cho thường dân được cả. Vua có đủ bốn chữ hàm, hoàng, quang, đại chắc sẽ là minh quân. Dân thường có được bốn chữ hàm, hoàng, quang, đại chắc hẳn thư thái ung dung, mà đời sau này phúc ấm đến tận con cháu! Vì thế mới gọi là bàn về chữ Hanh.

- Anh hiểu nghĩa sách sâu thế, sao không mở trường dạy học.

Chiêu Hồ nói:

- Mỗi người một nghề, làm thầy thì phải dạy cho học trò hiểu đạt, công sức dồn cho sự truyền thụ kinh, truyện của thánh hiền. Chí của tôi khác kia.

- Chí của anh là gì?

- Làm sách, để lại những kiến thức của riêng mình tìm bới, học hỏi cho đời.

- Tức là chữ thư, lập ngôn!

- Đúng là như vậy!

- Như vậy quan bác định làm Quận công trong rừng văn chương rồi còn gì?

Chiêu Hồ khiêm nhường, kêu lên:

- Không dám! Không dám!

Năm Minh Mệnh thứ hai, Hoàng đế ra Bắc tuần. Vua muốn vời các chí sĩ đất Bắc, Phạm Đình Hổ cũng được vời đến.

Vua Minh Mệnh hỏi:

- Thầy là con quan, học giỏi, sao không ra làm quan với nhà Nguyễn.

Phạm Đình Hổ thưa:

- Có tài thì tất sẽ được dùng. Các đề vương xưa nay đều dùng được người tài cả. Nhưng Chiêu Hồ này chỉ được thiên hạ quá yêu mến cho những từ đẹp chứ tài làm sao bằng các người khác được.

Minh Mệnh nói:

- Ông định trốn đời ư? Hay ông ngại là đã ăn lộc nhà Lê cũ?

Phạm Đình Hổ sợ vãi mồ hôi, vội nói:

- Tiên Khảo (cha) thân có ăn lộc nhà Lê thật, nhưng đã mất từ lâu. Còn thân chắc không có duyên thi cử. Đã một lần đi thi, bằng vàng không chiếm nổi, do đó, đành ở nhà viết sách...

- Ngày mai, ông đưa một vài cuốn sách cho ta xem.

Hôm sau, Phạm Đình Hổ dâng lên Vua hai cuốn. Một là cuốn *Hì kinh trác lãi* bàn về Kinh Dịch, hai là cuốn *Vũ trung tùy bút*, ông mới viết được khoảng ba phần, còn thiếu một phần mới hoàn tất...

Minh Mệnh được hai quyển sách, càng đọc, càng cuốn hút. chong đèn đọc thâu đêm suốt sáng. Riêng *Vũ trung tùy bút* thì Nhà vua đánh dấu vào những trang tâm đắc. Sáng hôm sau, Vua lại dậy thật sớm, bảo quan thị thân đem đồ trà ra pha, rồi gọi đại thần là Phan Bá Đạt đến cạnh bên mà bảo:

- Ông nhấp một chén trà đi rồi đọc đoạn này cho ta nhé!

Phan Bá Đạt vâng lời. Uống một chén trà buột miệng khen:

- Muôn vàn đa tạ Thánh thượng, cho thần uống được chén trà buổi mai ngon quá!

Phan Bá Đạt cao giọng đọc:

- ... *Ta thường cùng với người đàn anh cùng làng là Tô nho sinh dạo chơi chùa Vân, pha trà uống, hoặc trèo lên gò phía tây xóm ấy, rồi múc nước suối pha trà uống chơi. Trông thấy cảnh mây nổi hợp tan, chim đồng bay lượn, cùng với cây cỏ tốt tươi hay tàn tạ, hành khách lại qua, ta thường thường gửi tâm tình vào câu ngâm vịnh... Sau đó, Tô nho sinh mất, ta uống trà mà nhớ bạn không người!*

Đức vua bình:

- Uống trà không có bạn tri kỷ thì cũng kém ngon, quả là thế!

Phan Bá Đạt đọc tiếp:

- *Từ đời Khang Hi trở về sau, uống trà Tàu mới đổi ra pha nùng chén nhỏ, mỏng, khi pha mới nổi hương vị. Vòi ấm thẳng thì nước không động, mặt đĩa phẳng thì than lửa không bốc nóng quá, lòng ấm siêu lồi lên và mỏng thì sức lửa dễ thấu, chóng sôi. Gắn dây chế ra thứ siêu đồng cũng khéo, nhưng kim khí bị hoả khí nó hấp hơi, thường có mùi tanh đồng, không bằng siêu đất nung, pha chè tốt hơn.*

Vua Minh Mệnh gật gù:

- Người này có một lối nghĩ thấu đáo, từ chữ nghĩa, thú ăn chơi đều bàn đến chân tơ kẽ tóc. Còn đoạn này nữa. Khanh nghe nhé!

Vua đọc:

- Trà Tàu thú vị ở tính trà sạch sẽ, hương trà thơm tho. Buổi sớm gió mát, buổi chiều trăng trong, với bạn rượu làng thơ cùng làm chủ khách mà ung dung pha ấm trà Tàu thưởng thức thì có thể tỉnh mộng trần, rửa được lòng tục...

- Khanh thấy đoạn văn này thế nào?

- Trà ngon Vua ban lại được uống khi bình một đoạn văn hay thì Thánh thượng ban ơn lớn cho thần rồi còn gì nữa.

Vua Minh Mệnh đắc chí cười ha hả...

1997

Cuộc gặp mặt ở phủ Tây Hồ

Ở làng Tây Hồ, bỗng nhiên mọc lên một quán nhỏ. Người chủ là một cô gái nhan sắc lạ thường, lại có tài nhả ngọc, phun châu. Quán mở được ít lâu thì tiếng đồn về tận kinh thành. Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan, vốn là người đa cảm. Một bữa quân hầu vào nói:

- Thưa quan Trạng, có việc này lạ lắm!

- Sao lại lạ?

- Dạ, người bán quán con thấy giống hệt nàng sơn tiên quan lớn gặp, mà còn nhắc mãi ở dọc đường khi đi sang sứ Trung Hoa...

Phùng lẩm nhẩm:

- Ô, có lẽ nàng là Vân Cát thân nữ chăng?

*

Ngày hôm ấy, Phùng Khắc Khoan ở phủ đường về, liền cho thuyền xuôi Tây Hồ... Thuyền từ phường Khán Xuân, đi một chập đã đến vùng sen bát ngát, lúc ấy sương mù phủ xuống, bờ nước chỉ còn phân biệt giữa chất đậm nhạt của sen tàn, cỏ biếc. Quán nhỏ treo một chiếc đèn lồng, đề ba chữ nhỏ: "Sơn nhân cổ nữ quán". Phùng lẩm bẫm:

- Sơn nhân cổ nữ quán tức là quán của người con gái cũ kỹ ở miền núi. Thôi đúng rồi, lại là Liễu Hạnh biến hoá về đây chăng?

Phùng bảo gã lính hầu thân cận:

- Chú nói đúng! Đây đúng lại là quán Liễu Hạnh rồi.

- Sao vậy, thưa quan lớn!

- Này nhé, đem chữ Sơn ghép với chữ Nhân chẳng thành chữ Tiên ư! Lại đem chữ Cổ ghép với chữ Nữ chẳng là chữ Cô ư! Sơn nhân cô nữ quán, chính là Tiên Cô quán, tức là quán Tiên Cô vậy!

Viên quan hầu vốn là một gã ở vùng quê có thói nói trạng, được Phùng Khắc Khoan yêu quý, liền lém lỉnh nói:

- Con thấy muốn bán được hàng thì cứ phải nói sột sệt luôn trong đó có gì ví dụ Quán thịt chó, Quán rượu, Quán cơm, Quán cháo... thì mới đông khách, chứ chữ nghĩa bóng gió thì chỉ có mấy thằng đồ xác, rùng chữ nghĩa mới vào.

Phùng vui cười:

- Vậy là anh nhạo ta là loại thầy đồ xác đấy hả?

Viên quan hầu vội gãi tai, cười láu:

- Dạ, con có đâu dám vuốt râu hùm.

Phùng lại cười:

- Thế là ta từ thầy đồ xác lại biến thành hổ rồi đó!

Vốn rất hợp nhau, nhiều lúc quan Trạng lại hết sức rộng lượng, nhất là những lúc chỉ có hai thầy trò trên đường.

Phùng nhớ lại. Kỳ di sứ Trung Hoa, đến nơi đầu núi ở Lạng Sơn, cạnh một toà miếu đồ có một quán nước nhỏ bé. Những quả đào, những đĩa xôi, và một chén rượu. Quán đặt dưới ba cây thông, phong cảnh rất hữu tình. Đằng sau chỗ ngồi của nữ chủ quán, có treo một cây đàn... Thấy hay hay, Trạng cho quân lính nghỉ ở phía ngoài, không được kinh động, còn mình lặng lẽ bước vào quán. Trạng hỏi:

- Hàng của người đẹp đơn sơ thế này ư?

- Dạ hàng tôi chỉ bán cho một người.

- Ủa sao lại thế?

- Thì quan chẳng cho lính đến mà chỉ một mình vào quán đó sao!

Phùng chột dạ, vội sửa mũ áo, ngồi ngay ngắn. Nữ chủ quán rót rượu, bày đào rồi đem xôi nóng đặt trước mặt khách. Phùng cười:

- Nàng lại định thử ta nữa chăng?

Chủ quán cười rất duyên, đôi má lúm đồng tiền:

- Hàng em có chừng ấy, em chỉ biết bày mời khách thưởng thức.

Phùng liếc mắt. Người đầu mà đẹp thế. Cổ cao ba ngón, mắt đen, gò má hồng giữa một làn da chỉ nhìn thôi mà đã thấy cả người mát mẻ... Rồi vai, rồi tay, rồi lưng và vòng ngực ẩn hiện sau giải yếm đào... Phùng bị cuốn hút, quên bém cả mình là sứ thần đang mang mệnh Vua đi sứ! Ông nhìn chằm chằm vào nàng. Chủ quán chỉ mỉm cười. Hương rượu mới thơm làm sao. Đào hai má đỏ, vừa độ chín, dao sắc để bên cạnh. Đĩa xôi hơi còn bốc nghi ngút. Gạo núi thơm nhẹ mà thanh... Phùng biết phong tục vùng này, lạng lẽ lấy xôi, xoè giữa lòng tay, rồi lăn quả đào, để xôi cuốn hết những lông quả còn dây một lượt. Ông lấy dao, bỏ nhẹ và tách thành hai miếng. Chiếc hột nhỏ, màu đá ong đẹp như một viên ngọc thô khắc nổi, được tách ra bên cạnh. Phùng nâng chén rượu nhấp một ngụm, rồi cắn một miếng đào! Vị thơm lan trong miệng. Phùng cảm thấy mình hoà đồng với cây cỏ... Người lảng lảng. Uống một ngụm nữa, hương rượu ran trong da thịt. Uống và nhắm tiếp thì thấy người có cảm giác như bay trên mây. Và chủ quán chính là tiên nữ ở Thiên Thai vậy. Phùng bả lả nói:

- Ta liệu có được bằng Lưu Thần, Nguyễn Thiệu không?

Chủ quán đáp:

- Tiên chẳng qua là một người ở núi. Biết thoát tục thì thành tiên. Bằng đắm trong cõi tục thì lại phải dấy xuống làm người.

Phùng nhìn người đẹp, chỉ muốn nhìn trước nhìn sau mà ôm lấy. Nhưng bỗng nhớ mình là một đại thần nên kiềm chế được, Phùng lại uống và bảo:

- Đàn kia treo chơi ư?

- Ông hẳn có bút đẹp trong tay áo!

- Nhà nho thì phải có bút giấy sẵn bên mình chứ!

- Vậy thì đàn treo đấy, hẳn chủ nó phải thuộc âm nhạc và luật sành điệu.

- Liệu ta có vinh hạnh được nghe đàn không?

Nàng với tay lấy đàn. So dây gảy. Tiếng đàn réo rất thanh tao, vui vẻ, đắm say mà không tục, tha thiết mà tự nhiên.

Phùng cảm phục lắm, lại uống. Bấy giờ, mặt Trạng đã đỏ, nhìn người đẹp lại càng mê, tính ốm ờ thuở hàn vi lại trở dậy. Phùng nói:

- Nàng hẳn là người hay chữ!

- Thiếp cũng có theo đòi nghiên bút được chút ít.

- Nàng thử đối cho ta nghe nhé: "Tam mộc sâm đình, toạ chúc hảo hê nữ tử".

Phùng không ngờ mình lại nghĩ được ra câu hay thế. Ba chữ Mộc thành chữ Sâm. Tam mộc sâm đình vừa tả được nơi rất đẹp có ba cây thông mà lại là sự đối chữ nữa chứ, hảo hê nữ tử, cũng lại là một chữ khó đối tiếp, vì nghĩa là đẹp thay cô gái ngồi ở dưới ba cây thông, song chữ Hảo chẳng là chữ nữ và chữ tử ghép vào đó sao!

Chẳng dè nàng đối ngay:

- Trùng sơn xuất lộ, tẩu lai sứ giả lại nhân.

Phùng sững người ngạc nhiên. Nàng mẫn tiệp quá. Đối là: giữa núi non hiện ra con đường, người sứ giả vừa lại chính là ông quan. Đối rất chỉnh mà chữ Xuất chẳng là hai chữ Sơn chồng lên nhau và chữ Sứ đúng là chữ Nhân và chữ Lại ghép lại...

Cô gái vẫn mỉm cười. Phùng nói:

- Nàng mở quán lâu chưa? Hẳn là quán này đông khách lắm!

Nàng đáp:

- Duyên kỳ ngộ mấy ai có thể gặp được nhau dễ dàng đâu...

Quan Trọng khen cảnh đẹp, người đẹp, nên thăm miếu, thăm đền...
Hình như miếu đền, mưa nắng làm cho hoang tàn lắm.

Phùng nhìn. Quả có thế. Ông đứng dậy bước thăm đền. Thấy phía trên cửa vào có viết: Mão Khẩu Công chúa. Phía bên kia lại có chữ Bằng mã dĩ tẩu. Phùng nghĩ: Mão Khẩu Công chúa! Đền ở dưới cây. Cây là Mộc. Mộc ghép với Mão là Liễu, còn mộc ghép với khẩu là Hạnh. Bằng ghép với Mã là họ Phùng của ta. Tẩu ghép với Dĩ là chữ Khởi... Vậy đây là đền Công chúa Liễu Hạnh, và họ Phùng sẽ khởi công tôn tạo chăng? Hay là bà Chúa Liễu hiện lên cây ta chữa đền.

Phùng chợt thấy rừng mình nhìn lại: Quán và người đẹp đều biến mất...

Ông chấp tay hướng theo lay tạ và hứa sẽ làm theo nguyện vọng của người thần trong núi... Khi ghé qua quan trấn phủ, ông nói lại và được quan đầu tỉnh khảng khái nhận lời tu bổ ngay.

*

Phùng có hai người bạn văn chương ở triều đình rất hay cùng nhau xướng hoạ. Công việc của Chúa Trịnh bây giờ làm biết bao giờ cho xong... Do đó, bộ ba Phùng, Ngô, Lý này thường cập kê để thưởng ngoạn, ngâm thơ sau phút hầu châu... Phùng thường được coi như là huynh trưởng, vừa là dò tài, vừa là có cái tính dễ gần, dù đã làm quan to. Một hôm Phùng gọi Ngô, Lý đến bảo:

- Hai ông có muốn thưởng trăng, du ngoạn một buổi trên Hồ Tây không?

Ngô đáp:

- Sao lại không? Ông xem, việc nhà Chúa, mùa tối ngày. Có việc hay, việc dở. Tôi làm ở ty thương bạc, thấy nhiều chuyện chán lắm... Hồi can qua bình lửa chẳng thấy ai khoẻ xin đi theo Chúa để hầu hạ, xông pha tiền duyên. Còn bây giờ, ai cũng cạy thế Chúa để cắm đất, làm nhà, mở mang cửa hàng xin cùng thương nhân nước ngoài chung vốn. Họ như ruồi nhặng, thấy mùi béo, mùi tanh là bầu đến. Vậy mà được cưỡi thuyền, ngắm trời ngắm nước ghé Nghi Tâm coi chùa, thăm rừng trúc, sang Yên Thái xem bàng. Lên đền Cầu Nhi thấp một tuần nhang, sang Trấn Bắc tiếp sứ, nghe một tiếng chuông chiều. Bác Phùng cho đi, không đi là đại.

Ông Lý nói gọn:

- Việc nhiều, trốn được một ngày để rượu ngon, cá béo thì đâu tôi cũng đi.

Ba người liền lấy một chiếc thuyền, gọi một giai nhân, đem rượu, đem đồ nhắm, rồi nhắm thẳng Hồ Tây mà đi... Gió mơn man, sóng dịu dặt, sen thoảng, diều bay... Cảnh vật hữu tình. Ba nhà thơ, có lúc rộ lên khoe chữ, có lúc lại trầm tĩnh, mỗi người chú ý đến một thứ, một phía tùy theo tâm trạng của mình. Phùng không ghé Nghi Tâm, không lên chùa Trấn Bắc, lên thẳng Tây Hồ. Ông Lý và ông Ngô hỏi. Phùng liền kể lại chuyện tên lính hầu cho biết Liễu Hạnh nữ thần lại mở quán ở Tây Hồ. Ông cũng kể cho Ngô và Lý nghe cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Lạng Sơn, hai ông đều cho là kỳ ngộ...

Họ bước lên bờ. Một cô gái xinh đẹp, nhưng cốt cách không hẳn là người mà Phùng hội ngộ năm xưa ở Lạng Sơn nên Phùng không dám hỏi đường đột. Còn đang nghiêng ngó, cô gái chào đơn đả:

- Đây là quán hàng của thiếp, mời các quan nhân vào uống rượu.

Phùng nháy mắt cho Ngô và Lý rồi cùng bước vào. Trên bàn, lạ thay, những thức ăn vẫn còn nguyên xi mấy thứ như hồi Phùng gặp ở quán tiên trên Lạng Sơn: Rượu núi, xôi dẻo, và đào

tiên! Phùng nhìn lên thấy bốn chữ Tây Hồ phong nguyệt. Treo chính giữa, phía dưới là một bài thơ, chữ viết rất đẹp, hương mực còn thơm.

Ngô đọc:

Điểm phương môn nội chiếu minh nguyệt⁽¹⁾

Thời chính nhân bàng lập thổ khuê

Khách hữu tâm tình câu nguyệt đối

Huệ nhiên nhất mẫu lương nhân đề

Nghĩa là:

Quán nhỏ cửa hè trăng sáng soi

Mành buông người mỗi mắt trông người

Ba ông khách trẻ đem trăng tới

Huệ ngát ơ kia, đứng giữa hai...

Lý bình:

- Chủ quán là người tiên tri chăng, biết ta đến ba người. Ba người mà chỉ có một người đẹp. Đêm nay hơi rắc rối đây!

Phùng tủm tủm cười:

- Này hãy nhìn chữ nghĩa xem người đẹp đây định nói gì đã. Xin các huynh đừng vội quên vô cớ lại có thơ đề trên vách đâu. Rồi Phùng chậm rãi đoán từng câu:

- Các huynh coi: ba chữ "Điểm phương nhàn" nghĩa là "quán đương vắng". "Thời chính giai" là "lời chúc đẹp", - "khách hữu tâm" nghĩa là "khách có lòng". Còn Huệ nhiên lại là xin mời vào thăm... Thử hỏi hai ông, có lời mời nào thanh lịch như thế này không?

Cả ba liền cùng ngồi. Phùng rót rượu. Ông Lý đưa tay véo xôi định ăn. Phùng ngăn lại:

⁽¹⁾ Môn nội chiếu minh nguyệt: trong cửa có trăng sáng là chữ nhàn... nhàn bàng lập thổ khuê là chữ giai v.v...

- Ấy, ở đây uống rượu bằng đào chứ không phải uống rượu bằng xôi đậu. Đây là quán tiên cơ mà... Người tiên, rượu tiên, trăng tiên, chỉ còn thiếu thơ nữa thôi! Chẳng hay nữ chủ quán họ tên gì?

Cô gái tự nhiên nhìn Phùng, mỉm cười như thể biết câu hỏi đó với một quan Trạng như Phùng Khắc Khoan, chỉ là thừa. Nàng ngọt ngào thưa:

- Thiếp họ Liễu. Xin các quan nhân cứ gọi em là Nàng Liễu...

Phùng lại cảm thấy mình lại được tái ngộ Liễu Hạnh, lòng xôn xao lắm. Có lẽ cũng là duyên kỳ ngộ trời ban cho kẻ tài hoa như Phùng hay sao. Phùng nói:

- Sao nàng lại thích đặt quán ở đây!

- Ở đây, phía trước là hồ đẹp, phía sau là sông núi diễm lệ. Giữa kinh thành có cảnh tiên như thế, mấy đâu đã có. Vả lại kinh kỳ là chốn ham mê tục luy, có một quán thanh lịch ở chỗ này, rượu thức nhắm đạm bạc mà thanh tao, há chẳng cũng là một lời nhắc nhở cần thiết sao!

Lý buột miệng khen:

- Liễu nương quả là người khác thường. Câu nói của nàng đầy ý tốt lành và cao thượng!

Liên cùng uống rượu mừng người đẹp. Nàng cũng uống. Rượu thấm men. Phùng thấy trời nước chờ đón, thuyền còn buộc chờ ngay bên, liền nảy ra một ý:

- Sao ta chẳng đem rượu thức nhắm, đi một vòng thuyền dạo chơi, rồi trên khoang cùng ngâm vịnh, há chẳng là một thú riêng sao!

Liễu nương vui vẻ nhận lời. Thuyền lướt sóng ra giữa hồ. Mực mai đã sánh, Phùng mời:

- Xin nàng viết trước, chúng tôi nối vần sau.

Liễu nương viết luôn câu đầu. Phùng làm hai câu tiếp rồi đến Ngô, Lý, rồi Phùng, Ngô, Lý cứ mỗi chén rượu lại làm tiếp

các câu sau. Có khi người nào vân ý dồi dào thì lại viết trước người kia... Những lời hay ý đẹp đều được Liễu khẽ ngẫm. Giọng Liễu thật tuyệt vời. Liễu gói lại câu cuối! Và cả một khúc liên ngâm đã thành. Người đẹp hân hoan ngâm trước trời nước mênh mang. Các nhà thơ thì lại uống rượu với đào tiên, lắng tai thưởng thức.

*Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời
Bát ngát tư mùa rộng mắt coi
Cõi ngọc xanh xanh làng phía cạnh
Trâu vàng biêng biếc nước vắng khơi
Che mưa nhà lợp vài gian cỏ
Chèo gió ai bơi một chiếc chài
Giậu thúng chớ đua đàn sũa tiếng
Trời hôm bếp thổi khói tuôn hơi
Mơn mơn tay lái con chèo quế
Xàn xạt mình đeo chiếc áo tơ
Thuyền Phạm phát phơ chơi bể rộng
Bè Trương⁽¹⁾ thấp thoáng thả sòng trôi .
Đò đưa bãi lác tai giòn già
Giọng hát bờ lau tiếng thánh thời
Cò xuống đùa qua vùng cát đậu
Diều bay sẽ liệng đám mây chơi
Khúc ca trong đục âm bên nước
Quảng mắt xanh đen sạch bụi đời
Đầu gối lọng hà lai lảng chuyện
Tay soi tiền giáp lá lời cười*

⁽¹⁾ Phạm Lãi, Trương Lương, hai nhân vật nổi tiếng thức giả ở Trung Hoa, sau khi thành đạt bỏ quan chức đi chu du thiên hạ.

Chốc sen ngả nón chứa rau búp,
Đáy nước chìm phao bắt cá tươi
Có lúc kẻ hoa bày tiệc rượu
Hoa khi tựa bóng đứng đầu mui!
Say rồi cởi áo quăng dòng mát
Tắm đoạn xoay quần hóng gió phơi.
Trẻ mực yên hoa bày tiệc rượu.
Lũ tiêu thượng uyển hẹn lời dai.
Bắt cò cứ vững ngồi rình bụi,
Mò ngọc khen ai khéo lặn ngòi.
Tay lưới thế thần khôn mắc vướng
Lưỡi câu danh lợi nhẹ tham mồi
Hạ rồi bến mát còn yêu nắng
Đông hết thành Xuân chứa thấy mai.
Thú cảnh yên hà sang dễ độ
Sóng lòng trần tục dạ đầy vơi
Xe sắn Vị Thủy tha hồ hỏi
Thuyền tới Đào Nguyên mắc sức bơi
Chuông sớm giục thanh lòng Phật đó
Trăng tròn soi một bóng tiên thôi

Ngô vốn là người đa cảm, nghe xong, thấy chơi vui, cứ ngồi ngấm hoà và ngâm theo mãi câu:

- Trăng tròn soi một bóng tiên thôi.

Lý mượng mui thuyền ngồi ngắt một bó hoa sen cuối vụ, rồi trao cho người đẹp, còn Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan thì ngồi lặng trước Liễu Nương để cố nhận ra xem có phải chính vị thần nữ đã một lần gặp ở biên giới Lạng Sơn.

Rồi cũng đến lúc phải chia tay. Người đẹp bịn rịn lên bờ còn các bậc thi nhân, sau một buổi rong ruổi cũng phải rời sông nước bị hút vào cát bụi kinh thành. Ngày mai công việc triều đình đang cần tới họ...

*

Lạ thay, từ ngày quán hàng của nàng Liễu mở ra, dân trong vùng rất có nhiều người lui tới. Rồi quán nổi quán mở theo. Vùng Tây Hồ có cả khách thương, có hạng ở bầm sáu phố phường lui tới... Làng Tây Hồ buôn bán, làm ăn cũng thịnh vượng hẳn lên... Riêng cô bán hàng thì chẳng thấy mở quán. Liếp nứa che im, người đi đâu chẳng rõ...

Một buổi sau, ba văn nhân được lúc rỗi rãi quay trở lại. Họ xăm xăm đến thăm quán Liễu Nương, nhưng người đẹp đã không còn đây. Và cả quán cũ lạ thay cũng biến đi đằng nào. Trên cây còn lại một bài thơ, trăm ngọc viết lên vỏ cây tươi, nét chữ hình lên sau dòng nhựa ứa. Phùng nhắm đọc:

Vân tác y thường phong tác xa

Triều du Đâu Suất, mộ yên hà

Thế nhân dục thức ngô danh tính

Nhất đại sơn nhân Ngọc Quỳnh Hoa

Ngô dịch luôn:

Mây làm xiêm áo gió làm xe

Đậu suất ngao du, khói sáng nhòa

Muốn biết tên ta, người dưới thế

Một đời ở núi Ngọc Quỳnh Hoa...

Phùng nói: nhất đại ghép đôi là chữ Thiên, sơn nhân ghép đôi là chữ Tiên Vậy là nàng đã xưng tên của nàng là bậc tiên đẹp nhất trên trời đó sao. Không còn nghi ngờ gì nữa... Phải chăng chính nàng là Vân Cát thần nữ.

Ba ông trái lá sen làm mâm, rút giấy hoa tiên bửa trước viết tròn bức liên ngâm bốn người, kiếm hoa quả vàng hương khấn Văn Cát thần nữ. Rồi đem bài thơ đốt theo để tưởng vọng nhất đại sơn nhân Ngọc Quỳnh Hoa.

Người trong làng Tây Hồ đã biết quan Trọng dạo chơi bữa trước, liền đem đèn đuốc vây quanh, người đem giấy xin ba ông chép cho bài thơ. Lại có người hay đàn, liền tựa lời vào thơ, buông bắt đàn mà ngâm vịnh. Mọi người lắng nghe, ai nấy cũng xúc động. Quan Trọng lại đọc thêm bài thơ khắc trên vỏ cây để lại để mọi người nghe rồi kể lại tích ông đã gặp nàng ở Lạng Sơn khi đi sứ...

Những người già và hào lý nghe thơ đều nhất loạt xá quan Trọng và nói:

- Duyên làng Tây Hồ mới được Liễu Hạnh Công chúa hiển linh và quan Trọng, cùng hai bậc văn nhân Ngô, Lý đến du ngoạn. Để tưởng niệm chúng tôi xin được lập đền thờ...

Phùng Khắc Khoan mừng lắm... Ông vái tạ lại dân làng mà rằng:

- Nàng là người đẹp ở chốn thanh tao. Chúng ta là người trần tục. Thờ người đẹp, vẽ thanh tao luôn hướng về, há chẳng là phong tục tốt đẹp sao!

Liền cấm hương, vẽ kiệu để lại rồi mới cùng hai bạn văn Ngô, Lý ra về... Dân làng đem theo đàn sáo tiễn đưa sôi nổi vang lừng. Đám vui tự nhiên, cũng tiêu thiếu réo rất chẳng kém gì buổi hoà nhạc ở hành cung vua, chúa.

Tháng 2 năm Giáp Tuất 1994

Người cắt cỏ ở Quốc Tử Giám

*Mạc bỏ kim phiên nhân kiến nguyệt
Lai thu vọng nguyệt, nguyệt di cao⁽¹⁾*

(Thơ cổ)

Toàn An người làng Thì Cử. Làng nghèo, nhưng có nghề làm xôi nén, bánh dày. An có sức khỏe, nhà túng quẫn, phải đi ở cày, giã bánh thuê, sức vóc xem ra ngày càng được rèn luyện. Bắp tay, bắp chân săn chắc như vầng chao, Toàn An có thể nhấc bổng cả một chiếc cối đá như không.

Người làng thấy An có sức lạ, bảo:

- Sao không đăng lính, kiếm lấy chức võ cử, chẳng hay sao?

Lý trưởng thì đùa:

- Thành này thì làm đầy tớ cả đời thôi, mặt lúc nào cũng cắm xuống đất thế kia, làm sao mà ngẩng mặt lên với chúng quanh được.

Toàn An tức lắm, bầm gan, tím ruột, thề với mình rằng: Không rửa được nhục câu nói này, quyết không về làng nữa...

An bỏ lên kinh thành. Có người lân la ra quán rượu, thấy An vác hàng thuê bên sông Tô Lịch rất chăm chỉ, một bữa, rượu ngà ngà say, vậy Toàn An lên bảo:

⁽¹⁾ Bữa nay vì chẳng vì trăng sáng
E đến thu sau trăng tím mù
(Ngô Văn Phú dịch)

- Này, anh kia, khoẻ mà chăm thế kia, vác thuê làm mướn cho phí đời, có muốn làm chân cắt cỏ thuê, thu dọn trong vườn Giám không, thì ta mách nước cho.

Toàn An hỏi:

- Bẩm ngài, vườn Giám là chỗ nào ạ?

Ông khách cười âm lên:

- Thật đúng là vai u thịt bắp. Vườn Giám chính là nơi sĩ tử giỏi nhất các nơi được chọn về để các quan Tư nghiệp của nhà vua đến dạy, giảng kinh sử, sau này thi cử, làm quan, trở thành người hiền trong thiên hạ.

Toàn An nghe thế, mừng lắm liền vái người ấy ba vái mà nói:

- Dạ được như thế thì phúc bảy đời cho nhà cháu ạ!

Vị khách thấy trả lời ngộ nghĩnh lại cười âm lên, nhưng khi bữa sau, xốc áo vào đánh chén, ông ta mang theo Toàn An đến xin việc hộ ở nhà quan coi trường Giám.

Toàn An được nhận vào ngay.

Toàn An làm việc rất chăm chỉ. Một bận nghe có tiếng người kêu thét lên, khi ra đã thấy chiếc xe ngựa của một công tử hám đuổi gái dè chết một người có vẻ như một ca nữ, vừa ở một quán rượu ra. Người đến cứu không kịp nữa. Dân hàng phố thương tình khâm liệm di hài rồi đem đi mai táng. Những tưởng chuyện đến thế là xong, dè đâu, mỗi buổi chiều, Toàn An cắt cỏ về cứ thấy gánh phía sau nặng trĩu không sao mà đi nổi. Cố kéo, cố giằng thì có khi phật pheng cả gánh cỏ, văng bên trước một nơi, bên sau một nẻo... Lại có đêm, nghe ở trên cành gạo vắng có tiếng hát ca trù lạnh lạnh, khá hay, nhìn lên thì như có dáng một người đàn bà đang xoa tóc ngồi hát. Toàn An bỗng linh cảm thấy như oan hồn của cô đào hát bữa trước chưa được siêu thoát, còn vương vất ở chỗ thụ nạn này, bèn góp những đồng tiền kiếm được, đến đúng tuần "quy sơn", đưa bát nhang và bài vị lên chùa Kim Phúc, từ bữa ấy, mới không thấy ma hát trên cây, mà kéo gánh cỏ nữa.

Toàn An vẫn nhớ lời thề cũ lúc bỏ làng ra đi. Do đó, thâm mua giấy, đóng vở, lúc trưa hoặc sáng, cắt cỏ, thu dọn ngoài vườn, nghe thầy giảng, trò bình văn ở trường Giám, cũng lăm le học đòi đòi ba chữ. Nhưng, các sĩ tử, khi đã về học trường Giám cũng là những người xuất sắc, sức học vượt hơn người. Mà các bài văn đem ra bình, ý nghĩa cao siêu lắm, Toàn An chữ nghĩa học lỏm, học mót làm sao theo kịp được.

Do đó, vò đầu bứt tai khổ sở lắm.

Đêm giỗ đầu cô đào hát chết bất đắc kỳ tử, Toàn An buồn đem mấy quan tiền mua rượu uống, rồi ngồi thờ trên chõng, dưới gốc gạo.

Chợt thấy một người học trò nho nhã đến lấy quạt đập khê vào vai, hỏi:

- Này chàng cắt cỏ thuê, nhớ ai mà thờ người ra thế?

- Có ai đâu mà nhớ! Có cô đào hát hay đi qua đây, dạo trước, buông lời chọc ghẹo thì đã chết bất đắc kỳ tử rồi!

Người học trò hỏi:

- Anh có điều chi buồn vậy?

Toàn An thở dài:

- Kiếp nghèo khổ đến bao giờ hết bạn.

- Nghèo mà có chí! Cái khổ tự khắc không ám vào người nữa.

- Anh nói thế, có chí như tôi, ở ngay bên trường học, muốn học cũng không ai kèm. Con nhà thế tộc, quyền quý thì khinh mình là loại khố rách áo ôm, mấy anh nho sinh được kén vào trường Giám, thì chắc mẩm sau này ở trường ra, chẳng quan thì cũng làm lại ở các phủ huyện nên cũng khinh rẻ mình lắm. Tôi đã nhờ mà không ai chịu dạy cả!

- Thế anh có nhờ tôi không?

- Được thế thì còn gì bằng!

Từ đấy hai người kết bạn với nhau. Toàn An chỉ thể học vào ban đêm, còn ban ngày thì phải lo việc thu dọn Quốc Tử Giám, không dám bê trễ. Người học trò cứ tối thì đến, tay cấp theo vài quyển sách, có lúc thì kèm một chai rượu.

Người học trò có lối dạy rất khác các thầy nho vẫn dạy. Anh dạy không theo bài bản, sách vở, mà lấy những bài mẫu về kinh nghĩa, văn sách, chế chiếu biểu, thơ phú các lối, dạy rất kỹ. Anh giảng từng câu, lời bàn của tiên nho, câu văn này đánh thép ở chỗ nào, bài văn kia chặt chẽ, bình luận xác đáng, cao rộng đến đâu, thơ Trình Hiệu khác với thơ Lục Du, thơ Vương Xương Linh khác với Sầm Tham ra sao, nhất nhất đều thấu đáo, chỉ dẫn đến nơi đến chốn. Toàn An học rất hào hứng.

Sau đó, thầy dạy học trò *Luận ngữ* và *Kinh thi*. Thầy bảo trò:

- Anh học hết hai cuốn sách này thì đọc được hết *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, không lo gì chữ nghĩa nữa. Lúc đó, tôi dạy anh, xem ra cũng nhàn...

Toàn An rất chăm chỉ và nghe lời người thầy, vừa thân tình như người bạn thiết. An ơn bạn lắm, nhiều lần muốn đến xem gia cảnh thế nào, ngụ ở đâu? Hay là người tứ trấn tay nải gió đưa lên kinh thành học hỏi, đưa tài nơi trường văn, trận bút. Nhiều lần cố ý hỏi, thầy chỉ nói qua loa, mơ hồ rồi lảng sang truyện khác. Có lúc thì người như ở lễ hội chùa vừa ra, áo quần còn ngát mùi nhang, mùi hoa, tay còn thơm mùi oản mùi chuối.

Toàn An đoán người học trò này là một hoà thượng trụ trì ở trên núi, định học Giả Đảo⁽¹⁾, chán cảnh thiền, lại định ra giặt bảng vàng, giúp đỡ chăng? Từ đấy cũng nhãng đi không hỏi thêm gì nữa!

⁽¹⁾ *Thi sĩ nổi tiếng đời Đường, sau bỏ chùa đi thi, đỗ cao... Là người chọn chữ, chấm chút câu thơ đến kỳ cùng. Tích Thôi. Xao là từ ông mà ra.*

Bữa ấy trường Giám bình văn, Toàn An bỏ cả cật cỏ ngựa, len vào nghe. Các thầy, đạo cao đức trọng ngồi ở chiếu hai hàng chiếu ở lối giữa, quan Tể tướng ngồi ở chiếu trên cùng với các quan Tả thị giảng, Hữu thị giảng, Đại học sĩ. Học trò đứng vây hai bên chiếu, áo thụng xanh chen chúc, có đến hàng trăm người. Quan Tư giảng bữa nay ra một đề thơ: "Đêm lo việc nước". Hạn trong tàn một phần ba nén nhang, phải nộp bài. Nghiên và bút đã mài sẵn, giấy để ở các án viết phía sau.

Học trò trường Giám vội vã nhận đề rồi hí hoáy viết, không biết ai vào ai. Toàn An cũng trà trộn vào, viết một bài, rồi thủ sẵn trong tay, sau đó lại đứng nấp sau người học trò to cao, để các quan khỏi trông thấy áo quần cuộc đất, cật cỏ của mình, chừa bài ra nộp.

Bài đã thu. Các quan chia nhau đọc. Bài nào khá thì chuyển lên chiếu trên để các quan to trong triều và thầy Tư giảng xem. Cuối cùng ngã ngũ chọn được một bài dưới ký là Toàn An. Bài thơ như sau:

Bán dạ

*Cô thôn nguyệt lạc nhất văn kê,
Vân ngoại tinh hà, ảnh tiệp đề.
Tiểu trí nhất thời quy phục thổ,
Đại thanh thiên cổ bất điều tê
Sóc phong quyển địa mai hoa sáu,
Hiếu vụ mạn thiên thiết mã tê
Quốc sự viễn lai vô khả vấn
Thương lương hàng sắc dạ ô đề.*

Quan Tư giảng đọc lời khen của quan Tể tướng, vốn xưa xuất thân đồ Thám hoa, tài văn đã lừng lẫy kinh thành: "Trong thơ, cảnh thanh vắng mà vẫn tao nhã, lời tha thiết và kín đáo".

Quan Tư giảng hào hứng cao giọng bảo:

- Toàn An vào lĩnh thưởng.

Tất cả các nho sinh trường Giám ai cũng hồi hộp chờ thi nhân trẻ tài hoa bước ra để xem mặt. Nhưng lạ thật, vẫn chưa có ai ra nhận.

- Toàn An vào nhận thưởng!

Quan Tư giảng nhắc lại lần thứ hai. Luồng giữa đã giãn ra một lối chờ mà vẫn chẳng thấy ai. Mặt quan Tư giảng đã có vẻ khó chịu. Các quan ngồi kiến giảng, từ ngài Tể tướng đến thầy trợ giảng đều không hiểu sự lạ này, một điều chưa xảy ra ở Quốc Tử Giám.

Giọng quan Tư giảng đã có vẻ gay gắt:

- Toàn An ra lĩnh thưởng. Hay người là ma hử?

- Dạ, vẫn sinh thật đấy tội!

Toàn An thưa lên, biết không trừ trừ được nữa, anh liền chạy ra trước mặt hai hàng đại thân và các học quan, cúi đầu xuống, giọng lí nhí:

- Kê học trò nghèo hèn này, sợ tội không dám ra nhận, xin các thầy và các đại nhân lượng thứ.

Quan Tư giảng nhìn ra, đến tận nơi nhận mặt rồi khẽ bảo:

- Thì ra là người ư, Toàn An?

Rồi nói to lên:

- Bẩm ngài Tể tướng và các quan, đây là người cất cở của trường Giám chúng tôi đấy ạ.

Quan Tư giảng đã đổi giận thành vui. Ông tự hào vì ở đất học này, người cất cở cũng hay chữ đến thế!

Quan Tể tướng cũng rất vui, khiến tất cả thầy trò Quốc Tử Giám bữa nay đều vui theo. Quan cất giọng bảo:

- Khoan hãy trao giải. Anh thử dịch bài thơ này cho ta xem nào.

Toàn An vâng lệnh, nghĩ một lát, rồi cất giọng ngâm, giọng ấm mà vang:

Nửa đêm

Thôn nhỏ, trăng khuya, một tiếng gà

Sông Ngân mờ ảo, ánh trăng nhòa.

Ôm cây, chỉ những chờ sẵn thỏ,

Nhắm quý, cần chi đến chế pha.

Gió bắc đẩy hoa, mai khắc khổ,

Mật mù sương giáng, ngựa đòi ra.

Lo toan việc nước lòng canh cánh,

Quạ réo trời xanh mãi phía xa...

Mọi người trầm trồ khen:

- Khá lắm! Hay lắm!

Quan Tư giảng nhờ quan Tể tướng trao giải ba vương nhiều tím và năm lạng bạc cho Toàn An, rồi quay lại nói với các học trò:

- Các thầy nho thấy chăng! Nghèo mà có chí sau này ắt làm nên đấy. Toàn An, ngày mai con sẽ được nhận vào học ở Quốc Tử Giám. Ngay buổi chiều ở Nội Mật Viện tối nay, ta sẽ tâu lên Hoàng thượng việc này.

Toàn An ứa nước mắt sụp lạy tạ ơn...

Đêm ấy, Toàn An mua rượu rất ngon chờ người học trò dạy mình đến, lại sắm đồ nhắm, hoa quả tươi, hương trầm đủ cả.

Chờ mãi mắt không thấy, đành để lên bàn thờ thắp hương cúng, rồi ngủ thiếp đi mất.

Toàn An lại gặp lại người đào hát, thảng thốt hỏi:

- Ô hay, sao cô lại ở đây? Hay cô là...?

Cô đào hát cười:

- Sáng nay, anh giật giải văn chương trước các bậc thầy giỏi, học trò sang nhất nước, cũng đáng công đèn sách. Chim hồng học đã đủ hai hàng cánh rồi, anh sẽ bay cao, bay xa đấy. Em là ai, anh cần gì phải biết?

Rồi hát tặng Toàn An một bài, trò chuyện đầy quyến luyến mới từ già.

Có tiếng xe ngựa nghiêng trên đường của đám người đi chợ vào thành sớm, Toàn An tỉnh dậy, hoá ra là một giấc mơ. Ráng sớm đã hồng trên các cây muỗm ở bên lối vào Quốc Tử Giám.

1998

Người thảo văn bia tiến sĩ

1

Thân Nhân Trung, thi Hội đỗ đầu, vào thi Đình, đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân. vua Lê Thánh Tông đích thân ra bài văn sách hỏi về đạo làm vua, sau đó lại đọc những bài văn hay của các Tiến sĩ vừa đỗ. Vua rất chú ý đến những lời biện bạch của Thân Nhân Trung. Khi muốn bổ làm quan liền cho triệu vào ngự thư phòng, sai lấy ghế cho ngồi hầu, ban trà rồi hỏi:

- Bữa nay ta muốn hỏi khanh về những điều sở đắc mà khanh đã có. Khanh thấy thế nào?

Thân Nhân Trung thưa:

- Đó là vinh hạnh của hạ thần!

Vua hỏi:

- Thế nào là đạo trời đất?

- Tàu, đạo trời hư không, đạo đất tĩnh mịch, con người vừa hư vừa tĩnh, mới hợp được đạo trời đất. Vì hư thì tự sáng, tĩnh thì tự định. Tâm có sáng, tính có định, thì cái công hiệu tham bác được trời đất mới là ở đó.

Vua cho là giỏi, nhưng vẫn nghiêm nét mặt hỏi:

- Thế nào là đức của Trời Đất?

- Tàu, đức của Trời to lớn thay! Vạn vật nhờ ở Trời mà bắt đầu. Điều đó tức là Khí. Đức của Đất, cao cả thay! Vạn vật nhờ ở

đó mà sinh nở. Điều đó tức là Hình. Vạn vật đều được phú cho Khí ở Trời và thành Hình ở Đất.

Vua khẽ mỉm cười, hỏi tiếp:

- Cái đức tính quý nhất của bậc Thiên tử là gì?

Thân Nhân Trung không trả lời ngay, mãi sau mới nói:

- Tâu, đó là phải biết nghe những điều tốt và cả những điều xấu nữa. *Chiến quốc sách* từng chép chuyện Giang Ất khuyên Vua nước Sở. Giang Ất nói: "Có người thích khen cái hay của người khác thì đại vương cho người đó là hạng người nào? Sở Vương đáp: - Đó là hạng quân tử, nên để cho gần. Giang Ất lại hỏi: - Lại có người vạch cái xấu của người khác thì Đại vương cho là hạng nào? Sở Vương trả lời ngay: - Là bạn tiểu nhân, nên xa lánh. Giang Ất thưa: Như vậy có người tố cáo nghịch tử, gian thần, chẳng lẽ Đại vương không nghe hay sao? Có người nói những điều chưa hợp lòng dân, Đại vương cũng bỏ ngoài tai sao? Nghe đến đây thì Sở Vương vội bảo Giang Ất: - Khanh nói phải lắm. Quả nhân phải nghe cả hai, cả điều tốt lẫn điều xấu... Bởi có thế mới cất nhắc người có công, truất cách người có lỗi; mới điều tiết được những điều, những luật lệ chưa hợp với thời thế, với lòng dân..."

Lê Thánh Tông biết được thực học của Thân Nhân Trung, hôm sau liền phong ngay làm Hàn lâm viện thị độc...

2

Vua thông tuệ, rất yêu văn chương. Từ ngày họ Thân dâng cuốn *Thiên Nam dư hạ tập*, Lê Thánh Tông càng trọng tài Thân Nhân Trung, Vua ban thưởng cho cả mấy người, khen bài tựa của Thân Nhân Trung là khéo thu tóm được chuẩn mực mà sách đã soạn thảo. Từ đấy tiếng tăm của Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, Đàm Văn Lễ, những người đã dồn công sức soạn

ra sách, có đủ qui củ luật pháp, điển lệ, lịch toán, tư tưởng Khổng - Mạnh, từ chương..., do Vua đích thân bàn bạc và sai soạn, được cả triều đình trọng vọng.

Một hôm, việc nước rảnh rang, Vua lại vừa thân chinh đánh thắng Chiêm Thành về, Vua gọi Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận tới, cho dạo thăm vườn Ngự uyển, rồi ngồi ở Quán Nghinh Phong. Vua nói:

- Năm nay nhờ Trời Đất phù trì, thời tiết thuận hoà, mùa màng tươi tốt, vật thịnh dân an, đó chẳng phải là do vua sáng, tôi hay mà có... Ta muốn lập hội Tao Đàn, để thỉnh thoảng vua tôi gặp gỡ, ngâm vịnh những cảnh sắc thiên nhiên, ngợi ca những đức tốt, điều hay, những sinh hoạt dân gian mà các thi nhân cảm hứng viết thành, liệu có nên chăng?

Đỗ Nhuận tâu:

- Từ ngày Hoàng thượng lên ngôi, định lại các chế độ, điển chương; việc nào cũng vì dân vì nước mà sáng nghiệp. Việc khoa cử, việc điển thổ, thuế má, binh nhung đều có hiệu quả... Nay lại lập Hội Tao Đàn, để khích lệ từ chương, văn học, nêu vẻ sáng về cách làm người, nêu gương tốt, đức sáng, ghi lại cảnh giang sơn gấm vóc, quả là điều rất nên làm... Văn chương là của muôn nhà. Tinh hoa cũng đã hội tụ quanh vị minh chủ. Xin Hoàng thượng hãy làm ngôi Nguyên suý cho Tao Đàn!

Thân Nhân Trung cũng nói thêm:

- Văn chương là gốc của sự lập thân, là việc lớn của đời. Chu Hy⁽¹⁾ nói: "Uy nghi đúng mực, nói năng phải lễ đều là văn". Hội Tao Đàn lập ra cũng là để tập hợp lại những điều mà Chu Hy gọi là văn vậy... Thân nghĩ, ý của Hoàng thượng thật là muốn chấn hưng văn tự, thi ca để mãi cho đời sau.

Vua vui lắm. Ngay hôm sau, ban lệnh cho lập Hội Tao Đàn gồm hai mươi tám văn thần có tiếng văn hay ở triều đình. Vua được

⁽¹⁾ Danh nho đời Tống Trung Quốc.

tôn làm Tao Đàn Nguyên Suý. Hai Phó Nguyên suý là Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận...

Tết năm ấy, Vua dạo chơi hồ thấy vườn mai đẹp, sau lúc bàn việc vẫn muốn ngắm nữa bèn dẫn Thân Nhân Trung ra xem. Vua nói:

- Khanh có biết tại sao nhiều người làm thơ về mai vậy không?

- Tâu, bởi mai đẹp ở cốt cách, hợp với trời đất, hoa đẹp, hương thơm, quả ngon; có thể tặng cho đời cả đến thân rể khi già cỗi, do đó bậc hiền nhân quân tử đều yêu mai.

Vua gật đầu khen:

- Đúng lắm. Vườn mai năm nay đẹp khác thường, Trẫm cũng nghĩ đến tinh thần băng tuyết của loại hoa này, mới làm bài thơ, đọc để khanh nghe!

Rồi Vua đọc:

Thơ mai⁽¹⁾

*Núi xinh ai đặt ở bên hồ,
Băng tuyết tinh thần vẽ sáng phơ.
Trắng tựa mỡ đông quen chốn vắng,
Mảnh thanh sành biếc để người ưa
Ý thâm buổi sớm đường da diết,
Hương thoảng thêm trắng để mộng mơ
Hoa báo tin xuân về sớm nhất
Ngành cành thấp ngọc, gió đung đưa...*

Thân Nhân Trung bình:

- Không nói mai mà cũng nhận ra được ngay là thơ về mai. Câu thực đã thanh cao, câu luận vừa sâu sắc vừa phóng khoáng. Thân hầu bất tài cũng xin mạo muội họa thơ ngự chế.

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện dịch.

Vua cười khuyến khích:

- Sẵn bút nghiên đây, Khanh họa đi.

Thân Nhân Trung dầm bút, rồi viết ngay lên giấy hoa tiên chữ lối đá thảo, rất đẹp.

Họa thơ mai của Đức vua

Trời tiên vắng lặng nép ven hồ

Dường lụa, đường châu, nét đẹp phôi.

Gió thoảng đường xa, hương giải mộng,

Trăng non nghiêng bóng, vẽ càn khôn.

Tao nhân Đông Các, thơ tràn hứng,

Ấn sĩ Hồ Tây, thực lẫn mơ.

Tác dạ vì đời canh cánh mãi,

Muôn hoa đầu núi thoảng hương đưa...

Vua cầm thơ lên đọc, khen ngợi, rồi sai chép cả bài thơ xuống của mình để các hội viên Hội Tao Đàn cùng họa...

3

Tôn nho, trọng học là chủ trương của nhà Lê, được Lê Thánh Tông chấn hưng thêm một bước.

Ngày 15 tháng 8 năm Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 15, Đức vua bàn chuyện tôn vinh những bậc khoa bảng, cũng là ghi lại những mốc thời gian tuyển chọn nhân tài của nhà Lê. Thánh Tông nghĩ đến việc dựng bia Tiến sĩ ở Quốc Tử Giám. Việc học từ thời Lê Thánh Tông lên ngôi đã được khắp nước chú trọng. Các khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình đã đi vào nề nếp, cứ đúng kỳ hạn được tiến hành. Kể từ khoa thi năm Đại Bảo thứ 3 đời Lê Thái Tông đến Thánh Tông, cả thầy đã có mười khoa thi Tiến sĩ... Năm Đại Bảo thứ 3 (1442), đã có thánh chỉ cho dựng bia, song,

sau đó Vua băng hà. Tiếp sau các đời Thái Hoà (Lê Nhân Tông) lại có thêm mấy khoa nữa, nhưng bia cũng chưa kịp làm. Nhân đất nước phồn thịnh, Vua nghĩ ngay đến phải lo việc từ tiên triều để lại, mà cũng là một việc lớn. Vua cho gọi các bậc đại thần vào chầu, giao cho Lê bộ Thượng thư Quách Đình Bảo, làm tờ tâu kỹ về việc này. Lại giao cho bộ Công, tuyển chọn những thợ giỏi về, lấy những đá tốt để làm bia.

Mỗi bia đá được dựng, cao chừng bốn thước ta (khoảng từ 150-155 cm) rộng khoảng hai thước rưỡi (100 cm) dày gần nửa thước (18 cm). Quanh bia trạm trổ hình hoa lá, mây lửa và mặt nguyệt. Bia đặt trên lưng rùa đá, đầu cao, miệng thon, mép rộng, có khắc hai răng nanh ở bên, khá sinh động. Nhiều rùa khác còn được thợ đá khắc thêm lông mày và bên mép có tua... Vua cho gọi Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Đào Cừ, Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Nguyễn Đôn Hậu, Lương Thế Vinh, Lê Tuấn Ngạn, Nguyễn Xung Xác..., chia nhau soạn mười văn bia. Bia thứ nhất ghi tên các Tiến sĩ đỗ khoa Giáp Thìn, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (thời Lê Thái Tông) Vua giao cho Thân Nhân Trung. Vua thân mật bảo: "Chữ nghĩa trên văn bia còn lưu lại mãi cho hậu thế, các khanh tùy ý mình mà bày tỏ chính kiến về việc mở khoa cử, chọn nhân tài... Mỗi người cố soạn cho hay, đưa Trẫm xem, rồi cho đi khắc đá!".

Vua đã chọn mặt gửi vàng. Những người được chọn để viết văn bia trong dịp dựng bia ở Quốc Tử Giám này, đều là những người thành đạt, đỗ cao, danh tiếng, đứng đầu trăm quan, các Bộ, các Viện cả... Vua lại giao cho ông soạn bia số một... Thân Nhân Trung rất lo... Ông thảo đi sửa lại đến hàng chục lần, mãi sau mới viết dâng lên Vua... Thánh Tông xem tất cả các văn bia, phê son cho khắc đá, nhưng khi họp mặt các đại thần được soạn, Vua nói:

- Mười bài văn bia của các khanh, mỗi người một về... Tuy nhiên đây cũng là một cuộc đua tài văn chương trước việc trọng đại. Trẫm mừng đã không nhầm giao bia số 1 cho Thân Nhân Trung và

bìa số 2 cho Đỗ Nhuận... Hai bài văn của họ Thân, họ Đỗ đã nói đủ ý về việc chọn hiền tài. Bài văn của Đỗ Nhuận thấu đáo đầy đủ, nhưng chân phác. Văn bìa số một của Thân Nhân Trung ý tứ hàm súc, chữ nghĩa thanh kỳ hơn cả.

Liên cho người tốt giọng bình đoạn luận về hiền tài cho mọi người cùng nghe:

"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà vưon cao. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà xuống thấp. Bởi vậy, các đấng thánh đế, minh vương ai chẳng lấy việc gây dựng người tài, kén chọn kẻ sĩ, bồi đắp nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ đối với đất nước quan trọng là thế cho nên quý trọng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã quý trọng bằng khoa danh lại tôn trọng bằng tước trật. Lại còn đề tên ở Tháp Nhạn, ban danh Long Hồ, mở tiệc Văn Hy⁽¹⁾ tỏ ý triều đình mừng được người tài. Không việc gì không làm tới mức cao nhất.

Nay thánh minh lại cho rằng điều hay việc tốt, tuy có lừng lẫy một thời, song lời khen, tiếng thơm chưa đủ sáng soi hậu thế, cho nên lại dựng đá đề tên đặt ở cửa chọn người hiền khiến kẻ sĩ trông vào mà hăm mộ, phấn chấn, rèn luyện danh tiết gắng sức giúp vua. Há chỉ là chuộng văn suông, hăm tiếng hão mà thôi ru!

Ôi, kẻ sĩ chốn trường ốc lều tranh, phận thật nhỏ mọn mà triều đình đề cao rất mực như vậy, há không biết làm thế nào để tự trọng bản thân mà toan bề báo đáp hay sao?

Hãy đem họ tên những người đỗ khoa này mà điểm lại. Người đem chính sự tô điểm cho sự trị bình, được quốc gia tin dùng suốt mấy chục năm kể cũng nhiều. Nhưng gián hoặc cũng có người nhận hối lộ mà hư hỏng, hoặc sa ngã vào hàng bọn gian ác, có lẽ vì đời họ chưa được nhìn thấy tấm bìa này. Ví thử đương thời được thấy thì lòng thiện tràn đầy, ý ác tất ngăn chặn, đâu còn dám nảy sinh

⁽¹⁾ Chỉ việc yết bảng rỗng bảng hồ, ban tiệc của vua cho các tiến sĩ...

như vậy được! Xem thế việc dựng tấm đá này ích lợi biết bao, kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đây mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn luyện danh tiết cho sĩ phu vừa để củng cố mệnh mạch cho đất nước. Thánh hiền làm ra đâu phải uổng! Ai đó xem bìa nên hiểu ý sâu này!"

Nghe đọc văn bia của Thân Nhân Trung, ai cũng trầm trồ. Thánh Tông thưởng bạc cho tất cả mười người, riêng Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận được ban thêm hai lạng.

2004

THỜI Đây Sơn

Nguyễn Huệ đến Thăng Long

Nguyễn Huệ đóng quân ở thành Phú Xuân, ngày đêm chỉ lo luyện tập quân sĩ. Ông vừa đi duyệt quân thủy ở cửa Tư Dung về, đã vội lên mấy huyện miền núi, thăm mấy cánh quân tượng luyện voi. Quân Tây Sơn ra khỏi Hải Vân, đóng tại Phú Xuân, như người cắm trại ló ra khỏi ngoài cổng dinh, cũng muốn phá giới thăm thú đây đó. Nhìn vào chủ tướng lúc nào cũng thấy người nghiêm nghị, tất bật. Gặp quân sĩ từ đất quê hương cùng ra đi, rất thân ái, nhưng những việc gì níu áo người thì không rõ. Ông chủ tướng vừa phát tay vẫy vẫy một Hiệu úy, một Đô đốc, đã vội giục ngựa, giục voi, giục thuyền đi vụt mất rồi...

Huệ ra Phú Xuân lần này, nuôi một chí lớn ngấm trong lòng, chưa ai đoán nổi. Các tướng tá hậm hực cho rằng đây là một cuộc đi đây. Ông Huệ bước, không như ông Lữ. Ông Nhạc bàn nọ bàn kia, ông Huệ hay cãi lại. Do đó, bề ngoài ông Nhạc dấu vẩn tỏ ra yêu quý ông Huệ, nhưng trong ruột thì cũng không muốn đưa em bất trị ở gần mình. Chuyển ra Phú Xuân lần này, ông Nhạc cũng thăm ra trò đấy. Phong Bắc Bình Vương cho em, nhưng lại cho hai tướng đầu bò đầy tham vọng đi kèm. Đó là Tả quân phò mã Võ Văn Nhậm và Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh.

Huệ thừa biết ý đồ của anh, song vẫn cứ đi. Vợ con để cả Quy Nhơn. Huệ mang theo những tướng tâm phúc trẻ mà Nguyễn Nhạc chưa để ý, trong đó Phan Văn Lân, là người Huệ yêu nhất.

Nguyễn Huệ vừa bước vào trong buồng thì Nguyễn Hữu Chỉnh đến và ra mắt. Chỉnh chờ đã lâu, thấy Nguyễn Huệ về, xồng

xộc vào ngay, quân canh cửa lại nói để chủ nghỉ một chút, Chinh trùng mắt bảo:

- Ta là phó tướng, vào bàn chuyện cơ mật.

Nguyễn Huệ vừa cởi xong áo võ, quay trở ra hỏi:

- Chuyện gì đấy, ông Chinh?

- Tôi có một quỷ kế, chủ tướng có nghe không?

Nguyễn Huệ cười vui vẻ:

- Diệu kế thì nghe, chứ quỷ kế ta nghe làm gì?

Chinh láu lỉnh;

- Với ngài, tôi cứ phải nói trái tai ngài mới chịu nghe, chứ ăn nói bình thường thì chẳng bao giờ ra mắt được với ngài cả!

- Lại thế nữa! Vậy đó chính là diệu kế? Ông cứ nói ta nghe thử xem nào?

- Ngài đánh một trận, thắng hai quận công, mấy võ tướng, lấy xong Phú Xuân, làm tan cả một đạo quân hàng vạn người của xứ Bắc Hà. Việc này, Trịnh - Nguyễn giằng co nhau hàng trăm năm nay mà chưa ai làm nổi. Tôi muốn nhân lúc quân Thanh đang mạnh như thế này, ngài nên đánh ra Thăng Long?

- Sao, ông xui ta đánh Thăng Long ư?

Chinh đi đi lại lại, không nói nữa cố ý để cho Nguyễn Huệ bắt mỗi vào câu chuyện của mình. Nguyễn Huệ gọi giật lại bảo, hơi giận:

- Ông nói gì rồi lại cầm như hến ấy?

Chinh khích;

- Tôi tưởng ngài không nghe, nên không nói nữa!

Huệ trùng mắt:

- Sao lại không nghe?

- Vậy hả, thì tôi nói đây? Phép dùng binh có ba điều cốt yếu là "cơ, thời và thế"! Nay ông có ba điều ấy với Bắc Hà, sao lại không dùng!

Chỉnh lại ngừng. Huệ lại giục:

- Kìa ông nói tiếp đi chứ!

- Tây Sơn là cơn giông lớn ngoài biển khơi! Triều đình nhà Lê Trịnh hiện nay là con thuyền rách buồm, long ván, vá vúi mà lượn lờ, tỏ ra thiên hạ biết vẫn có thể vượt biển, có biết đâu chỉ cần một cơn gió mạnh đã đủ nghiêng lệch rồi. Tướng lười, binh kiêu, kỷ cương đứt tung cả, kinh thành Thăng Long như một cái chợ vỡ, như đám hội cá, mạnh ai nấy thắng! Ngài không lấy thì cũng phí đấy!

Nguyễn Huệ đứng vụt dậy, đi đi lại lại, dáng tư lự:

- Xứ sở của nhà Lê có hai trăm năm lẻ rồi. Họ Trịnh cũng nhiều tay kiệt kiệt đấy! Văn có, nhân tài họ chẳng thiếu đâu. Con ông kia còn có nọc độc giấu trong lòng mình, hướng chỉ cả một triều đình.

Nguyễn Hữu Chỉnh cười âm lên. Huệ nhú lông mày:

- Ông cười gì vậy!

Nguyễn Hữu Chỉnh vẫn cứ cười:

- Nhân tài ngoài Bắc hết rồi! Quận Huy bị giết, quận Tạc, quận Thê thì ngài vừa cho một trận không còn một mảnh giáp. Văn thì có ai. Chúng nó, chỉ ngồi rình nhau có gì sơ hở, lấy Khổng Tử, Mạnh Tử, Vua Văn, Vua Võ, Vua Thang, lấy chuyện đời Tần, đời Hán ra mà bàn, ngáy đến tận lỗ tai. Ba cái gã nho gàn như Phan Lê Phiên, Bùi Huy Bích, Trần Công Xán ấy thì đáng gọi gì là người tài.

Nguyễn Huệ tùm tùm cười hỏi lại:

- Bùi Huy Bích là Tể tướng phải không?

- Phải? Nhưng đó là một lão quan tể chỉ biết bày đồ lễ tế, và hăng giọng giảng mấy câu văn mà họ đã bàn nát ở trong sách cũ rồi! Hắn không biết giá một cân thịt, một đấu muối ở chợ là bao nhiêu đâu?

- Tể tướng làm gì cần phải biết giá thịt giá muối.

- Có lúc không cần thiết, nhưng có lúc cũng cần phải biết!

- Trần Công Xán là thầy học của ông đấy sao? Sao ông nở khinh thường thế?

- Tuy là thầy tôi, nhưng lão ấy cũng là một loại hủ nho thôi. Ấy cái đất Bắc Hà nó chết vì thế đấy. Nó chuộng danh, chuộng tước thôi, cái miếng ăn là cái đáng chuộng nhất, thì chẳng một ông đại thần nào tỏ ra có tài tạo được miếng ăn cho thiên hạ. Vậy thì bảo tài là tài cái nổi gì? Nói thật với ngài, nhân tài Bắc Hà còn độc một thằng Chính này thôi!

Nguyễn Huệ gật gù, mãi sau mới nói:

- Vậy thì cái đáng để ý nhất với Bắc Hà lại là ông. Cái đáng sợ ở Bắc Hà nhất cũng là ông, mà ông lại là Hữu quân của ta, ở ngay sát nách ta đấy!

Chính biết mình nói hớ, toát mồ hôi, vội chữa:

- Không phải thế đâu ạ! Bởi vì họ đều là rác rưởi cả thì Chính dẫu hơn họ nào có ra cái quái gì!

Nguyễn Huệ lắc ra, nói tiếp:

- Ta cũng muốn lấy Bắc Hà, song ngoài ấy văn hiến đã lâu, ta mang danh là bọn giặc cỏ, mình vào kinh thành, danh chưa chính thì họ sẽ gọi mình là bọn cướp biển mà thôi?

- Họ gọi gì mặc họ. Nếu chiếm được Thăng Long, thì không những bị gọi là giặc mà ngài còn được trọng vọng hơn cả Đức Hoàng thượng hiện nay cơ đấy!

- Cũng có lý. Ông nói tiếp đi! Ta vẫn cố tìm một cái cớ để ra quân ở Bắc Hà?

- Có thì có rồi! Vẫn cứ phải lấy danh nghĩa tôn phò nhà Lê thôi. Bởi có Vua Lê, Chúa Trịnh. Vua Lê tiếng to mà chẳng có quyền. Trịnh đang tiếm quyền, nay nhà Trịnh lại nát, ta đem quân ra phò Lê diệt Trịnh, há chẳng danh chính ngôn thuận ư?

- Thôi cũng cứ cho là thế? Nhưng còn phải bấm với anh Nhạc ta nữa cơ. Dù sao ông ấy cũng là Vua Tây Sơn.

- Ôi chào! Tôi nói thì dễ mất đầu. Ngài cũng chỉ khéo nói thế thôi, chứ việc đánh dẹp ngoài này, ngài phải quyết định hết cả. Ông Nhạc ở tận Quy Nhơn, biết mù tịt gì mà bàn. Còn Võ Văn Nhậm thì kiêu nể, hay nói đúng hơn là sợ ngài, ngài bảo gì mà hắn chẳng nghe.

- Nói thế! Ông quá suông sã đấy! Ông Chinh ạ! Thôi được, ta nghe ông. Ông liệu thu xếp mà cất quân. Ông đem quân thủy bộ kéo đi trước. Hãy vào thẳng đất giặc, ta đem đại quân hỗ trợ theo sau. Phía ngoài thì không sợ đâu! Cứ kéo quân qua là bọn quân quan nhà Trịnh không dám ho he đâu mà! Ông phải lấy quân tinh nhuệ, tiến như gió lốc, chiếm cho được đất Vị Hoàng. Khi ông vào Vị Hoàng thì ta cũng theo cửa Thần Đầu tiến dân vào. Cứ nổi hiệu lửa lên, đừng sợ, ta sẽ đến kịp ngay.

Chinh mừng rỡ vội ra, quên cả vái chào Nguyễn Huệ. Huệ nói:

- Thằng giặc gian hùng này phản chủ cũ, giết em rể để tiến thân với Tây Sơn mình. Nó cũng phò mình lúc thịnh thôi, cái thằng cứ muốn vịn vai người để dấn lên này, xem làm ăn ra sao? Hắn có thực tài, chỉ tiếc rằng cái máu ham ăn lộ liễu quá.

Viên quan hầu vào báo cho Trần Văn Kỷ muốn vào hầu chuyện. Nguyễn Huệ thay đổi hẳn thái độ, ân cần bước ra khỏi trướng, một lúc sau Huệ mời được Kỷ cùng vào.

*

Quân Tây Sơn phá tan binh thuyền của tướng biển Đinh Tích Nhưỡng. Đốt một vạn học lương thực dự trữ của Chúa Trịnh, đánh tan quân sĩ của Đỗ Thế Dận ở Kim Động, chém sáu con của quân Thạc (Hoàng Phùng Cơ) ở ngoại ô và đổ bộ lên bến Tây Long. Trịnh Tông đốc quân sĩ chống cự nhưng không nổi, phải chạy biến

sang bên kia sông rồi rơi vào tay Nguyễn Huệ, bị chém, bêu thây ở ngoài cửa thành. Chính tướng công mình to, dương dương tự đắc. Chính có người bạn tù cũ là Đỗ Thế Long, liền cho thả, mời vào trường ở Hoàng thành để trò chuyện. Long biết Chính muốn qua mình để hỏi kế, cũng là dò xét thêm về thế sự. Thời tao loạn, trong ngục với ngoài đời chẳng khác nhau bao nhiêu. Ngồi trong ngục, nếu biết nghe, hỏi, chọn lọc những tin tức dội vào, cũng chẳng lạc lõng gì với thời cuộc.

Tuy vậy Long cũng tìm đến chơi vài người bạn cũ, là loại hiểu việc thạo tin, để Long thêm chút vốn liếng với một tay bạn chơi, giờ đã thành quan lớn. Long ngang tàng, không phục Chính, trước sau vẫn cho Chính là một kẻ giảo hoạt gian manh.

Long đi xem một lượt ba sáu phố phường. Dân chúng vượt sông Nhị Hà, ra ngoại thành chạy loạn cả. Thời giá khá đắt đỏ. Một bữa rượu mất tới ba, bốn quan tiền. Người tử tế cốt toàn thân danh, hoặc tìm chỗ lánh thân, chờ chân chúa! Ở lại Thăng Long chỉ còn những tay xảo quyệt, hám lợi, hám công danh, thập thò trong lúc tranh tối tranh sáng để vớ chút của cải hoặc chức tước. Ở tù ra, Long lại thấy ngán hơn cả những ngày ngồi chết dí trong ngục thất. Với sự chìm nổi, náo loạn liên miên từ hồi Chúa Trịnh Sâm phồn hoa thuở trước. Hồ Tây đã bật những bóng thuyền rồng. Hành cung của Chúa, kẻ giữ gìn, đã lấy tiền thuê, cho bọn vô lại vào đánh bạc. Các đài, sảnh thừa thớt vài viên quan văn. Võ tướng chẳng còn ai đáng mặt. Quận công nọ, tước hầu, tước bá kia chẳng qua là một lũ công tử bột, thị thân, gia thân, gần gũi Chúa, gặp lúc người có tài lẩn trốn hết, mà ra vớ lấy một chức quan đó thôi.

Nửa đêm, Long đến hành dinh của Chính. Chính đãi Long như một bậc tân khách của nhà đại quan. Long không lấy thế là hay; không vì Chính đang có uy quyền mà hạ thấp mình. Vừa xong một tuần trà, sau bữa cơm đặc biệt đích thân Chính thù tiếp, Long

bền hỏi đến chuyện của Chúa Trịnh chết, bị phanh thây ra cho mọi người xem trước cửa thành. Chỉnh búi ngủi nói:

- Chúa không tin bụng ta, nên mới tự huỷ hoại đời mình! Nếu Chúa còn sống, hẳn ta cũng đặt vào một địa vị thanh nhàn không đến nỗi mất danh lộc.

Long nghe, cười tủm tỉm. Long biết thừa Chỉnh, đi với Tây Sơn không hề thực lòng theo Tây Sơn, chẳng qua là cáo mượn oai hùm thôi. Mong của Chỉnh chính là xưng hùng, xưng bá ở Bắc Hà, vì Chỉnh biết Bắc Hà hiện nay triều chính suy nhược. Vua Lê bị Chúa tước quyền từ lâu. Nhà Chúa vì trưởng thứ tranh giành ngôi tôn mà đến nỗi phá tan những gì Chúa Trịnh Sâm phải mất cả một thời năng nổ mới xây dựng được. Long nói:

- Ông tự đánh giá về chiến công của mình vừa rồi xem sao!

Chỉnh cố làm ra vẻ tự nhiên, coi Long là bạn hàn vi, không giấu giếm gì. Chỉnh ngả mình vào gối xếp, cười âm lên mà nói;

- Người ở trong tù với ta, thì nhau kiêu căng, không ai chịu ai! Nhưng bây giờ ta đã có hiệu quả của việc làm rồi còn người chỉ có lời nói mà thôi.

- Ngài hơn tôi vì ngài được ra tù trước thôi! Chứ nếu tôi cũng xống xềnh như ngài thì cái kiếm được của ngài vừa rồi, có khi tôi phỗng tay trên mất!

Chỉnh cười càng to. Chỉnh bảo Long:

- Khi xui Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ nên kéo quân ra Bắc Hà, ta coi như ở nước Nam này chỉ có hai con rồng và hổ. Rồng Long thành thì rồng không, việc gì mà phải ngại!

Long vận lại:

- Thế chủ tướng của đạo quân Tây Sơn tiến ra Bắc trả lời ngài ra sao?

- À, à, cái đó người biết làm chi! Mà người muốn biết ta cũng không cho người biết cơ mà! Nhưng thôi, vị thầy tướng

đoán mò mà trúng ở trong ngực của ta ời, hãy cho ta một lời bàn đất giá đi.

Đỗ Thế Long hiểu bụng Chính muốn mưu việc về xa, Long cũng muốn mong dịp này, kiếm chút danh vị. Nếu được Chính để ý thì giàu sang chẳng mấy chốc sẽ có. Trước sau Chính chỉ là kẻ tiếm quyền, do đó, y chỉ thích phò kẻ yếu để ăn hiếp, chứ chắc gì đã một lòng theo Tây Sơn, Long thôi hẳn đùa cợt, nghiêm trang nói:

- Ông còn nhớ nghĩa xưa của Huy Quận công Hoàng Đình Bảo chứ?

- Ông ấy là người đưa ta vào con đường công danh! Tước hầu của ta cũng là nhờ ông ấy cầu xin cho!

- Như thế ông nguyên là người của Chúa Trịnh!

- Thì ta ra đây cùng quân Tây Sơn cũng là mượn tiếng "Phù Lê diệt Trịnh" vậy thôi. Ai chẳng biết cơ đồ họ Trịnh, tám đời Chúa, truyền hơn trăm năm, lòng người đã tôn phò Trịnh quen rồi, rất khó nhận ra việc thật tình nhân nghĩa. Ta phò Trịnh là phò kẻ đã suy yếu mà?

- Ông mà cũng nói nhân nghĩa ư?! Mà ông có nói cũng chẳng ai nghe ông đâu vì hiện nay việc ông làm, người Bắc Hà cho là việc công răn cản gà nhà đấy. Trịnh - Nguyễn phân tranh, Tây Sơn nổi dậy. Phía Nam yếu mà phía Bắc cũng yếu! Nguyễn Nhạc xưng vua ở Quy Nhơn, cái chí không vượt nổi vài trăm mét đất. Nguyễn Huệ có tài lớn, nhưng cũng chỉ là em vua vừa nổi dậy, chưa có chỗ đứng chân. Ông đã lợi dụng cái thế ấy rủ Huệ ra Bắc để mượn oai hùm mà dọa đàn khỉ nhất đấy!

- Ông Long vẫn ngang tàng như xưa, nhưng xin cứ nói!

- Ông tôn phò Lê ư? Nhà Lê đủ tôn quý rồi, Tể tướng công khanh như Bùi Huy Bích, Trần Công Xán nào có thiếu gì!

- Trần Công Xán là thầy ta đấy, ông đừng kiêu bạc quá, mà thất lễ với ông ta!

Long nghĩ bụng:

- Thằng này thật khéo giả vờ. Vua nó cũng không còn ra gì, huống chi là thầy! Được rồi, ta sẽ bói cái tâm địa thói tha kín đáo của hắn ra cho mà xem!

Long xin lỗi Chính như thế quá lời rồi ôn tồn nói:

- Cái tiếng tôn phò mà ông nói chẳng qua chỉ là vô thời, còn cái lỗi của nó chính là cướp bóc! Bắc Hà tuy nhiều loạn nhưng hình hài vẫn còn nguyên như chiếc âu lạnh lặn. Bỗng dưng ông gọi quân Tây Sơn về, tự mình dẫn thân đi trước, làm môi giới cho đạo quân từ ngoài địa giới của uy quyền Lê Trịnh, vào cướp đất, đến nỗi làm hại Chúa, hại kinh thành, hại dân chúng. Tội ấy, người ta bắt được ông khi ông thất thế, thì cái vạ vút thây cho quạ rĩa cũng không xa đâu! Tây Sơn chưa thật vững chân, Nguyễn Huệ chẳng qua là một vị tướng, mượn thế lợi mà trái lệnh Vua anh. Sớm tối, trước sau, công việc tạm ổn sẽ lại rút về Thuận Hoá hoặc vùng Hoan, Diễn. Lúc ấy cái thân mỏng manh của ông liệu có chống được tội tày trời không?

Chính tím mặt lại, giận lắm, song lại ngả người giấu cơn tức sau bóng tối, nói:

- Vậy thì ông thầy tướng biết cả tiền vận lẫn hậu vận của ta, khuyên ta nên làm gì?

- Theo tôi, ông nên chọn trong tôn thất họ Trịnh lấy một người khá mà lập Chúa, rồi ông rũ áo ngồi chức phụ chính! Nếu nên công lớn, hoạ may mới chuộc được tội!

Chính bảo Long:

- Ông thật cao kiến. Ông thích nói thẳng, dẫu dễ gây trái tai. Giờ ông hãy về nhà tạm, chờ lúc nào tôi dùng kế ông, sẽ triệu đến, lúc đó chức tước ông muốn gì mà chẳng có!

Long vừa lui ra. Chính đã gọi viên tì tướng mà bảo:

- Người này tên là Long. Cũng là một loại rỗng. Nhưng chỉ là rỗng múa mép thôi! Mà rỗng thì nên cho xuống nước, đừng để trên

cạn nó dễ thành yêu quái mê hoặc người ta mất. Người cho quân đi theo, bắt trời lại, chìm hẳn xuống sông Nhị Hà cho ta...!

*

Nguyễn Huệ vào thành sau Chinh mấy bước chân. Ông cho người thân tín đưa quân vây giữ cung điện, với ý nghĩa, không để Vua Lê và hoàng thân quốc thích trốn khỏi thành. Vua đi rồi thì cái tiếng tôn phò chỉ là chuyện hão, thiên hạ tha hồ dị nghị. Đem quân ra Thăng Long lần đầu tiên, Huệ phải tính toán kỹ lưỡng lắm. Nhiều đêm, ông thức một mình, chấp tay đi lại trong túp lều đã chiến dựng lên trong trại quân. Cái bóng cao lớn vạm vỡ của ông bao trùm cả căn lều. Ông vâng mệnh Vua anh ra Thuận Hoá, mang theo tả quân Võ Văn Nhậm và Hữu quân Nguyễn Hữu Chinh. Nhậm là phò mã, lấy con gái Nguyễn Nhạc, Vua anh cho đi theo chẳng qua là để kiểm chế ông. Chinh là một kẻ có tài nhưng không có đức, ham muốn nhiều nên mạo hiểm, trí lự lớn, nhưng biết giấu giếm. Chinh lại có khiếu ăn nói, giỏi chống chế, mỗi một lời bàn, mỗi hành động, thực giả không biết đâu mà lẫn. Con dao hai lưỡi, rủ được cả đạo quân thiện chiến kéo vào Thăng Long. Tuy là hãn mợn quân người, tướng người để tạo lập công nghiệp riêng cho mình, song những điều đã xảy ra quả cũng đúng như lời hãn dăng kế, quận Huy đã chết, quận Thạc đã thua, phía Hàm Giang đáng gờm chỉ còn Đinh Tích Nhưỡng, mà hãn ta thừa biết quân Tây Sơn ra Bắc lần này chẳng qua là một chuyến thăm dò. Nào ngờ công lớn chóng thành, việc nhiều vô kể. Quy củ cần xếp đặt lại cái lũ nhân sĩ, quan lại lưu lại ở kinh thành vừa thừa lại vừa thiếu. Nguyễn Huệ giỏi cầm quân nhưng chưa bắt tay vào việc trị nước bao giờ. Vào thành Thăng Long, ông phải dựa vào Chinh vì chưa tìm được người nào đáng tin cậy hơn. Ông thận trọng đến từng lời nói, từng việc làm. Cho quân vây hoàng thành, ông dặn rất tỉ mỉ người chỉ huy thay ông vào gặp Vua Lê, sợ anh ta không quên lễ nghĩa mà hỏng việc. Vì thế khi hoàng gia nhà Lê thấy sân điện, quân Tây Sơn đã

vây kín, người đứng liên nhau, uy nghi như bức tường ai cũng cho rằng "quân áo đỏ" sẽ vào bức bách Vua, mọi người đều kinh sợ. Bỗng quân lính tách ra, một viên tỳ tướng, sửa mũ, chỉnh bào, trao gương cho lính, tiến đến quỳ giữa sân rồng, hai tay nâng tờ tấu lên trán để tiến dâng. Gia thân nội điện đón lấy dâng lên Vua Hiến Tông. Tờ tấu của Nguyễn Huệ lời lẽ kính cẩn, khiêm nhường, ân cần thăm hỏi sức khỏe Nhà vua, mong Đức vua cùng hoàng gia yên vị, xin một ngày được vào hội kiến, nói rõ việc tôn phò.

Vua Lê yên lòng, vỗ về sứ giả. Đội quân dâng lễ vật, quà Nguyên soái Tây Sơn tặng hoàng gia rồi tề chỉnh lần lượt lui về nơi đóng quân.

Đức Vua già yếu, lại đau bệnh, nằm tại nội điện. Nguyễn Huệ biết, liền thân vào nội điện Vạn Thọ để ra mắt Vua.

Quan hầu vào tâu, Vua vờ Huệ đến bên giường. Mọi người trong hoàng gia còn đang hồi hộp chờ xem thái độ của Nguyễn Huệ thế nào, thì Huệ đã để nguyên phẩm phục sụp xuống làm lễ ra mắt, rất cung kính, để đáp lại việc quý trọng đặc biệt của Vua.

Vua sai Hoàng tử Duy Cận đỡ Huệ dậy và mời sang giường bên để nói chuyện. Huệ khiêm nhường từ chối, nguyên đứng hầu Vua. Vua mời mãi, Huệ mới ngồi xuống một góc chiếu, thu người, để chân xuống đất, ngồi chéo giữ lễ. Người không ưa Huệ nhất trong hoàng gia cũng chịu không bắt bẻ nổi câu nào về phép tắc vào hầu Vua.

Hiến Tông đã cho vén màn lên, bảo người đỡ dậy để tiếp Huệ. Vua thật thà nói:

- Tướng quân đem quân xa xôi hàng trăm dặm ra Bắc, vượt sông, vượt gió, chủ tướng, quân sĩ, thậm chí đến ngựa voi đều vất vả. Vậy mà vào hoàng thành, kho đụn rỗng không, quả nhân tiếng làm Vua mà cũng chỉ là người được cấp lộc, chẳng có quà cáp gì biếu tặng.

Huệ thưa:

- Việc ra Thăng Long "Phò Lê diệt Trịnh" của thần, là một việc lớn. Khi quân Tây Sơn kéo ra Bắc, nước rút xuống, gió mạnh lên, ý hấn trời cũng chiều người, lo cho việc đất nước thoát khỏi cảnh phân tranh Trịnh-Nguyễn, Bắc Nam thu về một mối. Thần kính mong Đức vua sắp đặt lại giường mối, yên trong, hoà ngoài, để đưa đất nước trở lại cảnh thái bình thịnh trị, dân chúng ấm no. Những điều ấy vốn là điều tâm niệm xưa nay của Huệ. Sự ban tặng ấy mới thật là lớn lao!

Vua lặng đi giây lát. Huệ chỉ vào Chĩnh nói:

- Người gợi ý cho thần ra Thăng Long chính là ông Chĩnh, bề tôi của Bệ hạ đấy! Thần ra được đây, ngồi hầu chuyện Bệ hạ hôm nay, chính là nhờ ông đấy!

Chĩnh đưa mắt nhìn Huệ, Huệ thản nhiên như không. Vua nói:

- Chĩnh trung nghĩa thế là do ông xây dựng cho.

Chĩnh mượn lời tâu Vua, quỳ xuống dập đầu tâu:

- Thật đúng như lời Thánh thượng dạy!

Sợ Vua mệt, Huệ cáo từ:

- Bệ hạ đang mệt, ngồi lâu không tiện. Thần xin được lui về nơi đóng quân. Nếu Đức vua cần hỏi han điều gì, xin cứ gọi. Thần sẽ có mặt ngay bên màn trướng! Còn việc chăm nom sức khoẻ cho Đức vua, thần đã cho triệu các ngự y và giao rõ chức trách.

Vua nói, giọng buồn ngủ:

- Trẫm làm vua mà không có quyền. Nước trước đây, thực ra thuộc về họ Trịnh. Bốn mươi năm giữ áo, làm vua mà không khác gì chức quan nhàn. Nay già càng lẫn, ông đã có lòng ra Bắc tôn phò, xin ở lại, hết lòng giúp rập.

Huệ vội thưa:

- Thần chỉ được Vua anh sai ra lấy Thuận Hoá! Cơ trời xúi giục, ra đây dẹp họ Trịnh. Mệnh Vua anh chưa có, chắc không thể ở

lâu. Tuy nhiên Thăng Long còn rối, các trấn chưa yên, chắc cũng phải lo đánh dẹp ít lâu rồi có về mới về được!

Hoàng thượng đãi trà cùng Huệ uống hồi lâu rồi mới cho Huệ về. Chỉnh cũng ra theo.

Huệ giữ gìn ý tứ, không nắm trăm quan, giao cho Chỉnh triệu mời và cất đặt công việc. Chỉnh không thấy ý khiêm nhường ấy, lại nhân chuyện này muốn dựng mộng tiếm quyền từ buổi hôm ấy, bèn xin chiếu chỉ mời Phan Lê Phiến, Nguyễn Hoàn, Nhữ Công Điền, Trương Đàng Quĩ, Uông Sĩ Lăng, và bọn văn thân tản mát đó đây ra giúp việc. Riêng Trần Công Xán vốn là thầy học cũ của Chỉnh y có ý tin cậy hơn cả, còn bọn kia chẳng qua trao cho chức chỉ là ngồi làm vùi, lo việc công vụ, giấy tờ thôi.

Chỉnh điều tiết chính sự, đang ngấm lập bè đảng vây cánh. Vả lại, từ khi ra Bắc Hà đến nay, mọi việc tôn phò mới chỉ hoàng gia biết, chưa bố cáo cho thiên hạ. Do đó, Nguyễn Huệ xin với Vua, chọn ngày mồng 7 tháng 7 Vua cho thiết đại triều ở điện Kính Thiên. Huệ từ cửa Đoan Môn đi vào, đem sổ điển, hộ, sổ quân, sổ lương dâng lên theo đúng nghi lễ để Vua sai các quan coi giữ.

Vua nhận lễ yết kiến xong, truyền đại thần tiễn Huệ ra cửa điện rồi bãi triều. Hôm sau, Vua cho quan hầu đem chiếu phong chức Nguyên soái, Uy Quốc công cho Huệ. Huệ không thêm quở quang gì đến Chỉnh. Do thế mà Chỉnh nơm nớp lo sợ. Tuy được Huệ giao cho điều hành văn, võ trăm quan, song vốn có tật giat mình, Chỉnh không biết cách nào để lấy lòng Huệ. Y bèn nghĩ ra một kế là xui Vua gả con gái cho Huệ, với thâm ý, nếu sau này Huệ có ý lấy Bắc Hà thì cái tiếng con rể cướp nước của bố vợ cũng khó thoát khỏi miệng đời gièm pha. Vả lại, nếu Huệ lấy con Vua thì còn ở Bắc Hà ngày nào càng phải giữ gìn ý tứ, khiến Chỉnh càng rộng tay thi hành mưu lớn cho mình. Chỉnh đem chuyện này ước thử Huệ. Nguyễn Huệ biết thừa mưu kế của Chỉnh, nhưng nghĩ lại, nếu mình lấy con gái Vua Lê, mà lo toan

việc nước trọn vẹn, thì hai việc chẳng có gì cản trở nhau cả. Liền vờ như ý của Chỉnh nói Đức vua đã ưng thuận, là hoàn toàn có thiện ý, Huệ cười bảo Chỉnh:

- Hoàng thượng chắc thương ta chinh chiến xa nhà, rất cần người nâng chân gối. Anh ta giờ cũng làm Vua ở Qui Nhơn, Nhà vua gả con cho ta, đâu phải là hạng quê mùa vũ dũng như các ông Tiến sĩ Bắc Hà thường gọi giễu ta sau lưng nữa! Ta là em Vua Tây Sơn lấy Công chúa, cũng là môn đăng hộ đối đấy chứ!

Nói xong cười ầm lên. Mọi người cùng cười theo. Thấy Huệ có vẻ ưng, Chỉnh lại lật đật trở vào tâu xin với Đức vua và nói rõ ý muốn tìm vợ của Nguyễn soái Uy Quốc công Nguyễn Huệ...

*

Công chúa Ngọc Hân được Vua cha vời đến. Tưởng gì, mấy chị em dàn hàng ra cho Hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh xem mặt. Rồi Vua lại cho lui. Mấy Công chúa vô tư lự, suốt ngày chỉ ngắm vuốt bày trò chơi giải trí thì lần lượt về cả. Riêng Ngọc Hân được nán lại. Khi Chỉnh về rồi, Đức vua cho gọi đến bên giường và bảo:

- Trong đám con gái, cha thấy con là người có sắc có tài nhất. Từ đời Trung Hưng về đây, Ngôi vua chỉ là cái bệ thờ, để Chúa vô yên thiên hạ. Công chúa chẳng qua chỉ lấy bọn phò mã bình thường. Trông con ta rất tiếc, sợ lại giẫm theo vết chân người trước!

Nhà vua dừng lại, lấy sức. Mặt rồng phùng phùng đỏ, có vẻ nghĩ ngợi lắm:

- Ta giữ áo yên phận làm Vua, mắt nhìn bao nhiêu biến đổi. Một ngôi vua của ta trải mấy đời Chúa. Con trai bị hãm hại, ta mấy lần bị Chúa ngờ, cuối cùng nhờ biết cách đối xử, mà làm được việc giữ yên được tôn miếu. Bây giờ họ Trịnh thật sự đã suy vi, mà nhà Lê thì cũng thiếu người tài cán. Hoàng tôn Duy Kỳ tuổi trẻ nông nổi. Sùng Nhượng Công thì dĩ hoà vi quý... Mà quân Tây Sơn từ miền Trong ra lại vô cùng kiệt kiệt...

Vua thở dài, ngồi lặng đi, không nói gì đến chuyện thế sự nữa. Người đăm đăm nhìn vào con gái yêu và bảo:

- Nguyên soái Uy Quốc công đem quân ra Bắc Hà, cha xem ra cũng là một người tuấn kiệt. Người này kín đáo, thận trọng, không sỗ sàng thô bạo như Hữu quân Chính. Ông ta muốn cầu hôn với con, ta nghĩ rằng cũng là một việc tốt, ý con thế nào?

Công chúa Ngọc Hân ứa hai hàng nước mắt, nhìn Vua mà nói:

- Thừa Vua cha, người gần đất xa trời, còn nghĩ đến hạnh phúc của con, con nào dám trái lời. Vả lại, cuộc nhân duyên này đâu phải con có quyền quyết định.

Đức Vua tưởng đó là một câu trách khéo, liền lựa lời phủ dụ:

- Con gái yêu của ta! Vẫn biết cuộc hôn nhân này là chuyện đại sự giữa hoàng gia và người đem quân vào thành Thăng Long, nhưng trong rủi có may, trong may có rủi. Con là người trong đám Công chúa, phi tần, hãn không lạ gì!

Ngọc Hân càng khóc to hơn. Vua Lê gắng hỏi. Nàng đáp:

- Thân con gái trước sau cũng phải lấy một đời chồng. Nguyên soái Uy Quốc công là người đem binh một trận vào thắng kinh thành. Hầu Vua biết giữ lễ, con nghĩ hãn không phải người tầm thường. Vả lại Đức Thái Tổ xưa, còn đem Công chúa gả cho tận vùng Châu Yên, Châu Mộc thì thân con được gả chồng ngay tại hoàng thành cho viên chiến tướng, thế cũng là hơn chị hơn em rồi. Chỉ sợ, nay mai, quê chồng ở xa, con phải theo chồng, Vua cha tuổi hạc càng cao, con không được trông nom bên gối, đó là cái thiệt của con trẻ!

Xúc động, Công chúa khóc nức lên. Vua Lê phải an ủi mãi và cho dìu nàng về tư thất.

Đám cưới của Nguyên soái Uy Quốc công Nguyễn Huệ như một sự kiện lớn ở kinh thành. Quân Tây Sơn vào Thăng Long lần

này quân sĩ rất nghiêm quân lệnh. Các quan văn của nhà Lê cũ lại ngồi lo chính sự. Ở khu vực quân Tây Sơn đồn trú, những việc kiện tụng đều được xem xét kỹ lưỡng. Bọn trộm cướp bị lùng bắt và nghiêm trị. Thuyền buôn được chở hàng vào bến bán. Dân ngoại thị đem thóc gạo, rau dưa vào bán ở kinh thành. Quân lính của Tây Sơn mua cỏ nuôi ngựa voi, sắm các đồ dùng cho các việc quân, đều trả tiền sòng phẳng. Nhiều người chạy loạn đã trở về. Hàng quán lại mở. Đêm đến, nhiều quán ăn, quán rượu rất đông. Nhiều nhà nho đã trở lại kinh thành nghe ngóng động tĩnh. Bởi thế, khi có đám cưới của Nguyên soái Tây Sơn lấy con vua, nhà nào, nhà ấy cũng nô nức đi xem. Uy Quốc công đóng quân ở Lượng Phủ, gần giáp Tây Hồ. Cho nên quăng đường từ Lượng Phủ đến cửa Đoan Môn, người đứng xem chật ních.

Ngày hôm ấy là mồng 10. Một góc Hoàng thành tiêu thiếu nhã nhạc vang lừng. Quân Tây Sơn áo quần tề chỉnh. Tướng quân vận áo bào đỏ, mũ võ tướng đính kim tuyến và ngù hoa, theo đúng nghi lễ của hoàng triều. Nguyễn Huệ đã sắp sẵn hai trăm lạng vàng, hai ngàn lạng bạc, hai chục tấm đoạn, đàn tàn lọng, cờ quạt, cho viên Thị lang bộ Binh đem lễ vật và tờ tâu dâng lên. Vua Lê cho Hoàng tử là Sùng Nhượng Công ra nghênh tiếp.

Quân lính Tây Sơn mặc áo nếp đỏ, chân cuốn xà cạp đỏ, đội mũ chiến ghép tre cật, có chóp đồng, tay vác giáo đứng dàn hàng ra hai bên đường. Quan rước dâu mặc phẩm phục đại triều, đi kiệu, dẫn theo đồ lễ vật, phía sau là đoàn bát âm, đám con gái đi theo, múa bỏ bộ, lại có cả những đám thị nữ xinh đẹp, quần hồng áo đoạn, tha thướt yêu kiều, đi thẳng vào hoàng thành đón Công chúa. Đám đông chờ dọc đường càng đông thêm. Người nọ nhướn lên vai người kia mà xem. Tuy vậy, bởi sợ quân oai của nhà Tây Sơn, nên đâu đứng đó, nghiêm trang tề chỉnh. Lát sau xe Công chúa từ hoàng thành được các hoàng phi, Công chúa phù dâu, cùng các quan văn võ nườm nượp kiệu vàng, tán tía, áo đoạn, áo gấm, khăn vàng, mũ đính ngọc, đẩy về cao sang, từ trong cung tiến ra. Đoàn rước dâu đi

chậm chạp, để dân chúng càng có thì giờ chiêm ngưỡng. Khi xe Công chúa đến cửa phủ, Nguyễn Huệ ngồi kiệu vàng ra đón. Vị Nguyên soái hào hoa quắc thước, uy nghi trong phẩm phục màu đỏ. Ông đi đứng rất ung dung, rất đúng phép tắc của một đám cưới hoàng gia, khiến những kẻ chê Nguyễn Huệ là kẻ vô biên cũng phải trở mặt mà tắc cổ không sàm báng nổi một câu. Khi đám thị tỳ đưa Công chúa vào cung, Nguyên soái Tây Sơn sai đặt tiệc bên ngoài để thết các vị hoàng thân, hoàng phi và các quan văn võ. Người thân đi chào mọi người theo đúng lễ nghi, theo thứ bậc cao thấp trong hoàng tộc. Người chấp tay đáp lễ các quan khách. Các tướng Tây Sơn chia nhau cùng chủ tướng chuốc rượu tiếp khách. Tục Nam pha tục Bắc tự nhiên và thuần thực, cái thế chủ động, chân tình chan hòa trong tiệc rượu. Tiệc tan, Nguyên soái còn đem bạc tặng đến từng con trẻ đi theo. Ai nấy cũng hả hê. Nhiều bà hoàng phi buột miệng khen trên đường trở về hoàng thành. Mấy ngày hôm sau, kinh thành còn truyền tụng về đám cưới của tướng Tây Sơn.

Hôm sau, Nguyễn Huệ thân giống kiệu đôi cùng vợ vào hoàng thành đem lễ vật yết các bậc tiên hoàng ở Thái Miếu, chào Vua cha, các bà Hoàng phi, thăm hỏi các Công chúa, Hoàng tử rất ân cần. Công chúa đã bớt then, bớt ngại ngẩn. Về quắc thước tinh anh của vị Nguyên soái tài năng đã thuyết phục nàng. Lễ nghi chu đáo, cách ứng xử hậu tình và thủy chung như nhất đã gạt bỏ giúp nàng những lời gièm pha tai quái. Hàng tháng nay lúc nào Công chúa cũng tất bật trong lễ nghi phiên toái, Công chúa khá mệt mỏi. Song niềm vui đã âm thầm, lấp lánh ở tâm hồn người con gái cành vàng lá ngọc này. Thân con gái của một ngôi vua bị ức hiếp, tưởng sẽ thành kiếp phù dung, sớm nở tối tàn, nào ngờ cuộc hôn phối bất đắc dĩ lại có tình yêu thật sự. Một đêm gần gũi chưa thể đoán ra, nhưng Nguyễn Huệ quả thật là một võ tướng chân thành từ cử chỉ lẫn lời nói. Người cũng quá khổ về lễ nghi phiền phức, nên khi trút được cái bộ tịch cả thành Thăng Long trông vào, để thật sự được sắm vai chú rể, chàng trông mới thoải mái xiết bao. Câu đầu tiên Nguyễn Huệ hỏi là:

- Công chúa có mệt không?

Công chúa thưa:

- Dạ, em đâu có mệt bằng quan Nguyên soái!

- Nàng đến đây! Ta là một kẻ võ biên quê tận chốn sơn lâm cùng cốc, nào ngờ hôm nay được làm bạn với Công chúa! Nếu chẳng có chim ưng bay tít tầng trời thì sao lạ có vinh hạnh này!

- Chàng mang vinh hạnh cho em!

- Không nên nói thế! Nàng cũng đem lại nguồn vui lớn cho ta chứ!

Nói rồi Nguyễn Huệ dắt tay Công chúa dẫn ra xem hoa. Nguyên soái Tây Sơn hỏi:

- Ta bỏ hết những loài hoa đài các cao sang của họ Trịnh trước để lại. Đêm đón dâu này chỉ để những chậu hồng. Công chúa có hiểu ý gì không?

- Dạ, hoa nhiều thì lòng phải chia sẻ cho mỗi loài một ít. Với thứ hoa mình thích ưa thích ngắm, lòng yêu hoa lại sâu sắc một vẻ riêng.

- Ta cũng nghĩ như thế, nhưng không nói được câu nào thanh nhã như thế. Ta nghe nói văn tài của Công chúa cũng khá lắm. Mà ta lại là con nhà võ, âu cũng là duyên trời bù đắp cho cái thiếu của ta!

Cũng trong đêm hạnh phúc ấy, Nguyễn Huệ rất chăm chú hỏi thăm Công chúa bệnh tình của Đức vua, khiến Công chúa càng cảm động. Công chúa ước hỏi:

- Nhà Lê hai trăm năm nay bị họ Trịnh ức hiếp, nay Đức vua nhà Lê lại được Nguyên soái làm rỗi hiên, có lẽ nhờ phúc ăm của đức Thái Tổ còn để lại cho con cháu chăng?

Biết nỗi băn khoăn của Công chúa, Nguyễn Huệ nói:

- Ta chưa vào thăm Đức vua được vì Vua mệt, cần giữ ý. Biết đâu, vận số của người vừa hết, khi ta bước chân ra khỏi hoàng cung, thì mệnh thế có thể lại còn buộc cho ta tội cướp ngôi, mà Công chúa cũng mang tiếng là lấy phải chồng ác. Bụng dạ của ta đâu thể.

Chi bằng, nhân Vua cha còn gắng gượng được đôi ngày, ta sẽ xin người nhận lễ chúc mừng non sông thống nhất, nêu cao lời hứa tôn phò để trong ngoài đều biết. Danh chính, ngôn thuận, bấy giờ ta và nàng sẽ vào thăm Đức vua và chăm lo cho người chống bình phục để trị vì đất nước!

Công chúa sụp xuống ôm lấy gối Nguyễn Huệ để đáp lại thịnh tình. Huệ vội ân cần nâng dậy.

Nguyễn Huệ chọn ngày rằm xin đặt lễ đại triều. Vua Lê chấp thuận. Triều đình bày đại nhạc phía Đông phía Tây thêm son, điện Kính Thiên. Đồ nghi vệ sắp đặt cực kỳ sang trọng. Họ tâu xin Đức vua ra ngự châu. Khi các Hoàng tử thắp tùng dẫn Vua ngồi lên sập vàng, ngoài điện nổ ba phát súng lớn, trăm quan vào lạy mừng. Đức Vua lại sai đem tờ chiếu nói về nhất thống, dán ở cửa Đại Hưng bố cáo cho thiên hạ biết...

Những sự việc ấy, vẫn chưa thỏa lòng những viên quan nhà Lê, kẻ còn tiếc nuôi nhà Trịnh, kẻ đang mưu tính những liên kết bè đảng để chống Tây Sơn. Về mặt trăm quan còn sợ sệt, e dè, khiến Nguyễn soái Tây Sơn bức bối, song Nguyễn Huệ vẫn nén lòng chịu đựng.

Khi về đến cung riêng, Công chúa ra đón, Nguyễn Huệ nói:

- Người một nước mà xem nhau như kẻ ngoại bang, cái thứ lạnh lùng cao ngạo rởm của mấy ông quan gàn, thật khó chịu.

Công chúa dâng trà và lựa lời khuyên giải, Nguyễn Huệ mới nguôi nguôi. Nhìn ngắm con gái yêu của Vua Lê, Nguyễn soái Tây Sơn hỏi:

- Ta đã làm hết mình rồi, hoàng tộc, hoàng gia, bá quan văn võ nghĩ sao mặc họ, còn Công chúa, nghĩ về ta thế nào?

Công chúa ứa nước mắt:

- Bên cha là nửa trước đời em! Bây giờ em thuộc về Nguyễn soái rồi. Sự nghiệp của chàng, chính là sự nghiệp của em vậy.

Cảm kích, Nguyễn Huệ nâng tay Công chúa nói:

- Cảm ơn em, ta biết thế nào em cũng trả lời như thế!

Thấy Nguyễn Huệ ra Thăng Long, chùng chình không chịu về, Nguyễn Nhạc liền theo ra. Quân Tây Sơn bất ngờ rút về Nam. Chỉnh sợ hãi, lật đật theo đến Nghệ An, rồi tìm cách quay lại Bắc Hà, mượn danh phò Lê Chiêu Thống diệt Án Đô Vương Trịnh Bồng. Y chuyên quyền một lần nữa. Nguyễn Huệ sai Võ Văn Nhậm, Ngô Văn Sở ra giết Chỉnh. Nhậm lại chuyên quyền, Nguyễn Huệ lại ra Bắc lần thứ hai, giết Nhậm, giao Thăng Long cho Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, lại vào Phú Xuân. Vừa ra khỏi cổng thành, Nguyễn Huệ bị một đám người vây lấy. Huệ mặc võ phục nên họ không nhận ra. Người hát rong hỏi:

- Có phải Nguyên soái Uy Quốc công Nguyễn Huệ đó không?

- Nếu không phải thì sao?

- Phải thì tôi hát dâng một câu. Không phải thì thôi!

- Ông có xin tiền thì ta cho! Ta đang vội!

- Tôi không lấy tiền. Trời cho tôi tiếng hát thì tôi hát. Thôi được. Tôi hát để ông nghe rồi ông lại hát cho ông Huệ nghe. Ông có hát được không?

- Hát hay thì khó, chứ hát không hay thì ai cũng hát được!

Người hát rong hát:

Một Vua hai Chúa thật phiền,

Ba Vua một Chúa, bến thuyền ngổn ngang.

Bao giờ họp mặt trăm quan,

Ba Vua còn một, giang sơn vẹn toàn.

Nguyễn Huệ khen:

- Lời hát ý tứ lắm, giọng hát rất hay.

Người hát rong không để ý, hát tiếp:

Loạn mãi rồi phải yên,

Yên lâu rồi phải loạn.

Ai là thánh

Ai là hiền

Trên núi nếu có tiên,

Thì đời đâu có giặc!

Đói mà đi tìm phật,

Chẳng no bụng được đâu!

Muốn cây ruộng phải vỡ trâu,

Muốn đi đâu, muốn về đâu, mặc lòng!

Nguyễn Huệ thưởng cho người hát rong một lạng vàng. Ông ta không nhận. Một gã đồ nho tiến đến, hỏi:

- Này ông tướng áo đỏ. Chinh, Nhậm, Nguyễn Huệ đều là quân Tây Sơn cả đấy chứ?

- Phải, họ đều là quân Tây Sơn.

- Chinh ra Bắc Hà chuyên quyền, hiếp vua, làm giàu, vợ vét quá lắm. Võ Văn Nhậm ra, lại vợ vét nốt những thứ Chinh chưa vét. Triều đình hết của, cướp của dân chúng! Dân hỏi: quân nghĩa sao lại lấy của dân? Nhậm lòi ra chém! Hoá ra cái lúc ông Huệ nói những lời tốt đẹp với Tiên hoàng Hiển Tông đều là những lời hứa hão ư?

Nguyễn Huệ vặn lại:

- Ông có hay dùng vải vóc không?

- Vải vóc ai chẳng phải dùng!

- Trong hàng vải vóc, thứ gì đắt nhất?

- Đâu hàng vải vóc là gấm, thứ đến là lụa the!

- Đúng! Vải vóc ê hề, của giả nhiều hơn của thật. Ở Thăng Long hiện nay cứ bốn tấm lụa Hàng Châu thì chỉ có một tấm đích thực mà thôi! Vàng bạc cũng có của giả. Châu báu cũng có giả. Càng những thứ đắt tiền, của giả càng tinh xảo. Cho nên Vua Chúa giả, tướng tá giả có gì mà lạ!

Mọi người cười âm lên. Nhà buôn tiến lên hỏi:

- Hồi ông Huệ vào Thăng Long. Quân uy rất nghiêm, ông Huệ thấy hàng hoá khan hiếm, mở tiệc đãi các nhà buôn, bảo mở cửa hàng đi, một tháng không lấy thuế, tháng sau thu một nửa, tháng sau nữa mới lấy thuế mà không lấy nặng đâu! Các nhà buôn chúng tôi bán tén, bán nghi, sợ bị lừa, hoá ra ông ấy nói thật! Ai bỏ vốn bỗng giàu sụ. Tôi giàu cũng là nhờ độ ấy. Ông Nhậm đến, cũng họp nhà buôn, cũng đãi tiệc, nhưng tiệc tan, nhốt bếng họ lại, bắt đem tiền đến chuộc mới tha. Ông Ngô Văn Sở thay Võ Văn Nhậm, bắt chước ông Huệ lại mời chúng tôi đến, nhưng bọn nhà buôn sợ bị lừa, không đến nữa. Chỉ có bảy, tám nhà bạo gan, liều mà đến, ông Sở ôn tồn khuyên nhủ, vỗ về họ, song đến nay họ vẫn nghe ngóng, chưa muốn mở cửa hàng. Biết đâu ông Sở và ông Nhậm chẳng cùng một giuộc!

Nguyễn Huệ cười:

- Tin hay không, phải xét người chủ tướng! Nếu Ngô Văn Sở làm chín việc tin được, sao việc thứ mười lại không tin! Võ Văn Nhậm làm việc đầu đã gian manh, sao lại tin hẳn? Nhà buôn các ông không ngoan đến điều, trách mình không tin tưởng mới đúng, trách ai?

Một cụ già tiến lên hỏi:

- Ông Huệ từng ở Thăng Long một thời gian dài, lấy Ngọc Hàn Công chúa, giữ gìn lễ nghĩa, sắp xếp lại kỷ cương, dùng Nguyễn Hữu Chính nhưng không để y thao túng, người Bắc Hà nói xấu ông Huệ cũng nhiều, nhưng việc làm của ông ấy đã vả vào miệng những kẻ nhắm mắt nói liều. Ông Huệ tài ba thế, sao không ở kinh thành này để đến nỗi vua chúa, quan quân Bắc Hà không ai quản nổi nhau, lộn tùng phèo, đánh nhau liên miên hết ngày này sang ngày khác. Rồi ông ta không dùng được, lại phải đem quân ra, trị Chính, giết Nhậm. Tưởng ông sẽ ở Long thành, lại dùng dùng kéo về Phú Xuân. Hoá ra, ông ấy coi mạng dân chúng ngoài này như cỏ rác, mặc lũ lụt cuốn đi đâu cũng được ư?

Thấy cụ già nói như moi gan ruột ra, Nguyễn Huệ xúc động, xuống ngựa, cầm lấy tay mà nói:

- Cụ nhiều tuổi thế này, hẳn phải lo toan nhiều lắm!

- Phải, nhà lão cũng chẳng giàu có gì!

- Khi cụ chưa xây nổi nhà thì liệu cụ có làm nổi ngôi nhà lớn cụ vẫn ao ước không? Chủ tướng Nguyễn Huệ cũng thế! Ông ta đang tạo dựng cho mình một thực lực mạnh trong tay. Quân lấy ở đâu? Thóc gạo thu ở đâu? Chiến thuyền đóng gấp bao nhiêu cái? Tướng tá nên dùng ai vào việc lớn, việc nhỏ, việc xa, việc gần, công việc còn đang mới bắt đầu! Ông Nhạc, Vua Tây Sơn, anh ruột ông Huệ cũng cản trở em nhiều lắm! Không có sức mạnh, việc nhỏ làm không nổi, nói gì việc lớn?

Cụ già gật đầu:

- Ông nói ta nghe ra đấy! Nhưng ta chán ngấy vua chúa hiện nay rồi. Ta muốn thêm một ông vua ra trò. Ông về trong ấy, nhân hộ ta rằng, dân chúng ngoài này đang thèm có người gánh vác việc nước, xem ra chỉ có ông Huệ đáng ngồi vào Ngôi vua thôi! Chiêu Thống, Án Đô Vương, Thái Đức nhà Tây Sơn, đều là vua chúa già cả! Ông cứ nói toạc rằng: Ta thay mặt dân chúng, mời ông Huệ ra Thăng Long làm vua.

Nguyễn Huệ ôm lấy vai ông cụ, rút từ vai mình chiếc cờ hiệu nhỏ của Tây Sơn rồi nói:

- Lời cụ chí tình, tôi sẽ nói hết với ông Huệ. Thay mặt chủ tướng tặng cụ lá cờ này. Nếu có loạn, quân Tây Sơn kéo ra, cứ cầm cờ trước cửa, nhà của cụ sẽ được gìn giữ chu đáo, người, của không ai dám chạm tới!

Cụ già, ông đồ, nhà buôn, người hát rong tạ rồi đi.

*

Nguyễn Huệ đã đại thắng quân Thanh, kéo binh vào Thăng Long. Phố phường ở kinh thành đón ông chỗ mặn, chỗ nhạt. Chỗ mặn mà, treo đèn kết hoa, múa hát suốt ngày đêm; chỗ nhạt nhẽo, nhà cửa đóng im ỉm, phố phường vắng ngắt. Có người nói với

Nguyễn Huệ hãy đem quân làm cỏ bọn lão lếu coi thường quân Tây Sơn kia đi, Nguyễn Huệ cười và bảo:

- Đừng cho nơi im ắng là không theo mình. Treo đèn kết hoa ngay mừng ta là người hồ hởi. Treo đèn kết hoa một tháng sau, một năm sau, mới là người sâu sắc.

Liên sai Ngô Thì Nhậm viết một bảng thông cáo, đại lược như sau:

"Vì dân trừ bạo, Hoàng đế chiếu rằng:

Nhà ta dấy nghĩa ở vùng núi non, chỉ vì nghĩa lớn! Phía Nam dẹp bọn Chúa Nguyễn hư đốn, ra Bắc trừ khử họ Trịnh tiếm quyền, một dạ tôn phù nhà Lê, mấy lần ra Thăng Long, thần dân đã rõ. Từ ngày Chiêu Thống lên ngôi, chính sự theo lẽ lối cũ. Quyền thần một đám, chỉ ngồi tranh nhau ăn và nghĩ việc trả thù lẫn nhau. Chiêu Thống rước hai mươi vạn quân Thanh vào kinh đô, gây ra cảnh loạn ly, sinh dân xiêu tán, vận nước lâm nguy, đất nước như trứng để dầu gậy. Ta nhờ có tướng văn tướng võ trung thành. Ngô Văn Sở lui quân về Tam Điệp, ta chính Ngôi vua từ miền Trung kéo thẳng ra Bắc Hà. Mồng 3 tháng giêng năm nay (1789) đại binh Tây Sơn chiếm đồn Hạ Hồi, Thương Duy Thăng tướng binh trời bay xuống, rụng rời sợ hãi xin hàng! Ngày mồng 5 tiến sát Ngọc Hồi. Hứa Thế Hanh chống trả suốt ngày, cuối cùng đồn tan, quân chết. Quân sĩ tiến đến gò Đống Đa, Thái thú Điện Châu Sâm Nghi Đống, thấy quân chưa đánh đã tan, không sao chống nổi quân Nam, y liền thắt cổ mà chết. Quân Thanh chạy tắt sang Đại Áng bị voi giầy. Tôn Sĩ Nghị ở suý phủ sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, quân tướng tranh nhau tháo chạy qua sông, xô đẩy nhau mà chết. Cầu phao đứt, thấy quân xâm lược tắc nghẽn cả dòng sông! Việc ấy hiện ra trước mắt mọi người.

Giặc dữ đuổi xong rồi. Việc lớn đâu phải ngồi ăn mừng đại thắng. Ta nghĩ đến chuyện khôi phục sức dân, làm cho Bắc Hà giàu có, hưng thịnh như xưa. Nay ban bố mấy điều:

1. Dẹp bỏ các ca lâu, tầu quán, hát xướng rong chơi, khuyến khích mở mang các nghề tinh xảo: dệt lụa, đúc đồng, rèn cày cho dân dùng; làm ruộng, trồng dâu. Thuế cũ nhà Lê ban hành đều giảm cho một nửa. Ba năm sau sẽ định đoạt lại.

2. Khuyến khích các thuyền buôn lớn ra vào kinh kỳ. Các chợ sông, chợ biển, trao đổi hàng hoá! Các nhà buôn giàu có, ai có sức buôn lớn, bán to, đóng thuyền mà kinh doanh. Lãi mười phần nộp cho ngân khố một!

3. Mở mang lại Văn Miếu, các trường học. Bước đầu hãy học theo lễ thói cũ, dần dần sẽ thay chữ Hán bằng chữ Nôm. Chữ Hán đầu đã phổ cập ngàn năm, lệ luật thi cử chặt chẽ. Song, tiếng nước ta nói ra ai cũng hiểu, sao không soạn sách mà học. Nhưng việc đó là việc lâu dài.

4. Nghiêm trị bọn trộm cướp, vô công rồi nghề. Kẻ nào trộm cắp một lần, nghe lời khuyên mà chịu thì tha; phạm lần thứ hai, gọt gáy bôi vôi, giấu cho mọi người nhìn mặt, cho về quê quán quản thúc, bắt làm lao dịch. Phạm lần thứ ba thì cho thuyền chở ra đảo xa, bỏ cho hạt giống, cấy cuộc mà sống, chịu hối cải, bà năm sẽ cho về.

5. Kinh thành kho dựn trải bao năm chinh chiến, đều rỗng không. Lính cũ nhà Lê còn nhiều, quan lại cũng lắm, ai thích về điền viên, ta cũng không cấm, vì của cải có hạn, triều đình không kham nổi. Ai nhiệt thành vì nước, ở lại giúp Vua, ta sẽ thăng quan lên một cấp, nếu có thực tài, sẽ trao chức cao, quyền lớn, không phân biệt người Bắc, người Nam.

6. Việc đi lại bấy lâu lộn xộn, khó bề kiểm soát, nay ta ban hành loại tín bài để phân biệt người ngay, kẻ gian. Trật tự được văn hồi, sẽ không dùng đến nữa!

7. Quân tướng Tây Sơn ai có công đuổi giặc đã trọng thưởng rồi, nếu cậy công hà hiếp dân chúng hay sa vào lười biếng, tham những thì xử phạt gấp đôi người khác.

*Đất nước long đong, chia cắt từ lâu, nay mới đến ngày mở
mặt. Mong thần dân hết lòng góp tay vào chấn hưng làm rạng rỡ cơ
nghiệp của tổ tông...*

Khâm thủ!

Vua cho Ngô Văn Sở họp những danh thần như bọn Ngô
Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Bá Lân lo sửa sang chính sự;
giao việc buôn bán thông thương với các nước láng giềng ở mạn
Vân Đồn, Tam Đái, Phố Hiến cho các nhà buôn lớn ở từng vùng.
Ở thôn quê thì lấy ruộng các vương hầu, quý tộc, đại thần chạy
theo Chiêu Thống sang Trung Hoa, ban thưởng cho những người
có công đánh giặc.

Lệnh ban bố ra, nhiều người hưởng ứng! Mấy tháng sau đến
ngày sinh nhật Đức vua, quan Trấn thủ kinh thành lại cho treo đèn,
kết hoa thì đâu đâu cũng treo hết cả, kinh thành rực rỡ, sáng loà.
Phố phường buôn bán tấp nập, hàng hoá ê hề, thứ gì cũng có. Mọi
người chịu Vua là cao kiến. Ở hành cung gần Đông Bộ Đầu, quân
hầu vào báo, có đám dân chúng xin vào lạy mừng. Vua nhíu lông
mày hỏi:

- Họ là những hạng người nào?

- Tàu. Một người hát rong. Một ông đồ. Một nhà buôn và một
cụ già!

Vua hoan hỉ:

- Cho họ vào! Ta đã gặp họ một lần, bữa ra Thăng Long lần
thứ hai.

Đám dân chúng vào. Nhận ra Vua đầu tiên là người hát rong.

Ông ta reo lên:

- Trời ơi! Hoá ra Vua Quang Trung Nguyễn Huệ chính là
ngài ư? Tôi cứ tưởng ngài bữa ấy chỉ là một vị quan to của ông
Huệ thôi.

Quan hầu cận nhắc:

- Không được kêu tên vua trước mặt mọi người!

Người hát rong lẽ lười rồi thưa:

- Tôi sướng lắm rồi! Không còn gì mà nói nữa! Tưởng Vua không phải là ông bừa nọ, chứ đúng là Vua rồi, còn hỏi làm gì? Tôi chỉ xin hát dâng một câu thôi!

- Ông hát đi!

Người hát rong vừa đàn, vừa hát:

Xin hỏi bạn tri âm,

Làm vua có khó không?

Nếu chỉ biết:

Tiệc tùng, ca hát vui gái đẹp,

Cô Tô, A Phòng rồi cũng hết!

Nếu chỉ biết:

Nghe lời xiêm nịnh tâng bốc nhau,

Vua hiền rồi cũng thành vua ác!

Kìa chẳng xem:

Vua hiền thuở trước,

Đi cày cùng thứ dân,

Để biết lụng mỗ hôi làm ra hạt thóc,

Nghe lời nói thẳng không nhú lông mày.

Đức độ công bình mà phán xét.

Ta gặp vua nào đây?

Vua hiền hay vua ác?

Vua nào tiếp ta đây?

Vua ác hay vua hiền?

Nguyễn Huệ gật đầu:

- Ông hát hay lắm! Ông có cần ta giúp gì không?

- Tôi xin Nhà vua lạng vàng bữa nọ.

Vua hỏi:

- Bữa trước ta thưởng, ông không nhận, sao bây giờ lại xin?

- Thưa bữa trước lưng chưa thấy mồi, đầu chưa bạc xoá, hát chưa khàn, còn có người cho tiền. Bây giờ thân thể suy kém, phải liệu mà độ thân.

Vua gật đầu bảo:

- Người già khổ thật. Ông khuyên ta phải nâng đỡ người già.

Bèn cho mười lạng vàng, giữ ông lão theo quân, dạy những bài hát hay cho đội ca quân làm vui trong doanh trại,

Ông lão hát rong lay tạ, lui ra. Ông đồ tiến đến nói:

- Tàu Đức vua, tôi đến xin ngài trị tội!

- Ông có tội gì? Bữa trước chẳng phải ông nắm cương ngựa, hỏi chuyện ta việc quân Tây Sơn vào Thăng Long đó sao?

- Tàu, phải! Bữa trước chẳng qua, tôi tức oán Nhà vua Tây Sơn mà hạch hỏi, chứ không mến mộ quân Nhà vua đâu, cha con tôi năm đời chịu ơn nhà Lê, tôi, không thể theo Nhà vua được!

Quang Trung nhíu lông mày rồi bảo:

- Nghĩ thế ư cố chấp đấy! Nhưng việc chọn vua mà thờ tùy lòng người, ta không ép. Chỉ sợ ông có tài đức thì bỏ uổng phí thôi!

- Tài của tôi chẳng có nhiều cũng có ít. Bụng chưa phục thì chưa thay lòng được!

Quan hầu cận nhắc:

- Đức Vua khoan hậu, song người dưới ăn nói phải giữ kẽ.

Vua Quang Trung gật đi:

- Cứ để cho ông ta nói.

- Xin đa tạ Nhà vua. Tôi nghe Nhà vua học hành kém cỏi, chỉ biết ít chữ Nôm kém chữ Hán, do thế Vua bắt mọi người phải bỏ chữ Hán, học Nôm. Nôm na mách qué, nhà nho nào chịu học!

- Việc đó ông hãy chờ xem. Nhưng ông bảo có tội gì với ta. Vậy tội gì?

- Tôi không đeo tín bài của nhà Tây Sơn.

- Thế là chống phép nước đấy!

- Đúng như vậy. Nếu như Nhà vua bắt tội thì năm đời nhà tôi được tiếng trung thành với nhà Lê.

Nhà vua khó chịu ra mặt, song cố kìm giữ, lại hỏi:

- Bây giờ ông xin ta điều gì?

- Xin được chết vì không đeo tín bài.

Vua cười bảo võ sĩ:

- Lão hủ nho này gàn quá. Mà gàn cũng chẳng nên sống làm gì! Ông ta muốn được chết thì cho ông ấy chết.

Võ sĩ liền lúi đi chém.

Nhà buôn chột dạ, song vẫn bước lên. Vua cười hỏi:

- Ông có xin được chết như lão thầy đồ vừa rồi không?

Nhà buôn rối rít thưa:

- Dạ, không đâu ạ, nếu chết thì tôi buôn bán với ma ở âm phủ ư? Vừa rồi, Nhà vua định lệ buôn bán rõ ràng. Tôi buôn một chuyến ra Vân Đồn, lãi một vạn lạng bạc. Tôi nộp một ngàn lạng cho Nhà nước, còn chín ngàn lạng, vốn to quá, dùng không hết, tôi định đến xin Vua một việc.

- Việc gì vậy?

- Dạ xin được độc quyền buôn tơ lụa ở Thăng Long. Tôi xin nộp một nửa tiền lãi cho công quỹ.

Vua Quang Trung nghĩ một lát rồi nói:

- Thế những nhà buôn khác không được đem tơ lụa đến bán ở Thăng Long ư?

- Vâng, thế thì tôi mới đóng thuế gấp năm lần Nhà vua định thu chứ!

Vua nói:

- Ta đang cần tiền cho công khổ. Ông giàu ta cũng giàu. Nhưng không nên giàu một mình. Ta cho ông được phép chọn hàng tốt bán cho triều đình. Việc buôn bán tơ lụa cứ để như cũ. Ông cũng được món to rồi. Ta cần nhiều người biết buôn bán như ông, chứ không phải mình ông!

Người lái buôn lạy tạ lui ra. Còn lại cụ già, chống gậy còng cưa, quắc thước. Vua Quang Trung đích thân xuống đón, kéo ghế mời cụ ngồi:

- Chào cụ, có phải cụ còn giữ lá cờ hiệu nhỏ, bữa trước ta ban không?

- Đức vua nhớ người cũ như thế, tôi đội ơn. Nhưng nhà tôi có cờ đỏ cũng vẫn bị quân lính Nhà vua lừa voi húc đổ. Việc đuổi giặc là cấp thiết, cứ nhanh mà đi, ai để ý đến cái lá cờ con tí.

- Nhà cụ có to không?

- Cũng nhỏ thôi. Đủ cho lão và ba thằng con trai ở làm nghề thợ tiện.

- Ta sẽ cho làm đền cụ một ngôi nhà đẹp và tặng cụ một trăm lạng bạc để khước trương cửa hàng.

Cụ già nói:

- Ôn Vua chúng tôi đâu dám từ, nhưng việc nhà lão còn lo được. Làng xóm đã xúm lại làm cho căn nhà tre cũng đủ ở. Con trai lão mướn mộ quân Tây Sơn đã tòng chinh. Con trai đầu thì hàng hoá cũng bán được, cũng có chút tài, nhờ thuế khoá khoan hậu. Quả thật một ngày thái bình, ngàn vàng cũng khó mua là thế!

Đức Vua hỏi:

- Vậy cụ có xin ta điều gì không?

- Tôi đem nguyện vọng của dân Bắc Hà xin Đức vua ở lại Thăng Long.

- Thì ta vẫn chẳng đang ở Thăng Long đó sao?

- Tôi nghe Đức vua định lập kinh đô ở núi Phượng Hoàng xứ Nghệ An. Trộm nghĩ: Thăng Long là đất đế đô từ lâu, cung điện thành quách sẵn sàng, sao lại chẳng ở? Bắc Hà đất rộng, người đông, tài lực, văn hiến thiếu gì, sao chẳng ngồi trấn trị, còn đi đâu?

Nguyễn Huệ nói:

- Ta muốn kinh đô tay ta dựng lấy, không muốn dựa vào những thứ cũ nát của Lê Chiêu Thống bỏ lại. Vả lại công việc miền Trung còn nhiều. Ta ở xa cũng không tiện, ngoài này đã có Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân là tay tuấn kiệt. Trần Văn Kỷ, Phan Huy Ích, Ninh Tồn đều là những người có tiếng. Họ đều là người tin cậy của ta. Vả lại chính lệnh thì các quan làm nhiều chứ vua làm mấy!

Ông lão ngựa mặt lên trời than:

- Tiếc thay! Tiếc thay!

Vua giữ lại ban yến, ông già từ chối ra về. Vua Quang Trung nói với quan hầu cận:

- Những người vừa tiếp kiến ta chính là đám dân chúng đang làm nên chuyện hưng vong của đất nước đấy sao! Trong đó có ba người yêu ta thì một người ghét ta. Nhưng biết làm thế nào được. Việc nước có phải ngày một ngày hai mà xong được.

Nói đoạn thở dài, lui vào trong trướng.

Bà Chúa Nành và Công chúa Ngọc Hân

Bà Chúa Nành vừa thiu thiu ngủ, chợt thấy cánh rèm lay động, một bà Hoàng, mắt ngấn lệ, da mét xanh, trông thẳng thốt đến rợn người, phấn son vẫn nguyên nét, nhưng đã hơi đại màu như thi thể của người nằm trong mộ. Người ấy thấy bà, chạy lại ôm chầm lấy, gục đầu mà khóc.

Bà Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền, mặc dù bị thân thể lạnh cứng của người đàn bà đẹp, làm ớn da thịt, đã nhận ra con gái mình. Quả nhiên, khi nàng ngẩng mặt lên, đúng là Bắc Cung Hoàng hậu, vợ của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Bà Chiêu Nghi ôm lấy con, vốn vã hỏi:

- Ngọc Hân, sao con về lại không báo cho mẹ trước. Hai cháu của ta đâu!

Ngọc Hân khóc càng to hơn:

- Mẹ ơi, thân con bây giờ trôi nổi long đong, chật vật lắm, nỗi thương tâm kể sao cho xiết. Thì giờ có hạn, con có nhiều việc phải đương đầu lo liệu. Mẹ có thương thì trước sau đem con về làng.

- Nhưng con vẫn đường đường là một bậc quốc mẫu kia mà!

- Không được như xưa nữa. Từ ngày Hoàng thượng băng hà, sự biến đổi diễn ra hàng ngày, việc tốt lành thì ít, việc xấu thì nhiều... Con không thể nào nói hết được.

Nói đoạn oà lên khóc. Bà Chiêu Nghi tỉnh giấc. Tóc bà trắng xoá. Mỗi sợi tóc đã đan một ngày dài buồn bã của bà. Làng Nành vốn là một làng có tiếng ở đất Bồ Đề này. Bà là con một tướng võ, có nhan sắc, sớm được tuyển vào cung. Vua Hiến Tông nhà Lê yêu quý bà, thấy bà có nhan sắc, phong lên tới bậc Chiêu Nghi, chỉ đứng sau Hoàng hậu vài bậc. Về nữ giới thế thật là vinh hiển. Bà không có hạnh phúc như những bà phi khác sinh con trai. Đức Hiến Tông nhiều con. Vua là người từng trải biết việc. Một đời vua trải qua mấy đời chúa, Chúa nào cũng sắc sảo, giáo quyết, mà Vua vẫn giữ nguyên ở ngai vàng không bị phế bỏ, đâu có phải chuyện dễ dàng. Trịnh Sâm chẳng là một người kiệt kiệt ư? Vua là thông gia với cha của Chúa. Con Vua là Thái tử Duy Vĩ chẳng là anh rể của Trịnh Sâm đó sao? Chỉ vì cái trả miếng của người đàn bà không con trai mà dẫn đến việc Thái tử Duy Vĩ phải chết rất thảm hại do Trịnh Sâm cố tình bức tử... Kẻ giết con trai mình vẫn ngiêm nhiên tôn phò mình, không giết tiếp nỗi mình, vẫn phải dựa vào mình mà giữ yên ngôi Chúa, điều đó Hiến Tông quả là một người biết dựa vào người khác mà hưởng giàu sang. Trong các đám Vua Lê thời Chúa Trịnh có lẽ ông là người được hưởng lộc dài nhất và được các nhà Chúa cùng thời của ông chiều chuộng nhất. Ông chỉ có một vai diễn: sấm vai một ông vua bù nhìn khéo...

Bà Chiêu Nghi được Vua yêu, làng quê cho là hạnh phúc và danh giá, song bà cũng không lấy thế làm mãn nguyện. Vua nhàn rồi, khoẻ mạnh. Các phi tần đều được yêu thương, dòm ngó đến chứ không đến nỗi như khúc ngâm cung oán "Xe dê lợ rắc lá dâu mới vào!". Vua đông con trai, nhiều con gái. Bảy mươi tuổi vẫn còn sáu người con gái chưa gả chồng, trong đó có Ngọc Hân, con gái yêu của bà.

Thực ra, Ngọc Hân mới là niềm vui, niềm hạnh phúc lớn nhất của đời bà. Khi sinh con, Vua đến đặt tên cho, có hỏi ý bà. Bà thưa:

- Mụn con gái này chính là hòn ngọc là niềm vui của thần thiếp, mong cho nó hưởng được ân huệ của họ Lê, của Hoàng thượng.

Vốn vui tính, Vua bảo:

- Thế là phi đã tự đặt tên cho nó rồi đó.

- Tàu, thần thiếp đâu dám...

- Ta đặt tên cho con là Ngọc Hân, đúng như ao ước của nàng.

Bà Chiêu Nghi cúi đầu lạy tạ. Bà Chiêu Nghi nuôi con ở trong cung, rất khuôn phép. Vốn xuất thân từ một nhà quý tộc nền nếp, bà không cho phép con gái bắt chước các Công chúa khác suốt ngày chỉ ở trong lầu hồng, gác tía điểm trang. Bà bắt con phải học nữ công, phải biết đủ các đức tính của một người đàn bà có thể ứng xử trước bất cứ biến cố nào của đời thường. Bà thích đưa con về quê ngoại, thăm sông nước, thăm bờ bãi, xem cảnh dệt lụa, buôn bán ở một vùng đồng bãi cửa ngõ của Kinh thành. Bà không quên kể những thú vui dân dã, lễ hội, phong tục ở vùng quê Kinh Bắc, cái thuở bà là con gái cung của một tước hầu.

Ngọc Hân thừa hưởng ở mẹ tính quán xuyến, chủ động, không thích ỷ lại vào người khác. Do thế, mà Công chúa rất được Vua yêu. Có lẽ nàng là người con gái được yêu nhất trong đám con gái của Vua Lê Hiến Tông. Nàng yêu văn học, tài năng sớm lộ. Năm bảy tuổi đã làm được thơ, dịch được Thanh Bình Diệu của Lý Bạch trong một buổi vua cha đến xem con học hành. Nàng đối chất rất thông minh khi Vua hỏi nàng hai câu thơ vốn của Lý Bạch:

Yên thảo như bích ty

Tần tang dê lục chi

nghĩa là thế nào?

Ngọc Hân đáp lại ngay:

- Tàu, đó là tả mùa xuân đến bùng bùng từ phía Nam Hoa lục lên tận Bắc Hoa lục.

Vua khen hết lời và quay lại nói với bà Chiêu Nghi:

- Ngọc Hân không phải là hạng Công chúa tầm thường, phi phải gắng nuôi dạy thêm cho nó. Tài sắc của nó không thể gả cho các hạng phò mã tốt áo được đâu. Nó phải xứng với những người xuất chúng kia

- Như sợ nói "lỡ lời", Đức vua lại dặn bà Chiêu Nghi:

- Là ta thương con nói thế thôi, ta sẽ chú ý, nhưng phi chớ có lộ ý này ra ngoài, đến tai Nhà chúa lại phiền hà.

... Năm Tây Sơn ra Bắc, Ngọc Hân vừa mười sáu tuổi. Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh cùng tiến vào Kinh thành, khuynh đảo cả triều đình. Ai cũng tin rằng cái hoạ của nhà Lê đến giờ phút này sẽ chịu đựng những tai vạ lớn... Song, Chỉnh là kẻ gian hùng lọc lõi, tham vọng rất lớn, quay quắt đủ trò, hẳn là người cũ của quận Huy, chịu ân sủng của Trịnh Sâm, muốn mượn oai Tây Sơn để đạt đến đỉnh cao danh vọng.

Nhưng, Nguyễn Huệ là người quyết đoán và thận trọng. Việc tiến vào Thăng Long của Huệ, là một việc cần phải làm, không làm không được. Song Huệ lại biết thời cuộc, hiểu lòng người, biết dưng vào một cố đô có truyền thống nghìn năm, có rất nhiều danh nhân, học giả, không phải chuyện thường, nên nhất cử, nhất động, ông ta đều cẩn thận...

Việc ra mắt Vua, việc lui về ở phủ Chúa, việc dùng Chỉnh để thu phục sĩ phu Bắc Hà, đều được Huệ tính toán. Chỉnh tham lam, quỷ quyệt, háms lợi, thấy Bắc Bình Vương, dưng vào việc lớn, lại cứ lạm quyền. Ông Huệ bực mình hạch hỏi, Chỉnh quá sợ, bịa ra chuyện Vua Lê muốn gả con cho Nguyễn Huệ để làm vui lòng ông ta, cuối cùng lại được Huệ chấp nhận.

Huệ rón rần ở lại Thăng Long, cưới Công chúa Ngọc Hân, lo ma cho Hiến Tông, sau đó theo anh về lại làng Trong. Bà Chúa Nành tiễn con gái theo chồng lòng buồn rười rượi. Bà ở lại Kinh thành trông nom hương khói ở lăng miếu, cho đến lúc đoạn tang Đức vua, liền tự ý thu xếp về ở hẳn quê nhà.

Buồn phiền sâu nặng, bà Chiêu Nghi già đi trông thấy. Bà cũng muốn vào Phú Xuân một chuyến để thăm con và hai cháu mà chưa lúc nào đi được. Bởi từ khi Ngọc Hân theo chồng thì loạn lạc ở Thăng Long và các nơi khác không lúc nào dứt. Riêng chuyện Nguyễn Huệ ba lần ra Thăng Long, đã thấy không phải chuyện thường. Nhà Lê, các cựu thần, vẫn hướng về chủ cũ, đất Kinh Bắc lại là nơi các cựu thần mộ binh chống Tây Sơn nhiều nhất. Phía Tiên Sơn có cha con họ Trương, phía Việt Yên có mấy tước hầu họ Nguyễn... Là mẹ vợ của Nguyễn Huệ, bà Chiêu Nghi không khỏi bị sự mặc cảm của chính dòng họ cha mình hoặc những nhà quý tộc trong vùng.

Song, bà vẫn là bà Chiêu Nghi, vợ của Vua Lê Hiến Tông. Bà về làng, dân chúng đều gọi là bà Chúa Nành. Bà đem hết tư trang vàng bạc bán đi, tậu lấy một trang trại, gọi là dinh Thiết Lâm và dựng cơ ngơi tại đó. Tự tay bà quán xuyến hết mọi công việc gia đình. Bà gọi những con cháu nghèo nhất đến giao cho việc làm ruộng, trồng dâu, dệt vải. Dinh Thiết Lâm sầm uất. Bà Chúa còn giúp vốn cho những người trong làng, sắm khung cửi, nuôi tằm. Chẳng bao lâu làng Nành đã thành một chợ tơ lụa có tiếng ở trong vùng... Từ ngày về làng, bà Chúa khỏe hẳn ra, bà vốn thích vườn tược từ thuở nhỏ. Thuở chưa vào cung cấm, tuổi mười một, mười hai, tự tay bà trông nom vườn hoa cây cảnh cho quan tướng Vũ Huân. Bà là người rất khéo tay làm bánh, trái. Những bữa tiệc lớn ở nhà quan, để khoe tài của con gái với mọi người, quan tướng thường để bà làm thứ bánh ăn tráng miệng. Không kỳ nào giống kỳ nào, khi thì bánh gai, khi thì bánh dừa, bánh dứa, bột lọc, lúc thì chè ngô, chè vừng, thứ nào bà cũng được khen... Bà sớm được chọn vào trong cung là vì thế...

Từ khi được báo mộng, bà Chúa Nành lòng dạ không yên. Tin Phú Xuân truyền ra, diễm dữ luôn làm tim bà thót lại. Gia Long đã lấy được Phú Xuân, vợ chồng Trần Quang Diệu - Bùi Thị Xuân đã bị bắt. Quang Toản và cháu của Thái tổ Võ Hoàng đế, bị

tội lãng trì. Riêng nữ tướng Bùi Thị Xuân, bởi từng vây ép đến bức phải chết, phò mã của triều Nguyễn là Võ Tánh và sủng thần của Gia Long là Ngô Tòng Chu, nên Gia Long đã gia hình Bùi Thị Xuân đến điều. Y cho tung con gái của bà Bùi trước ngà voi để đích thân bà mẹ nhìn thấy cảnh chết thê thảm của đứa con yêu. Đứa con gọi mẹ thất thanh, nhưng người mẹ dấn vào bậc nữ hào kiệt đó đã thét lên: Không sợ, con gái của ta, nữ tướng Tây Sơn, hãy khinh thường cái chết! Và quả nhiên đứa con gái đã im bất thán nhiên chết trước pháp trường. Con voi có tình đã không dùng vòi đâm chết con gái bà Bùi. Nó cũng từ chối không xé xác bà và nổi khùng suýt nữa dùng vòi đập lại tên đao phủ. Gia Long ngồi trên lầu đã sai đem bốn con ngựa chiến, buộc tay chân bà Bùi mà xé xác bà ra. Y rất hể hả. Song đêm ấy, người hầu cận trong cung vua luôn nghe thấy tiếng la thét rùng rợn của Vua. Y mất ngủ cả đêm, không dám đánh thức Vua dậy, hồi sự oán giận thất thường của Gia Long... Sáng ra, Vua mệt mỏi, song vẫn giữ thần thái bình thường, khi Hoàng tử vào vấn an.

Vua ra ngồi ngoài thêm diện cho gọi viên tướng coi một đạo quân là Vũ Lâm vào.

Gia Long nói:

- Ta muốn triệt đến tận gốc rễ bọn Ngụy Tây Sơn. Giết được Quang Toản, Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, ta có thể tạm ăn ngon ngủ yên rồi. Song phần mộ của bọn Nhạc, Huệ, vợ con tổ tiên hấn ở quanh đây và phía Quy Nhơn, không thể dung tha được. Ngươi hãy lĩnh năm trăm quân, trước hãy tìm được mộ của vợ chồng Huệ, khai quật lên bằng được, đem hài cốt về đây cho ta, tiền bạc muốn chi tiêu bao nhiêu ta cấp đủ. Khi tìm được đến dấu tích, lập tức cấp báo về hoàng thành cho ta biết, ta sẽ sai các tướng khác lo việc khai quật được hữu hiệu. Ta rất mong đào được xương sọ của Huệ, Nhạc, giam ở phía sau ngục làm hổ tiếu cho đám tù nhân!

Viên tướng Vũ Lâm, vội vã đi ngay. Y dẫn quân toả ra bốn bề thành dò la tin tức. Y cho người ra ngoại ô thành Phú Xuân, phía Hương Trà, Hương Thủy, để dò hỏi. Y cũng võ vẽ về phong thủy, biết rằng các thế đất để lăng mộ của đế vương, thường được chọn nơi sơn thủy hữu tình, thế nước, thế non kỳ ảo. Những ngôi đất lớn như Cửu Long tranh châu, Mãnh hổ trực quần dương, Phượng hoàng ẩm thủy... đâu phải con mắt phàm tục đã nhận ra. Mà khi lăng tẩm đã được chính vị rồi thì dân chúng vùng ấy được ân sủng nhiều, thường là các thân tộc, ngoại tộc của vua chúa, nhận đất phong, lo bảo vệ phân mộ, đụng đến đâu có phải dễ. Vả lại, mộ vua chúa các triều đại, bao giờ cũng dự phòng sự suy vi, các triều đại cũ trả thù, có khi lăng chính chỉ có tượng hình bằng gỗ, quan quách đầy đủ, ngà ngọc phân liệt chẳng thiếu gì, nhưng xương cốt lại để ở một chỗ khác đâu đó, nguy trang như một nấm mồ cỏ bình thường.

Viên tướng Vũ Lâm tìm tòi đến hàng tháng trời không ra. Y khai quật năm, bảy chỗ, nhưng chỗ thì phạm vào một lăng mộ của một viên tướng thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, lúc nào thì đào phải mả một người có bệnh lây truyền, khiến quân sĩ nhiễm những chứng đột tử, thương hàn, thổ tả, dịch hạch, lăn đùng ra chết... Năm trăm quân dẫn đi xơ xác chỉ còn vài trăm. Y có đào được một vài ngôi mộ của tướng sĩ Vua Quang Trung, nhưng họ đều là những chức nhỏ. Y tâu trình lên Gia Long, Nhà vua không nói gì, chỉ khuyên y bền bỉ, và truyền cho y đem tất cả những xác tướng sĩ Tây Sơn đào được giã nhỏ, trộn với với nước tiểu, tung vãi xuống sông...

Viên tướng Vũ Lâm được Gia Long cho lấy thêm quân, tiếp tục đi lo chuyện đào mả.

Rồi y cũng dò tìm được vùng lăng mộ Quang Trung. Y mừng rỡ kéo quân về Đan Dương. Đêm qua có một tên nhà nho mắt xích ngược, cầm bệnh, trá hình trong áo nhà chùa vào dâng một bài thơ. Viên tướng Vũ Lâm cho vào, kéo ghế mời ngồi:

- Nhà thầy có giúp ta chăng?

- Thưa, tôi đoán biết nơi để xương cốt tên giặc Huệ.

Viên tướng Vũ Lâm mừng rỡ ra mắt:

- Nếu quả đúng như lời mách của nhà thầy, ta cùng chia ngôi phú quý!

Nhà nho mặc áo nhà chùa dâng bài thơ. Đó là bài *Khâm Văn Đan Dương lăng* của quan Thị lang Ngô Thì Nhậm, y rướn mắt tâng công:

- Thưa quan tướng, cứ trong ngụ ý bài thơ thì xương cốt ngục Huệ ở đây, chứ không thể ở nơi nào khác!

Viên tướng Vũ Lâm đặt tiệc khoản đãi rồi đem "thầy chùa" theo đi thẳng về khu Đan Dương. Đêm ấy, khi chân ướt chân ráo vừa ngồi đến đình làng một làng ngoại vi Đan lăng, viên tướng thiêu thiêu ngủ, chợt nghe nhã nhạc tấu ran ở phía ngoài rồi một viên tướng lạ, râu đen lởm chởm, hình dung như loài kinh, ngạc đến nói:

- Bà Chúa ở Đan lăng đòi người vào châu!

Rồi lúi xềnh xệch viên tướng Vũ Lâm đi. Khi đến trước thêm y bị lột hết mũ, áo, lột tuột vào cung bà Chúa! Không thấy ai, chỉ thấy hơi lạnh rợn gáy, rèm vàng buông phủ, nghi trượng uy nghi, từ trong rèm có lời phán ra:

- Viên tướng võ ngu ngốc kia, người có biết Gia Long là người thế nào không?

- Dạ bẩm, tôi chỉ là viên tướng hầu cận của Nhà vua thôi!

- Hắn vì quyền lợi một dòng họ đã rước ngoại bang vào, họa mất nước chỉ còn trong gang tấc. Người định theo đuổi giặc bán nước ấy hay sao?

- ...

- Người nằm dưới mộ, dù là một kẻ dân thường, từ xưa tới nay, người có thấy ai đi đào mả của họ không?

- ...

- Huống chi dưới một là người đã đem lại sự thống nhất của non sông, đã ba lần ra Thăng Long đánh tan cả hai mươi vạn quân của Tôn Sĩ Nghị, người ấy không đáng cho người kính nể hay sao?

Viên tướng Vũ Lâm thẳng thốt thưa:

- Dạ kẻ hèn mọn này chỉ là phận dưới, sai đâu đánh đấy, nào dám trái lời Đức vua. Nếu tôi không làm hết mình, chẳng toàn tính mạng.

- Người khôn ngoan lắm! Nhưng chỉ khôn vật thôi. Gia Long còn nhiều người thân tín hơn người, mà khi hồng việc, y cũng chẳng nghĩ đến công lao cũ đâu! Đặng Trần Thường, Nguyễn Văn Thành chẳng là đại tướng của Gia Long ư? Sao họ đều bị bỏ ngục và bức hại cả!

Viên tướng Vũ Lâm toát mồ hôi. Tiếng trong rèm lại vọng ra:

- Ta là Bắc Cung Vĩ Hoàng hậu, vốn chuộng nhân từ nên triệu người đến bảo hãy mau thôi đi. Việc đào mả lấy xương chẳng tốt đẹp gì mà di họa đến ngàn đời sau. Đúng lý ta đủ quyền uy trừng phạt người, nhưng ta phạt chủ của người, chứ không thêm phạt người làm gì!

Nói rồi truyền cho quân sĩ đuổi theo viên tướng Vũ Lâm về. Sớm ra, chuyện mộng寐 trong đêm thật khó phân hư thực. Viên tướng Vũ Lâm vẫn thấy mồ hôi ướt đầm trên trán. Tên nhà nho đội lốt nhà sư thì cứ tự mình vả vào miệng mình, rồi lăn đùng ra chết. Viên tướng Vũ Lâm được phó tướng cho biết: Đan lãng vào rất khó. Dân chúng ra đứng chắn ngang đường lại đào hố thả gai, đặt chông làm bẫy, khiến quân triều đình thương tích khá đông, quân không chịu tiến. Viên tướng Vũ Lâm liền thuật lại chuyện đêm trước, cho quân lính đào bới qua quýt rồi bỏ về. Khi về hoàng thành, y tâu lên Gia Long rằng tìm không thấy. Gia Long không lấy thế làm tức, chỉ thản nhiên bảo:

- Tìm không thấy thì thôi! Để lúc khác.

Viên tướng Vũ Lâm lấy làm lạ. Gạn hỏi mới biết, Nhà vua đêm trước cũng bị triệu đi hầu một bà Chúa ở Thiên Cung nào đấy và bị quở mắng. Sáng ra lại được tin, mộ của tổ tiên ở Thanh Hoá bị sét đánh bật tung cả nắp quan tài. Vì thế Vua mới thôi không bức quân sĩ lòng sục lạng mộ Vua Quang Trung nữa!

*

Lại nói, bà Chiêu Nghi nhà Lê ở làng Nành được con gái báo mộng, lòng thắc thỏm không yên. Tâm linh của bà như cảm thấy có điều gì chẳng lành. Suốt buổi hôm sau, bà gắt gỏng, bồn chồn, ruột gan như lửa đốt, có lúc tay như có ai níu lấy, lôi kéo ra khỏi nhà. Bà ăn không thấy ngon, ngồi tựa vào ghế, vào cột vào giường, thấy díp mắt buồn ngủ, lại thấy gương mặt của con gái, đầu tóc biếng chải vì lo lắng, mặt đượm buồn, khắc khổ ngược lên nhìn mẹ một chút rồi lại khóc. Bà Chiêu Nghi buồn lắm. Thân phận một bà hoàng như bà mà không bằng một thứ dân. Thà làm một người đàn bà cày sâu, cuốc bẫm, suốt ngày cắm mặt vào công việc, mà ríu rít bên mình này chồng, này con, này cháu ngoại, cháu nội, quả trong vườn chưa kịp ra đã bị vật, hoa trong vườn chưa kịp nở đã bị hái, thì, trong sự bực bội lại có sự hoan hỉ ngấm chứa, đặc ý về tình cảm, về hiệu quả của một đời người sống giữa cõi đời. Đàng này, trong tay tàng chứa vàng bạc, hòm rương đầy nhung lụa, vừa cất tiếng, con đòi đã vội vã đẩy cửa chạy vào, muốn gì cũng có, chưa ra lệnh người ta đã cố đoán biết ý mình, vậy mà sự đơn chiếc, cô quạnh vẫn từ những cái có, cái giàu sang, làm cho đơn chiếc, cô quạnh thêm! Bà Chúa không dám nghĩ tiếp nữa. Bà rung chuông! Từ phòng bên, một lão bộc lưng gù bước ra:

- Thưa cô, cô đòi gì cháu ạ!

Bà Chúa Nành nhìn người cháu tật nguyên đã nguyện suốt đời trông nom tài sản cho bà ở quê nhà, lòng rất thương cảm nói:

- Ông Thực, ta muốn phiền ông một chút việc đây!

- Dạ thưa Hoàng phi, có việc gì hệ trọng chăng?

- Ta tính mấy đêm nay rồi! Công chúa Ngọc Hân chết theo chồng mấy năm nay, cả hai cháu của ta cũng không còn nữa.

Bà ứa nước mắt, lặng đi không nói được câu nào, mãi sau mới nghẹn ngào tiếp:

- Giờ họ chỉ là đám xương khô trong mả. Những người thân thiết nhất của ta! Ta muốn phiền ông đi lo đem hài cốt về đây cho ta. Chỉ có ông đi người ta mới khỏi nghi kỵ. Ông về suy nghĩ đi, ta giao cho ông mười lạng vàng, năm mươi lạng bạc mang theo, tùy nghi sử dụng. Ta sẽ ghi nơi náu ẩn của những người có lòng với Vua Quang Trung để người đến đó có thể cậy nhờ được.

Bà Chiêu Nghi chống tay đứng dậy, lần tìm một ống quyển nhỏ, giấu tận đáy hòm gian, son son thếp vàng, lấy một tờ giấy bản còn mới, đưa cho lão bộc:

- Bản đồ phân mộ đây, ông cứ lẳng lặng mà đến, lựa việc mà làm. Việc giấu giếm, làm trộm phép vương triều mới, phải khéo lắm mới xong.

Người lão bộc vội vã chuẩn bị lên đường ngay. Ông theo đường biển, vào cửa Tư Dong, lần la quán trọ, rồi hoá trang thành người ăn xin lần đến quanh vùng Đan Dương. Chẳng bao lâu, ông lão ăn mày được rất nhiều người ăn mày khác kết bạn. Họ có mặt ở khắp nơi, kể cả nơi tiệc rượu của các nhà quyền quý. Ông chọn trong đám ăn mày có một số người linh lợi, nhờ bắt mối được với những gia thân, gia tướng cũ của Vua Quang Trung.

Ông lão ăn mày ở cửa Tư Dong thấp thoáng mấy bữa, rồi mất biến. Ít lâu sau, có kẻ muốn lập công với quan Lệnh doãn phủ Thừa Thiên nghi hoặc hành tung của ông, thì tìm đâu cũng không thấy nữa. Ông đã xuất hiện ở phía Quảng Nam.

Dịch thân ông đã theo sơ đồ vẽ trong giấy tìm ra mộ của Ngọc Hân. Người lão bộc thân bốc hốt; bọc bìn cẩn thận. Để tránh

sự dò tìm truy lùng của quân lính nhà Nguyễn ở Phú Xuân, ông đã theo đường núi vào phá Tam Giang, đáp thuyền vào xứ Quảng, nhận nốt hài cốt của hai con Ngọc Hân nương nấu ở một ngọn chùa cổ ở Sơn Trà. Đợi cho vãn sự truy tìm của đám quan lại ở Phú Xuân, ông mới thuê một thuyền buôn lớn của Hoa kiều, rong buồm về Bắc Hà, cập Đông Bộ Đầu, đi vào sông Đuống rồi bí mật đem hài cốt về trình bà Chiêu Nghi.

Ở nhà, bà Chúa Nành tự thấy mình đã quá yếu. Bà vẫn cố chờ cho được ngày lão bộc trở về. Từ ngày về làng, bà làm được nhiều công tích. Bà đem năm chục mẫu ruộng để mua hậu ở làng, vì bà, rút cuộc sau cái chết của mẹ con Công chúa Ngọc Hân, không còn ai thân thích nữa. Tất nhiên, bà Chiêu Nghi vẫn được thờ phối cùng các vợ chính của Vua Hiến Tông trong lăng miếu nhà Lê, song, vốn là người yêu làng xóm, được xung quanh mấy huyện, phủ lân cận kính nể, bà Chiêu Nghi đã quyết phải giành chuyện thờ cúng mình cho làng. Chỉ riêng làng có bà Chúa đã là một niềm tự hào cho phái đẹp ở trong làng, hướng chi, từ khi về làng, bà đã chấn hưng nghề trồng dâu, nuôi tằm, khuyến khích nghề nông, dẫn thủy nhập điền, làm đường, đào giếng, dựng dinh Thiết Lâm, lập thủy đình, giúp đỡ người cơ nhỡ. Lòng từ thiện của bà Chúa Nành không còn bó hẹp trong một làng Ninh Hiệp mà vang xa tận khắp miền Kinh Bắc! Đó là chưa kể thời Vua Quang Trung, Quang Toản còn trị vì, thì ngựa voi triều đình năm nào chẳng về Ninh Hiệp. Cờ ngũ sắc rợp đường, nghi trượng oai phong, thật là vinh hiển. Vua lại giảm thuế cho làng, ban tặng nhiều vàng, lụa cho người già, người khó.

Khi phái đại thần ra trấn thủ Bắc Thành, Gia Long bắt đổi tên Thăng Long thành Thăng Long thay nghĩa Long là Rồng thành Long là thịnh vượng, vì sợ rằng các danh sĩ Bắc Hà vẫn mượn tên thành nhớ đến triều đại cũ. Sau thấy vẫn chưa ổn, Nhà vua lại cho gọi là Bắc Thành và đặt chức Phủ Doãn ở đó. Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường là những trấn thủ đầu tiên, đều cố giữ nề nếp cũ, không dụng chạm đến nhà Lê, cho nên các quan phủ, huyện, cai

tổng vùng Đông Ngàn, Tiên Du ở Kinh Bắc, vẫn không dám đụng chạm đến dinh bà Chúa Nành, mặc dù bà là mẹ vợ của Vua Thái Tổ Võ Hoàng đế Nguyễn Huệ của nhà Tây Sơn... Và lại uy đức của bà Chúa Nành đã tạo ra sự ủng hộ của dân chúng.

Nhưng vốn ở thời Vua Lê - Chúa Trịnh từ lâu, bà Chúa Nành vẫn hết sức lo xa... Người lão bộc báo tin từ trước, hài cốt của Bắc Cung Hoàng hậu chỉ ngày một ngày hai đem về làng. Bà Chiêu Nghi vội cho thợ xây sinh phần của mình thật gấp gáp, bà tự mở sách chọn lấy ngày lành tháng tốt, làm lễ chúc thọ đầu năm cho mình, cũng là ăn mừng hoàn thành công thợ cho những người xây sinh phần.

Ngôi mộ làm lúc còn sống của bà xây trong một góc vườn của dinh Thiết Lâm. Mộ đào sâu khoảng một trượng, chu vi khoảng vài trượng, dưới xây toàn đá ong, mạch được chít bằng vôi cát pha trộn mật. Những người thợ tự nguyện đến xây mộ cho bà. Ngôi mộ này bà chỉ cần một thầy địa lý xem qua loa rồi bảo:

- Một đời ta, khi sống làm trọn hết bốn phận mình, với Đức vua, với con cái, với làng xóm, thế là đủ. Khi chết chỉ mong sao dân làng nhớ đến, giữ cho mồ yên mả đẹp là được rồi, chẳng cần xây lăng mộ lộng lẫy huy hoàng làm gì!...

Do đó, tiếng là sinh phần, nhưng việc xây cất cũng nhanh chóng không cầu kỳ cho lắm. Bà cũng chẳng cần xây ngôi chiếm, ngôi phụ làm gì! Bởi bà tin rằng, việc đời sau, chết rồi thì họ làm gì thì làm, ai biết đâu mà giữ nổi...

Nhưng với phần mộ của con gái và hai đứa cháu bà thì bà không thể sơ suất được. Dù chỉ là mấy nắm xương khô ấy thôi, nhưng với kẻ thù lâu, dai dẳng tàn bạo như Gia Long, thì vợ, con của Nguyễn Huệ, hễ Nhà vua không chịu ngơ đi nào. Bà không hề sợ liên lụy, song, nếu như không kín đáo, làm lộ liễu thì xương cốt của con cháu bà cũng không an toàn, và, lòng bà lại như có ai bào xé hết gan ruột.

Tuy nhiên, bà Chúa Nành vẫn hết sức bình tĩnh để giải quyết công việc. Bà báo tin cho người lão bộc, hãy lưu lại nhà một người quen bên Ái Mộ, chớ đem hài cốt Hoàng hậu Ngọc Hân và hai con về vội, riêng ông, phải về ngay trước ngày khánh thành sinh phần của bà để mọi người khỏi nghi ngờ... Bà nhượng thêm ruộng cho làng, viết di chúc sẵn, đọc cho các cụ già làng nghe. Phần lớn ruộng nương, tài sản, bà Chúa Nành dâng hiến cho việc thờ tự các thần hoàng và ba toà tam bảo của nhà Phật, bà chỉ giữ khoảng vài mẫu ruộng xin cung tiến cho dòng họ Nguyễn Đình để tưởng niệm đến một người đàn bà xấu số trong dòng họ. Tự bà ký vào di chúc và nghe đọc, mặt đầm đìa nước mắt. Nhìn tư thế gắng gỏi chịu đựng của bà ai cũng thương cảm.

Các già làng nam, nữ bàn suốt mấy ngày ở đình và ở chùa. Xét công lao, bà Chúa Nành xứng đáng được thờ vào đình làng, ngang với ba vị thượng đẳng thần từ trước, thế là các bộ lão đem quyết định ấy của dân làng vào trình bà, mong được thờ phối hậu tự ở trong chùa, trong đình ngay khi bà còn sống, và đến khi chết sẽ rước bài vị vào hậu cung của đình làng.

Bà cảm ơn các bộ lão khóc mà nói:

- Ta đây trước sau vẫn là dân con của làng Nành, đâu dám ngồi ngang với thần thánh. Tình nghĩa của làng xóm đối với ta quả là sâu nặng, nhưng khi sống thì cứ để tự nhiên như hiện nay, khi chết hãy thờ phối. Còn việc chúc thọ, xin các cụ và dân làng cứ đến chơi bình thường, không nên bày vẽ tế lễ làm gì kéo kẻ xấu bụng lại đặt chuyện với các quan lại của triều đình mới, thì lại bị rầy rà cả ta lẫn các bộ lão.

Các già làng chịu bà cao kiến.

Hôm đó, bà mở hội làng, con gái thì buôn thì bán ngay ở chợ Nành, con trai thì thả chim, thi hát đúm, hát quan họ, hát tuồng, cỗ bàn rất linh đình. Riêng người lão bộc được bà giao cho đi đón hài cốt của Hoàng hậu và hai con, bí mật về chôn ở bãi cây đại, khuất ở

đằng sau làng... Bà ngồi trên ghế nghe những lời chúc tụng của bạn bè, thân thích, làng xóm, mà lòng vẫn hằng phấp phồng về mấy cái nắm xương khô, đang được người lão bộc giấu giếm đem về chôn cất ở làng. Lòng người mẹ, người bà ngoại thương hai đứa cháu hẩm hiu quặn thắt, mà bà vẫn phải cười nói đả đàng. Có lúc bà phải đi lại mời rượu, đón khách cho quên được đôi chút, nhưng ngọn lửa thương yêu ruột thịt vẫn thiêu đốt tim gan bà.

Liệu công việc có trôi chảy chăng? Mọi việc hẳn sẽ chu đáo, nhưng liệu sau này có vỡ lở gì chăng?

Bà hướng về bãi cây đại khần thăm: "Ngọc Hân Hoàng hậu, con sống khôn thác thiêng, chở che cho lão bộc hoàn tất mọi công việc. Hôm nay đâu có phải là ngày lễ chúc thọ mẹ. Con gian nan ở miền Trong mấy năm nay, mẹ làm tiệc để cúng con, đón con về với quê hương bản quán đấy!".

Nhờ dân chúng hết lòng giúp rập, phần mộ mẹ con Ngọc Hân cũng được hoàn hảo. Khổ một nỗi, bà Chiêu Nghi vẫn không ra thăm được. Bởi sự quyền quý của bà, nhắc chân, nhắc tay là lộ hết mọi chuyện. Bà biết, cần phải giữ kín tung tích phần mộ của Ngọc Hân, càng kín càng tốt. Mà bà lại muốn đích thân tận mắt nhìn thấy ba nắm đất ấy!

Thỉnh thoảng bà lại khóc thầm. Người lão bộc thương cô ruột mình lắm, bèn hiến một kế:

- Muốn cho phần mộ Ngọc Hân và hai con được yên ổn, thì phải làm cho hư thực bất phân. Bây giờ cho đắp thêm ở một chỗ khác một khu phần mộ mới, rồi cứ sai người giữ đèn nhang, thăm viếng đầy đủ các lễ tiết, họ sẽ cho nơi giả là nơi thật, và nơi thật thì nhờ người bên làng Ái Mộ trông nom cho, họ nhận là người của làng họ. Như thế trộn cả hai bề!

Bà Chúa Nành mừng rỡ cho làm ngay. Đêm đó bà được Ngọc Hân về báo mộng: "Ồn mẹ bao dung, con đã được có phần mộ làm chốn đi về. Nhờ có chút ít học vấn nên thủy thần ở sông Nguyệt

Đức lại triệu về cho dạy học các phi tần dưới thuỷ cung. Hai cháu cũng có chức phận nho nhỏ. Đáng lý con sẽ đón mẹ xuống cùng ở, nhưng vì phúc ảm của mẹ rất lớn, làng xóm nay mai còn thờ cúng về dài lâu".

Bà Chiêu Nghi mỉm cười vừa lòng, chỉ thấy gió mát ngang mặt, người thấy bức bối nóng bừng, muốn tắm. Bà đi tắm và vào giường nằm nghỉ và hoá ngay trên giường. Dân làng cho bà là người của trời xuống giúp đỡ, do đó, các già làng tôn làm thần hoàng và đưa bài vị vào thờ trong đình như đã bàn định từ khi bà còn sống.

Đại tư mã Ngô Văn Sở

Ngô Văn Sở cải trang làm một thương nhân đem theo Nguyễn Văn Tuyết vào một quán rượu lạ gọi món gỏi cá.

Chủ quán chạy ra. Quán này mới mở, khách chưa đông. Nguyễn Văn Tuyết nói khi thấy mùi chiên, xào thơm toả ra:

- Đại ca hay đến những đại tửu lâu ở cửa Đông Hà, sao hôm nay lại ra đây?

- Nguyễn hiền đệ ít la cà hơn ta. Quán nào của người Tàu nấu thường ngon. Nếu mới khai trương thì lại càng ngon nữa.

Một lúc chả cá mang ra. Thật hấp dẫn. Cá chiên thịt vàng như tấm nghệ, được lọc rất mỏng, thái con cờ, để trong bát vừa cho miếng cá được ngấm tẩm, se lại hơi cong lên, trải khắp lên một mặt đĩa cổ màu lam. Bên cạnh đó là một rổ nhỏ, bằng tre, nức mây, đan rất khéo, chứa đầy rau, Nguyễn Văn Tuyết trong lúc chờ đợi, nhìn những đĩa hành hoa thái đôi, nửa ngọn xanh, nửa củ trắng ngần, bên cạnh thìa là lá nhỏ chen nhau, như một cụm rong xanh thật đẹp, những lát khế vàng xanh... một đĩa bún sợi nhỏ, thơm dẻo, trắng đặt bên. Hoả lò đã mang ra. Hầu sáng đặt xanh đồng nhỏ và xinh lên bếp rồi đổ mỡ vào, một thứ mỡ trong vàng... Ngô Văn Sở bảo:

- Đệ có biết thứ mỡ này là mỡ gì không?

Nguyễn Văn Tuyết cười:

- Đệ là người miền Trong, đâu có là cánh Bắc Hà như huynh, không những ăn sành lại còn hỏi han đến tận gốc gác từng món ăn nữa.

Ngô Văn Sở khoái trí cười phá lên:

- Phải hiểu công phu của người nấu ăn sành thì miếng ngon mới nhớ lâu được.

Bát mắm tôm chanh đã sủi bọt. Nguyễn Văn Tuyết gọi ớt. Ngô Văn Sở gơ bàn tay ngăn lại:

- Món này không thả ớt vào được!

- Sao thế.

- Trong đó có một thứ lạ đời, đệ cứ thưởng thức mà xem!

Nguyễn Văn Tuyết ngại cái ông Trấn thủ Long Thành này, trợn mắt giời mà cũng thật sành điệu. Cá tươi đã được đổ vào chảo mỡ nóng... Mùi thơm bốc ra, khói bốc lên những tia xanh trắng, thật hấp dẫn. Ngô Văn Sở cho thìa là, hành vào chảo mỡ. Giờ thì mùi chả cá thơm ngọt quyện với gia vị rau thơm làm chảy nước miếng.

Rượu nóng đã rót ra bát. Ngoài sông gió lạnh thổi vào hơi se se ở đôi vai, chả cá đã được gấp vào bát, sau khi lùi vào mắm tôm thật đậm, dùng một đĩa bún nhỏ. Nguyễn Văn Tuyết uống rượu rồi lùa miếng bún chả cá vào miệng, khen ầm lên:

- Ngon tuyệt!

- Đệ đã thấy cái bí quyết của món mắm tôm chả cá chưa?

- Vị gì mà thơm mà hay thế!

- Cà cuống đấy. Ăn chả cá, mà không có mắm tôm, cà cuống là vút vút. Mà cà cuống phải pha hơi đậm kia...

Ngô Văn Sở ăn chậm chạp, giảng cho Nguyễn Văn Tuyết.

Chợt Ngô Văn Sở vỗ tay:

- Khăn tay!

Một hầu sáng từ trong nhà ra, đặt một chiếc khăn bông khô lên bàn cho cả hai người. Chiếc khăn của Nguyễn Văn Tuyết thì ướt, còn của Ngô Văn Sở chỉ ướt hơi hơi...

Ngô Văn Sở cầm khăn, đặt vào lòng và rút ra trong khăn một tờ giấy nhỏ, vội dút vào trong ngực áo. Nguyễn Văn Tuyết ngáy mắt nhìn, Ngô Văn Sở đưa mắt.

Nguyễn Văn Tuyết lại cúi xuống ăn, miệng lại buột lên khen:

- Ngon quá! Ngon quá!

Khi ra khỏi quán, Ngô Văn Sở bị Nguyễn Văn Tuyết vỗ vào vai thật mạnh:

- Tôi không ngờ huynh lại lợi hại đến như thế!

- Ở đất Thăng Long này, không lợi hại thì làm sao chọi được với đám sĩ phu Bắc Hà...

- Khi anh vào theo Bắc Bình Vương chúng tôi chỉ coi anh cũng loại võ biên như chúng tôi. Hoá ra anh trong bụng cũng chứa đầy đủ kinh luân nữa. Mấy đám giặc ở tứ trấn, anh dẹp yên được cả. Giỏi lắm!

- Cái thứ mượn nghĩa nhà Lê, phò thì ít mà cướp của dân thì nhiều, quân ô hợp ấy hà tất phải bận tâm. Cái ta lo là nhà Thanh nghe đám cự thần nhà Lê xin viện binh. Chúng đã cử Tổng đốc Lương Quảng đem hai mươi vạn quân sắp kéo sang Thăng Long rồi.

Ngô Văn Sở vỗ vào ngực áo:

- Ngày giờ tiến quân, kế hoạch của chúng đã ở trong tờ giấy này rồi!

- Hoá ra chủ quán người Tàu này...?

- Là phản gián cho quân Thanh!

- Và anh đã cài người làm hầu sáng cho chúng để moi tin.

Ngô Văn Sở mỉm cười. Chợt thấy một khách thương người Hoa đi qua, Sở lại hỏi Tuyết:

- Thế nào, chả cá của quán ăn được đấy chứ?

Nguyễn Văn Tuyết lại khen:

- Ngon tuyệt! Ngon tuyệt!

*

Ngô Văn Sở cười ngửa đi thăm thú một vòng thành. Kinh thành Thăng Long có những thứ cuốn hút hồn ông trong lặng lẽ. Một xóm kỹ nữ với những giọng hát những điệu múa, mà đã đến một hai lần đều lẫn lộn. Cuộc đời giang hồ của Ngô Văn Sở, làm sao thoát được những thú ca lâu! Bây giờ phương diện quốc gia lối chơi cũng phải khác. Trong các tướng do Bắc Bình Nguyễn Huệ để lại có Nguyễn Văn Duyệt, Phan Văn Lân và Nguyễn Văn Tuyết, đều là tướng giỏi của mình chủ. Ông thân với Tuyết hơn cả. Duyệt hơi khác khổ. Lân trầm tĩnh, chỉ có Tuyết là hồn nhiên, máu lưu đăng đôi lúc lại bốc lên trong những cuộc bàn luận về võ nghệ, hoặc thú đọc ngang trời đất.

Gần đây, việc tham mưu binh lược có thêm Ngô Thì Nhậm. Năm con người này quyết định mọi việc của thành Thăng Long.

Ngô Văn Sở cho đây là gốc của văn hiến Đại Việt. Những triều Vua lớn đều chọn kinh đô ở chỗ này... Đất học, đất buôn, đất nghề, đất võ... Cửa hiệu ra cửa hiệu, tơ lụa, tàn lọng, phố thợ may, phố thợ đồng, phố cá, phố mắm... Lại có cả phố bán cỏ cho voi, bán lọng cho quan!...

Trường ra trường, thầy ra thầy, học trò ra học trò... Trường Giám loạn lạc thế mà vẫn đông nghịt người bình văn. Một chàng thư sinh áo xanh quèn cũng có thể đối thoại cả ngày với quan Tổng trấn. Thích thật...

Thế mà cái đất nghìn năm văn vật này sắp sửa lại phải trải qua một phen binh lửa!... Ngô Văn Sở nói với Chương phủ Nguyễn Văn Duyệt, sức xuống cho các phủ huyện xung quanh Long thành, phải lo giữ vững lòng dân, không được hỗn loạn, phải lo thuyền bè vượt sông và cho quân sĩ tuần hành liên tục năm canh để tránh bọn

đạo chính trèo tường khoét vách hoặc chặn đường, lấy tiền cướp của của dân chúng.

Ở Long thành ai gan góc ở lại buôn bán thì cứ ở lại, ai sợ giặc mà chạy loạn thì tuân tự mà đi về quê quán hoặc tới nơi hẻo lánh xa kinh thành mà tránh.

Ông cho tăng quân canh gác ở năm cửa ô. Lại phái một đạo binh lớn, đóng ở Bồ Đề, một đạo binh gồm ba trăm quân, dùng thuyền chiến và quân kỵ tuần sát phía trước và dọc sông Như Nguyệt.

Rồi ông về trường cho gọi Ngô Thì Nhậm đến. Ông đưa bài hịch của Tôn Sĩ Nghị cho Ngô Thì Nhậm đọc:

"Dấy nước đã diệt, nổi dòng đã tuyệt, việc đáng làm nào kể nơi man rợ, xa xôi.

Vớt người bị chìm, cứu kẻ bị thiêu, đừng chẳng được phải dùng cung tên binh lính.

Ngũ họ Lê ở An Nam vốn là cồng thần của thiên triều.

Ba trăm năm sản vật tiến dâng, kính theo chức phận.

Mười lăm họ đất phong chia cắt, gồm có nước nhà.

Thế mà, khoảng năm Càn Long từ trường trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, dấy quân làm loạn, đánh phá La Thành. Vua Lê trước lo sợ mà phải qua đời, tự tôn là Duy Kỳ phiêu bạt ra ngoài. Bê tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa, tha thiết xin quân cứu viện. Sau khi hỏi rõ bọn Túc thì tự tôn hiện nương náu ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, thần dân còn nhớ chủ cũ. Nguyễn Nhạc là quân mọi rợ như giống trâu dê, quen thói hung tợn của loài lang sói, đến đâu cướp bóc đó, trăm họ oán đến xương tủy. Từ một tên dân từ biên thùy nổi dậy, can phạm luân thường, làm trái đạo lý, đạo trời không thể dung tha; lại dám hoành hành ở nội địa, bạo ngược, tàn hại bách tính. Hiện đã đem việc này tâu lên, vâng được đức Đại Hoàng đế thương xót đến họ Lê

tan nát, không nỡ để Giao Châu lâm than, đặc cách giao quan Đốc phủ đeo ấn "Chinh Man đại tướng quân, điều động năm mươi vạn quân thẳng tới La Thành, trị tội bọn Nguyễn Văn Nhạc, không để chúng trốn thoát hình phạt của Trời... Dân nước Nam đời đời tôn thờ Vua Lê, nhờ ơn nuôi dưỡng đã lâu, trí năng chưa mất, tình cảm đang còn, không thể để mất lương tâm cho Trời, bỏ Vua theo giặc. Kẻ nào có thể xướng trước tiếng nghĩa, dựa vào thiên triều làm nơi cứu viện, nhóm họp các người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, cửa ải hát khúc Khải ca, suý phủ dâng lên công trạng, sẽ được cất đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê, như họ Trịnh thuở trước. Hịch văn đưa tới, quân lính đều nên hăng hái, mài giũa giáo mác của các người mà chống lại quân thù của Nhà vua. Đồng lòng cộng sức, ắt có công lao. Rồi sẽ ngồi trông ban thưởng ở cửa quân, giữ mãi phúc chung trong nước. Hãy cố gắng lên!"

Ngô Văn Sở hỏi:

- Hịch của Tôn Sĩ Nghị chắc là do bọn Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh soạn cho, lời lẽ sặc mùi Khổng, Mạnh. Chỉ tiếc là bọn công răn, cần gà nhà ấy bấy bớt như cây trong bóng rợp, còn Tôn Sĩ Nghị thì vốn là kẻ muốn lập công ở ngoài biên, nếu thắng thì về triều làm quan lớn... Nghe đâu Nghị là phe cánh của Hòa Thân... Thế giặc lớn thế, ông Nhậm tính thế nào?

Ngô Thì Nhậm hỏi lại:

- Đại tư mã phương lược đã sẵn. Xin cho nghe những điều tâm huyết.

Ngô Văn Sở nói:

- Đại vương khi trở về Phú Xuân, giao công việc Bắc Hà cho mấy người chúng ta. Ông là người gốc ở đây, nhà mấy đời là danh gia thế phiệt, lại am tường binh thư, hiểu tình thế. Thế giặc không phải nhỏ. Năm mươi vạn quân mà Tôn Sĩ Nghị rao lên trong tờ chiếu, không hẳn là không đến thế. Cần Long rất muốn bình định các nước láng giềng để tỏ uy vũ của thiên triều, lại là

một triều Vua giàu thịnh, không thể coi thường. Song tướng giặc nghe bọn cựu thần nhà Lê, đánh giá quân Tây Sơn không hơn một đám giặc cỏ... Lại tướng cầm quân là thắng, đó là phép tối kỵ của người cầm quân.

Ngô Thì Nhậm biết Ngô Văn Sở là tướng tin cậy của Vua Quang Trung, lại là người biết việc. Chẳng thế mà lo trấn giữ cả một miền đất rộng lớn, với tài tế thế kinh bang, ông coi núi việc như không, phong độ vẫn thư nhàn, công việc đánh dẹp, khiến Ngô Thì Nhậm cũng phải phục. Nhưng thấy tướng Tây Sơn, xem ra muốn đánh một trận với quân Thanh ra sao thì ra, không phải là không có ý ấy, liền hỏi khích:

- Giặc năm mươi vạn quân, dẫu lớn, nhưng chắc gì đã mạnh. Tướng cầm quân nơi xa, nếu thấy giặc mà bỏ thành lui, e rằng ăn nói sao với đại vương?

Ngô Văn Sở đứng dậy, đi lại trong trướng nói:

- Mấy đêm nay, ta thức trắng nghĩ chín ra rồi... Đánh quân ngoại xâm cũng có năm bảy cách. Ngô Vương Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, đều giấu quân phá tan giặc ngay lúc chúng kéo sang. Nhưng nhà Trần thì "dĩ dật đãi lao" ở hai lần trước, còn lần sau thắng lớn thì lại diệt lương của Trương Văn Hổ ở Vân Đồn; bấy thủy chiến lớn ở Bạch Đằng, bẻ gãy một cánh quân mạnh nhất, khiến Thoát Hoan phải không đánh mà chạy... Vậy là, cầm quan phải tùy ở thời, thế mà lựa...

- Tướng quân chủ trương đánh hay lui quân.

- Ta nghĩ là lui quân đúng hơn. Bởi đại quân của Tây Sơn hiện nay do Bắc Bình Vương thống lĩnh, ta chỉ là tướng ngoài biên. Nhưng thực lực quân Tây Sơn ở Bắc Hà cũng không phải là nhỏ... Nếu chống giặc dù có thắng thì cũng không thể thắng trọn với đội quân Thanh khổng lồ kia... Còn nếu thua, thì khó mà hợp sức để khi Đại vương mang quân ra, có đủ thế và lực để phá giặc.

Ngô Thì Nhậm gật đầu liên hồi bảo:

- Tôi cũng nghĩ như thế! Bọn quân Thanh kéo sang, hản Đại vương đã biết. Phương lược Đại vương hản đã trù liệu. Xét về thời thì hiện nay lòng người vẫn nhớ nhà Lê. Binh mã ngoài các đạo quân trong Nam ra, qui củ nền nếp, còn các cơ binh mới tuyển, đâu đã yên lòng, hết lòng với nhà Tây Sơn. Đại tư mã hản thừa biết, hằng đêm hiện nay, cơ binh quân ngoài Bắc, đêm nào cũng có lính bỏ trốn! Binh pháp có nói: thế và lực ở trong tay, mạnh hay yếu do mình. Khéo che đây không khi nào không thắng. Vụng che đây không khi nào không thua!

Ngô Văn Sở tâm đắc lắm, gọi rượu ra uống với Ngô Thì Nhậm.

*

Nguyễn Huệ đã lên ngôi lớn, lấy vương hiệu là Quang Trung, sau khi được nghe Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết do Ngô Văn Sở phái đem ngựa xích kỳ, đi một ngày đêm vào Phú Xuân nói rõ thế giặc, mưu lược của Đại tư mã, Vua rất vui bảo Tuyết:

- Các ông lo việc ở ngoài ấy rất cẩn trọng. Trẫm rất yên lòng. Quân Thanh năm mươi vạn quân lại do viên tướng văn không ra văn, võ không ra võ ấy cầm quân, ta xá gì!

Dù đã giáp Tết, song Quang Trung vẫn đem đại quân thần tốc ra Bắc. Khi đến núi Tam Điệp, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân ra đón, đều đặt gươm trên lưng, tỏ ý xin chịu tội để giặc kéo vào Thăng Long. Quang Trung thấy vậy bảo đứng dậy, cười rồi nói:

- Tướng ngoài biên trước thế giặc lớn, xử sự vậy là khôn ngoan rồi. Các người giữ toàn binh lực chờ phương lược của ta, lại biết đánh, biết lui, thế là tỏ ra biết làm tướng, biết cầm quân, ta làm sao trách phạt nổi. Có điều, việc quân phải biết nắm thời cơ. Ta hẹn các người, không ăn Tết ở Tam Điệp mà ăn Tết ở Thăng Long...

Rồi đem các tướng vào trướng bàn ngay việc tiến quân đánh giặc.

Chiều ba mươi Tết, Quang Trung cử Đại tư mã Ngô Văn Sở theo Vua nắm trung quân, điều hành chiến dịch. Nội hầu Phan Văn Lân làm tiên phong, nắm tiền quân. Đô đốc Lộc đốc chiến hậu quân, đem quân thuỷ vào Lục Đầu Giang chặn địch. Đô đốc Tuyết đem ba ngàn quân thuỷ bộ, theo đường biển đổ quân kinh lý đất Hải Dương, tạo thế tung, hứng. Đô đốc Lộc tiến quân ngay, tắt đường sớm ếm quân ở vùng Nhã Nam Yên Thế để chặn đường quân Thanh, nếu chúng đổ về phía ấy! Đô đốc Long nắm Hữu quân, trong đó có tượng binh và kỵ binh theo đường núi, qua huyện Chương Đức, tiến thẳng về Nhân Mục đánh vào đồn của Thái thú Diên Châu Sầm Nghi Đống... Đô đốc Bảo cũng đem tượng binh, kỵ binh theo ngả Sơn Minh, tiến ra làng Đại Áng Thanh Trì để yểm trợ cho cánh Hữu quân của Đô đốc Long... Năm đạo quân hùng dũng tiến theo hướng Bắc. Ngô Văn Sở theo Quang Trung đứng mong ba Tết Kỷ Dậu đến Hạ Hồi, dùng loa, nửa đêm bắc loa đốc chiến. Hàng ngàn quân luân phiên nghe loa dạ ran, hò reo đánh giặc. Tướng giặc là Thương Duy Thăng mất vía treo cờ trắng, mở thành ra hàng. Lương thực và khí giới được Ngô Văn Sở cho thu hết, chở sang làng bên, lập kho dự trữ, cử một đạo quân nhỏ trông coi.

Sở được lệnh Vua Quang Trung đốc quân đánh Hạ Hồi. Để công thành một lần xông lên là thắng, Vua sai Ngô Văn Sở làm gấp trong đêm hai mươi tám mội đặc biệt cho đội công thành!

Ngô Văn Sở truyền lấy lính thợ trong đêm, lấy sáu chục tám ván, ghép ba tám làm một tám mội ngoài lấy rơm đắp nước cón chặt lên mặt, được hai mươi bức. Vua cho mười người lính khoẻ, thiện chiến, giắt đoản đao, phía sau, hai mươi người cầm binh khí theo sau, dàn hàng chữ nhất xông lên.

Trống trận đã thúc. Quân tiên phong đánh đồn Ngọc Hồi. Ba trăm quân mang mội dàn hàng tiến sát chân thành. Hoả hổ nổ vang. Tên của giặc bắn vào bị mội che hết. Gió thổi tạt khói hoả hổ làm quân Thanh sặc sụa. Quân Tây Sơn đã nhất tề xông lên thành.

chém rụng hàng chục đầu giặc cùng một lúc. Hồn chiến xảy ra trên mặt thành đất... Thế quân Tây Sơn rất mạnh, quân Thanh tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Thái thú Điền Châu lên Gò Ốc, buộc dây vào cành cây thất cổ chết.

Quân Thanh chạy toá ra phía Thanh Trì thì bị quân voi của Đô đốc Long xéo chết, quân ngựa đến lại giết thêm và bắt sống rất nhiều giặc. Đô đốc Long dẫn quân thẳng vào Thăng Long.

Vua Quang Trung cùng Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân đánh tan đồn Ngọc Hồi, cũng dẫn quân tiến thẳng qua cửa ô, tức tốc vào thành...

Tôn Sĩ Nghị thấy quân ở hai đồn Ngọc Hồi, Hạ Hồi vỡ thành chạy về, không ngờ quân Tây Sơn lại như quân trời, tiến đánh nhanh đến thế, liền thu vội ấn tín ra lệnh lui quân, kéo qua cầu phao sông Nhị Hà chạy về hướng Bắc.

Quân lính, người ngựa, chen nhau, cầu sập, xác người chết ứ cả dòng sông...

Chiều Thống và đám cựu thần nhà Lê cũng vội qua sông, mạnh ai nấy chạy...

Vua Quang Trung ban chiếu tuyên công trạng tướng sĩ, võ về dân Thăng Long. Cửa hàng lại mở. Dân chúng đón quân lính Tây Sơn rất nhiệt tình. Các làng ven đô đua nhau đem bánh, rượu thịt vào bán hoặc tặng cho quân sĩ...

Ngô Văn Sở lại kéo Nội hầu Phan Văn Lân đến một tửu quán. Lân bảo:

- Hoàng đế rất vui quên cả chuyện tôi thất trận ở sông Như Nguyệt. Cũng là nhờ Đại tư mã tâu trình đỡ lời cho...

Sở nói:

- Ta biết ông đem quân đi bữa ấy là thua, song không can. Biết đâu, người như ông lại không làm nên chuyện... Vả lại cũng thử xem quân tướng nhà Thanh binh pháp ra sao... Ông tướng ta

không nói kỹ với Hoàng thượng ư. Hoàng thượng nghe rồi xua tay bảo: "Chuyện nhỏ. Bây giờ là lo phá giặc". Kẻ cũng là kỳ công... Ta không ngờ chỉ năm ngày mà Đức vua đã đánh bay cả mấy chục vạn quân Thanh...

Ngô Văn Sở nâng rượu lên mời Phan Văn Lân rồi bảo:

- Thì Hoàng thượng đã nói với Đô đốc Tuyết rằng: Chinh Man đại tướng quân Tôn Sĩ Nghị là một kẻ "văn chẳng ra văn, võ không ra võ" mà!

Cả hai cùng cười vang, nhấp rượu chén với món chả sâm cầm.

Đô đốc Tuyết và ngựa Xích Kỳ

1

Chợ Tuy Viễn, sát thành Qui Nhơn, có nhiều đám giặc cỏ từ rừng kéo về. Chúng chưa kịp tụ tập được với nhau. Từng nhóm, từng nhóm vài ba đứa, thì nhau trộm cướp, gây rối, quấy nhiễu, dân đến chợ thật khốn khổ. Chúng móc túi những người nhiều tiền, bôi mặt đen, đeo mặt nạ, xuống các thuyền buôn, dí dao bắt nộp bạc. Chúng bắt người giữ làm con tin, sai đàn em bắn tin đem tiền bạc đến chuộc. Đám thì giữ cửa chợ, đám hành nghề trong chợ. Có đám lại chỉ loanh quanh ngoại vi trấn thành. Thỉnh thoảng bọn này lại đánh lẫn bọn khác. Có nhóm bị diệt gọn, nhóm thắng lẫn dất làm xằng. Đầu lĩnh, hảo hán bung ra như nấm. Quan quân trấn thành đành bó tay làm ngơ. Viên Hiệu uý, những tốp lính nào hăng hái đánh dẹp, thường bị bọn cướp hợp nhau lại phục kích, hoặc lừa cho đi một mình bắn lén, đánh lén.

Bọn lục lâm này có nhiều thủ đoạn. Chúng lừa lọc, dương Đông, kích Tây.

Chúng mãi võ kiếm tiền, đám dân mãi xem mà bị nặng hành lý, tiền bạc, vải vóc. Có tên đầu lĩnh cả tháng chỉ rong chơi, hạ tuần mới ra tay. Hắn sai đàn em toả đi bắt các trẻ con quanh vùng, nhét vào tay nải đem về, thả vào nhà kín có khoá đồng, giam lại. Để cho lũ trẻ đói mềm, hắn chớ bung ra một mâm cháo nóng. Tên đầu lĩnh thân đứng quan sát. Đứa nào biết húp quanh bát mà ăn, tức là con nhà nghèo, hắn cho thả ra bằng hết, chỉ giữ

lại những đứa hồng hào bụng bẫm, thấy cháo nóng, đói muốn ăn mà không biết làm thế nào!

Đàn em hỏi, gã đầu lĩnh cười:

- Cái lũ không biết húp cháo này mới đích thị là bọn cậu ấm, quý tử hiểu chưa! Bây giờ loạn tin ra, bắt bố mẹ chúng nó chuộc tiền. Đứa bé nhất cũng phải chuộc một trăm lạng bạc. Nhà nào giàu thì đòi gấp đôi, gấp ba.

Gã cười sằng sặc:

- Một công tử nhà sang lấy có một trăm lượng vẫn là quá rẻ! Một năm, ta chỉ cần làm một hai vụ như thế!

Bọn đầu trộm đuôi cướp này náo loạn khắp trấn thành. Chúng có dấu hiệu riêng với nhau. Bọn cùng chít khăn tai chó, dính bông mai giữa nút thắt, bọn chàm rỗng, chàm hổ xanh lét ngực. Có hội, cùng uống rượu, cùng chìa tay trái, lấy kiếm tự chặt đứt đốt ngón út, nhỏ máu vào rượu uống thề. Dấu ngón tay cụt là để đêm tối dễ nhận nhau!

Bữa nọ, có một gã nhỏ nhắn, dáng thư sinh, trắng trẻo, đi đứng tàng tàng, từ phía huyện Tuy Viễn mò đến. Gã chít khăn võ sinh, đeo tay nải vỏ già màu tía, mặc áo nâu, quần chần, thắt lưng bó que. Hắn đi thẳng đến chợ trấn thành, vào một tửu quán, gọi luôn một vò rượu lớn. Bàn bên, đồng bọn tên "Da lá liễu" đang ăn uống. Chúng đã quá chén. Một ông già ăn xin, râu tóc bạc phơ, đến xin chủ quán. Quán ném cho mấy đồng kẽm. Ông già đói khát lại ngửa tay sang bọn lục lâm. Một tên cướp say, quay lại túm lấy râu lão, quát:

- Sao lại quấy cuộc vui của chúng ta? Đồ ngu! Bọn mình trần như nhộng thế này, tiền đâu ra mà xin!

Ông già ăn xin sợ hãi, mắt lạc hết đồng tử. Chợ có tiếng, sắc như dao lém, từ bàn rượu bên, ném sang:

- Không cho thì thôi, đừng hành hạ người ta!

Cả bàn rượu của Dao Lá Liễu sũng lại. Tiếng chén bực bội dần cùng một lúc trên bàn kêu cồm cộp.

Dao Lá Liễu quắc mắt, tưởng rách hết cả đuôi mắt, háng giọng:

- Mày là thằng nào? Muốn về âm phủ hả?

- Tao là tao!

- Hà... hà... Thế là mày đã chấp nhận tử thần rồi đấy!

Dao Lá Liễu xoa râu, luồn tay xuống thắt lưng, phóng vút sang một lưỡi dao mảnh mai, sáng loáng.

Lũ đàn em chờ một thầy người gục xuống sau cái luồng sáng nhỏ vừa vèo bay đi ấy! Nhanh như cắt, chàng thư sinh, phẩy tay một cái. Chỉ thấy tiếng kim khí, rầy lên văng đi chỗ nào không biết. Dao Lá Liễu há hốc miệng, sợ hãi. Hắn định thân lại, phóng thêm một mũi dao nữa. Lại chỉ nghe tiếng thép rầy trên thềm đá lạnh. Lưỡi dao lại bay đi đâu mất!

Cả bọn trợn mắt tròn xoe. Không đứa nào bị điểm huyết mà đều ngồi im như phỗng đá, giờ lâu mới hoàn hồn. Dao Lá Liễu đầm đìa mồ hôi. Biết người ngồi trước mặt hắn thuộc loại cao cường, hắn liền tách đàn em, quỳ trước một người thư sinh nhỏ nhắn, mặt mũi trắng trẻo kia:

- Xin đại ca tha cho "đứa em" có mắt cũng như mù này, và thương cho nó, theo làm đàn em, đừng cướp miếng cơm của nó.

Nói đoạn, khóc âm lên, nước mắt oà tràn cả trên mặt. Tráng sĩ mặt trắng cũng động tâm, nhấc tay lên, mời ngồi, ân cần nói:

- Đã đem thân vào chốn lục lâm thì còn sung sướng nỗi gì, vậy phải che chắn cho nhau, sao lại cứ sát hại lẫn nhau!

Liên ân cần rót rượu, gọi thêm thức nhắm, kéo ghế cùng ngồi, uống cạn liền mấy vò rượu cùng bọn Dao Lá Liễu.

Chỉ cần một lần ấy, người thư sinh mặt trắng được tôn lên làm Chúa tể lục lâm. Hỏi ra mới biết là Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn,

lưu lạc bỏ nhà từ lâu, không ai rõ. Tuyết được đám giặc cõ chiều chuộng, dần dà bê tha hết ngày này sang ngày khác ở quán rượu, lầu xanh, mặc bọn đàn em muốn làm gì thì làm. Chúng cướp bóc được, đều chia phần hậu hĩnh cho Tuyết. Tuyết dần hống hách, không coi ai ra gì! Giời làm đôi kém, dân tứ chiếng xô về trấn thành ngày càng đông. Họ bám víu vào cái chợ ấy mà kiếm sống. Đắt Bình Định sính nghe hát tuồng và chuộng võ. Gặp đám mại võ nào, dân chúng cũng đổ xô lại xem. Phải là những tay mại võ cự phách mới thu được đầy tiền thưởng của họ. Kém cỏi, người hò la, chê bai, phải thu xếp mà kiếm ăn chợ khác ngay. Bọn mại võ ở chợ lại sợ Nguyễn Văn Tuyết. Khi đến chợ Qui Nhơn, họ đều phải bái kiến Tuyết, sau đó mới được chằng dây, nổi phèng la lên mà kiếm ăn.

Một bữa, Tuyết đang ôm trong tay một vũ nữ to béo, miệng sặc lên vì rượu, đám đầu lĩnh khác cười hô hô ha ha, thì có một tên đàn em hốt hải đến thưa:

- Thưa đại ca Tuyết, ngoài kia có đám mại võ mới đến, hấn ngang nhiên không xin phép anh cả, bỏ ngoài tai luật giang hồ!

Tuyết háng giọng hỏi:

- Thằng nào mà láo vậy?

- Dạ, một lão già và hai con nhỏ! Chúng nhào lộn, múa may khéo lắm! Các đám khác đều bị khách bỏ đi đến xem đám này. Anh em tức lắm, cạy đến tay đại ca!

Tuyết cau mày, nhắc cô đào hát mập mạp ra khỏi đùi, sầm sầm chạy đến chợ, kéo theo đồng đảng hơn một chục đứa!

Người xem đang say sưa thưởng thức tiết mục uyển chuyển của hai cô bé! Cô em mềm mại tung dải lụa điều, uốn lượn như con rồng lượn bay vờn bên thân hình tiên nữ! Cô điều khiển dải lụa rất khéo. Lúc tiến, lúc lui, lúc lăn lóc hai ba vòng dưới đất, gương mặt cô gái như hoa. Dải lụa lúc lượn trên không, lúc sà dưới đất, quán quít từ chân đến đầu thiếu nữ. Tiền thưởng ném xuống sàn diễn như mưa rào. Cô em vừa lui, cô chị đã cầm song kiếm bước ra. Kiếm

như hai làn chớp bạc lấp lánh trên một vầng đất nhỏ. Khuôn mặt vũ nữ ửng hồng, mắt đen lóng lánh, thân hình nhẹ như tàu lá, uyển chuyển tiến lui, đậm đở thật thần tình. Khi đường kiếm nhập thân, che kín không nhìn rõ thân người, cô em hất cả chậu thau nước, bất chợt đổ xuống. Khi cô gái dừng kiếm, cúi đầu chào người xem. Thì lạ thay, không thấy một giọt nước nào lọt được vào bộ quần áo lụa võ sinh mềm mại. Tiền lại ném như mưa xuống sàn diễn. Ông già cúi đầu chào cảm tạ hảo tâm của khách và cúi nhặt những đồng tiền vào túi. Tuyết và đồng bọn rẽ đám đông xông vào, đến thẳng trước mặt ông già và hai cô gái. Bọn đàn em toả thành vòng vây, vây kín họ lại. Tuyết chỉ vào mặt ông già quát:

- Lão già quê mùa kia! Sao dám coi thường ta. Mi có biết luật lệ ở chợ trấn thành này không?

Ông già vẫn thản nhiên. Hai cô gái đứng sát đến ông mình hơn nữa.

Tuyết lại quát:

- Thành già có biết Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn không hả?

Ông già chỉ cười không đáp. Tuyết càng giận, vung tay chém giội thẳng vào mặt ông già. Ông ta không thèm tránh, nhún vai nhẹ một chút, rồi đứng yên không cử động. Bàn tay ngàn cân chém xuống bị đẩy bật về phía sau. Đám đông nhấm mắt lại sợ thay cho ông già. Mở mắt ra, ông vẫn trơ trơ đứng đó còn "Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn" vùng vàng quay ngoắt trở ra, mặt vừa sợ hãi, vừa tức giận, vẫy tay ra hiệu cho bọn đàn em, giọng gắt gỏng:

- Thôi về. Về chúng mày! Để cho thành già này sống thêm vài bữa nữa!

Ông già để tay vào ngực từ tạ khách xem, thu nhặt phèng la, dây nhợ, quầy gánh trở về. Tuyết cho đàn em dò la, biết ông già và hai người con gái, ban ngày hành nghề ngoài chợ, đêm về trú ngụ ở ngôi miếu cổ, liền nai nịt, dắt kiếm ngấn trong người, ngấm dùiung kế để sát hại. Tuyết vọt qua tường miếu. Trong miếu có hai phòng

nhỏ, một giành cho hai cô gái, phòng kia giành cho ông già. Tuyết nẩy cửa sổ, lách vào như rấn trườn. Biết ông già không phải tay xoàng, Tuyết không dám khinh suất. Tuyết vừa trườn vừa nghe ngóng. Ông già bỗng trở mình. Tuyết nằm thiếp trên nền gạch. Ông già lại lăn ra ngủ, ngáy đều đều. Tuyết mừng lắm, nhổm dậy, chém thật mạnh xuống cổ ông già. Không thấy động tĩnh gì. Tuyết chém liền một nhát nữa, thì choang một tiếng, mũi kiếm gãy làm đôi, văng vào xó miếu. Thất kinh, Tuyết co giò định bỏ chạy. Một giọng như chuông đồng vọng lên như tiếng thần linh:

- Quấy nhiễu giấc mộng yên lành của ta! Khách nào tàn ác thế!

Nói rồi thổi lửa, thắp nến, thấy Tuyết đang phủ phục dưới chân mình, miêng lấp bấp:

- Người là người hay thần linh? Xin xá tội phạm thượng cho kẻ đáng chết bẫm, chết vằm này!

Cụ già nâng Tuyết dậy, nhìn vào mặt, à lên:

- Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn đây mà!

Tuyết xấu hổ quá, mặt mày trông đến khổ sở. Ông già cười, bảo:

- Thôi về chợ trấn thành mà kiếm ăn, gần sáng rồi!

Tuyết lại quỳ rạp xuống, nài xin khẩn khoản:

- Con là hạng vô lại chót phạm đến thầy. Mong thầy đại xá, nhận con làm học trò. Con nguyện theo thầy đến cuối đất cùng trời, dù xương tan thịt nát cũng cam lòng!

Ông già nói:

- Võ nghệ của anh cũng đủ kiếm miếng rồi, còn phải đi đâu nữa!

Tuyết khóc to mà nói:

- Lúc đầu, trí lự con đâu có thế! Bồi thiển cận, bị bọn du đảng chèo kéo. Rượu ngon, thịt béo, gái đẹp, lời hát hay đã làm huỷ hoại

đời tráng sĩ của con. Xin thầy ra tay tế độ. Thầy không thương, con xin rút gươm đâm cổ chết, không dám quay về chợ trấn thành nữa!

Ngâm nghĩ giây lát, ông già bảo:

- Ta chưa nhận ai làm học trò bao giờ. Suốt đời, ta vẫn luôn đi học người khác. Tài nghệ ta chẳng có gì đâu. Xét cho cùng, thì chỉ có hai chữ: Lui và nhường thôi! Ta xem anh cũng là kẻ có tài đấy. Song, anh có muốn làm người tử tế đâu?

Nguyễn Văn Tuyết đập đầu xuống đất đến chảy máu:

- Con đã biết tội! Nguyên ăn năn từ bữa nay! Con xin theo thầy, học hành, cải hối, may ra khí chất thay đổi, để thành người hữu ích! Xin thầy rộng lượng, thu nạp cho!

Ông già nâng Nguyễn dậy an ủi:

- Con đã tâm thành, ta đâu nỡ chối! Chỉ mong con nhớ lời đã thề thốt trước mặt ta và thần linh ở ngôi miếu cổ này!

Bèn thấp hương vái tạ thần miếu, quét dọn sạch sẽ, gọi hai cô cháu gái, sập cửa miếu ra đi, mang theo cả Nguyễn Văn Tuyết.

Từ bữa ấy, trấn thành bạt dấu "Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn". Đồ đảng đình ninh Tuyết bị ông già sát hại rồi!

Mấy năm sau, lũ đàn em bỗng thấy Tuyết lù lù trở lại, mang theo một người đàn bà. Ai còn xem mại võ thuở ấy, dễ nhận ra vợ Tuyết là một trong hai cô gái múa lùa, múa kiếm năm xưa. Bọn lâu la mừng khôn xiết kể, mở tiệc đãi vợ chồng Tuyết. Có người ngà say, gạn hỏi Tuyết mấy năm vừa rồi bỏ anh em đi đâu? Tuyết cười, kể chuyện vào miếu định giết ông già, nhưng không xong, lại được ông nhận làm đệ tử. Ông là một người có chí lớn, phiền vì Chúa Nguyễn suy đốn nên tránh vào núi ở ẩn. Dem được Nguyễn Văn Tuyết về, ngày đêm, ông truyền võ nghệ cho. Tuyết rất thông minh, chí tình, dạy đến đâu, tiếp thu được đến đấy! Ông già mừng lắm, liền gả cháu gái cho. Biết lúc Tuyết có thể bay nhảy ngoài đời được, ông gọi cả hai vợ chồng đến bảo:

- Vợ chồng con trở về đất cũ được rồi! Làm người phải thương yêu đồng loại. Lại còn phải biết chọn người mà thờ, để thi thố tài năng, làm việc lớn. Ta chẳng có gì cho các con, chỉ có vài lời tâm huyết đó thôi!

Đồ đảng Tuyết gạn hỏi:

- Đại ca trở về, chúng em mừng lắm. Từ buổi anh cả đi, chợ trấn thành này, đám giang hồ không ai cầm đầu. Anh hùng hảo hán tìm đến, đều là hạng cao thủ. Chúng em bị ức hiếp, đè nén, mất gần hết lợi lộc, nhóm nọ, nhóm kia như bèo tan tác, mỗi bọn một khoảnh. Mong đại ca về lập lại trật tự cho!

Nguyễn đặt chén xuống chiếu bảo họ:

- Biết nói thế nào với các em bây giờ. Việc làm của ta mấy năm trước ở chợ trấn thành, không thể xếp vào loại tráng sĩ, hào kiệt được!

Gã râu rậm, gắt gỏng vọng lại:

- Ta lấy của bọn nhà giàu. Có lúc thấy sự bất bằng chẳng tha, cứu người này, giải thoát cho người kia, không cần đền đáp. Những việc tha trẻ khó, diệt ác bá, không phải là những việc tốt hay sao?

- Vẫn là việc tốt nhất thời, tùy hứng! Người hào kiệt, kẻ tráng sĩ trước hết phải cứu mình, tìm lấy lối đi, sao cho tài năng, trí lực cứu mạng cả một vùng, một nước. Ta trước mê đắm vào cái lợi trước mắt. Nếu không có thầy ta, khác nào kẻ bị lầy thụt trong bùn, chẳng bao giờ thoát được. Ta đã hối cải từ buổi theo thầy, giờ còn phải hối cải nữa!

Râu xồm lại hỏi:

- Cách hối cải tiếp của đại ca như thế nào?

Tuyết đáp:

- Khắp thế gian, nổi khổ giăng giăng, nếu biết vì người tri loạn, dẹp nổi bất bình của muôn nhà, cũng là cách hối cải. Mỗi người có một chí hướng. Chí của ta, ta nguyện làm, anh em đừng

ngăn cản. Ta cũng chẳng dám rủ rê ai! Chuyện dài lắm, làm sao nói hết được!

Bọn lâu la cho rằng Tuyết mê đắm vợ con, không muốn nhảy vào chốn giàng hồ nữa. Nói thác ra thế, chẳng qua là che đậy sự hèn nhát bên trong thôi!

Chúng chán nản rủ nhau về, không thêm đến nhà Tuyết nữa!

2

Chúa Nguyễn Phúc Khoát tuần du phương Nam. Khoát đến đâu, quan Trấn thủ cung phụng hết sức xa xỉ. Khoát nghe lời gian thần, gây nhiều chuyện oan khuất lắm. Tuyết lần la ở kẻ chợ, luôn gặp đám dân nghèo kể tội Chúa gây bao cảnh nhiễu nhương, chính sự phiền hà, lính tráng đánh dẹp liên miên, dân thường đói khát, xiêu tán... Khoát chọn gái đẹp vào cung. Sa hoa vô độ.

Uất ức, Tuyết cảm khái nói với vợ:

- Lần này Nguyễn Phúc Khoát ra Qui Nhơn, tôi muốn học người xưa, muốn cho nó một nhát dao, cho thoả nguyện sự hờn oán của dân chúng! Chuyến đi này lành ít, dữ nhiều đấy!

Vợ Tuyết không nói gì. Nàng ra chợ mua một vò rượu ngon và một mâm đồ nhắm tốt. Hai vợ chồng âu yếm ngồi bên nhau đến tận khuya.

Nguyễn dắt đoàn kiếm vào người, nhảy ra đường, lao vào bóng tối. Chúa Khoát đang ở Qui Nhơn, tiếng tiêu thiếu nhã nhạc vang ra khắp một vùng. Quan Trấn thủ đang bày tiệc mời Nhà chúa. Bồn mặt thành canh gác rất nghiêm mật. Qua cổng thành đã khó, hướng chỉ còn vào tận hành cung, nơi Chúa ngự. Nguyễn Khắc Tuyên là viên quan cản trở. Dưới trướng hần, thiếu gì văn thân, võ tướng, không thể coi thường! Mấy lần Tuyết định liều mạng lọt vào nhưng lính quan dày đặc, tốp này đi, tốp khác đến. một quãng

đường nhỏ, quân tuần canh cụng đầu nhau mấy lần. Tuyết sốt ruột, chưa tìm ra kế gì!

Chúa Nguyễn có con ngựa quý tên là Xích Kỳ. Nguyên là cống vật của Cao Miên Quốc vương. Dáng ngựa như kỳ lân, bờm vàng hoe, mình đỏ tía. Vó thon, bụng lẳn, bắp vế cuộn tròn như những tảng thép, đi hàng ngàn dặm không biết mệt. Tiếng Xích Kỳ hí ran cả trấn thành. Nghe tiếng hí, những đàn ngựa cái đều ngẩng cổ, muốn phá chuồng trại, tìm về với tiếng hí hấp dẫn ấy. Khi xung trận, Xích Kỳ linh hoạt lạ thường. Sức phóng như bay của nó có thể giúp tướng giỏi lấy đầu địch thủ trong chớp mắt. Chúa được vật cống yêu lắm, đặt tên là Xích Kỳ, ý muốn ví nó như ngựa ký, ngựa kỳ bên Trung Hoa. Chúa đi đâu cũng mang ngựa theo. Chúa muốn mượn tiếng ngựa để tôn thêm vẻ cao sang của mình, muốn cho thiên hạ biết mình là kẻ văn võ kiêm toàn, là kẻ biết người, biết của.

Nghe tiếng ngựa hí, Tuyết xúng vừng cả người. Hiện nay, Tuyết cũng đang khao khát một con ngựa chiến. Bởi Tuyết nghe tiếng ở An Khê, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ đang chiêu mộ người tài cứu dân, cứu nước. Tuyết cũng muốn tìm đến, xem họ có đáng cho mình thờ làm mình chủ không?

Con Xích Kỳ lại hí ran một tiếng nữa! Tuyết nghển cổ về phía tiếng hí, tưởng như con ngựa đang tìm mình, cũng đang có một tâm trạng như mình muốn vùng vẫy, muốn hoạt động.

Tuyết liền bỏ ý định thích khách, lên phía chuồng ngựa. Giờ cái tài lẩn, luồn của nghề đạo chích, Tuyết luồn vào chỗ con Xích Kỳ mà bọn tuần canh vẫn không hay biết. Khu chuồng ngựa, bọn lính canh gác có phần lơ lửng. Tuyết khéo léo tháo được cửa tàu ngựa. Con Xích Kỳ vẫn phải đeo dây cương và người coi ngựa đã cẩn thận buộc chặt cương vào cột chuồng. Tuyết tiến xáp đến đầu ngựa, lấy tay vỗ nhẹ vào má ngựa, vuốt dọc trán ngựa, bờm cổ ngựa. Tuyết lấy vai hích vào ngực con Xích Kỳ mấy cái để làm

quen. Xích Kỳ hí ran lên một tiếng. Tuyết giật thót mình, nhảy tót ra sau tàu ngựa nghe ngóng. Không có lính canh nào đến, Tuyết lại mò vào. Con Xích Kỳ không chống lại người lạ này. Nó còn đang như dò xem, kẻ đến bên nó là người thế nào? Tuyết lại làm những cử chỉ thân thiện. Con Xích Kỳ tỏ vẻ làm thân. Tuyết mừng lắm, tìm cách cởi được dây cương, dắt ngựa ra khỏi tàu. Nhìn trước nhìn sau lại buộc tạm ngựa vào trong tàu. Tuyết lẩn vào chỗ lính canh ngủ, lấy trộm được một bộ quần áo quân canh, đem ra, trút lốt cũ, thay luôn, rồi cười con Xích Kỳ, cầm giáo, đi đường hoàng như lính của thành Qui Nhơn vậy. Đến sáng, lừa cho cửa thành mở, Tuyết thoát ra được, giục ngựa chạy đến thẳng An Khê, tìm đến trưởng của anh em Tây Sơn.

Chúa Nguyễn Phúc Khoát yến tiệc ở Qui Nhơn mấy ngày liền. Ngày hôm sau, quân lính biết mất ngựa quý của Chúa, liền báo ngay với quan Trấn thủ Nguyễn Khắc Tuyên. Tuyên nghe đoạn, hồn vía lên mây. Sợ bị Chúa quở, Tuyên bắt bộ hạ phải giấu kín và cho tay chân lùng sục khắp nội ngoại thành Qui Nhơn. Khi bọn chúng quay về chuồng ngựa mới để ý đến mảnh giấy bay lất phất trước cửa chuồng: "Ta mượn ngựa của Chúa, cười thử xem có đúng nòi ngựa quý không? Đừng tìm ngựa vô ích. Tuyết Tuy Viễn!".

Tuyên giậm chân kêu khổ, đến nhờ Trương Phúc Loan vào tâu với Chúa giúp, mới thoát được tội chết.

Nguyễn Văn Tuyết lên An Khê, ra mắt Nhạc, Nhạc cho đi coi ngựa. Tuyết hậm hực, nhưng không nói. Một bữa, Nguyễn Huệ đến chồng ngựa chọn ngựa cho đội tuyển phong, thấy con Xích Kỳ là nòi ngựa quý, buột miệng khen:

- Con này đáng là Chúa nòi ngựa chiến. Tráng sĩ mua được ở đâu vậy?

Tuyết thở dài:

- Ta tưởng đất này quý người, hoá ra chỉ quý ngựa.

Nguyễn Huệ thắng thốt, vội vàng xin lỗi. Hỏi ra mới biết Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn, liền mời về dinh. Từ đấy, Huệ, Tuyết, Phan Văn Lân, Đặng Văn Long không mấy lúc rời nhau. Tuyết quý Huệ muốn tặng Huệ con Xích Kỳ. Huệ cảm ơn rồi nói:

- Xích Kỳ đã có chủ đích đáng rồi. Đừng trao nó về tay chủ khác.

Tuyết đành thôi. Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc trị Võ Văn Nhậm có mang Tuyết theo. Tuyết đã được phong làm Đô đốc. Khi Tôn Sĩ Nghị đem hai mươi vạn quân Thanh ồ ạt tiến vào Thăng Long. Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm chủ trương lui binh về Tam Điệp. Nội hầu Phan Văn Lân xin lĩnh một ngàn quân lên sông Như Nguyệt chặn đánh để thử sức với quân Thanh xem thế nào. Nguyễn Văn Tuyết cũng định xin đi! Ngô Văn Sở giơ tay ngăn lại bảo:

- Đô đốc còn có việc khác quan trọng hơn!

- Việc gì vậy?

- Việc này phi ông, không người nào làm nổi!

- Quan Đại tư mã không giỡn tôi đấy chứ!

- Việc quân đâu phải chuyện đùa. Ta biết Đô đốc có con ngựa Xích Kỳ. Vả lại sách lược lui quân Tam Điệp phải có đại tướng trình lên Bắc Bình Vương mới hết nhẽ được! Tướng quân là người tâm phúc của chủ tướng! Việc về Phú Xuân, phải đích thân ông đi mới được!

- Ông hẹn tôi mấy ngày phải đến nơi?

- Càng sớm càng hay. Nếu cần ông có thể thay ngựa trạm được!

Nguyễn Văn Tuyết cười:

- Con Xích Kỳ của tôi chưa bao giờ dùng được vào việc đúng với tài của nó. Chuyến này ta thử xem!

Từ đây vào Phú Xuân hàng trăm dặm! Đèo cao, dốc đứng. Người không giỏi, ngựa không giỏi, tất không thể đem tin quan trọng đến sớm được đâu!

- Đại tư mã hãy tin ở tôi!

Ngô Văn Sở giục Nguyễn Văn Tuyết đi ngay. Ngày 20 tháng 12 năm Mậu Thân (1788), Ngô Văn Sở lui quân về Tam Điệp. Sở chặn ngang Trường Yên làm tuyến phòng giữ, cho quân thuỷ đóng ở miền biển Biện Sơn, quân bộ đóng giữ Tam Điệp, thuỷ bộ liên kết thành phòng tuyến chốt chặn đường giặc Thanh tiến vào quân Nam.

Nguyễn Văn Tuyết một mình một ngựa đi thẳng vào Phú Xuân. Thông thường đường vào xứ Thuận Hoá cứ một ngày đường lại vào trạm thay ngựa. Xích Kỳ chạy luôn ngày đêm hai trạm mới chịu nghỉ. Nghỉ ngơi nửa buổi, ăn thóc tốt, cỏ ngon, nó lại phóng băng băng như một ngọn lửa đỏ băng qua dốc đèo ngàn dặm.

Ngày 24 tháng 12, Tuyết đã có mặt ở Phú Xuân, trình lên Bắc Bình Vương tình hình quân Tôn Sĩ Nghị vào Thăng Long, Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm chọn kế lui binh, "dĩ dật đãi lao", chờ quyết định của chủ tướng!

Nguyễn Huệ hỏi tỉ mỉ mọi chuyện, quay hỏi Tuyết:

- Đò đốc đi từ ngoài ấy vào đây bằng gì mà nhanh đến vậy?

Nguyễn Văn Tuyết cười đáp:

- Ngày trước ở An Khê, chủ tướng gặp tôi chỉ hỏi ngựa mà không hỏi người! Bây giờ thì chủ tướng chỉ hỏi người mà quên hỏi ngựa.

Nguyễn Huệ cười âm, thân mật vỗ vai Tuyết:

- Quả là ta quên mất Đò đốc có con Xích Kỳ đấy! Trời giúp ta nên lúc này có Tuyết lại có cả Xích Kỳ!

Liên thân đến nơi buộc ngựa, nhìn ngắm ngựa rất lâu, vỗ về nó, sai quân chăm sóc thật tử tế cho ngựa mau hồi sức.

Nguyễn Văn Tuyết nói:

- Xích Kỳ! Chủ tướng khen ngợi chúng ta đấy!

Ngựa biết ý, rung bờm, vẫy đuôi, như tỏ vẻ biết ơn.

*

Bắc Bình Vương lên Ngôi vua, kéo quân ra Tam Điệp. Quang Trung hội quân với Ngô Văn Sở, Nguyễn Văn Tuyết, sai Hám Hồ hầu, tuyển gấp quân ở Thanh Hoá đêm trừ tịch thẳng tiến vào Thăng Long. Quân chia làm năm đạo! Trung quân thuộc về doanh vua, giao cho Đại tư mã Ngô Văn Sở chỉ huy. Nội hầu Phan Văn Lân đốc suất tiền quân làm tiên phong, Hám Hồ hầu chỉ huy hậu quân đốc chiến. Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đốc suất tả quân, trong đó có quân thuỷ, vượt biển tiến vào sông Lục Đầu. Đến đó, Tuyết cho quân trấn giữ Hải Dương, tiếp ứng với mặt đông còn Lộc đi gấp lên miền Phụng Nhãn, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh. Đại đô đốc Bảo, Đô đốc Long đốc suất Hữu quân, trong đó có quân voi và quân kỵ mã. Long xuyên qua huyện Chương Đức, thẳng đường đến Nhân Mục huyện Thanh Trì tập kích vào trại quân của Thái thú Điền Châu Sâm Nghi Đống. Bảo thống suất quân voi đi đường Sơn Minh ra làng Đại Áng huyện Thanh Trì để tiếp ứng cho cánh hữu.

Trong năm ngày, Vua Quang Trung và các tướng Tây Sơn đánh tan hai mươi vạn quân xâm lược của Tôn Sĩ Nghị. Quân Thanh xô nhau chạy trốn, qua cầu phao, chen lán, cầu đứt. Giặc Thanh chết đuối rất nhiều, xác nghẽn cả dòng sông. Tôn Sĩ Nghị chạy bán sống bán chết mới thoát nạn. Lê Chiêu Thống và lũ quan lại hèn nhát triều Lê lại một phen vỡ mộng "công rần cần gà nhà!".

Vua Quang Trung mở lễ mừng chiến thắng, ăn Tết lại ở Kinh Thành. Vua giao ngay việc lo bang giao hoà hiếu với Trung Hoa cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Vua xét công ban thưởng cho các tướng sĩ. Công đầu là Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, Phan Văn

Lân, Hám Hồ hầu.... Tuyết ở hàng công thứ hai. Vua Quang Trung khi xét duyệt đưa Tuyết lên hàng thứ nhất và bảo:

- Tuyết tuy thống suất tả quân, là phó cho đại Đô đốc Bảo. Nhưng Tuyết còn có công đem tình hình Bắc Hà gấp rút vào Phú Xuân. Nếu ta không được tường trình kỹ lưỡng thì sao có những quyết định thần tốc để có thắng lợi hôm nay.

Liền xếp ngang công với Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, Phan Văn Lâm... Lại ban thưởng đặc biệt cho ngựa Xích Kỳ, cấp phát cho lương bổng hậu bằng thóc ngô đặc biệt. Nguyễn Văn Tuyết cảm động đến ứa nước mắt, lạy tạ rồi lui xuống! Tuyết lấy vàng lụa được thưởng sắm cho Xích Kỳ một bộ yên cương cực đẹp, thắng vào để Xích Kỳ điều hành trong lễ mừng đại thắng! Khi Tuyết đặt lên mình ngựa, nó lại rũ đi vẻ khó chịu. Nguyễn lấy làm lạ, nhân dịp đến thăm Vua, liền nói lại, Vua Quang Trung cười âm lên và nói:

- Thế mới là ngựa quý. Xích Kỳ xông xáo trước trận mạc, chạy muôn dặm để làm việc nghĩa, chứ đâu chịu đeo ngù vàng, khớp bạc, lục lạc đồng, chịu che lọng, che tàn đi từng bước một trong đám rước, lễ nghi kê rề, kèn sáo mừng chiến thắng!

Tuyết chịu Vua là cao kiến.

Nàng Ngọc Bích

Lê Văn Hưng là dũng tướng của nhà Tây Sơn người linh hoạt đa tình.

Những năm còn trẻ, Hưng lang thang phiêu dăng, phớt đời, mượn nhà họ Dương ở Tuy Viễn làm nơi ở trọ.

Hưng lúc lên núi ở, lúc vào thành phố, học võ nghệ từ bao giờ, học ai không rõ, cũng là loại cao cường. Cũng lại tự học binh pháp, diễn lệ, thông hiểu xưa nay, có thể cao đàm, khoát luận ở chỗ ẩm thực. Hưng trẻ đẹp hào hoa, hát bài chòi rất giỏi, thích xem hát bội. Hưng rất thích võ tướng Đồng Kim Lân - Khương Linh Tá, xem đến thuộc, đến nỗi khi nào uống rượu say, có thể tự diễn từng đoạn được.

Hưng giao du rộng, nhiều đàn em và cũng khôn ngoan, kết liên với những đám lục lâm để tạo thế lực. Bồi thạo ngõ ngách, lại giỏi leo trèo, do đó thuở hàn vi đi ăn trộm, nhiều lần bị lộ, chủ nhà đuổi gấp vẫn chạy thoát, đôi khi lại còn cất tiếng cười nhạo báng.

Ít lâu sau, thân với cô hầu nhà họ Dương tên là Ngọc Bích. Ngọc Bích mặt hoa, da phấn, giọng nói ngọt dịu, lúc vui trò chuyện rất có duyên. Hai bên càng gần, ngày càng bịn rịn.

Lê Văn Hưng vẫn quen sống buông thả. Dù rất yêu Ngọc Bích, song vẫn thường la cà vào các đám ca lâu tửu quán chơi cạn đêm mới về. Tiền kiếm bao nhiêu cũng không đủ. Ngọc Bích tỏ lời khuyên răn, nên tích tiền, làm người lương thiện. Hưng nghe được ít lâu lại chứng nào tật ấy.

Một bữa bí tiền lấy trộm của nhà hàng xóm, nhảy qua tường sang. Ngọc Bích biết được, không biết ăn nói thế nào.

Ngọc Bích trách:

- Đánh đi mười phương để một phương lấy chồng. Nhà lảng giềng của ông chủ bao nhiêu năm nay, giao du thân tình, trộm cắp xa gần đều nể mặt. Anh có thiếu tiền để em bán đồ nữ trang cho anh tiêu, sao lại làm thế.

Văn Hưng xấu hổ, lại nhảy sang phía tường bên kia giả nguyên chỗ cũ, từ đấy không đi ăn trộm nữa.

Nghe quân Tây Sơn khởi nghĩa, Hưng vào yết kiến Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Trước khi đi, gọi Ngọc Bích ra vườn sau, nhắn nhủ:

- Anh và em gấn bó hẹn non thề biển đã lâu. Nhưng anh là kẻ bốn biển không nhà. Giờ nghe tin có mình chủ ra đời, quyết theo để trừ gian lập nghiệp, bao giờ thành đạt sẽ về đón và cưới em.

Bữa ấy giáp Tết, vườn nhà họ Dương mai nở vàng rực rỡ, rất đẹp. Ngọc Bích lại càng đẹp. Ngọc Bích hỏi:

- Em chờ anh độ bao lâu?

- Đúng năm năm nữa, nếu công thành danh toại, cũng vào dịp tết này, hoa mai vàng nở, anh sẽ đến đón em. Anh có chiếc nhẫn vàng này, tặng em để làm tin, xin em coi như lễ đính hôn trước cùng em vậy.

Rồi đi luôn, bật vô âm tín.

Ngọc Bích ở lại Tuy Viễn, năm nào cũng trông ngóng. Những dịp năm cũ đi, năm mới đến, cô thường vào ra bốn chôn bên mai vàng chờ cho đến lúc cả nhà vào ngủ, khách khứa về hết, mới chịu đi nghỉ. Ba ngày Tết, qua phố xá, ở những nơi tụ tập, cứ ghé ngó, hy vọng xem có thấy Văn Hưng đâu, nhưng không thấy hình tích đâu cả.

Lê Văn Hưng theo Nguyễn Huệ vào Nam, ra Bắc, chinh phạt vất vả. Quang Trung rất quý, cho ở sát bên mình. Ngày hẹn chót

của năm thứ năm, đúng là Tết đại phá quân Thanh, không sao về được... Ngọc Bích chờ ở nhà khóc hết nước mắt. Sau đó buồn tủi, đóng kín phòng, suốt ngày ở trong nhà gior chiếc nhẫn lên ngắm, cho rằng Lê Văn Hưng đã gặp nạn chết ở xó xỉnh nào rồi, nếu không, chàng đã đúng hẹn về đón cô đi.

Ngọc Bích nhịn ăn mà chết. Khi Quang Trung trở lại Tuy Viễn, Lê Văn Hưng làm đốc tướng, rẽ vào nhà họ Dương, tướng Ngọc Bích vẫn chờ mình. Nhưng đến nơi mới vỡ lẽ, thương xót vô cùng, ra tận mộ, đập mình vật vã, than khóc không nguôi, tướng sĩ ai cũng cảm động.

Hưng được phong làm Đốc trấn Diên Khánh, uy danh, giàu có, nhiều nơi rấp ranh gả người đẹp cho. Hưng vẫn không nguôi nhớ Ngọc Bích, không chịu lấy ai. Thấy những cô hầu nào nghèo, thường tưởng đến thời hàn vi gặp được Ngọc Bích, hay vờ đến bên bàn tiệc trò chuyện. Tướng nhớ không nguôi, một đêm đọc sách chợt thiu thiu ngủ. Cành mai vàng bên cửa sổ lay động. Một lúc, có người vén rèm bước vào. Lê Văn Hưng sững sờ về vẻ đẹp và khổ người của nàng, sao giống Ngọc Bích thế. Nàng đi vào trướng nhìn Lê Văn Hưng một lát rồi vội bỏ đi, gọi thế nào cũng không quay lại. Hưng đuổi theo, nàng đã lấy đồ riêng, chèo ra bên sông rồi, ngoái lại nói:

- Âm dương cách biệt, không thể làm vợ chàng. Nhưng bằng ngày này năm sau, sẽ lại gặp nhau.

Lê Văn Hưng tỉnh dậy, hoá ra một giấc mộng. Hưng cho rằng mình quá thương nhớ, nghĩ ngợi mà mộng thành, liền thấp nhang ở bàn thờ Ngọc Bích, mà quên không lưu ý tới những lời báo mộng nữa...

Năm sau, Lê Văn Hưng theo Quang Trung về Phú Xuân. Giáp Tết, nhớ ngày hàn vi, liền cởi áo tướng, vi hành ra ven thành uống rượu, xuôi sông Hương nghe hát.

Đêm cuối năm, những chiếc thuyền đón khách trên sông thấp đuốc sáng rực, cung đàn vẳng trên sóng nước. Những cô đào đẹp

Tánh và Ngô Tòng Chu làm tổn hao binh tướng của Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân nên sau này Nguyễn Ánh mới phản công, lấn đất của Tây Sơn rồi dần thu phục được Phú Xuân...

Sớm hôm sau, Nguyễn Ánh thân vào ngục xem mặt Bùi Thị Xuân. Y không lộ mặt mà chỉ mặc áo thường, đội mũ đen như một viên hình quan đến hỏi.

Hai mẹ con Bùi Thị Xuân vẫn không rời nhau. Khi có người báo quan nhà Nguyễn đến hạch tội, Bùi Thị Xuân đứng bật dậy quay mặt vào phía trong. Nguyễn Ánh hỏi:

- Nữ tướng bậc nhất của Tây Sơn, giờ phải chui vào nhà lao ư!

Bùi Thị Xuân không thèm đáp. Nguyễn Ánh cười lại hỏi thử:

- Mấy năm trước nhà ngươi còn tung hoành ngang dọc, tưởng không ai hạ nổi mình. Bây giờ thì gươm đâu, ngựa đâu, đến nỗi thân tàn ma dại thế này!

Bùi Thị Xuân quay lại nói:

- Chỉ có bọn tiểu nhân mới đắc ý khi người khác thất thế! Lũ chuột thỏ ở trong hang làm sao hiểu được trí lự của chim bằng ngoài khơi! Giết ta thì giết đi, đừng làm nhảm như một đứa thất phu nữa.

Nguyễn Ánh tức lắm...

*

Ánh cho hành án mẹ con Bùi Thị Xuân với tội lăng trì...

Trước khi hành quyết, y còn cho dẫn hai mẹ con võ tướng đi bêu khắp kinh thành.

Bãi cỏ có rào chắn, quân sĩ cầm gươm dao tuốt trần. Bùi Thị Xuân bị đẩy vào giữa bãi, tay bị trói chặt. Đứa con gái của nữ tướng trên mười tuổi cũng mặc áo tù như mẹ, chạy vội theo mẹ như cái bóng. Đã hơn mười ngày bị hành hạ đủ điều, nhưng Bùi Thị Xuân vẫn giữ tư thế kiết hiệt, không để cho kẻ thù thấy mình mệt mỏi.

Một con voi đực lớn mình mốc, đôi ngà cong và nhọn, được quân tượng thả vào bãi. Tên đao phủ mặc áo đen, bịt mặt, chỉ để hai lỗ mắt, điều khiển voi xông thẳng đến cô con gái của Bùi Thị Xuân.

Con voi như một thót đá lớn đâm sầm đến trước mặt. Quân voi hét:

- Sát! Sát! Sát!

Đó là một con voi trận được Nguyễn Ánh yêu nhất. Mỗi lúc vào trận, nó tả xung hữu đột, có lệnh của người quân tượng, là tung vòi quăn chặt lấy kẻ trước mặt nó hất bổng lên trời rồi giờ ngà ra mà xiên thẳng vào thân người rơi xuống.

Để hành quyết theo đúng lệnh của Nguyễn Ánh, gã quân voi đã cẩn thận, tập cho voi cả ngày hôm trước. Y lấy những thân chuối và hình nộm, đặt ở trong vườn rồi điều voi tới. Con voi đến đúng chỗ, quăng cây chuối hoặc hình nộm lên rồi lấy ngà xiên ngang. Có cây chuối trúng ngà mắc kẹt, phải sai tên chăn voi đến gỡ. Cứ mỗi lần tập, voi lại được thưởng một bó mía lớn, nên nó lại càng hăng hái.

Bữa nay, khi quân tượng hét lệnh, con voi xầm xầm xô tới thật.

Cô gái bất ngờ kêu mẹ:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! Cứu con!

Nước mắt Bùi Thị Xuân ứa ra, nhưng miệng nữ tướng lại hét lớn:

- Con gái mẹ không được khiếp hãi trước bọn cẩu trệ...

Cô gái nhắm mắt lại chờ chết.

Nhưng con voi đứng sững lại không chịu quăn lấy tù nhân... viên quân tượng gầm lên:

- Sát! Sát! Sát!

Mấy nhát búa bổ vào đầu voi. Voi cúi giận hí lên dữ dội, rồi dùng vòi cuốn cô gái tung lên trời theo lệnh chủ. Nhưng nó không

nhất thường ở những thuyền lâu khá đắt tiền. Khi khách hào hoa đã vung tay, thì có xá kể chi tiền bạc. Văn Hưng lâu ngày không la cà ở những chốn ăn chơi, không muốn xuống thuyền lâu thường có những đào hát nổi tiếng, sợ chạm mặt những võ tướng dưới trướng của mình.

Ông xuống một thuyền nhỏ, xinh, bập bênh hai đầu ngọn nước. Vào trong khoang thuyền thấy bạch lạp thấp sáng, chủ nhân đơn đả ra chào. Chủ thuyền nói:

- Quan nhân dùng rượu trước hay nghe hát trước.

- Cho uống rượu trước.

Hưng lấy làm lạ thấy thuyền nhỏ, nhưng phía trong lại đặt một chậu mai vàng rất đẹp. Ông nhớ đến đêm giáp tết xưa hò hẹn với Ngọc Bích, lòng bùi ngùi cảm khái. Uống hết nửa vò rượu, giọng nga nga ông gọi:

- Chủ thuyền, cho nghe hát!

- Dạ, dạ, dạ!

Ba tiếng vỗ tay, từ mũi thuyền phía trước, cung vãn và đào hát bước ra, Văn Hưng buồn chẳng muốn cúi nhìn.

Đàn đã dạo, tiếng xênh phách đã gõ. Một giọng ca từ ngọt dịu đã vang lên:

Duyên tao ngộ,

Hội trùng phùng

Vũ trụ vẫn xoay, năm tháng hẹp

Mai vàng tươi tốt

Giọng hát bỗng trầm

Mừng gặp bạn tri âm

Lời xưa còn nhớ

Chỉ biển thề non

Một lòng vàng đá

Thương nhớ héo hon...

Ai người quân tử ham chốn vàng son?

Lê Văn Hưng giật mình, ngẩng lên nhìn sang phía cô đào hát. Ông lại một phen thảng thốt, sao người đang hát giống Ngọc Bích đến làm vậy. Ông vội vàng chờ cho hát xong, thân đem tiền đến trước mặt, chổng cốc, đặt thưởng. Lại rót một chén rượu mời cùng văn và cô đào cùng cạn chén.

Cô đào lại hát một khúc nữa. Giọng thiết tha tình tứ.

Văn Hưng uống rượu, lòng nhớ Ngọc Bích cồn cào, liền cất tiếng hỏi:

- Người đẹp ơi, tên em là gì vậy?
- Bẩm quan nhân, tên em là Ngọc Bích.

Lê Văn Hưng lấy làm lạ. Chợt nhớ giấc mộng ở Diên Khánh, lòng mừng khắp khởi, liền hỏi chủ thuyền, nơi ở của cô đào hát. Chủ thuyền cứ thật mà nói. Văn Hưng mừng lắm. Ngay hôm sau bà mới đến nơi ở của Ngọc Bích xin chuộc Ngọc Bích về, lại tự đến đón nàng, báo cho bạn bè, mở tiệc cưới ngay đêm mùng 5 tháng giêng, đúng ngày lẽ hên vì phải vào Thăng Long phá quân Thanh... Đám cưới rất đông vui, ai cũng cho là duyên kỳ ngộ.

Có người không thích nhà Tây Sơn, cho tướng Lê Văn Hưng xuất thân từ đám người lưu đày nên chọn con hát làm vợ.

Lê Văn Hưng nghe người mách đến tai, chỉ cười vang lên. Tiếng cười rung cả những cành mai vàng.

Tướng nhà trời

Ở đất Quảng có một chàng trai nghèo, từ đâu đến không rõ, chỉ biết dáng người thanh tú, mắt xếch, da trắng trẻo, nhìn thoáng không ai có thể cho đó là một người lam lũ. Song chính gã lại là kẻ tha phương cầu thực. Gã đã đi lăm chỗ, một bữa ghé đến một trang trại phong cảnh hữu tình, liền xoay mình, chấp tay đứng ngắm. Bỗng lũ chó nhà giàu từ mấy cửa xổ ra. Gã không hề sợ hãi chỉ cúi mình xuống là đàn chó lùi lại. Khi gã đứng dậy, một con chó dữ lại xô đến kéo theo cả bầy đàn định tấn công kẻ tay không. Gã dậm chân một cái, lũ chó lùi lại ngay. Gã cười. Vừa lúc ấy người chủ điền cũng cười ngựa về, trong tay còn cầm cương ngựa. Ông ta ghì cương lại hỏi:

- Sao người dám trêu chó của ta?

Gã hừ một cái, ngang nhiên trả lời:

- Tôi thấy nhà ông đẹp, tôi ngắm, chó ông xô ra cắn đấy chứ, trách gì tôi.

Gã chủ điền thích người khí khái, liền hỏi:

- Đi đâu vậy?

- Tôi đi kiếm việc làm.

- Có ở cày, ta thuê!

- Được thôi!

Rồi theo điền chủ vào nhà. Điền chủ bảo dọn cơm cho ăn. Ăn một suất lại nằm khểnh. Quản gia mách cho lại hỏi, chỉ trả lời:

- Ăn đói thì sao làm nổi.
- Cần ăn gấp mấy?
- Ăn gấp bao nhiêu làm gấp chừng ấy!

Liên cho ăn gấp bảy lần. Ăn xong đập một mình hết một sân lúa. Điền chủ thích lắm càng cho ăn no làm càng khỏe. Chủ lại cho học võ. Học chừng một tháng, thầy võ đeo khăn gói đến trước thêm nói với chủ:

- Gã Lân - Tên chàng ta là Phan Văn Lân - học hết ngón của tôi rồi. Người này không phải người thường.

Chủ càng yêu có ý gả con gái rồi xây dựng cho. Nhưng Lân lại bỏ đi, tìm thầy giỏi học thêm võ nghệ. Nhờ khổ luyện đã đạt đến mức siêu quần, song Lân không phô phang, lại từ biệt thầy xuống núi, giả bộ lam lũ như cũ, tìm đường đến với những người có chí khí lớn. Lân vào An Khê, ra mắt Nguyễn Nhạc, được Nguyễn Nhạc dùng ngay vào chức chỉ huy. Khi Nhạc xưng Vua, chiếm được Quy Nhơn, Lân đã được Nhạc tin dùng. Lúc ấy, Quy Nhơn là đất cửa biển, thuyền buôn ở mạn bắc xuống, phía nam lên, đều ghé tới. Quy Nhơn có cái thế sông núi hiểm trở lại là cố đô cũ của Vua Chiêm Thành, nên anh hùng hảo hán tụ nghĩa về nhiều. Phan Văn Lân theo Nhạc về Quy Nhơn, Nhạc thích giao du với người Hoa, Nhạc dựa vào quân của hai tướng người Hoa là Tập Đình và Lý Tài mà lấy được cả dèo đất miền Trung nên những thầy dạy võ thuộc phái Thiếu Lâm đều được Nhạc trọng dụng, đãi như bậc thượng khách. Bữa ấy, Nhạc vừa tiếp một võ sư từ Quảng Đông đến, y đến nơi để dò la tin tức mật báo cho nhà Thanh, đã tự mở đài đấu võ. Nhiều tướng Tây Sơn thử sức đều bị y đánh bại cả. Võ sư ấy càng kiêu căng, có người tức lắm, mách với Phan Văn Lân và rủ Lân đến xem. Vốn không va chạm, tính lại điềm tĩnh nhường nhịn, Lân cố từ chối. Gã võ sư lại đánh bại mấy tay võ nghệ có tiếng ở trấn thành khiến Lân không dùng được, cũng phải đến coi... Bữa ấy, gã kia đang đài thách thức, không ai dám lên đấu. Y lại gọi học trò bày trò

điều võ cho mọi người xem. Ai nấy đều trầm trồ, xuýt xoa thán phục, riêng Phan Văn Lân chỉ mỉm cười lui ra... Có người mách đến tai y, gã võ sư càng bức, đến cửa dinh quân của Phan Văn Lân xin gặp. Lân lánh mặt. Một bữa chạm mặt nhau ở lầu rượu, thấy tên võ sư người Tàu hoa chân, di quyền, Lân lại mỉm cười. Gã võ sư hỏi:

- Sao ông lại nhạo báng ta?

Lân lại cười không nói gì thêm. Mặt vẫn thản nhiên không mảy may tức giận.

Gã võ sư quát lên:

- Ta là thượng khách của ông Nhạc đây! Ta muốn đến thử xem ở đây ai là người đáng gọi là trai đất võ! Ông có dám đua tài với ta chăng?

Lân thủng thẳng đáp:

- Đấu thì đấu, nhưng chết thì thôi đấy nhé! Người là thượng khách của chủ tướng ta. Ta đánh chết thì phạm lỗi. Có muốn đấu thì hãy lập tờ cam đoan.

Gã võ sư nhận lời ngay, Nhạc cũng là người ham thích đấu võ bèn cho hẹn ngày đến lầu võ thi đấu. Lân lững thững đến. Gã võ sư ra tay đánh trước, xông lên, nhảy xuống, tới tấp đánh những đòn hiểm vào Lân. Lân chỉ nghiêng người tránh hết, tay đưa, tay đẩy, nhẹ nhàng và uyển chuyển. Võ sư nóng nảy, càng muốn thắng nhanh dốc sức, dốc tài, hét la rất dữ dội. Bỗng chỉ thấy từ trên lầu cao một thân người như một viên đá rơi xuống. Mọi người đến xem, gã võ sư đã nằm phục dưới chân võ đài...

Phan Văn Lân trí dũng hơn người, được chủ tướng ban thưởng nhiều lần, được rượu, vàng bạc, gấm, đoạn đều trao lại khao thưởng cho thuộc hạ, nên quân sĩ đều yêu mến.

Nguyễn Huệ mang quân ra Bắc lần hai, có mang Phan Văn Lân và Ngô Văn Sở theo, coi như là hai đại tướng tin cậy của mình. Khi trở về Phú Xuân, Huệ gọi Sở và Lân đến:

- Các người là nanh vuốt của ta. Việc trấn thủ Bắc Hà ta giao quyền lớn cho, liệu bề mà xử sự. Về việc văn nên bàn bạc với các ông Thị lang triều Lê là Tuấn Thuận Ngôn, Ngô Thì Nhậm, cần liên hệ thông báo gì cho ta để xin mệnh lệnh thì phái Đô đốc Tuyết. Mười một trấn Bắc Hà trông cậy vào tay các người đó.

Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân lĩnh mệnh, cố hết sức mình để báo đáp sự tin cậy của Nguyễn Huệ. Sở và Lân lại thân nhau từ thuở ở Quy Nhơn. Hai người khéo bảo nhau, dùng kỷ luật nghiêm minh, mở mang buôn bán, trọng đãi hiền tài, xét xử án hình công minh, kẻ ngang bướng thì đánh dẹp thẳng tay, do đó kinh thành Thăng Long chấn hưng rõ rệt. Lân và Sở có lúc sóng vai đi qua các đường phố xem quân lính đá cầu, hoặc đêm trăng ra nghe hát ở phường Khán Xuân. Sở còn cho hát tuồng ở trong quân để các tướng sĩ Tây Sơn vui chơi, nhớ những điệu hát quê nhà mà nức lòng chiến đấu.

Khi Tôn Sĩ Nghị đem hai mươi vạn quân rầm rập kéo sang. Sở mời Lân, Nguyễn Văn Dựng, Nguyễn Văn Tuyết, Ngô Thì Nhậm đến bàn chuyện cơ mật. Có người muốn đánh, có người muốn lui quân về Tam Điệp. Lân ngồi nghe từ đầu đến cuối, không nói gì! Sở nghe theo kế của Ngô Thì Nhậm nhưng muốn biết thêm ý kiến của Lân. Lân đáp:

- Giặc đang mạnh, mười một trấn Bắc Hà là cái hãm hở hiện nay của nó, lui quân về Tam Điệp là rất phải rồi. Nhưng cần phải làm cho Tôn Sĩ Nghị hư thực bất phân. Một mặt ta hãy mượn danh Sùng Nhượng Công Duy Cận, tôn ông làm Giám quốc, phái các cự thần có tiếng triều Lê như Trần Bá Lãm, Võ Huy Tấn làm tờ bẩm xin quân Thanh hoãn binh. Làm thế để giặc cho ta là sợ oai chúng. Chúng sẽ hùng hổ tiến thẳng vào Thăng Long... Ta đem đại quân theo thuyền lui nhanh về Biện Sơn, lập phòng tuyến ở Tam Điệp. Quan Đại tư mã cứ theo kế mà làm. Chỉ cho tôi xin đem một nghìn tinh binh, chặn đánh giặc ở sông Như Nguyệt, đánh vào chỗ rấn nhất, xem thử lính Thanh và lính Việt ai hơn ai kém mà liệu định

việc sau này, cũng là tỏ cho chúng hay rằng người Nam mình cũng không hẳn là hèn nhát.

Sở cho Lân là phải, Lân đem quân đi giữa đêm giá lạnh. Một nghìn quân địch với hàng nghìn vạn giặc thay nhau nghênh chiến, quân sĩ có hao mòn chút ít nhưng cũng hiểu được cách ra quân, bày trận của địch, tự mình nhớ lấy để sẽ có dịp đương đầu với những trận chiến nay mai.

Vua Quang Trung lên ngôi, từ miền Trong đem quân ra hội quân với Ngô Văn Sở ở Tam Điệp, thề diệt tan giặc Thanh. Vua chia làm năm đạo quân. Phái cánh quân tả, quân hữu lên đường xong, Vua Quang Trung tự nắm trung quân, giao việc sai phái trong quân cho Ngô Văn Sở, chọn Phan Văn Lân làm tiên phong. Trước lúc xuất phát, Vua hỏi cách bố phòng của giặc. Sở và Lân đều tâu rõ tường tận. Vua Quang Trung ưng ý lắm! Vua nói với Nội hầu Phan Văn Lân:

- Ông lĩnh ấn tiên phong, nên đem quân đi trước, làm sao lấy gọn được đồn Hạ Hồi một cách êm đẹp, khiến cho đại đồn ở Ngọc Hồi không hề biết, thì việc phá giặc không lo gì nữa. Ta sẽ lấy đồn giặc ở Gián, Khuất tiến thẳng vào Ngọc Hồi, chờ ông lấy xong Hạ Hồi sẽ cùng công kích. Mà ta chỉ đánh đồn này khi nghe tiếng pháo hiệu của Đô đốc Long cùng một lúc đánh đồn Khương Thượng thôi!

Phan Văn Lân nhận lệnh đi ngay. Ông cho sắm sửa những loa dài, nối vào những thùng lớn, lại cho quân sĩ ăn vận quần áo xanh đỏ, như kiểu quân nhà trời, chia hai ngả thủy bộ, theo những con đường riêng, giặc không ngờ tới, kéo đến vây đồn Hạ Hồi. Khi Phan Văn Lân kéo quân đi, thì Nguyễn Huệ cũng lấy gọn tiền đồn của quân Thanh ở sông Gián, quân giặc sợ hãi, tan vỡ chạy hết!. Vua cho đội kỵ binh đuổi theo bắt gọn trước khi chúng chạy đến Phú Xuyên, khiến cánh quân bố phòng ở ngoại ô phía nam thành Thăng Long vẫn chưa hay biết về cuộc tiến quân lớn của Tây Sơn...

Phan Văn Lân cho quân đến chỗ tập kết, rồi chia các cánh vây gọn đồi Hạ Hồi. Cứ mỗi người vác loa gọi hàng vang lên thì cả hàng quân lại dạ ran lên, như thể lính trời từ đâu đổ xuống. Đêm ấy là đêm mồng 3 Tết năm Kỷ Dậu, trời còn tối như mực. Phan Văn Lân biết bọn quân Thanh vì say sưa vui Tết, canh phòng trễ nải, quân lính còn mê ngủ, nên một mặt gọi hàng một mặt chọn những đội quân khoẻ mạnh, nhanh nhẹn từng đôi một vượt thành đất, hào nước, nhanh chóng đánh luồn trong tung thâm đánh ra, lại cho quân dùng những tiếng loa dụ, ghê hồn cùng một lúc vang lên. Quân đồn Hạ Hồi tưởng quân Tây Sơn có phép lạ, không đánh mạnh cũng tự vỡ. Thương Duy Thăng biết không cứu vãn được tình thế, kéo cờ trắng xin hàng. Lân cho gọi Thăng đến phủ dụ, tước hết vũ khí trang bị cho quân mình, rồi thả một lũ đã sợ hãi bay hết hồn vía vào nội thành để phao lên tài hành quân thần tốc, tài thiện chiến của quân Tây Sơn. Rồi Lân đem quân hội với Vua Quang Trung đánh đồn Ngọc Hồi.

Từ mạn Phú Xuyên, Vua Quang Trung cũng vừa thúc đại quân đến. Lân vào hầu, Vua ban khen cho tạm nghỉ đợi đến khi nào dùng đến sẽ điều quân đánh tiếp. Cho đến chiều mồng 4 tháng giêng Lân mới tung thêm quân cùng Vua Quang Trung đánh tiêu diệt cánh quân của đồn Ngọc Hồi rồi tiến thẳng vào Thăng Long.

Thấy Lân tả xung, hữu đột trong hàng quân, quân Thanh tự vỡ, miệng sợ hãi kêu lên: "Tướng nhà trời đã đến! Tướng nhà trời đã đến!".

Lân được xếp vào hàng tướng có công lớn nhất trong trận đại thắng này. Cũng từ đó, cái danh hiệu "Tướng nhà trời" của Lân được lưu truyền trong quân sĩ. Lân hết sức nhún nhường khiêm tốn, không một chút khoe khoang. Nhiều lần có người muốn biết thực sức của Lân ra sao. Lân mỉm cười không nói. Một lần vui miệng bảo:

- Anh em nào mà chẳng tài cao, cứ gì phải là ta biểu diễn.

Quân sĩ càng khao khát. Một bạn, họ lừa Nội hầu Phan Văn Lân vào cuộc rượu vui, khi Lân mời họ uống rượu, tất cả đều không ai uống, nhất tề đứng dậy, sụp xuống lạy, xin Lân trở lực cho xem. Cảm kích về tấm lòng của bè bạn, Lân bảo họ lấy những tảng đá chôn trong sân chất lên thành chồng cao rồi từ từ bước ra trước mọi người:

- Kẻ yếu đuối vô dụng này thử làm vui cho các bạn một chút xem có nổi không?

Bèn đưa bàn tay phải chém mạnh xuống! Ba viên đá lớn chẻ dọc ra làm sáu mảnh!

Chém xong, quay vào cùng mọi người nâng chén rượu mừng xuân. Mọi người đều xô đến tung lên trời và nói lớn "Quả là bậc phi tướng!"⁽¹⁾ Quả là bậc phi tướng!"

⁽¹⁾ Tướng từ trời bay xuống.

Oai vũ trước pháp trường

Nghe tin bắt được Bùi Thị Xuân, Nguyễn Ánh mừng lắm. Y truyền cho viên đô úy hầu cận, lấy ngựa lưu tinh, cầm quân lệnh đi ngay, rồi thân đốc dẫn về. Nguyễn Ánh nói:

- Bùi Thị Xuân là một đứa kiệt kiệt, ngươi phải dùng cũi lim, dẫn theo những quân giỏi tướng giỏi, giải về... Quân Tây Sơn đầu đã thua vỡ, song vẫn phải dè chừng cẩn thận, không được sơ khoáng.

Viên đô úy nhận lệnh đi ngay.

Mấy ngày sau Nguyễn Ánh bốn chôn vào ra, dù rất nhiều công việc, song điều chờ đợi của Ánh vẫn là giáp mặt một nữ tướng có một không hai của những kẻ đã làm mấy đời Chúa Nguyễn thất điên, bát đảo.

Nửa đêm tháng 9 mưa tầm tã, viên đô úy hầu cận của Nguyễn Ánh giải Bùi Thị Xuân về đến Phú Xuân, y không ngại khuya khoắt, theo lệnh của Nguyễn Ánh vào tàu trình. Quân thị vệ thấy đô úy đến, không dám cản nhưng khẽ nhắc:

- Bẩm đô úy, Chúa thượng vừa chợp mắt.

- Ta được lệnh, bắt được Bùi Thị Xuân lúc nào về đến Phú Xuân phải vào bẩm ngay cho Chúa thượng!

Thị vệ sợ đô úy phải để cho vào. Nguyễn Ánh ngủ rất say, chỉ nghe thấy nói đến tên Bùi Thị Xuân là bừng tỉnh ngay dậy, hỏi dồn:

- Đã dẫn được con cộp cái của lũ giặc quỷ ấy về rồi à?

Đô úy hầu cận thưa:

- Cũi tù còn chờ ở cửa đình Chúa thượng.

Nguyễn Ánh mặc áo ngủ, vội vã đi ra cửa đình. Quân lính bắt thêm hàng trăm ngọn đuốc để thấy rõ cũi tù. Một cái đầu tóc dài buông xoã trên cũi lim, lúc bấy giờ ngài mới mỉm cười vỗ vào vai viên đô úy nói:

- Dẫn ngay giam vào ngục đại hình. Còn người mai sáng vào lĩnh thưởng!

Viên đô úy lấy tạ, lại hỏi:

- Nhưng còn con gái của Bùi Thị Xuân thì sao?

Nguyễn Ánh hỏi:

- Bắt được cả con gái của con quý cái ấy nữa ư?

- Dạ, hai mẹ con Bùi Thị Xuân sống chết không rời nhau. Bùi Thị Xuân thấy mình bị vây bắt, đã cho tướng đem con chạy, nhưng con bé ấy không đi, lại quay lại cầm gươm định cứu mẹ nên cả hai mẹ con đều bị bắt.

Nguyễn Ánh sướng như mở cờ trong bụng, nói:

- Hay lắm! Ta sẽ có một buổi hành hình đầu ra đấy!

Với Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, Nguyễn Ánh thù đến thấm xương, khắc cốt. Ánh tiếc rằng đời mình không trả thù được Nguyễn Nhạc - Nguyễn Huệ là hai kẻ đã lật đổ cả giang sơn của Chúa Nguyễn.

Khi Võ Văn Dũng đã trị được Bùi Đắc Tuyên, quay lại muốn hoà thuận với các tướng Tây Sơn, công thần của Nhạc và Huệ là Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, được lãnh việc chỉ huy mạn Đàng Trong vẫn còn kiệt hiệt lắm.

Năm Kỷ Mùi (1799), quân Tây Sơn đã trông thấy thất bại. Nguyễn Ánh đã chiếm được Gia Định, cho quân đánh chiếm thành Bình Định, nơi dấy nghiệp của Nguyễn Nhạc xưa. Nguyễn Ánh giao cho hai đại thần, tứ trụ triều đình là Hậu quân Chương cơ Võ Tánh và Lễ bộ Thượng thư Ngô Tông Chu... uỷ thác cho họ phải giữ cho bằng được thành Qui Nhơn...

Võ Tánh và Ngô Tông Chu hết lòng giữ thành. Tánh lấy em của Gia Long, được coi là tướng tin cậy nhất đứng trên cả hàng danh tướng, được gọi là phò mã. Ngô Tông Chu là người nhu thuận, dễ bảo, Gia Long rất yêu. Một mềm, một cứng cáp, đưa ra giữ lấy thành Qui Nhơn, bịt lối ra vào trên bộ, trên biển của nhà Tây Sơn. Nguyễn Ánh muốn cắm mốc từ Qui Nhơn trở vào miền Trong, là vùng tung hoành ngang dọc của mình.

Nguyễn Quang Toản, biết được ý đồ đó, nên mật sai Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân vây hãm, nhờ bắt được cái chốt hiểm hóc mà Nguyễn Ánh cố tình níu giữ lấy.

Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân đích thân vây thành. Suốt hai năm trời, bởi bạn phải củng cố phần giải đất phía Nam của nhà Tây Sơn sau khi hạ bệ được Thái sư Bùi Đắc Tuyên, nên thành Qui Nhơn Võ Tánh vẫn cố thủ được.

Đến năm Mùi, khi đã rảnh tay, vợ chồng Bùi Thị Xuân, đốc sức vây hãm, lấy bằng được lại thành Qui Nhơn. Võ Tánh, Ngô Tông Chu bị hãm đến tuyệt lương, lại bị hoả hổ, tên độc của quân Tây Sơn diệt hết những ổ kháng cự mà Võ Tánh bố trí. Những toán quân liều chết mở đường máu hoặc cải trang lén lút ra ngoài thành hòng mang mật thư đi cầu viện hoặc kiếm lương thực, thuốc men về cho quân trong thành, đều bị Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân diệt bằng hết!

Bùi Thị Xuân thân đốc chiến đánh vỡ vào cửa chính thành Qui Nhơn. Võ Tánh và Ngô Tông Chu, nhất định không chịu rời thành, giữ cho đến phút cuối cùng. Khi thành vỡ, quân Tây Sơn xô vào trong nội thành, biết sẽ bị nguy, Ngô Tông Chu uống thuốc độc chết, còn Võ Tánh thì rút gươm tự vẫn.

Nguyễn Ánh lúc ấy ở Bắc Phú Xuân, đang vây hãm quân Tây Sơn. Nghe tin thành Qui Nhơn thất thủ, Võ Tánh và Ngô Tông Chu đều chết, song vì thể quyết một trận thư hùng sống mái, nên không thể đem quân vào ứng cứu được. Cũng vì giữ được thực lực, nhờ Võ

Tánh và Ngô Tông Chu làm tổn hao binh tướng của Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân nên sau này Nguyễn Ánh mới phản công, lấn đất của Tây Sơn rồi dần thu phục được Phú Xuân...

Sớm hôm sau, Nguyễn Ánh thân vào ngục xem mặt Bùi Thị Xuân. Y không lộ mặt mà chỉ mặc áo thường, đội mũ đen như một viên hình quan đến hỏi.

Hai mẹ con Bùi Thị Xuân vẫn không rời nhau. Khi có người báo quan nhà Nguyễn đến hạch tội, Bùi Thị Xuân đứng bật dậy quay mặt vào phía trong. Nguyễn Ánh hỏi:

- Nữ tướng bậc nhất của Tây Sơn, giờ phải chui vào nhà lao ư!

Bùi Thị Xuân không thềm đáp. Nguyễn Ánh cười lại hỏi thử:

- Mấy năm trước nhà ngươi còn tung hoành ngang dọc, tưởng không ai hạ nổi mình. Bây giờ thì gươm đâu, ngựa đâu, đến nỗi thân tàn ma dại thế này!

Bùi Thị Xuân quay lại nói:

- Chỉ có bọn tiểu nhân mới đắc ý khi người khác thất thế! Lũ chuột thỏ ở trong hang làm sao hiểu được trí lự của chim bằng ngoài khơi! Giết ta thì giết đi, đừng làm nhảm như một đứa thất phu nữa.

Nguyễn Ánh tức lắm...

*

Ánh cho hành án mẹ con Bùi Thị Xuân với tội lăng trì...

Trước khi hành quyết, y còn cho dẫn hai mẹ con võ tướng đi bêu khắp kinh thành.

Bãi cỏ có rào chắn, quân sĩ cầm gươm dao tuốt trần. Bùi Thị Xuân bị đẩy vào giữa bãi, tay bị trói chặt. Đứa con gái của nữ tướng trên mười tuổi cũng mặc áo tù như mẹ, chạy vội theo mẹ như cái bóng. Đã hơn mười ngày bị hành hạ đủ điều, nhưng Bùi Thị Xuân vẫn giữ tư thế kiết hiệt, không để cho kẻ thù thấy mình mệt mỏi.

Một con voi đục lớn mình mốc, đôi ngà cong và nhọn, được quân tượng thả vào bãi. Tên đao phủ mặc áo đen, bịt mặt, chỉ để hai lỗ mắt, điều khiển voi xông thẳng đến cô con gái của Bùi Thị Xuân.

Con voi như một thót đá lớn đâm sầm đến trước mặt. Quân voi hét:

- Sát! Sát! Sát!

Đó là một con voi trận được Nguyễn Ánh yêu nhất. Mỗi lúc vào trận, nó tả xung hữu đột, có lệnh của người quân tượng, là tung vòi quăn chặt lấy kẻ trước mặt nó hất bổng lên trời rồi giờ ngà ra mà xiên thẳng vào thân người rơi xuống.

Để hành quyết theo đúng lệnh của Nguyễn Ánh, gã quân voi đã cẩn thận, tập cho voi cả ngày hôm trước. Y lấy những thân chuối và hình nộm, đặt ở trong vườn rồi điều voi tới. Con voi đến đúng chỗ, quăng cây chuối hoặc hình nộm lên rồi lấy ngà xiên ngang. Có cây chuối trúng ngà mắc kẹt, phải sai tên chân voi đến gỡ. Cứ mỗi lần tập, voi lại được thưởng một bó mía lớn, nên nó lại càng hăng hái.

Bữa nay, khi quân tượng hét lệnh, con voi xầm xầm xô tới thật.

Cô gái bất ngờ kêu mẹ:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! Cứu con!

Nước mắt Bùi Thị Xuân ứa ra, nhưng miệng nữ tướng lại hét lớn:

- Con gái mẹ không được khiếp hãi trước bọn cẩu trệ...

Cô gái nhắm mắt lại chờ chết.

Nhưng con voi đứng sững lại không chịu quăn lấy tù nhân... viên quân tượng gầm lên:

- Sát! Sát! Sát!

Mấy nhát búa bổ vào đầu voi. Voi cúi giận hí lên dữ dội, rồi dùng vòi cuốn cô gái tung lên trời theo lệnh chủ. Nhưng nó không

giơ ngà xiên vào người cô, lại quay mình lại. Cô gái rơi xuống đất bất tỉnh. Bùi Thị Xuân nghe tiếng con gào, sững người ra, tư thế vẫn đứng thẳng. Bà biết, dù con voi không xiên ngà vào con gái mình, nhưng con bà cũng không thể sống nổi!

Quản tượng lại thét voi xông đến nữ tướng Sơn Tây. Nó không chịu đi. Nó lỳ ra! Trên thảm cỏ xanh, vị nữ tù bị bịt mắt, trời tay, vẫn hiên ngang trước bọn quan, tướng của Nguyễn Ánh...

Quản tượng đành đánh voi ra khỏi bãi. Sau đó chúng bịt mắt bốn ngựa rồi đưa vào. Chúng đành dùng kế buộc chân tay Bùi Thị Xuân vào bốn chân ngựa rồi đánh ngựa chạy theo bốn hướng khác nhau...

Chỉ thấy thịt bị xé toạc ra, máu vọt lên, tỉnh không có một tiếng kêu nào cả!

*

Viên đô úy cận thân chúng kiến từ đầu đến cuối về bẩm lại Nguyễn Ánh. Ánh nghiêng răng nói:

- Nó phải chết như thế.

Y lại cho chặt đầu Bùi Thị Xuân đem tế trước mộ công thần Võ Tánh - Ngô Tòng Chu rồi mới chôn!

Nhưng khi y bước vào xem đầu Bùi Thị Xuân lần cuối cùng thì một làn gió lạnh ào qua mặt, khiến y xây xẩm, loạng choạng, ngã vật xuống đất.

Bọn cận thân phải xô đến cứu, hồi lâu y mới tỉnh.
Ngày Tân Mão, tháng Canh Tý, năm Bính Tý.

HẾT

MỤC LỤC

THỜI LÊ

Thành hoàng họ Phạm (Phạm Khiêm Ích)	7
Tấm bia nhắn gửi (Nguyễn Danh Nho)	15
Duyên văn (Đoàn Thị Điểm)	21
Thần đồng đất Diên Hà (Lê Quý Đôn)	35
Ông nghề làng Tó (Ngô Thì Sĩ)	47
Tiến sĩ phong lưu (Nguyễn Khản)	57
Hải thượng Lãn ông (Lê Hữu Trác)	68
Lòng mẹ (Võ Thái phi)	81
Đằng giang tự cổ huyết do hồng (Giang Văn Minh)	95
Trạng nguyên Giáp Hải	103
Họ trò họ Nhữ (Nhữ Công Chân - Nhữ Công Tung)	110
Đỗ Uông và Phạm Trấn	116
Quan Thượng thư làng Mộ Trạch (Vũ Duy Đoán)	123
Mảnh vạt áo cũ (Trịnh Kiểm)	130
Chim ưng đỉnh núi (Trịnh Tùng)	136
Người ăn hàng đắt khách (Chúa Chổm - Lê Gia Tông)	143
Duyên rượu (Dương Trục Nguyên)	152
Ngự tửu lục thanh (Trần Chân)	159
Học sĩ họ Đàm (Đàm Văn Lễ)	166

Thám hoa dạy học (Vũ Thạnh).....	173
Anh em nhà hay chữ (Quách Hữu Nghiêm - Quách Đình Bảo).....	179
Người phu bốc vác ở bến chợ (Phạm Công Trứ).....	186
Tể tướng làng Đại Mỗ (Nguyễn Quý Đức).....	193
Quan đốc trấn về kinh (Nguyễn Công Hãng).....	200
Hào hán Đồ Sơn (Nguyễn Hữu Cầu)	207
Khách văn chương ở phường Khán Xuân (Hồ Xuân Hương).....	218
Cọp gấm trong rừng văn (Phạm Đình Hổ)	229
Cuộc gặp mặt ở phủ Tây Hồ (Phùng Khắc Khoan).....	237
Người cắt cỏ ở Quốc tử giám (Toàn An)	249
Người thảo văn bia Tiến sĩ (Thân Nhân Trung).....	257

THỜI TÂY SƠN

Nguyễn Huệ đến Thăng Long (Nguyễn Huệ)	267
Bà Chúa Nành và Công chúa Ngọc Hân	298
Đại tư mã Ngô Văn Sở.....	314
Đô đốc Tuyết và ngựa Xích Kỳ (Nguyễn Văn Tuyết).....	325
Nàng Ngọc Bích (Lê Văn Hưng)	340
Tướng nhà trời (Phan Văn Lân)	345
Oai vũ trước pháp trường (Bùi Thị Xuân)	352

TRUYỆN Danh nhân Việt Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. LÊ VĂN ĐỆ

Biên tập: *Đỗ Thu Hương*

Trình bày: *Vũ Quang Anh*

Vẽ bìa: *Nguyễn Trọng Kiên*

Sửa bản in: *Hương Yến*

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5 cm tại Công ty in Giao thông. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 12/2006/CXB/76-295/CAND.
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

Thời Lê - Tây Sơn

truyện danh nhân vn-thời lê



1 006030 700100

45.500 VND

Giá: 45.500đ